

# NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

Revue encyclopédique illustrée

Mỗi tháng xuất-bản một kỳ

## YÊU-MỤC

	số trang
1. — Thơ mới với thơ cũ.....	109
2. — Gẫm-tưởng về lịch-sử di-vãng của sự giáo-dục.....	113
3. — Gia-dình giáo-dục.....	121
4. — Việt-Nam lữ-quốc tùy-ngôn. XV.....	128
5. — Kontum tỉnh-chỉ. III.....	135
6. — Thờ-công nghiệm nghe báo.....	147
7. — Phải thống-nhất lấy ý-chí của một dân-quân.....	149
8. — Tuyết-Nga (truyện ngắn).....	152
9. — Sức mạnh về tinh-thần của nước Nhật-bản.....	157
10. — Ca-vũ và âm-nhạc nước nhà.....	169
11. — Mẹ con tôi không mặc được sống nâu.....	178
12. — Khảo về luân-lý học-sử nước Tàu. XIII.....	180
13. — Bèo rạt hoa trôi (phiên-lưu ký).....	191
14. — Hát tuồng (Làn Phương kỳ duyên). V.....	199
15. — Văn-uyển.....	206
16. — Thời-dàm.....	213

Phụ-trương bằng chữ Pháp. — Supplément en français.

1. — <i>Le préjugé des nombres fatidiques</i> .....	9
-----------------------------------------------------	---

Kỳ này có 6 bức ảnh : 1° Đức Đại-nam Hoàng-hậu ở đèo Ai-vân khi ngài sắp lên ô-tô. — 2° Ngự-dùng đức Đại-nam Hoàng-hậu bần triêu-phục. — 3° Mọi « ròn » làm lễ trước khi bỏ mã. — 4° Ruộng và nhà của người An-Nam ở gần Kon-rung. — 5° Đường thuộc-dịa số 19, gần tới Pleiku. — 6° Hang đá thờ đức Mẹ (giữa thành phố Kontum).

Giá mỗi số :



IN TẠI

BÔNG-KINH ÁN-QUÁN (Imprimerie Tonkinoise)

80-82, Rue du Chanvre, Hanoi

# NAM-PHONG TẠP-CHÍ

Người sáng-lập

FONDATEURS

PHẠM QUỲNH

LOUIS MARTY

NGUYỄN BÀ-THẠC

Tòa báo : Phố Hàng Gai, số 80, Hà-nội.

Direction et Rédaction : 80 Rue du Chanvre, Hanoi.

Ai gửi bài lai-cáo hoặc thư-từ gì về việc báo xin viết cho ông Nguyễn Hữu Tiến số 22 Phố Hàng Gai (22 Rue du Chanvre, Hanoi).

Fondateur-propriétaire  
Sáng-lập Chủ-nhân

PHẠM QUỲNH

Sở PHÁT-HÀNH : Imprimerie Tonkinoise, 80-82 Rue du Chanvre, Hanoi,  
Téléphone : 49.

Ai mua báo, trả tiền báo, hoặc thư-từ gì về việc gửi báo bán báo, đăng cáo bạch v. v., xin viết thư cho ông Lê Văn-Phúc chủ nhà in Đông-kinh, Imprimerie Tonkinoise, 80-82 Phố Hàng Gai (Rue du Chanvre), gửi mandat trả tiền cũng xin đề tên ông Lê Văn-Phúc thấu-nhận.

La reproduction et la traduction des articles publiés dans le « Nam-Phong » ainsi que la reproduction des gravures sont formellement interdites sauf autorisation expresse de la direction.

Cấm không ai được phiên-dịch và in chước in lại những bài và ảnh trong báo chí, trừ khi nào nhà báo có cho phép không kê.

## Mục-dịch báo Nam-Phong

Mục-dịch báo *Nam-Phong* là thể cải chủ-nghĩa khai-hóa của Chính-phủ, biên tập những bài bằng quốc-văn, Hán-văn, Pháp-văn để giúp sự mở-mang trí-thức giữ-gìn đạo-dức trong quốc-dân An-Nam, truyền-bà các khoa-học của Thái-Tây nhất là học-thuật tư-tưởng Đại-Pháp, bảo-lớn quốc-túy của nước Việt-Nam và cùng bênh-vực quyền-lợi người Pháp người Nam trong trường kinh-tế.

Báo *Nam-Phong* lại chủ-ý riêng về sự tập-luyện văn quốc ngữ cho thành một nền quốc-văn An-Nam.

Các ngài có bụng yêu bản báo muốn tán-thành cái mục-dịch trên kia, xin công giúp cho, hoặc giúp về đường lý-tài, hoặc giúp về đường ngôn-luận, bản báo xin cảm ơn.

Báo *Nam-Phong* nhận cả các bài nghị-luận văn-chương, khảo-cứu, bằng quốc-văn, Hán-văn và Pháp-văn. Bài nào tòa soạn xét nên đăng thì đăng, không cần không có lệ trả lại bản thảo.

Le Gérant : LÊ VĂN-PHÚC

# NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

## THƠ MỚI VỚI THƠ CŨ

Muốn tiến-hóa phải cải-cách, thế mà xã-hội Việt-Nam ta đến ngày nay mới có nhiều người bàn đến sự cải-cách, thực là muộn lắm rồi. Song muộn mà có làm còn hơn không. Nhưng lại phải biết cải-cách là bỏ cái cũ nào hủ-bại đi mà đem cái mới nào tốt đẹp thay vào. Chứ không phải đã nói cải-cách thì bất-luận hay hay là dô thể nào, cứ cũ thì bỏ, mới thì theo đâu. Như thế thì lại là a-dua chứ không phải là cải-cách.

Vậy thì nhà cải-cách phải biết phương-pháp, phải có tinh-ý và phải có chủ-kiến của mình để mà cân di nhắc lại, chứ không nên hăm-hồ. Phải suy xét cho biết cái gì trong xã-hội chưa có mà nên có, thì cầu lấy cho được mà thay vào, cái gì cũ mà nó là hủ-bại thì kíp trừ-khử đi, còn cái gì tuy cũ mà vốn hay thì giữ lại, hay là trong cái cũ đó có phần hay có phần dở thì giữ lấy phần hay mà bỏ phần dở đi. Như thế thì công việc cải-cách mới dễ làm, mới có công-hiệu tốt mà không có hại. Tức như vấn-đề cải-cách lối làm thơ mà ký-giả sẽ bày-lỏ ra sau này cũng vậy.

Việc làm thơ tuy nó không bách-thiết đến cuộc dân-sinh như những việc chính-trị, kinh-tế, nhưng nó cũng quan-hệ đến cõi tình-cảm của ta. Vậy đối với việc làm thơ cũng như đối với mọi việc xã-hội, ta cũng cần phải sửa-đổi lại lối-lặng thế nào cho thích-hợp với trình-độ học-thuật của dân-tộc hiện

nay mới được. Cũng vì thế mà trong thi-giới nước ta hiện nay mới nhóm lên một lối thơ mới. Lối thơ mới này là phóng theo lối thơ tây mà làm ra. Trong lối thơ này cứ hai ba câu một vần. Vần cũng đứng dưới gót câu như vần của thơ ngũ-ngôn, thất ngôn. Thơ không có cú-pháp nhất-định, câu dài câu ngắn tùy ý, trong hai câu cùng vần mà về dài về ngắn cũng được. Không có niêm-luật âm-điệu gì cả, cứ như câu nói thường, miễn có vần đôi của hai câu một là được.

Có người muốn bỏ cả các lối thơ cũ đi mà đem lối thơ mới này thay vào cho thi-giới nước ta. Nhưng cứ như ý của ký-giả xem ra thì người bàn đó là do cái lòng nhiệt-thành cải-cách, nên thấy mới thì ham mà tưởng như vậy đó thôi, chứ thực thì lối thơ mới này không có được cái tư-cách như thế.

Phải biết mỗi thứ tiếng nói có một giọng-điệu âm hưởng riêng. Tiếng tây là thứ tiếng đa-âm, tiếng ta là thứ tiếng độc-âm, mỗi bên tự có một cái giọng-điệu âm-hưởng không giống nhau. Giọng-điệu âm-hưởng ấy lại phải những người đã sinh-trưởng ở trong thung-thổ, đã hiểu sâu nghe quen mới phân-biệt được. Thế cho nên mỗi một thứ thi-ca của một dân-tộc nào, là nó đã theo cái giọng-điệu âm-hưởng của thứ tiếng nói ấy mà kết-cấu nên. Cú-pháp và âm-luật âm-

điệu của thi-ca cũng do đó mà diễn thành. Mà cũng chỉ những người trong dân-tộc ấy, nghe thứ tiếng ấy từ thuở mẹ đẻ mới cảm biết chỗ hay dở của âm-luật âm-điệu ấy mà thôi, người ngoài không thể cảm biết được.

Như thế thì thơ tây có âm-luật âm-điệu của thơ tây, thơ ta có âm-luật âm-điệu của thơ ta. Nếu muốn phỏng theo thơ tây thì phải phỏng theo cả âm-luật âm-điệu của nó, bởi vì thơ mà không có âm-luật âm-điệu thì không thành thơ nữa. Thế nhưng hai thứ tiếng độc-âm với đa-âm khác nhau, không thể bắt-chước cả âm-luật âm-điệu của thơ tây vào thơ ta được. Cho nên thơ mới này chỉ phỏng theo được có cái «mở» đặt vần ở dưới gót hai câu liền nhau mà thôi, thành ra mỗi bài thơ là một mở câu nói lỏng-chồng, không có kết-cấu liên-lạc, điệu-cách dịp dàng gì. Bởi vậy chính người trong phái thơ mới cũng tự biết như thế mà tự nói là thơ mới chưa thành-lập, còn muốn cho nó theo với thời-gian mà biến đổi lần lần rồi sẽ có ngày thành-lập chăng.

Song tôi quyết cũng không có cách gì biến đổi hơn được nữa. Bảo rằng đem cú-pháp luật-điệu của thơ cũ mà đặt vào thì nó lại thành ra thơ cũ mất. Bảo rằng cứ để tự-do như thế mà đem những thi-từ mới-mẻ hay-ho mà làm cho tiến-hộ lên, thì lại vì nó không có khuôn phép gì, điệu-giọng lỏng-chồng, thì thi-từ dù hay cũng không biểu-lộ ra được. Cứ xem như những bài thơ mới đăng trên các báo gần đây, nhiều bài cũng có thi-từ mới-mẻ hay-ho, nhưng chỉ vì không có cú-pháp âm-điệu, nên đọc lên chỉ thấy lỏng-chồng mà cái thi-từ mới-mẻ hay ho ấy không khiến cho người ta cảm thấy. Tôi tưởng không những độc-giả, mà cho cả đến tác-giả nữa, thơ mình làm ra rồi mình lại đọc mà cũng không khỏi cụt hứng như vậy.

Ấy thế mà nếu tác-giả lại thử đem cái thi-từ ấy diễn ra bằng lối thơ cũ, thì đọc lên tự thấy có một cái cảm sâu-sắc mới-mẻ hay-ho đáo để ngay. Thế cũng không lạ gì. Nó chỉ là do cái giọng-điệu tự-nhiên của tiếng mẹ đẻ mà mình đã quen đi rồi.

Coi đó thì biết hình-thức là cái rất quan-hệ cho tinh-thần. Có cái tinh-thần hay, nhưng lại phải có cái hình-thức xứng-đáng mới đủ biểu-lộ cho nó được. Bằng hình-thức không đủ, quá hẹp-hoài hặc quá phóng-phiếm thì tinh-thần tuy hay cũng không nương-tựa vào đâu được. Thơ cũng như vậy. Một cái thi-từ thanh-tản, nhẹ-nhàng, khoáng-hoạt đến đâu, mà cú-pháp không chỉnh-tề, âm-điệu không êm-ái theo với cái giọng tự-nhiên của mình, thì cái thi-từ ấy cũng không hiển-hiệu lên được. Cũng vui sâu vào trong cái mở những lời nói mộc-mạc lộn-sộn mà thôi. Ấy cũng vì thế mà dư-luận trong làng thơ, đối với thơ mới không lấy làm hoan-nghênh, mà lại buông lời công-kích, là do tự thơ mới không thành thế thơ. Do tự thể-tài của nó không đủ chứa được tinh-thần của thi-nhân vậy. Ông Ái-Văn, trong bài «*Tinh-hình văn-học năm qui dậu vừa qua*» đăng ở sách *Chơi-xuân năm giáp-tuất* (1934) của nhà Nam-ký, về thơ mới, ông có dẫn lời phê-bình của người khác vào mà nói : «*Có người đã vì thơ mới như cô gái rẽ đường ngôi lệch, đi giầy gót cao, cầm «hóp-phơi» mà óc vẫn cũ như cái thễ-giới này*». Vì như thế là người ấy tỏ ra rằng thơ mới về tinh-thần hình-thức đều không xứng với cái danh-hiệu gọi là mới ấy, cũng như cô gái tự gọi là gái mới kia, cái óc cũ rích của cô không xứng gì với cái bộ phục-sức lố-lãng của cô.

Về phần tôi thì tôi không trách ở phần tinh-thần tức là cái chỗ thi-từ thi-tình của nó, mà tôi chỉ nói về phần

hình-thức tức là cái chỗ cú-pháp âm-diệu của nó. Là tôi thấy rằng trong thơ mới đặng báo cũng nhiều bài có thi-từ thi-tình mới mẻ, thể mà chỉ vì cú pháp âm-diệu của nó không thành hình-thể phép-tắc gì, nên bị mập-mờ không rõ-rệt ra được đó thôi.

Tóm lại thì thể-tài thơ mới, tôi xét ra chỉ vì nó không có cú-pháp, không có âm-diệu mà thành phạm vào một cái bệnh rất nặng khó chữa là « khó đọc và khó nhớ ».

Thơ là những lời nói êm-đẹp có vần, ghép vào một đoạn cho dễ đọc dễ nhớ. Người ta dùng nó để tả-mạc ra những cảnh những tình mà người ta đã cảm thấy. Tả-mạc ra đó để mà ngâm-nga hát xướng cho được di-dưỡng tinh-tinh. Đã dùng để ngâm-nga hát xướng thì phải sao cho dễ đọc dễ nhớ. Muốn cho dễ đọc dễ nhớ thì phải có cú-pháp, có âm-diệu hòa-hiệp với cái giọng nói quen nghe quen của mình. Miễn là đừng đặt ra nhiều những luật-pháp khắc-khở gò-bó mà thôi, chứ tuyệt không có lối-lãng diện-cách gì thì không thành thơ được.

Ấy thế mà thơ mới lại khó đọc khó nhớ thì sao phải là thơ. Cái bệnh khó đọc khó nhớ ấy là bởi: Một là mới có hai câu đã đổi vần, hai là câu thơ đã không hạn chữ lại không có điệu-bó lên xuống cho có một cái mẫu đại-khải, cho người ta tìm nhận ra. Vì thế mà khó đọc, khó đọc nên khó nhớ.

Thơ mà đã khó đọc khó nhớ thì hoặc-giả có khi nghĩ ngâm mà thấy hay, chứ quyết không ngâm hát lên mà thấy khoái.

Trên kia đã nói thơ là những lời êm-đẹp tả cảnh tả tình để ngâm-hát mà di-dưỡng tinh-tinh. Vậy anh Giáp biết làm thơ thì anh ấy làm để tả những cái cảm về cảnh-tình của anh. Anh tả để anh ngâm hát mà di-dưỡng tinh-tinh

cho anh trước. Rồi anh Ất tuy không biết làm thơ nhưng cũng có cái cảm giống như trong thơ của anh Giáp, thì anh Ất cũng mượn bài thơ đó mà ngâm-hát cho di-dưỡng tinh-tinh của mình. Ấy những áng thơ hay xưa nay mà truyền-tụng được rộng xa lâu dài, mà không tiêu-diệt là nhờ đó. Như thế mà thơ mới lại khó đọc khó nhớ thì còn truyền rộng ra sao được.

Có người hỏi: Thơ mới đã như vậy, thế còn chính thơ tây cũng không đủ cho người ta bắt-chước dư?

Tôi nói: Thơ tây thực có nhiều chỗ cho ta phải bắt-chước. Bắt-chước để mà bồi-bổ vào chỗ khuyết-diếm cho thơ ta. Nhưng chỉ có thể bắt-chước được ở phần tinh-thần tức là những cách tả-tình tả-cảnh cao-thượng mà nhã-thông dễ cảm người. Còn khuôn-mẫu thì thơ cũ của ta đã có nhiều, không cần gì phải mô-phỏng cả đến khuôn-mẫu của thơ tây nữa. Trong những khuôn mẫu thơ cũ của ta trừ một lối thơ Đường-luật gò-bó chặt-hẹp ra, thì thực có nhiều lối-kheo-léo mà tự-nhiên, nó do ở cái giọng-diệu của tiếng mẹ đẻ mà kết-cấu nên. Ta không nên thấy cũ mà khinh bỏ.

Thơ cũ của ta có hai phái là thơ ta với thơ Tàu.

Thơ ta thì có những lối như: lục-bát, lục-bát gián-thất, ca-trú, ca-lij và lục-bát biến-thể, v. v.. Các lối thơ này hoặc câu có hạn tiếng hoặc tự-do, nhưng đều theo cái giọng tự-nhiên mà đặt thành thơ. Tuy có cú-pháp, âm-diệu nhưng cũng chỉ giữ đại-khải để cho câu lên xuống có điệu-cách và chỗ đáng dùng tiếng « trắc » thì không nên dùng tiếng « bằng », chỗ đáng dùng tiếng « bằng » thì không nên dùng tiếng « trắc » thế mà thôi. Chứ không có gì là gò-bó khổ-khắc. Ai chịu đọc về lối nào một

it bài, thì tựa đó mà đặt bài khác được ngay. Nhất là lối lục-bát, có người ít học hoặc trẻ con cũng đặt được. Tức là những cái «vẽ» vậy, thế mà nghe hay dao-dẽ!

Lối lục-bát mà đặt câu tự-do hoặc dài hoặc ngắn hơn cái số lục-bát ấy, tức là lối «lục-bát biến-thể». Lối này tức là những bài hát sa-mạc và như bài phong-dao sau này :

*Lác-dác mưa ngâu,  
Sinh-sịch mưa ngâu,  
Lá ngâu rụng xuống bông lau phát cò.  
Nước trong xanh lặng ngắt như tờ.  
Một đàn con cá nhớn-nhờ đầu ghềnh.  
Kìa ai đứng ở đầu ghềnh.*

Lại như bài «*Ồi thằng cu lớn, cu bé, cu tí, cu li, cu li ơi! Con đây con ăn con ở với ông, để mẹ đi lấy chồng, kiếm chút em thêm...*» cũng về lối này. Lối này còn biến-hóa vô-cùng.

Thơ Tàu thì có hai lối *Ngũ thất ngôn cổ-thể* với *Ngũ thất ngôn Đường-luật*. Hai lối tuy bắt-chước của Tàu, nhưng nó cùng một giọng về thể độc-âm, nên cũng dễ cảm người. Cổ-thể là có từ đời Hán, Tấn, ngũ-ngôn thì năm chữ một câu, thất-ngôn thì bảy chữ một câu. Văn thì từ bốn câu theo một vần. Trang-thiên thì bao nhiêu câu theo một vần cũng được. Không có niêm-luật,

nhưng phải có âm-điệu cho dễ đọc. Gần đây đã thấy lối thơ ngũ-thất-ngôn cổ-thể này có nhiều người làm.

Còn *Đường-luật* là lối thơ đặt ra từ đời Đường, nhất là thể thất-ngôn bát-cú thì niêm-luật phép-tắc bó-buộc một cách khắc-khở quá. Có tám câu mà phân giới-hạn nhất-định là: một câu phá, một câu thừa, hai câu thích-thực, hai câu luận và hai câu kết. Lại ngặt về hai câu thích-thực và hai câu luận nhất-định phải đối nhau từng chữ từng ý. Cho nên khi chỉ có một vẽ có ý-nghĩa chắc chắn, bèn mượn ngoài vào một ý-nghĩa khác nữa để làm cho đối thành ra sa-lệch; hoặc là trùng ý thì thành ra chần chững giống nhau, bệnh ấy nhiều lắm. Cầu được một bài hoàn-toàn thực là khó.

Tóm lại thì hai lối thơ cũ của ta trên ấy, trừ lối thơ Đường-luật khó làm mà ít cảm ra, thì những người có thi-tử thi-tình nên dụng-công về cả các lối trên ấy, sở-trường về lối nào cũng hay. Nếu có tài mà đem những cách tả-mạc của thơ Tây mà mở rộng những khuôn-mẫu cũ trên ấy cho sinh-sắc hơn ra, thế tức là thơ mới, chứ không phải mô-phóng cả cái khuôn-mẫu không cùng một âm-loại vào mới là mới.

NGUYỄN HỮU-TIẾN





Ngự-dung Đờc Đại-Nam Hoàng-hậu bần triều-phục

*Kính ảnh Patrie Annamite*



Đức Đại-Nam Hoàng-hậu, có đức ông Tùng-dệ theo hầu,  
ở đèo Ái-Vấn, khi Ngài sắp lên xe auto.

*Kính ảnh Patrie Annamite*

## Cảm-tưởng về lịch-sử dĩ-vãng của sự giáo-dục

Ký-giả gần đây đã là người da-bệnh, ngộ-hầu đúng như chữ « thúc-chi-cao-các », lại tuổi đã năm-mươi-bảy, ngộ-hầu đúng như chữ « lão chi tương chi », duy một sự làm văn-chương là có thể quên già quên bệnh được. Nhất là về phần đối với quốc-hoa quốc-túy trong lịch-sử nước Nam, thì ý-vị vẫn còn đậm-thấm như trước, mà tinh-thần lại mạnh-mẽ hơn xưa, nên chỉ cứ trong giấc chiêm-bac thì lại thường được trông thấy cái văn-hóa của nhà Lý nhà Trần nhà Lê và Bản-triều khi xưa, và quang-cảnh giáo-dục của con nhà thi-thư với nhân-vật túy-mĩ của con nhà Khổng Mạnh ngày trước. Kịp khi tỉnh thì tức-khắc ngồi dậy, sửa-soạn xiêm áo nghiêm-trang, lấy làm thích chí, ngâm đọc lên một câu rằng : « *Lão khứ bất-tri thiên-hạ sự ; mộng trung do khán lý là hoa* 老去不知天下事。夢中猶看李梨華。 » Câu ấy nguyên là thơ của Lục Phóng-Ông, nay dùng thể-tài phỏng cổ đề ngụ-ý khiên-hung và báo-đáp cái hồn khôn-thiêng của tổ-tiên ở trong giấc mộng đấy mà thôi. Nên chỉ bài văn này của ký-giả thành-thực thảo ra, dù khéo dù vụng thế nào mặc dầu cũng chẳng qua là lời văn trong cuộc mộng. Nhưng biết đâu cuộc đời cũng là cuộc mộng cả. Mộng là gì ? Là tư-tưởng vậy, xin duyệt-giả lượng xét.

Mời đây có nhiều ông bạn lại thăm ký-giả, hỏi ký-giả rằng sao lâu nay chưa thấy ông ban đến vấn-đề giáo-dục ? Ký-giả lấy làm trịnh-trọng mà chưa dám trả lời. Nhân có trộm nghĩ rằng : Vấn-đề giáo-dục ở nước ta ngày nay, phải có hai phương-diện. Một là căn-cứ ở lịch-sử, thuộc về tinh-cách đạo-đức

di-truyền, đó là phần tâm-hồn mà là phần dĩ-vãng. Hai là chăm-chước về thời-dại, đó là phần tiến-bộ mà là phần tương-lai. Hai phương-diện ấy thiếu một không được. Song phần dĩ-vãng là phần hồn là phần nguồn-gốc, phần tương-lai là phần tiến-bộ, phần tiếp-thụ. Ví như một người kia, không có hồn thì đi sao được, một cây kia không có gốc thì tiếp-cành sao được. Ví người kia nếu không có một thứ hồn chân-chính của một dân-tộc, thì người ấy sẽ là một thứ người giống lai hay là một thứ người bệnh cuồng ; thì tiến-bộ sao được về đường chính-đàng; cây kia nếu không có một thứ gốc rễ ăn sâu xuống đất nước, thì cây ấy chỉ là thứ cây cắm ở trên lọ, nhất-thời huyển-diệu mà thôi, chẳng bao lâu sẽ khô dần đi, tiếp-thụ thế nào được những thức hoa rực-rỡ đề mong có ngày kết-quả mà ăn. Vấn-đề giáo-dục ngày nay, là vấn-đề phải nghiên-cứu một cách cẩn-thận sâu-xa kỹ-càng, nhiệt-thành quá không được, chậm-trễ quá cũng không được, mà dùng lời quả quyết đem xóa-bỏ sự giáo-dục dĩ-vãng đi thì lại càng thô-thiền lắm. Nên chỉ ký-giả thảo ra bài này chỉ đề là lời cảm-tưởng về lịch-sử dĩ-vãng của sự giáo-dục. Duyệt-giả nên biết cho rằng bài này chưa phải là bài đã bày tỏ phương-châm về sự giáo-dục hay là ý-kiến về sự giáo-dục, chỉ là lời cảm-tưởng mà thôi. Nên chỉ bài này không phải là bài văn có tinh-cách nghị-luận mà chỉ là bài văn cảm-tưởng. Lòng quê lai-láng, ý bút bồi-hồi, cảm-tưởng đến đâu viết ra đến đấy, cũng như con tằm nhả tơ, tự con tằm cũng không biết là cái kêu dầy hay mỏng, chỉ biết bòn-phận nhả tơ mà thôi.

## Lịch-sử nước Nam

Lịch-sử là gì ? Là bức tranh kim-cô, nét bút truyền-thần về mọi sự tiến-hóa của dân-tộc. Người trong nước sô-dĩ biết qui mình, biết yêu nước, là vì lịch-sử. Người nước văn-minh ngoài sô-dĩ còn kính trọng mình cũng là vì lịch-sử. Phàm làm dân-tộc phải có giàu lòng tôn-kính lịch-sử, sẽ hay có nguồn-gốc tiến-hóa. Lịch-sử nước Nam ta tưởng cũng là lịch-sử vẻ-vang, có nguồn-gốc tiến-hóa, có nhân-vật túy-mĩ xuất-hiện rõ-ràng, có sách-vở chép về lịch-dại hiến-chương, có phong-đạo tục-ngữ kể về tình-tình luân-lý, có văn-chương quốc-âm tả về chữ đặc-hiệu đặc-trung, vì nhà vì nước, mà sinh-mệnh của quốc-dân đã từng đứng vững được nội ngoại mười thế-kỷ hãn-hoai. Quốc-dân đối với lịch-sử nên đề lòng tôn-trọng, quốc-dân biết tôn-trọng lịch-sử, thì tức là giúp về phần đạo-dức tinh-cách của quốc-dân trong sự giáo-dục. Quốc-dân ta nên nhận rằng dân-tộc nước ta vốn là một dân-tộc có giáo-dục, lịch-sử nước ta vốn là lịch-sử có văn-minh. Còn như cái thuyết văn-minh thế nào, đoạn sau kia sẽ xin giải-thích.

### Đạo Khổng Mạnh

Lịch-sử vẻ-vang vì ai ? Là vì có tổ-tiên thân - thánh, tổ-tiên hiền - kiệt. Những bậc thánh - hiền ấy, chịu cái nguồn-gốc của giáo-dục nào ? Là chịu cái nguồn-gốc của đạo Khổng Mạnh. Tổ-tiên ta đã từng đem đạo Khổng Mạnh thí-nghiệm trong mấy nghìn năm, đã từng đem đạo Khổng Mạnh di-truyền cho ta khoảng mấy trăm đời, cho đến thời-dại ngày nay là thời-dại duy-tân. Cái thuyết của Khổng Mạnh nói về tư-tướng đạo-dức chia-l trí đã rõ cả ở sách Nho, ở đây kê ra cũng không xiết, chỉ xem ngay sách Đại-học nói rằng : « Tại minh mình đức, tại tân dân 在明明德 在新民. »

sách Mạnh-tử nói rằng : « Tử lực hành chi, diệc dĩ tân tử chi quốc 子力行之 亦以新子之國. » Cái thuyết tân-dân tân-quốc của Khổng Mạnh ấy, thực đã thích-hợp với thời-dại duy-tân ngày nay, không chướng-ngại gì cả. Đạo Khổng Mạnh không những nên tôn-tin ở ngày xưa, mà ngày nay lại càng nên tôn-tin lắm. Vì đạo Khổng Mạnh là đạo cứu-thế, tức là đạo kinh-nghiệm được hay, di-truyền được đời của tổ-tiên ; con nhà Khổng Mạnh ngày nay nói sự giáo-dục thì chỉ nên nói rằng cái tôn-chỉ giáo-dục của Khổng Mạnh là hay, cái tru-tệ giáo-dục của sĩ-phu hồi trước kia là không thích hợp, nên sửa lại cho hợp-thời là phải.

### Sự giáo-dục của Bản-triều

Bản-triều ta giữ một niềm hiếu với liệt-tổ, trung với nhà Lê, đem lòng ái-dân, mở đất thực-dân ở phía nam Trung-kỳ và Nam-kỳ ; kịp khi thống-nhất toàn quốc, định-dinh ở Phú-xuân kinh, thực là một cuốn lịch-sử vẻ-vang nước ta chưa từng có. Bản-triều thực đã có công-đức lớn với quốc-dân mà lại không có lỗi gì với đạo-dức Khổng-giáo như Mạc-thị Trịnh-thị và Tây-sơn. Liệt-thánh của Bản-triều ta không những nhân-tử hùng-vĩ là vị quốc-quân, mà thực lại trang-nghiêm thuần-túy là vị giáo-chủ. Ấy nên giáo-dục của Bản-triều liệt-thánh không những chỉ dạy dân mà thôi, lại tự mình tu đạo để làm phép cho dân, nên chỉ nên giáo-dục của nước ta tự nhà Lý, nhà Trần, nhà Lê đã phát-dạt, đến Bản-triều ta thì lại càng vững-vàng, chưa hề dễ lung-lay được.

Nay xin kê qua về sự giáo-dục của Bản-triều. Bản-triều theo khuôn mẫu tiên-dại, thay trời trị nước, cầm quyền giáo-chủ, lấy học-thuyết Khổng-giáo dạy dân ; trong có Lễ-bộ, ngoài có quan Đốc-học Điện-học, Huấn-dạo Giáo-

thụ. Nhưng đáng quốc-quân đã gồm có chức-trách « tác chi quân tác chi sự (1), dĩ thân vi-giáo » (2), về đường giáo-dục thì đã tài-bồi nhuần-thấm ở chốn dân-gian, nào là hạng phụ-huynh dạy kẻ con em, nào là bậc tiên-tiến dẫn kẻ hậu-tiến, nào là chỗ thế-gia dao-tạo, nào là nơi nguyệt-dán phẩm-binh ; chốn dân-gian đã có quang-cảnh gia-huyền hộ-tụng, tự-nhiên có cái không-khí phát-đạt về đường học, không ai ngăn đợc. Lê-bộ thì chỉ chủ-trương về việc khảo-thi. Các quan Đốc-học Điền-học Huấn-đạo Giáo-thụ ở các tỉnh phủ huyện thi chỉ chủ-trương về việc giám-đốc, khiến cho nhân-tài có khích-khuyến, việc học có thống-hệ mà thôi. Lại hay nhất là trong Nho-giáo có cái thuyết rằng : « Dân sinh có ba bậc ơn sâu với mình, là cha sinh ra mình, vua coi sóc mình, thầy dạy bảo mình, phải thờ như một 生有 三。父 生 之。君 養 之。師 教 之。事 之 如 一。 »。 Nên chỉ những người làm cha làm thầy ở chốn dân-gian, tức là người thay mặt vua, để mà giáo-dục cho quốc-dân đó. Chữ *thư* 庶 chữ *phú* 富 chữ *giáo* 教 của Khổng-tử, chữ *quốc* 國 chữ *dân* 民 của Mạnh-tử, học-thuyết của Khổng Mạnh vẫn hằng ngày giảng đến để làm tài-liệu nuôi cái tinh-thần cho dân, khiến dân sinh-hoạt một cách có trật-tự có luân-lý. Ấy cái tinh-thần giáo dục của Bản-triều ta đã rõ như thế, còn về đường hình-thức cũng nên kể qua.

Hình-thức thi chú-trọng ở việc khảo-thi. Thi lấy người học-thức, vì có học-thức mới có đạo-đức có sự-nghiệp có văn-chương ; nên chỉ hình-thức cũng chăm-chước về đường khuy-nh-hướng của thời-dại, đặt ra có hương-thí hội-thí đình-thí văn-vân. Những người thi đỗ lên, cũng chẳng ngoài cái chức-trách

tiến vi quan, đạt vi sự, không lúc nào dờn cái phạm-vi giáo-dục. Còn về đường hình-thức có lưu-tê thế nào, sẽ xin nói ở đoạn khác. Nhưng hãy nên biết rằng cái lưu-tê ấy là lỗi tại sĩ-phu, không phải là lỗi tại bản-y giáo-dục của Bản-triều. Ấy sự giáo-dục của Bản-triều về đường bổ-ích cho quốc-dân đã nhiều, mà về đường lưu-tê sau này cũng không phải là ít. Nhưng cuộc đời sự gì mà chẳng có lưu-tê. Đến như Âu-châu trải qua mấy thời-kỳ lưu-tê mới có ngày nay, mà cuộc đời tự nay về sau, mọi sự đã chắc khỏi có lưu-tê chưa, sao lại trách gì Bản-triều. Nói cho phải lẽ, thì con nhà Khổng Mạnh đối với sự giáo-dục của Bản-triều phải nên hết lòng tôn-kính, để làm nền giáo-dục cho quốc-dân mới là phải. Vì nền giáo-dục của Bản-triều nếu mà lung-lay, thì chữ *trung* chữ *kiếu*, chữ *nhân*, chữ *nghĩa*, chữ *liêm-sĩ*, chữ *trật-tự* đều lung-lay, những chữ ấy mà lung-lay, thì gốc nước lung-lay vậy. Nên chi tôi chẳng biểu đồng-y với những người chỉ biết chỉ-trích lưu-tê mà không biết bảo-trọng tinh-thần.

#### Các vị nho-thần của Bản-triều

Bản-triều đã không phụ con nhà Khổng Mạnh, thì con nhà Khổng Mạnh có phụ gì Bản-triều. Hồi quốc-sơ có ông Đào Duy-Từ, hồi Minh-mệnh Thiệu-trị Tự-đức có ông Trương Đăng-Quế, ông Doãn Uẩn, ông Nguyễn Công-Trứ, ông Trương Quốc-Dụng, danh-nho danh-sĩ danh-tướng danh-thần, và còn những hạng các ông nho-thần nữa, há chẳng còn nhiều, những hạng nhân-vật ấy đều là những hạng người căn-cứ ở giáo-dục mà ra. Ôi ! Lúc phong-trào duy-tân chữa sôi-nổi, thì những hạng nhân-vật ấy, ai nấy đều mộ đức kính tài ; kịp lúc phong-trào duy-tân

(1) Nghĩa là làm vua mà lại kiêm cả làm thầy dạy dân nữa.

(2) Nghĩa là lấy thân mình để làm khuôn phép dạy người.

sôi-nổi lên, thì những hạng nhân-vật ấy ít ai nhớ đến, dù có nhớ đến chăng nữa, thì cũng chỉ nhớ đến công-danh sự-nghiệp hay là khí-tiết của các ông ấy mà thôi, chứ học-thuật của các ông ấy thế nào, thì ít ai kể nhớ đến. Đó là thói hồ-ngờ choáng-váng trong một thời, không phải là thói suy-xét về kỹ-vũng đề cầu lợi-ích về tương-lai. Hiện nay đối với các ông ấy cũng có hai phái. Một phái thì cho rằng các ông ấy là người cổ lối cổ, sao bằng người kim lối kim, phái ấy là phái thiên-cận không kể chi. Một phái thì thật là sùng-bái các ông ấy là kẻ sĩ tài-đức hơn người, giá ở thời-dại nào cũng hay, nhưng lại vin câu « duy Nhạc giảng thần, sinh Phủ cập Thần », (nghĩa là thần núi Nhạc giảng-sinh ra ông Phủ ông Thần ở đời nhà Châu) mà bảo rằng những nhân-vật ấy là do cái khí tinh-anh của sông núi mà sinh ra. không phải là do sự học-vấn, cái thuyết ấy là cái thuyết huyền-bi không đủ tin. Nay cứ nói rằng những kẻ sĩ tài-đức ấy là do học-thuật của Khổng Mạnh mà sinh ra thì chắc là người thế-giới ai ai cũng phải công-nhận. Quốc-dân ta đối với các vị nho-thần của Bản-triều, không những nên cảm nhớ về sự-nghiệp công-danh mà chính lại nên cảm-nhớ về học-thuật. Còn cái phong-lưu-tệ của nhà nho thế nào, lại xin nói ở đoạn khác.

#### Tiêu-sử năm vị nho-thần

Lịch-sử của năm vị nho-thần cũng khá rực-rỡ trang nghiêm, nhưng ở đây không thể kể cho hết được, chỉ xin kể qua mấy câu tiêu-sử mà thôi.

Ông Đào Duy-Từ người Thanh-hóa là người danh-sĩ, bất phục chế-độ họ Trịnh là tam-cương bất-chính, và giáo-dục họ Trịnh là bó buộc nhân-tài, về với Bản-triều giúp vua Thái-tổ làm chức Nội-tân, việc quân việc nước đều ở trong tay, bắt đầu đắp rặng tràng-

lũy ở Nhật-lê hải-khẩu để ngăn-ngừa quân Trịnh, dĩ-bắc là nước của Trịnh, dĩ-nam là nước của Nguyễn, chủ-nghĩa quốc-gia của Bản-triều phát-hiện từ đây. Bắt đầu tôn trọng Khổng-giáo, lập phép khảo-thi để tuyển-dụng nhân-tài, nên quốc-dân giáo-dục của Bản-triều thành-lập từ đây. Làm một vị đứng đầu công-thần hồi quốc-sơ.

Ông Trương Đăng-Quế người Quảng-nghĩa, thi đỗ Cử-nhân, thanh-liêm công-trực, luyện - đạt lão-thành, trải qua Minh-mệnh Thiệu-trị Tự-đức ba triều, chẳng lia ngôi thủ-tướng ; ngoài mưu yèn giặc-giã, trong cầm giữ kỷ-cương, trên gặp vua minh, bề chưa sòng cả, phong-tước là Tuy-thỉnh quận-công, cố-mệnh đại-thần là ông, tam triều nguyên-lão là ông, ông thực là một kẻ nhà nho gặp gỡ rất tốt. Lịch-sử ông là lịch-sử rồng mây, không phải là lịch-sử sóng gió, cho nên tiết lạ không hiện, mà công lớn còn ghi.

Ông Doãn Uẩn người Thái-bình, thi đỗ Cử-nhân, văn vũ gồm tài, giúp vua Thiệu-trị làm chức Tổng-đốc Hà-an, chính-trị nhân-huệ, được dân yêu mến. Sau phụng lệnh sung chức đại-thần, tiến quân sang đất Cao-mên, giải-quyết mọi sự rắc rối với Xiêm-la, kinh-lý Chấn-tây-thành (tức Nam-vang) khiến cho đất thực-dân của Bản-triều không bị xâm-lấn, danh-dự bảo-hộ tiền-quốc của bản-triều không bị truy-lạc. Vua Thiệu-trị nhờ công khó nhọc, gia-phong là Tri-đứng tướng-quân.

Ông Nguyễn Công-Trứ người Nghệ-an, thi đỗ cử-nhân, phong-lưu lối-lạc, giúp vua Minh-mệnh làm chức Tổng-đốc Hải-an, bắt giặc Ba Vành, giúp vua Tự-đức làm chức Doanh-điền-sứ, khai-khảo hoang-diền, chiêu-tập lưu-dân, mở ra hai huyện Kim-sơn Tiên - hải, thành ra hai huyện nhân-dân đông-đức, vật-sản phong-phú, dân đến ngày nay ca-tụng công-đức, học-thuật kinh-tế, chủ-nghĩa dân-sinh, ông thực đã

giảng-cửu từ nhà. Ông lại rất sở-tràng về quốc-âm, những bài hát nói trừ-danh phần nhiều là của ông, quốc-dân ngày nay vẫn truyền-tụng chẳng thôi.

Ông Trương Quốc-Dụng người Nghệ-an, thi đỗ Tiến-sĩ, giúp vua Tự-đức, làm chức Thượng-thư, giữ việc tư-pháp, được tiếng công bằng; năm nhâm-tuất, làm chức Hiệp-thống quân-vụ, tiến quân ra Bắc-kỳ dẹp giặc Phụng-Uớc, giải vây thành Hải-dương, đuổi giặc xuống bể, quyết tử chiến-dấu, ốm tẩm cỏ-trung tử-tiết ở thành Quảng-yên; vua Tự-đức và thần dân nghe tin khôn xiết thương cảm. Ông đối với điều pháp-giới «Vi tử chi biểu, vi thần chi trung 爲子止孝。爲臣止忠.» của Khổng-tử thực không hổ vậy. Ông lại hiểu văn-học, khi tại triều khi tại quận tay không rời bút, binh-sinh trừ-thuật có *Thoái-thực ký-văn tập* 退食記聞集. (1)

Xét ra, các ông ấy đều là hạng người tầm gọi cái giáo-dục của Bản-triều mà giàu lòng tin-ngưỡng. Thờ lương-tâm tức là nghĩa «Sự ngã thiên-quân 事我天君»; đề-đào-luyện lấy cái thân trở lên hạng người quân-tử, tức là nghĩa «Tu-thân 修身». Thờ cha, tức là nghĩa «Nhĩ chi sự phụ 邇之事父». Thờ vua, tức là nghĩa: «Viễn chi sự quân 遠之事君». Thờ nhà, tức là nghĩa «Tề-gia 齊家». Thờ nước, tức là nghĩa «Trị-quốc 治國». Thờ thầy để học-hành, thờ sách-vở để nghiên-cứu, tức là nghĩa: «Khổng-tử hiếu-học 孔子好學».

**Cái lưu-tệ sự khoa-cử ngày trước**

Hiện nay tuy thời-đại khoa-cử đã qua, nhưng xã-hội vẫn còn có một số người thượng-lưu chiếm một phần trong bốn năm phần là con nhà khoa-

cử, và những chỗ thế-gia đại-tộc tuy hàng tử-đệ ngày nay không phải là con nhà khoa-cử, nhưng hạng phụ-huynh ngày trước há chẳng phải là con nhà khoa-cử hay sao; điều đó ở xã-hội ngày nay cũng còn có ảnh-hưởng, nên chỉ cái tinh-thần giáo-dục đã kể ở trên, mà cái lưu-tệ khoa-cử tưởng cũng nên biết.

Triều-đình đặt ra phép khảo-thi để thi lấy người học-thức, đặt ra cái danh-dự Trạng-nguyên Tiến-sĩ để ru-đãi sĩ-phu, ai bảo rằng không phải. Nhưng khốn thay lại bó buộc sĩ-phu về nghề bát-cổ văn-sách tứ-lục thi-phú; rồi những các viên cầm quyền khảo-thi phần nhiều lại không biết thế-tất cái tôn-chỉ giáo-dục của triều-đình, thậm-chí đến nỗi ý-kiến phải, văn-chương hay thế nào mặc dầu, hễ lỡ ra phạm trang-qui một tí thì hỏng ngay, cho nên hoặc cũng có kẻ dung-nhân (2) được hãnh-tiến.

Và lại cũng nên biết rằng văn-chương cử-nghiệp là tính-cách qui-thức, không phải là tính-cách đại-gia như văn-chương họ Hàn họ Liễu họ Ân họ Tô, và không phải là tính-cách kinh-thế như văn-chương họ Giả họ Đồng. Nên chi đời vẫn có ba cái danh-từ, là đạo-học văn-học và tục-học. Nghĩa là học về đường đạo-đức thì gọi là con nhà đạo-học, học về đường văn-chương hoành-bác thì gọi là con nhà văn-học, chỉ học về lối văn-chương khoa-cử mà thôi, thì gọi là con nhà tục-học. Vì vậy kẻ sĩ-phu đối với thời-đại khoa-cử ấy, bao giờ cũng có hai phái.

Một là phái quân-tử nho, phái ấy học sách thánh-hiền, cầm cái chủ-ngiữ tri-quân trách-dân (3); binh-sinh chỉ học cho cực rộng, thích về lối văn-chương kinh-thế, mà không thích về lối văn-

(1) Chép những điều kiến-văn khi ở châu lui về.

(2) Người hèn.

(3) Giúp vua mà thi ơn-huệ cho dân.

chương cử-nghiệp. Bề mặt trông ra cuộc đời, nếu có thể hữu-vi được, thì bước đầu cũng phải theo cái su-hướng của thời-đại mà ra ứng-cử phải ấy ra ứng-cử thì phần nhiều đổ ngay, vì học rộng tài cao, kẻ khác không vì kịp. Chẳng nói chi ai, những bậc hiền-triết như ông Chu Hi nhà Tống, ông Vương Thủ-Nhân nhà Minh, những bậc hào-kiệt như ông Phạm Trọng-Yêm nhà Tống, ông Tăng Quốc-Phiên nhà Thanh, và những vị nho-thần tài-đức trứ-danh ở bản-triều, ban đầu cũng phải trải qua bước khoa-danh ấy. Nếu trông ra cuộc đời, hoặc không thể hữu-vi được, hoặc thi mãi mà không đỗ, hoặc đỗ rồi mà vị cuộc đời éo-le, thì tức-khắc vui đường đạo-đức về chốn viên-lâm, nhận lấy nghĩa vụ dân-dụ kẻ hậu-tiến, mà đào-tạo nhân-tài về tương-lai. Phải ấy thường không hiền-danh, nhưng phải ấy thường lại có công to với sự giáo-dục của xã-hội, đó là phái quân-tử nho, tức là phái nhà nho chân-chính.

Một phái nữa là phái tiêu-nhân nho, mượn sách thánh-hiền làm mồi cơm áo, mượn đường khoa-danh làm thang phú-quí, học-vấn thì chỉ học-tập mấy câu văn-sách mẹo, và bát cổ sáo, còn như những sách không thi hỏi đến thì nhất-thiết không chia nghiên - cứu gì cả. Kịp đến lúc thi, thì chỉ dò ý triều-đình, nghe hơi trường quan kiêu-hãnh đổ lên, thì tức-khắc len-lỏi ra tòng-chính. Khi chữa đỗ thì đã de hàng tòng, khi đã đỗ thì chỉ khéo chiều đời; cốt sao cho đạt được cái mục-đích vớng điều ngàng ngà, cửa cao nhà rộng, cơm no áo ấm, vợ đẹp hầu sang mà thôi. Khiến đi dạy học thì phần ít giảng cho học trò những cách trí-thức đạo-đức làm người, mà phần nhiều giảng cho học trò những cách thi cử kiếm gạo. Lại hư nhất là cái thói không phải là thánh-hiền mà tự nhận mình là con nhà thánh-hiền, chẳng khác gì cái thói

không phải là văn-minh mà tự nhận mình là con người văn-minh; đó là thói tiêu-nhân-nho, mà tức là phái nhà nho hủ-bại.

Xét ra cuộc đời tự xưa đến nay, hai phái đã kể như trên, đầu thời-đại nào cũng có, chưa chắc thời-đại ngày nay mà đã chỉ có phái thứ nhất mà không có phái thứ hai. Trông không có lương-pháp thiện-chính nào mà kén-chọn được cả phái thứ nhất, mà cũng không có lương-pháp thiện-chính nào trừ-khử được cả phái thứ hai. Duy đời nào mà hay, có đạo-đức có liêm-sĩ, thì phái thứ nhất sinh ra nhiều, phái thứ hai sinh ra ít. Hoặc đời nào mà dở, kém đạo-đức, kém liêm-sĩ, thì phái thứ nhất sinh ra ít, phái thứ hai sinh ra nhiều mà thôi. Ôi! hai phái quân-tử tiêu-nhân ấy, chỉ trông về đạo-đức liêm-sĩ trong cuộc đời. Mà lời ông Khổng-tử nói rằng: «Nhữ vi quân-tử nho, vô vi tiêu-nhân nho 女爲君子儒毋爲小人儒», nghĩa là học trò nên học làm hạng quân-tử nho, chớ học làm hạng tiêu-nhân nho, tức là phép giáo-dục cho học-trò ở muôn đời vậy.

### Thuyết văn-minh và nghĩa điều-hòa

Cuộc văn-minh ở trong vòng kim-cổ của thế-giới, vốn bao-hàm có tính-cách không-gian và thời-gian, tức như lời Tống-nho đã suy-diễn nói: «Thượng hạ tứ phương viết vũ, vãng cổ lai kim viết trụ 上下四方曰宇往古來今日時», không-gian tức là vũ, thời-gian tức là trụ, cuộc tiến-hóa của nhân-loại bao giờ cũng phải căn-cứ vào hai cái đích ấy. Cuộc văn-minh của thế-giới cũng rất là rức-rở phiền-phức. Nhưng có thể tóm-tắt mà nói thì có hai thứ văn-minh. Một là văn-minh Đông-phương, là văn-minh Chi-na là thứ tĩnh văn - minh. Hai là văn - minh Tây-phương, là văn-minh Âu-châu là thứ động văn-minh. Sở-dĩ chia ra có hai

thứ động-tĩnh ấy là vì sao? cũng là vì nguyên-nhân ở địa-lý (1).

Địa-lý Âu-châu phần đất phần bể, hình-thể xen lẫn, nào là Địa-trung-hải, nào là Bắc-hải Bắc-hải, nào là Ba-la-dích-hải, trừ nước Nga là phần đại-lục, nước Anh là phần toàn-đảo thì không kể, còn thì các nước phần nhiều là nước bán-đảo, các nước dễ phân-lập, chủng-tộc dễ phiến-phức hỗn-tạp, hình-thể phải cạnh-tranh, không cạnh-tranh không đủ sinh-tồn. Ấy cái cảnh-tượng không-gian của Âu-châu là thế, cho nên khoảng thời-gian phải sản-xuất một thứ văn-minh, là thứ văn-minh động.

Đến như Á-châu là một miếng đất lớn nhất ở thế-giới, phần bể thì trực-tiếp Ấn-độ-dương và Thái-bình-dương, mà Thái-bình-dương lại là phần bể lớn nhất ở thế-giới, phần đất thì rộng-rãi mênh-mông, sầm-uất xa-cách, cuộc thế-giới chưa giao-thông dĩ-tiền, tự đảng đông cho chí đảng tây, tự đảng nam cho chí đảng bắc, thậm-chi có chỗ chưa biết tên nước nhau là gì, chỉ có một nước Trung-hoa là một nước lớn nhất ở Á-châu, những nước ở xung-quanh, chỉ là nước phụ-lập mà thôi, không phải là nước trị-lập (2) hay là nước phân-lập gì cả. Tuy phía bắc có giống Mông-cô theo làn nước cỏ mà dòi-dồi luôn, tinh hay ăn cướp, Trung-hoa phải phòng-bị mà thôi, không phải là cuộc cạnh-tranh. Tuy phía đông có nước Nhật-bản, phía nam có nước Nam ta cũng có lúc phải giao-thiệp hay là chống cự, nhưng chỉ cầu lấy an-tĩnh mà thôi, cũng không phải là cuộc cạnh-tranh. Còn như Ấn-độ, Ba-tư, Xiêm-la, Diến-diện, trừ một việc Phật-

giáo tràn vào Trung-quốc không kể, còn thì chỉ là mấy dân-tộc nhì-nheo tịch-mịch ở phía tây-nam mà thôi. Địa-điểm ở Á-châu, hồi thế-giới chưa giao-thông dĩ-tiền, ai cũng phải nhận nước Trung-hoa làm trung-tâm. Ấy cái cảnh-tượng không gian của Á-châu là thế, cho nên khoảng thời-gian phải sản-xuất ra một thứ văn-minh, là thứ văn-minh tĩnh.

Địa-lý thực là một cái vật sản-xuất ra văn-minh, muốn nói văn-minh, trước hết phải cầu nguyên-nhân ở địa-lý. Văn-minh cũng có thuyết cầu văn-minh ở dân-tộc nữa, nhưng dân-tộc với địa-lý bao giờ cũng phải trực-tiếp với nhau, phần địa-lý bao giờ cũng phải kể là phần đầu. Nay hãy nói qua về thuyết động, tĩnh.

*Động*, có bao-hàm nghĩa hoạt-động, biến-động, sinh - động, vạn sự chỉ cầu thay đổi cho mới, phát-minh tri-não của dân-tộc, đề cầu tiến-hóa cho mau chóng. *Tĩnh*, bao-hàm có nghĩa thâm-tĩnh, minh-tĩnh, an-tĩnh, vạn sự chỉ cầu trật-tự cho nghiêm, bồi-dưỡng nguyên-khi cho dân-tộc, đề cầu tiến-hóa cho chắc-chắn. Hai thứ văn-minh ấy, đều đủ cả vật-chất lẫn tinh-thần, không phải là có hơn kém gì nhau, xem ngay như lịch-sử Âu-châu với lịch-sử Trung-quốc và các vị đông tây thánh-triết sinh ra thì khác rõ. Nhưng chúng ta là người nước Nam, hãy xin kể về văn-minh Đông-phương là thứ văn-minh cố-hữu của dân-tộc nước ta. Nói đến văn-minh Đông-phương thế-tất phải kể đến lịch-sử Trung-hoa và thánh triết Trung-hoa, vì Trung-hoa ngày xưa bởi có địa-lý ở Á-châu chiếm được phần trung-tâm, cho nên văn-

(1) Gồm cả đất-dại hình-thể và sản-vật của phần đất gọi là địa-lý, không phải như thói tục gọi nhà phong-thủy.

(2) Đứng đối chọi.

hóa phương Đông, Trung-hoa ngày xưa cũng chiếm được phần trung-tâm, điều đó thì ai cũng phải công-nhận. Mà lịch-sử Trung-hoa với học-thuyết thánh-triết Trung-hoa, đã là mớ tài-liệu phong-phú của dân-tộc ta, hằng ngày giảng-cứu đến đã mấy nghìn năm. Chúng ta ngày nay chỉ nên xét xem dân-tộc chúng ta đối với cái văn-minh ấy đã từng được ảnh-hưởng như thế nào, tổ-tiên ta đã từng bồi-đắp như thế nào, quốc-gia xã-hội ta đã từng phát-đạt như thế nào, đạo-đức tính-cách tinh-thần cơ-thể của dân-tộc ta đã từng đào-luyện được phần chân-chính đặc-biệt như thế nào, để làm nền giáo-dục cho quốc-dân mà thôi. Nên chỉ muốn nói sự giáo-dục ngày nay, trước hết phải suy-xét và bảo-tồn lấy cái văn-minh Đông-phương.

Gần mới đây các nhà ngôn-luận tranh nhau đề-xương cái thuyết điều-hòa nghĩa là điều-hòa hai cái văn-minh Đông Tây, là vì cơ sao? Âu cũng chẳng ngoài cái thuyết văn-minh căn-cứ ở địa-lý mà xui nên. Vì cục diện địa-lý ngày xưa thì Âu-châu chỉ biết Âu-châu, Á-châu chỉ biết Á-châu mà thôi, cục diện địa-lý ngày nay thì đã quay ra cục diện thế-giới, không những Á-châu nên điều-hòa với Âu-châu, mà Âu-châu cũng nên điều-hòa với Á-châu, không thể còn châu-thủ được mãi. Vì văn-minh Đông-phương với văn-minh Tây-phương đều có cái hay, đem cái hay trao đổi cho nhau,

đó là cuộc tiến-hóa chung của nhân-loại tự nay về sau vậy. Cái thuyết điều-hòa đó, không phải là đem hai cái văn-minh mà trộn lẫn di đầu. Nếu không cần-thận lựa chọn mà đem trộn lẫn di, thì kết-quả chỉ gây ra một thứ người lai hay là thứ người giả cày không đủ linh-hồn, không đủ tâm-lý, không đủ tư-cách làm quốc-dân, cái văn-minh cũ đã bỏ mất, cái văn-minh mới cũng thô-thiển sai-lầm, thành ra hai cái văn-minh hỏng cả, chỉ gây nên một cái không-khí loạn hồn loạn óc, loạn cả hành-vi, khi đó thì không có thể thu-thập lại được nữa; các nhà ngôn-luận, các nhà giáo-dục, tưởng cũng nên biết sớm. Nên chỉ sự điều-hòa đó, đối với cái văn-minh mới, ta nên đứng về phương-diện kén chọn, phương-diện tiếp-thụ, đối với cái văn-minh cũ, ta nên đề sức bảo-tồn, đề công phát-huy, tưởng đó mới là chính nghĩa điều-hòa, chính nghĩa giáo-dục. Sự giáo-dục ngày nay thực là nặng-nề, đã phải nghiên-cứu văn-minh Đông-phương, lại phải tham-chước văn-minh Tây-phương, miễn là các nhà nghị-luận trong ngôn-đàn, trú-thuật trong văn-giới, giáo-dục trong xã-hội, đốc-trách trong môn-đình, hiểu rõ chân-tướng của hai cái văn-minh, mà tiến-hành mọi sự điều-hòa, thì hai cái văn-minh ấy đối với dân-tộc ta, đều có phần lợi-ích mà không trái ngược nhau gì cả.

NGUYỄN ĐÔN-TRỰC



## GIA-ĐÌNH GIÁO-DỤC (1)

## 家庭教育

« Gia-đình giáo-dục, gia-đình giáo-dục », đó là một cái vấn đề cần-cấp mà người Việt-Nam thường ngày lấp đi lấp lại ở ngoài cửa miệng đã vài mươi năm nay. Đó là một sự nhu-dụng của thời-thế yêu-cầu, không có không được.

Như thế thì ra trước kia người Việt-Nam tuyệt không biết đến phép gia-đình giáo-dục là gì hay sao? Không, không phải thế. Người Việt-Nam cũng như người Trung-quốc, trước kia cũng vẫn có biết đến phép gia-đình giáo-dục. Nhưng phép gia-đình giáo-dục ngày xưa dùng khác với phép gia-đình giáo-dục ngày nay. Ngày xưa người ta trọn đời quấn-quít với gia-đình, phép giáo-dục của gia-đình cũng theo mà liền với đời người từ bé đến già. Ít ra thì cũng tới lúc ra ăn tây ở riêng, thì con mới thưa thưa phải chịu quyền giám-đốc của cha mẹ. Vì thế cho nên người ta thường coi khinh cái thời-kỳ năm sáu tuổi trở lại của đứa trẻ thơ. Người ta cho là nó còn thơ dại chưa cần, để lớn lên sẽ dạy, không vội gì. Thế cho nên cô-huấn tuy có phép dạy cho đứa trẻ thơ-ấu, nhưng cũng chỉ lật-vật vài ba câu tóm-tắt. Giản-hoặc một vài nhà đề ý đến sự dạy-dỗ đứa trẻ thơ-ấu, nhưng cũng giữ được một hai điều mà thôi. Còn không ai chịu nghiên-cứu lấy phép giáo-dục gì mới-mẻ tởng-bị, biên ra sách vở để dạy-dỗ cho đứa trẻ thơ-ấu về thời-kỳ năm sáu tuổi trở lại ấy. Thế là phép gia-đình giáo-dục cũ là phép để dạy cho con cái đã lớn ở trong nhà. Cho nên cũng gọi là gia-giáo, nghĩa là lối giáo-dục riêng của một nhà. Đến như phép gia-đình giáo-

dục ngày nay thì dùng trái hẳn cách ấy. Nghĩa là ngày nay gọi là phép « gia-đình giáo-dục » là chỉ chuyên-cần chú-ý để dạy-dỗ cho đứa trẻ thơ-ấu từ năm sáu tuổi trở lại mà thôi.

Sao vậy? Vì rằng đời càng tiến-hóa, giao-thông càng tiện, sinh-hoạt càng phiến, người đời càng phải sớm thoát-ly chốn gia-đình mà ra xô-xát ganh-đua với xã-hội. Từ đứa trẻ sáu bảy tuổi, vô-luận trai gái, đều đã phải ra ngoài đi học đi thi. Rồi lớn dần lên nào đi trọ học, đi làm ăn, tiếp-xúc với xã-hội nhân-loại nhiều hơn là với gia-đình. Có khi cách-biệt hẳn với gia-đình đi cũng nhiều. Như vậy thì cha mẹ, có muốn theo mà kèm-cấp giữ-gìn cho con cái (con trai, con gái) về tri-dục, đức-dục và thể-dục cũng không có thể được.

Phương-chi xã-hội càng văn-minh thì những thói xa-hoa, kiêu-bạc, dâm-dật càng thịnh-hành. Trí-xảo càng tiến, kinh-tế càng khô-khẩn, mà cái thói lừa-dảo, giả-dối cũng càng nhiều. Bởi vậy những thiếu-niên nam nữ dễ bị những cái thói xấu của xã-hội nó truyền-nhiễm cho mà thành hư thân mất nết, bại-hoại một đời không thiếu gì.

Song người ta nghiệm ra lại thấy rằng những thiếu-niên nam nữ nào mà dễ tập nhiễm những nết hư thói xấu của xã-hội như thế, phần nhiều là những kẻ lúc trẻ thơ bị thiếu hẳn mất phần giáo-dục của gia-đình. Sự gia-đình giáo-dục ấy có hay là không, toàn hay là khuyết, là do ở khi-tượng của từng gia-đình, chứ không phải là do ở sự sang hèn. Thường thường gia-

(1) Tên một quyển sách của người Trung-quốc Chu Khánh-Lan làm.

đình sang lại lắm cái hư, mà gia-đình hèn lại ít cái xấu.

Gia-đình giáo-dục ngày nay chỉ là công việc nuôi dạy cho con cái từ hồi còn nhỏ cho tới khi lên sáu tuổi. Rồi từ sáu tuổi trở đi, là thuộc về quyền giáo-dục của nhà trường, của xã-hội.

Ngạn-ngữ ta có câu : « Dạy con từ thuở còn thơ » và câu : « Bé không vin, cả gậy ngành ». Thế là cổ-nhân ta cũng đã thâm-hiểu cái nghĩa gia-đình giáo-dục và chỗ quan-hệ về sự giáo-dục trong một đời người của con cái là ở lúc chúng còn thơ-ấu rồi.

Đừng thấy cái tuổi lên năm sáu trở lại của đứa trẻ trai gái còn ngây thơ, cho là chúng chưa biết gì mà khinh thường sự gia-đình giáo-dục cho chúng đâu. Sự giáo-dục về thời-kỳ đó lại ohính quan-hệ cho các sự giáo-dục về các thời-kỳ sau của chúng.

Vì như xây nhà, gia-đình giáo-dục là chân móng, các sự giáo-dục của nhà trường, xã-hội là tường nóc về sau. Chân móng có kiên-cố, thì tường nóc mới đứng vững, mà gió mưa không làm núng đổ được. Bằng chân móng mà đã yếu mềm thì sau càng xây tường cao nóc lớn bao nhiêu lại càng thêm dễ nặng, khiến chân móng không chịu nổi mà đổ sụp, không phải đợi đến gió mưa lay chuyển.

Cho nên gia-đình giáo-dục mà tốt, thì sau mới dễ cảm được những giáo-dục hay khác, mà nét hư thói xấu của xã-hội không thừa-cơ truyền vào làm hại kẻ thiếu-niên được. Cho nên nói rằng những thiếu-niên nam nữ dễ tập-nhiệm nét hư thói xấu của xã-hội như ngày nay, phần nhiều là do những kẻ đó thiếu hẳn mất sự giáo-dục của gia-đình từ thuở bé đi rồi. Phương chi là nước nhà đang buổi giao-thời. Mọi đường về học-vấn giáo-hóa còn đang thay đổi, chưa thành-lập. Ấy cũng vì thế mà người ta yêu-cầu đến vấn-đề

gia-đình giáo-dục để giúp vào sự giáo-dục cho nhà trường và xã-hội.

Tuy-nhiên, người ta đề-xướng như thế, yêu-cầu như thế, nhưng thực ra thì gia-đình giáo-dục phải thế nào, chưa nhiều người hiểu và chưa đủ sách vở đề-dùng. Vả phần nhiều người vẫn tưởng như phép gia-đình giáo-dục cũ, nghĩa là giữ lấy gia-phong cho tốt để mà dạy-đỗ cảm-hóa cho những con cái từ chín mười tuổi trở lên. Chứ ít người nghĩ đến phép gia-đình giáo-dục mới, để dạy dỗ cảm-hóa cho con cái còn trẻ thơ năm sáu tuổi trở lại. Mà không biết rằng như trên đã nói, phép gia-đình giáo-dục mới này, ngày nay lại càng cần thiết lắm.

Vậy thì bây giờ căn-cứ vào đâu để tìm lấy phương-pháp mà kết-cấu ra phép gia-đình giáo-dục mới mà ứng-dụng cho sự cần-dùng hiện nay. Hỏi đến phép giáo-dục cũ của gia-đình thì đối với kẻ thiếu-niên, trong sách Nho dạy cũng đã chu-đáo. Nhưng đối với đứa trẻ sáu tuổi trở lại, như nghĩa gia-đình giáo-dục ngày nay, thì ít có lắm. Mà có đi nữa, thì cũng vụn-vật uyên-thâm, chưa từng giải-thích.

Còn như cách giáo-dục của thế-lục đối với cái tuổi thơ ấu của đứa trẻ ấy, không nuông chiều phóng-túng, thì một là chỉ biết đánh mắng, hai là chỉ biết dọa nạt bằng những sự dữ-tợn hoặc ma quỷ, cho nó sợ mà phải vâng lời, theo vào cái khuôn áp-chế thúc-phọc. Ấy gọi là gia-đình giáo-dục đại-đề chỉ có thế thôi. Không biết rằng đánh mắng lắm là dạy cho đứa trẻ thơ tập lấy cách vô-sĩ. Mà dọa-nạt những sự dữ-tợn ma-quỷ là dạy cho chúng nó tập lấy thói hèn-dát và mê-tin ngu-ngốc đó thôi. Ấy thế là ở gia-đình đã tập-luyện cho đứa trẻ thơ-ấu những đức-tính hư-hèn từ đó. Như thế thì gọi là giáo-dục sao được.

Muốn tìm cả vào phép giáo-dục mới của Tây-phương, thì có nhiều sự về lễ-giáo về tập-quan mà kẻ làm cha mẹ ở gia-đình ta chưa quen hoặc chưa có thể theo được.

Thế mà muốn tự tìm ra lấy phương-pháp mới cho trong không trái hẳn với gia-đình cũ, ngoài hợp với cuộc đời tiến-hóa mới này, xin thù-thực, chúng ta chưa đủ thì giờ và chưa đủ kinh-nghiệm. Vì vậy tôi nhân xem được quyển « Gia-đình giáo-dục » này của Chu Khánh-Lan người Trung-quốc. Hồi dân-quốc năm thứ năm, tiên-sinh làm Tỉnh-trưởng Quảng-dông. Tự nghĩ Trung-quốc nước lớn đất giàu, mà nay hèn yếu là do nhân-dân hèn yếu. Nhân-dân hèn yếu là do khuyết hẳn mất phương-diện gia-đình giáo-dục về cách mới. Chu tiên-sinh bèn biên-tập mọi điều kinh-nghiệm, trong đã tham-chức đủ mọi điều đạo-đức hoặc mới hoặc cũ, có thể thi-hành cho khắp các gia-đình bình-dân được mà viết sách này.

Sách này là để dạy cho kẻ làm cha mẹ trong gia-đình biết cái phép giáo-dục cho con cái về cái tuổi thơ-ấu thế nào. Nghĩa là để cho kẻ làm cha mẹ xem mà biết cách tu-thân để cảm-hóa cho con cái từ tuổi thơ-ấu, để mà thực-hành dạy-dỗ nuôi-nấng lấy cho con cái được có những đức-tính tốt, để cho chúng dự-bị mà ra nhà trường, ra xã-hội sau này. Muốn cho phổ-cập cho khắp nhà bình-dân dùng được, sách này viết lối giảng-diễn bằng lời bạch-thoại (nói rõ ràng không có văn-chương). Chu tiên-sinh vừa bỏ tiền riêng ra in, vừa khuyên những nhà hảo-tâm quyên tiền để in mà phân-phát cho trong tỉnh. Xem đó biết Chu nhiệt-tâm về sự giáo-dục cho quốc-dân là đường nào. Lại biết chăm đến chỗ cội-gốc của sự giáo-dục của quốc-dân là đường nào.

Tôi nhận ra biết được những chỗ khôn khéo của sách này là : 1) Dùng lời thông-thường để cho kẻ bình-dân nào cũng có thể hiểu được. 2) Dùng những cách-thức giản-dị, chất-phác để luyện-tập cho trẻ mà gia-đình nào cũng có thể thực-hành được. 3) Dùng những danh-từ về đạo-đức cũ như nhân, nghĩa, lễ, tín; những danh-từ mới như công-đức hoạt-bát đều là những điều đã quen tai mà giải-thích ra ý-từ mới cả. 4) Thế tất cái tâm-lý phổ-thông đối với con cái mà khuyến-khích kẻ làm cha mẹ. Nghĩa là lấy cái nghĩa con hay thì nhà được nhờ, để mà khuyến-khích cái nghĩa dân hay thì nước được nhờ.

Nước ta với Trung-quốc tuy lớn nhỏ khác nhau, mà cùng một lễ-giáo, và chế-đò gia-đình, trình-độ xã-hội cũng đại-khải giống nhau. Sách « Gia-đình giáo-dục » này đã có công-phu suy nghiệm, dùng cho người Trung-quốc được, há không dùng được cho người Việt Nam ta dư? Bởi vậy tôi đem sách « Gia đình giáo-dục » này dịch ra tiếng ta, chỗ nào phong-tục gia-đình, tinh-thế xã-hội không giống nhau thì hoặc bớt hoặc thêm hoặc lấy ý riêng thay vào, gọi là dịch-thuật, chứ không phải là dịch đối chiếu từng chữ từng câu. Làm như thế là để cấp-dụng cho sự nhu-yếu của xã-hội mình đang khẩn-cầu mà mình chưa tự tìm ra mới được. Hay là, nó là những cái thông-thường các xã-hội khác người ta đã công-nhận rồi thì mình cũng hẳn phải công-nhận như thế. Rồi có tìm mới được thì sẽ biệt-lập ra phép khác tiếp sau.

Ấy tôi sơ-dĩ dịch-thuật sách « Gia-đình giáo-dục » này, ý tôi cũng là vì sự cấp-dụng yếu-cần của xã-hội ta hiện nay, để giúp cho các người làm cha mẹ được sẵn tài-liệu mà nghiên-cứu chăm-chức.

Nhưng có một điều mà kẻ dịch-

thuật sách này lấy làm ngại cho kẻ làm cha mẹ ở nước ta háy giờ, là : Trong sách này lấy cha mẹ làm gương cho mọi sự trong gia-đình giáo-dục. Điều đó chẳng hay các người làm cha mẹ nghĩ sao ?

Trồng cây chua, ăn quả chua, trồng cây ngọt ăn quả ngọt. Hợp nhà thành nước, thiếu-niên là chủ-nhập-ông của nhà của nước sau này. Tưởng các ngài cũng nghĩ như vậy.

### Phép gia-đình giáo-dục và sự khần-yếu

Gia-đình là trong nhà, giáo là dạy-dỗ, dục là nuôi-nấng luyện-rèn đức-tinh. Vậy gia-đình giáo-dục là phép dạy-dỗ nuôi-nấng luyện-rèn cho con-cái ở trong nhà.

Con cái khi còn thơ-ấu chưa đầy sáu tuổi trở lại, chúng chưa đi học được. Ấy là cái thời-kỳ ở trong nhà phải dùng phép giáo-dục tốt để mà dạy-dỗ nuôi-nấng cho chúng. Phép gia-đình giáo-dục này là để dùng mà dạy-dỗ nuôi-nấng về thời-kỳ đó.

Gia-đình giáo-dục sao lại là sự khần-yếu? Nước ta và các nước xưa nay sao lại đều lấy việc này làm quan-hệ mà ai ai cũng phải giảng-cứu đến? Nghĩa là vì rằng đứa trẻ mới sinh ra cũng giống như tấm lụa trắng nõn. Trong khi nuôi-nấng sáu năm ở trong nhà, ấy là một nước nhuộm lần thứ nhất đó. Đến sáu tuổi cho đi nhà trường học tập, ấy là một nước nhuộm lần thứ hai đó. Hai-mươi tuổi trở đi, ra khỏi nhà trường mà đi làm ăn với mọi người đời, ấy là một nước nhuộm lần thứ ba đó.

Tuy có ba lần nước nhuộm, nhưng quan-hệ nhất là ở cả nước nhuộm lần thứ nhất thế nào. Sáu năm đứa trẻ ở trong nhà ấy, mà khéo dạy khéo nuôi, ấy tức là đã nhuộm cho tấm lụa trắng đó được một màu hồng rồi vậy.

Tới khi đứa trẻ vào nhà trường mà

gặp được ông thầy tốt, thế là lại nhuộm thêm cho nó được một nước màu hồng nữa, thế là tự-nhiên nó thành một màu đại-hồng rồi.

Tới khi nó ra ngoài thế-giới với người ta, ví dù có gặp bè-bạn hư-hỏng, nước nhuộm như-bần, định làm hủy-hoại cho nó ra màu nhọ-nhem, nhưng cũng không dễ mà làm cho biến mất cái màu đại-hồng đã có của nó đi được.

Thế mà nếu lại gặp được bè-bạn tốt, nước nhuộm tốt, thì tự-nhiên nó thành ra một chính-sắc đỏ chói tươi đẹp, một người tối-hảo-hạng.

Còn như sáu năm ở nhà, mà cách dạy cách nuôi đều không tốt, ví như tấm lụa trắng nõn ban đầu đem nhuộm ngay cho một nước màu nhọ-nhem. Sau đưa ra nhà trường, tưởng để nhuộm lại cho nó biến ra màu hồng, nhưng tẩy làm sao cho sạch cái màu nhọ đen trước đi được. Bấy giờ có đem phủ gương một màu hồng ra ngoài, thì nó cũng vẫn thành ra một cái màu nửa hồng nửa đen.

Thế mà ở nhà trường lại gặp phải ông thầy không nhiệt-tâm, sau ra thế-giới lại bị những bè-bạn hư-hỏng, nước nhuộm xấu, thế là cứ nhuộm dầy mãi những màu đen vào, mà nó tự-nhiên thành ra một màu đen kịt không tài nào làm cho phai đi được nữa. Thành ra một đứa hư-hỏng không thể nào hồi đầu được nữa.

Coi đó thì tờ vốn là trắng, mà quan-hệ nhất là nước nhuộm bắt đầu. Người ta lúc mới sinh ra đều tốt cả, mà quan-hệ nhất là sự giáo-dục sáu năm ở trong nhà.

Con cái lớn lên mà không thành tài-đức gì, thì cha mẹ đều đổ cho là tại thầy giáo hỏng, tại bè-bạn hư, làm hại con mình. Nhưng không biết rằng sự không thành tài-đức đó là đều tự trong nhà mình nhuộm nên cho nó. Chứ thầy giáo với bè-bạn chỉ theo cái màu

nhuộm lót mà nhuộm thêm vào đó thôi, không tài nào đổi cái màu nhuộm lót mà nhuộm thành ra màu khác được.

Biết như thế thì con cái lớn lên mà thành tài-đức, thì cha mẹ nên vui lòng mà cảm ơn thầy bạn cho con. Bằng không thành tài-đức, thì cha mẹ không nên đổ tội cho thầy bạn nó. Mà phải biết là tự mình không biết phép nuôi phép dạy cho nó từ thủa bé kia rồi.

« Bé cậy cha, già cậy con ». Người ta đến khi có tuổi, ai không mong có con cái ra người để lo lắng đỡ mình. Các ông các bà, ai cũng nghĩ như câu ngạn ấy. Nhưng lại phải biết rằng con cái lớn lên mà cha mẹ có được trông cậy hay không là toàn do ở cái thời-kỳ chúng nó còn thơ-ấu, người làm cha mẹ có hết bổn-phận giáo-dục hay là không.

Nếu biết theo đúng phép mà dạy, dạy được tốt thì tự-nhiên lúc mình già được trông cậy đấy. Còn như không biết cách dạy, thì không những không trông cậy mà nó lại còn làm cho mình đứt từng khúc ruột ra nữa kia.

Vì như kẻ làm ruộng kia. Nếu nó chịu cấy bừa kỹ, phân nước dùng vào cho phải phép, thì đến mùa làm sao lại không được nhiều thóc. Còn như nếu nó không biết cách làm ruộng thì không những đừng mong có nhiều thóc, mà không khéo lại còn chết đói nữa kia.

Là vì nửa đời người của kẻ làm cha mẹ về sau mà được hả lòng hay là không, là đều quan-hệ ở bản-thân con cái. Thế cho nên bao nhiêu tina-thần khí-lực của cha mẹ về nửa đời người về trước, phải chuyển-chú cả vào bản-thân của con cái mới được.

Đưa trẻ sáu tuổi về sau, cha mẹ chỉ phải tìm giúp lấy nhà trường tốt, thầy giáo giỏi cho nó. Ba-mươi tuổi về sau,

cha mẹ chỉ phải chọn hộ lấy chức-nghiệp hay bè-bạn hiền cho nó. Chứ cha mẹ không phải vất-vả gì với sự giáo-dục của con nhưng hồi đó nữa. Cha mẹ mà phải vất-vả về sự giáo-dục của con, chỉ có cái công-phu sáu năm lúc chúng nó còn thơ ấu mà thôi. Nếu chịu dụng-công được trong sáu năm ấy thì về sau thụ-dụng không bao giờ hết.

Ấy vì có thế mà xưa nay các nước người ta đều lấy sự gia-đình giáo-dục này làm một việc khẩn-yếu của đời người. Người các nước ai dạy con cũng chỉ dụng-công có sáu năm ấy. Là vì con đến 20 tuổi là lúc nó tự-chủ mọi cái được rồi, cha mẹ không phải theo mà cai-quản nó nữa.

Người nước ta thì không biết việc gia-đình giáo-dục này là quan-hệ khẩn-yếu, coi thường cái thời-kỳ sáu năm ấy mà bỏ qua đi. Ai cũng cho là con còn thơ dại cần gì, rồi lớn lên dạy cũng vừa. Nhưng có nghĩ đâu khi chúng lớn lên thì đã hỏng từ cái lúc thơ-ấu kia mất rồi.

Cha mẹ uổng mất không biết bao nhiêu tiền cho đi học, bao nhiêu công lo-lắng, cho tới khi nhắm mắt mà con cái vẫn không thành tài-đức gì. Bấy giờ mới dò cho thầy giáo không biết dạy, mắng chửi con cái không thành tài-đức, thế thì có oan-uổng cho họ không.

Người các nước người ta dạy con nuôi con là trọng ở nửa đoạn trước, cho nên người ta chỉ dùng tiền vốn để tiêu tốn về sáu năm, mà được lãi không biết là bao-nhiêu. Người nước ta nuôi con dạy con thì lại bỏ nửa đoạn trước đi, cho nên phải dùng mất không biết bao nhiêu tiền vốn mà chẳng thu được một phân lãi nào.

Trong khi tầm lựa còn trắng uồn, tùy ý mình thích màu gì thì cứ nhuộm

cho nó mầu ấy. Trong lúc con cái còn thơ-ấu, tùy ý mình thích dạy điều gì thì cứ dạy cho nó điều ấy.

Dạy trẻ thơ là việc rất khẩn-yếu mà lại là việc rất dễ-dàng. Thế mà các người lại không dạy cho nó ở cái thời-kỳ dễ-dàng. Cứ đợi cho nó lớn, là cái thời-kỳ khó-khăn rồi mới dạy. Vừa tốn công, vừa vô-ích, thế có quái-gở không.

Trong một nhà, cha mẹ không biết phép gia-đình giáo-dục để dạy dỗ cho con cái thế là làm hư-hỏng cho con cái, trong một nhà. Nhà nao con cái cũng hư hỏng thì nước còn thành nước thế nào được.

Các ông các bà thử nghĩ mà xem : Trồng cây ai cũng muốn cho cây nở ngành xanh lá, ai có muốn cho cây lụn-bại bao giờ. Như muốn có con cái ra người mà trồng cây về sau, muốn dạy cho con cái ra người, vậy xin nhận-chân lấy những phép gia-đình giáo-dục là phép để dạy dỗ trẻ thơ trong nhà như sau này, mà phải thực-hành ngay đi mới được.

### Chỗ căn-bản của phép gia-đình giáo-dục

Vô-luận giảng về phép giáo-dục gì, người nhận chức giáo dục ấy đều cốt phải lấy chính thân mình làm gương cho kẻ học mình. Chứ không có thể gặp việc gì chỉ giảng mấy câu nghĩa-lý suông về việc ấy, mà mong kẻ học mình đó họ tin theo mình đâu.

Song kẻ làm thầy giáo ở nhà trường còn dễ hơn là kẻ làm cha mẹ ở trong nhà. Thầy giáo kia không phải là ở luôn với học-trò cả ngày một nơi. Vậy như nếu thầy giáo dạy học-trò rằng không nên đánh bạc, thì trong giờ dạy học, thầy giáo có đánh bạc đâu. Còn khi tan học về, không có mặt học-trò ở đó, thầy giáo có thừa hứng đánh một

vài ván chơi, thì học-trò có biết đâu. Còn như cha mẹ thì suốt ngày ở liền với con cái, đóng làm việc gì là làm mầu cho con cái việc ấy. Vì như cha mẹ dạy con cái rằng không nên đánh bạc, thì cha mẹ phải tuyệt không đánh cờ bạc lúc nào mới được. Chứ nếu hôm dạy con cái không nên đánh cờ bạc, nhưng cha mẹ vẫn cứ đánh, thế là xui cho con cái cái bụng ngờ mình.

Chúng cho rằng đánh cờ bạc là sự tốt, cha mẹ bảo ta đừng đánh là nói dối ta đó. Chứ nếu cờ bạc là sự xấu thì sao cha mẹ lại đánh. Thế là từ đó trở đi, chúng không tin lời của cha mẹ nữa. Chúng đã sinh ra cái lòng không tin cha mẹ, thì dần dần mỗi ngày lại càng sinh ra những việc bất-phục cha mẹ, bất-hiểu với cha mẹ.

Ấy chính vì thế mà đạo làm cha mẹ, muốn cấm-chỉ con cái không cho nó làm việc gì, thì tự mình phải đừng làm việc ấy trước. Muốn dạy con cái làm việc gì thì tự mình phải làm lấy việc ấy trước.

Còn như việc gì tự mình nghĩ kỹ không có thể vội thôi đi được, thì đừng vội cấm-chỉ con cái làm chi. Tự mình nghĩ kỹ không có thể làm được thì đừng vội dạy con cái làm làm gì.

Đừng có nên một mặt dạy con cái thức khuya mà chính mình lại đi ngủ sớm. Một mặt dạy con cái dậy sớm mà chính mình lại ngủ trưa. Làm như thế là chỉ để cho con cái nó nhờn rồi nó không tin cha mẹ. Lâu lâu rồi chúng không coi cha mẹ ra gì. Từ đó dạy bảo chúng không ăn lời, rồi sinh ra bất-biểu. Bấy giờ thực không còn có phép gì cứu lại được nữa.

Thế cho nên ngạn có câu : « Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài ». Bầu với ống tức là khuôn-mẫu của cha mẹ, mà nước tức là con cái. Khuôn mẫu của cha mẹ thế nào, tự-nhiên con cái cũng bóa theo thế ấy. Coi đó thì biết

những phép dễ dạy trẻ-thơ ở trong nhà cực nhiều, nhưng phép nào cũng phải tự mình cha mẹ phải làm trước. Bởi vậy ở đây gọi là phép căn-bản. Phép căn-bản này mà sai lạc, thì dù dùng cách giáo-dục gì cũng không có công-hiệu gì nữa.

**Những sự-kiện về gia-đình giáo-dục**

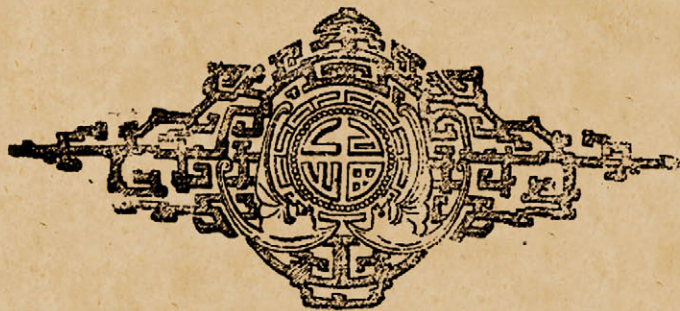
Những sự-kiện về phép gia-đình giáo-dục này kể ra thì nhiều lắm, nói hết ra đây, sợ người làm cha mẹ khó hiểu và khó nhớ mà không thực-hành được chu-toàn. Vì vậy chọn lấy hai-mươi điều sự-kiện, yết ra đây. Rồi sau lần-lượt mỗi điều lại giảng-diễn xuống dưới. Cứ chiếu theo hai-mươi điều này mà dạy là đủ khiến cho được đứa con cái có tư-chất tốt được nên tử-tế, chứ không nên tham nhiều :

- 1) Giáo-dục phải theo trình-độ lứa trẻ thơ.
- 2) Giáo-dục bằng khí-tượng gia-đình.
- 3) Cha mẹ phải cùng chịu trách-nhiệm giáo-dục, không nên gọi cho đứa trẻ thơ phả ra bên khinh bên trọng bên thân bên sơ.
- 4) Phải phân-biệt hoạt-bát khác với lười-láo, qui-cứ khác với ngược-dại.

- 5) Giáo-dục về điều nhân.
- 6) Giáo-dục về điều nghĩa.
- 7) Giáo-dục về điều lễ.
- 8) Giáo-dục về điều trí.
- 9) Giáo-dục về điều tin.
- 10) Giáo-dục về cách bỏ thói cầu-thả.
- 11) Giáo-dục về tính cần-kiệm.
- 12) Giáo-dục về điển công-đức.
- 13) Giáo-dục về nghĩa tập làm kẻ quân quốc-dân.
- 14) Đối với con cái thơ-ấu, cha mẹ nói gì làm gì đều phải cần-thận.
- 15) Đánh mắng không bằng dạy khuyên.
- 16) Di ghê phải chăm nuôi dạy con vợ cả cho tử-tế.
- 17) Người cha không nên mờ dối người mẹ, người mẹ không nên mờ dối người cha.
- 18) Sự quan-hệ về vú em, đứa ở trai gái.
- 19) Con cái đến tuổi phải cho đi nhà trường ngay.
- 20) Gia-đình với học-đường phải một khí-vị như nhau.

(Còn nữa)

HỒ-NAM dịch-thuật



# VIỆT-NAM TÔ-QUỐC TÚY-NGÔN

## 越南祖國粹言

## XV

- 788— *Cất đó người, người cất thòi ta (1).*  
 789— *Con cháu khôn hơn ông vãi (2).*  
 790— *Cây vạy hay ghét mực tàu ngay (3).*  
 791— *Cũa phù-vân không chân hay chạy (4).*  
 792— *Có cây có trồng, có trồng có ăn (5).*  
 793— *Còn thuyền còn chèo, còn nước còn tát (6).*  
 794— *Cá còn ở dưới sông, vợ chồng thuyền-chài tranh nhau áo dài áo ngắn (7).*  
 795— *Cái tôm có hẹp gì bề (8).*  
 796— *Cả thâm bổ góc chạn, Đến khi hoạn-nạn lại nhớ đến cả thâm (9).*  
 797— *Cá tươi thì xem lấy mong, người khôn xem lấy đôi hàng tóc mai (10).*  
 798— *Con cóc nằm nép bờ ao, lăm-le lại muốn dớp sao trên trời (11).*  
 799— *Cổ công sống mấy nghìn năm, thử xem thừa ruộng mấy trăm người cày (12).*  
 800— *Cao thành nở ngọn thì phường nhớ lán, chót-vốt cần câu thì lâu thủy phường (13).*  
 801— *Chưỡi dàng sau, cau dàng trước*  
 802— *Chừa dếp ruộng dưa (15). [(14).*  
 1) Đó là cái đồ đan, miệng có hom nan để đơm cá, đơm vào chỗ dòng nước trên ruộng chảy xuống, cá theo nước chảy vào đó thì mắc hom không ra được. Thòi là cái rỏ to đựng cá, đầu miệng cũng có hom.  
 Đây là cười người đời đều một màu tham mà thường gặp nhau. Tức như hai anh đồng-nghiệp cùng làm nghề đánh

cá kia. Nếu anh có thòi thì hăng chăm giữ lấy thòi của mình để thu lấy cá, há chẳng đủ lợi rồi ư? Thế mà thấy cái đó của anh khác đơm, lại sinh lòng tham, đến đóc cá trong đó của nó. Ngợ đâu nó cũng tham như mình, nó đi qua chỗ để thòi của mình, thấy vắng chủ thì nó bèn đồ mất cả cá. Thế thì so đi bù lại nó cũng tham chẳng kém gì mình, mà mình thì lại thành ra thiệt-hại nhiều, là vì thòi mình to mà do nó bé. Vậy ai cũng lo giữ lấy của mình mà đừng mong hót của ai thì chi đến nỗi. Câu này đã diễn ra làm một bài ngụ-ngôn trong tập thơ *Ngụ-ngôn Tô-nam-tử*.

2) Ông vãi, chưa hiểu chính nghĩa một tiếng « vãi » ở đây là gì. Nhưng chỉ biết hợp lại cả hai tiếng « ông vãi » thì là tổ tiên ông bà mà thôi.

Đây là nói cái lệ tiến-hóa vẫn như thế. Đời người ngày một khôn-khéo hơn lên, con cháu phải khôn hơn tổ-tiên thì đời mới là tiến-hóa. Chứ nếu con cháu mà lại vụng-dại hơn ông bà thì đời là thoái-hóa. Tiến-hóa thì đời mới hay, chứ thoái-hóa thì đời thanh hủ-bại mãi đi, còn có thú gì nữa. Thế cho nên kẻ lấy câu này mắng kẻ bán-sinh cho như thế là bất-hiểu thì thực là lắm, không hiểu cái lệ tiến-hóa lần lượt của loài người như đã chép ở trên lịch-sử đời thượng-cổ.

3) Mực tàu nẩy thẳng, cây gô vạy bị bỏ hết không dùng làm đồ đại-dụng được, nên cây gô vạy ghét mực tàu thẳng.

Đó là lời để vi vớ với kẻ bất-chính. K bất-chính đối với nghĩa-lý công-bình thì càng rõ chỗ xấu của mình ra m

không ai còn dong cho mình được, nên kẻ bất-chính cũng rất ghét những lời nghĩa-lý công-bình.

4) Cửa phù-vân là cái cửa bất-nghĩa mà phú-quí, do lời nói của Không-phu-tử mà thiên trên đã chú-giải tường-rồi. Lẽ đời hễ dùng cách bất-nghĩa mà được thì lại bị mất bằng cách bất-nghĩa là sự thường, không tránh khỏi. Thế mà lúc bị mất lại chổng gắp mấy lúc được, cho nên nói là không chân mà chạy.

5) Đây là lời khuyên người ta làm việc gì mà vốn nó là việc có ích thì không sợ mất công bao giờ. Tức như việc cấy lúa trồng cây cũng vậy. Có cấy lúa thì thế nào cũng được trồng thấy thóc, mà có trồng cây thì thế nào cũng được có quả mà ăn. Đừng ngại.

6) Lấy sự kiên gan của người trong cái thuyền nát giữa lúc phong-ba để ví mà khuyên cho người trong cuộc hành-động giữa lúc việc đời nguy-nạn. Việc đời tuy nguy-nạn, nhưng kẻ hành-sự cứ vững tay mà làm thì có khi chuyển họa làm phúc được. Bằng kẻ hành-sự thấy sự khó-khẩn mà nản lòng thì có khi việc chưa đến hỏng mà bị hỏng lây. Cũng như kẻ trở cái thuyền nát trong lúc phong-ba, nếu kẻ ấy đứng thấy sóng cả mà ngã tay cầm chèo, hễ thuyền còn thì cứ còn chèo, mà nước còn tràn vào thì cứ còn tát ra. như thế sẽ được thoát nạn tới bến cũng nên. Chứ kẻ chủ thuyền ấy mà thấy gió sóng to, thuyền nát bị nước vào nhiều, mà nản lòng mất vía không vững tay chèo, không tát nước ra nữa, thì lập-tức thuyền đắm và chết đến thân ngay.

7) Vợ chồng nhà thuyền-chài kia, mới trông thấy một con cá to lội ở dưới sông, thì hai vợ chồng đã chắc mồm thế nào cũng đánh được con cá ấy mà đe n bán lấy tiền may mỗi người một cái áo. Nhưng nào đã chắc đầu răng sẽ đánh được nó không, thật là

chắc không đâu. Mà nhất là lại tức cười cho hai vợ chồng đều chữa chi đã giờ chửng tham hơn, kẻ nọ tranh may lấy cái áo cho mình dài hơn kẻ kia. Ở đời cũng nhiều người mới mưu-đồ việc gì chưa đầu vào đầu mà đã tính đến chỗ thành công, tranh tị nhau quyền-lợi hão, thật không khác gì cái cách tham hơn tham hão của vợ chồng anh thuyền-chài này.

8) Ví với cái chỗ đã đại-thể thì cũng nên bao-dong cho một kẻ nhỏ-mọn nào đó được nhờ ơn.

9) 1<sup>o</sup> Răn kẻ hoang-phí. Thấy có nhiều cá thối thì khinh cá mà bỏ thắm và vãi xó ở góc chạn, không thêm hỏi đến. Nhưng đến khi hết đồ ăn, lại phải giở cá thối ra ăn vậy. 2<sup>o</sup> Ví với kẻ bạc-tình với vợ cả. Thấy vợ lẽ đẹp dễ khôn-ngoan thì khinh vợ cả là xấu-xa dãn-dại mà bỏ xó không thêm đoái-hoài. Nhưng đến khi hết của, bị tai-nạn, những vợ lẽ con hát hoặc gái giang hồ kia đều tếch xa, bấy giờ lại phải nhờ đến vợ cả gái xè vậy. Hai cái tình-trạng ấy ở đời thường thấy cả.

10) Mua cá thì phải vạch cả hai mang nó ra mà xem, hễ thấy cái go ở trong còn đỏ thì là cá còn tươi. Nếu go ấy đã thắm thì là cá ươn rồi, không sai được. Xem tướng một người con gái cũng thế. Phàm cô nào mà hai món tóc ở hai bên mặt chỗ gần tai gọi là tóc mai, hai món tóc ấy mà xanh va dày, mọc xa xuống nhiều, thì tất là gái khôn.

11) Đây là một câu thơ ngụ-ngôn. Con cóc kia thân-hình nhỏ-mọn như quả bàm-bàm nằm nép ở chỗ xó bờ ao, so với vũ-trụ có thắm vào đâu. Đã không biết mình ở trong vũ-trụ không thắm vào đâu, đêm trông lên thấy những vì sao lóng lánh trên trời, cũng lại không biết những ngôi sao ấy cách xa mình thế nào. Cóc ta cứ thấy những vì sao ấy lóng-la lóng-lánh thì tưởng là những cái mồi trong sạch sáng-láng,

ngon mà có thể xoi được, bèn lăm-le muốn đớp để nuốt phăng như đớp kiến mọi khi vậy. Ôi, ngu dại không biết phan đến thế là cùng. Ở đời những kẻ bèn ngu lại cứ vọng-cầu những sự quá sức mình, thực không khác gì con cóc này. Chuyện «con nhái muốn to bằng con bò» trong thơ ngụ-ngôn *La Fontaine* cũng ý ấy. Nhưng câu thơ «con cóc muốn đớp sao» này còn cao-diệu hơn nhiều.

12) Đây là chề những kẻ tham-lam hay tranh vườn đất của người ta mà chề một cách rất sâu-sắc mát-mẻ. Ý nói: nhất điền thiên vạn chủ, từ xưa tới nay một thửa ruộng kia trải bao nhiêu người làm chủ. Nào thấy mấy ông nào truyền cho cháu, bố nào truyền cho con được mãi mãi. Vậy nay trở đi cũng thế khác gì. Thế mà kẻ ngu mà tham kia cứ muốn cho cái chỗ ruộng đất ấy là của mình vạn-đại. Không những thế lại muốn bao-chiếm mãi ra cho rộng vô-cùng. Vì thế ruộng thì sên bờ, đất thì rào lẩn ra. Không biết rằng làm thế là mình mang tiếng tham mà sẽ lợi cho chủ khác đến sau. Lễ tất-nhiên như thế. Chả tin kẻ ấy thử cố công mà sống đến mấy nghìn năm nữa mà xem thì sẽ thấy cái thửa ruộng mà mình nhận là của mình, mình lẩn cho rộng ra bây giờ ấy, đến lúc đó không biết đã trải qua đến mấy trăm chủ khác cây ròi. Thế thì bấy giờ kẻ vị-kỷ ấy mới hối mà biết rằng: Ở đời muốn sự là của chung cả.

13) Dạy kẻ buôn-bán phải lấy sự chân-thật làm gốc mà đừng dùng cách giả-trá lừa khách hàng. Vì khách mua hàng tuy nhất-dân chưa kịp tách-bạch thế nào là thực là giả, nhưng hàng đem về dùng rồi thì cái thực cái giả sẽ lộ ra. Thực với giả đã lộ ra thì lòng người khách đối với nhà hàng yêu hay là ghét cũng quyết-định từ đó. Cái công-hiệu hay dở của nhà hàng cũng từ đó. Xem như nhà hàng bán muối

kia, nếu dong muối bán cho phường bạn mà dong thực-thà cao thành nở ngon thì người ta nhớ lâu mà đến mua luôn. Bằng dong giả-dối một cách chỉ có bề cao vọt ngon cần câu mà không có bề ngang, phường bạn đem về ao lại biết sự giả-dối thì người ta không đến mua nữa là mình thiệt.

14) Chuối thì quả sau buồng, cau thì quả trước buồng, đều dấy quả mà ngon hơn những quả khác.

15) Dịch câu ngụ-ngữ của Tàu: Qua điền nạp lý 瓜田納履 = xỏ giày ruộng dưa. Xỏ giày ở ruộng dưa thì phải cúi lom-khom, dù không phải là có ý gì dính lấy trộm dưa, nhưng kẻ coi dưa ở xa trông lại thì lắt cho là cúi để lấy trộm dưa, mà không thể cãi được nữa. Đó là cái nghĩa tình ngay mà lý gian. Hiểu như vậy thì phạm sự gì có thể dễ dè cho người ta ngờ, đều nên tránh.

- 803 - Chết no hơn sống thèm (1).  
 804 - Chém tre chẳng dè đầu mặt (2).  
 705 - Chiêm hơn được, mùa hơn đêm (3).  
 806 - Chó gầy hổ mặt người nuôi (4).  
 807 - Chẳng ai nắm tay thân ngày đến lối (5).  
 808 - Chim khôn tiếc lòng, người khôn tiếc lời (6).  
 809 - Chó thấy sóng cả, ngã tay cầm chèo (7).  
 810 - Chung nhau thì giàu, chia nhau thì khó (8).  
 811 - Chúng - khâu đồng - từ, ông sư cũng chết (9).  
 812 - Cha muốn cho con hay, thầy muốn cho trò khá (10).  
 813 - Chẳng tư-lui, chẳng giăng-hoa, có sao lại thiết việc nhà người dưng (11).  
 814 - Chim khôn vô cánh mới bay, người khôn khi nói dang tay đỡ lời (12).

- 815 - Chờ thấy sóng cả mà lo,  
sóng cả mặc sóng, chèo cho có  
chừng (13).
- 816 - Chờ nghe « quân-lữ » nói ồn,  
có ngày lại phải ngồi con một  
minh (14).
- 817 Chờ thấy hùm ngồi vì ốt rầu,  
đến khi hùm dậy đầu-lâu không  
còn (15).
- 818 - Chưa đánh được người mặt đỏ  
như vang,  
đã đánh được người, mặt vàng  
như nghệ (16).
- 819 - Dục tốc bất đạt (17).
- 820 - Lữ đĩng hồ di hoạn (18).
- 821 - Dân chi ngu nhi thần (19).
- 822 - Dầu về nhà, mụ già ra ngõ (20).

1) Lời của tể vụ khoái-lạc nói phần. Cho rằng được no-nê thỏa-thích cho cái lòng vật-dục một lúc rồi bị có đó mà phải chết cũng cam, còn hơn là sống mà thêm khát về đó đủ đời. Song thêm là không được no chứ không phải là thiếu mất hẳn, người ta ở đời bị thêm mọi điều về vật-dục là thường, cho nên nhà đạo-đức phải an-ủi mà khuyên cho người ta biết hạn-chế bớt lòng vật-dục để mà sống một cách cao-thượng hơn. Trừ khi kẻ nào vì đói khát bách quá phải làm điều phi-pháp nhỏ để cấp-cứu cho sự sống thì nhà pháp-luật mới thứ cho. Hoặc khi vì bệnh tự-do mà phải liều bỏ sự sống thì nhà luân-lý mới khen nhận. Còn câu này chỉ vì thêm mà đem sự sống đổi lấy cái no một lúc thì thực là ngu. Vì rằng chết rồi thì cái no có còn đâu. Ấy cũng vì cái tư-trưởng khoái-lạc về vật-chất ấy quá thịnh, mà nhiều kẻ cam liều thân danh một đời để đổi lấy sự no-thỏa một lúc. Nhưng đến sau khi được no thỏa rồi, thì cái khổ-thống cứ đeo-đẳng mãi, chứ nào đã chết cho.

2) Mỗi đống tre có một đốt xương. chỗ đốt xương có một đám cành đâm ra gọi là đầu mặt. Chỗ ấy rắn lắm.

Chém tre mà không dè chỗ đầu mặt ấy ra thì dễ dao ngay. Đây là ví với kẻ hay bắt nạt người mà không biết dè những người cương-ngạnh ra.

3) Được là ruộng gieo mạ. Lúa chiêm quan-hệ ở được tốt xấu, được tốt hơn thì lúa tốt hơn. Lúa mùa quan-hệ ở mạ gieo sớm muộn, mạ sớm hơn một đêm là lúa tốt hơn.

4) Vì với sự đối-dãi bày tỏ. Bày tỏ mà đối rách thì hồ mặt cho chủ, cũng như chó nhà nào gầy thì hồ mặt cho người nuôi nó. Vì nếu hai người chủ ấy phi-ác-nghiệt thì nghèo đói quá mới để cho bạn giúp mình khổ-sở như thế.

5) Trong một ngày, cái tay người ta có lúc nắm lúc buông, không ai tài nào nắm chắc cả ngày được. Cũng như trong một đời người có lúc thịnh lúc suy, không ai tài nào giữ chắc lấy sự phú-quí hanh-thần chung - thân được. Vậy thì kẻ có gặp lúc hanh-thần cũng đừng có chắc vững là mình nắm được sự phú-quí ấy ở trong tay mãi-mãi đâu.

6) Dịch ở câu ngạn-ngữ Tàu : « Phượng hoàng lịch kỳ vũ mao hiền-giả lịch kỳ ngôn-ngữ 鳳凰惜其羽毛, 賢者惜其言語 二 » 二 Chim phượng-hoàng tiếc cánh lông của nó, người hiền-giả tiếc lời nói của mình. Đây dịch là chim khôn với người khôn cũng thế. Chim sở-dĩ cho người phải quý là ở cái lông đẹp, người sở-dĩ đáng cho đời tôn-trọng là ở có lời nói hay. Thế cho nên con chim nào có lông đẹp mà khôn thì nó xa lánh những nơi dò bẫy khỏi bị người bắt được, ấy là nó tiếc cái lông của nó đó. Người ta cũng vậy, người nào đã có lời nói hay đáng làm khuôn mẫu cho đời, đáng cho đời tôn-trọng, thì tức là người khôn hơn kẻ thường. Người ấy tất lựa chỗ lựa lúc và lựa người mới đem lời nói của mình mà thổ-lộ ra. Đã thổ-lộ ra như thế là tất có ảnh-hưởng tốt cho đời mà không ưỡng công nói. Chứ không phải bạ chỗ

nào, hạ lúc nào và hạ người nào mà người khôn cũng thổ-lộ lời nói của mình ra đâu. Ấy thế là người khôn tiếm lời nói của mình đó.

7) Xem giải-nghĩa ở câu «Còn thuyền còn chèo» đoạn trên.

8) Nói về trong anh em còn chung một cái gia-sản của bố mẹ. Gia-sản ấy còn để chung nhau thì coi ra giàu đấy. Nhưng đem mà chia đều ra cho các anh em chị em mỗi người một phần thì mỗi người có được là bao mà chả là nghèo. Vậy kẻ làm con trong cái gia-sản đông con, phải sớm tự-lập lấy nghề nghiệp cho mình, chứ đừng thấy gia-sản khá giàu mà ai nấy đều ý-lại cả vào đấy. Ý-lại thế đến lúc chia ra không được là bao, thành khổn-khó mà hối không kịp — Một nghĩa nữa nói về những người chung vốn để buôn bán với nhau. Nếu cứ để cho công-ty quản-lý thì là giàu mà dễ làm, sẽ được lãi chia nhau mãi mãi. Chứ đem giải-tân công ty mà chia vốn thì được mỗi người có là bao mà hại chung cả.

9) Pháp-luật ấy lời chứng làm hệ-trọng, cho nên từ-bi tuyệt dục như ông sư mà các miệng chứng-tá đã đồng một lời là có làm việc dâm đạo ấy, ông sư ấy cũng chịu chết mà không chối được. Lý như thế là đúng rồi. Song cũng vì thế mà kẻ điêu-ngoan có khi dùng chứng dối mà làm điên đảo công-lý đi được. Câu này là có ý muốn pháp-luật hoặc dư-luận còn phải xét thêm về tình tiết nữa kia. Bởi vậy muốn cho công-bằng, pháp-luật và dư-luận phải xét rộng đến tâm-lý, đến bình-nhật của kẻ phạm, xét lại những kẻ chứng có ơn thù, có vì lợi riêng gì với kẻ phạm, thì kết-luận mới đáng mà kẻ phạm mới không oan.

10) Cứ cái thương-tình của cha của thầy như thế thì biết kẻ nào làm con của người cha hay, làm học-trò của người thầy khá, mà kẻ ấy không hay,

không khá được, là tự kẻ ấy, chứ không phải do cha hoặc thầy tiếc công với nó.

11) Đây là đề đoán biết chỗ gian-tinh của đôi trai gái. Việc trong nhà của người đứng là người không có thân-tình hầu-bạn xưa nay, thì dù người nghĩa-hiệp đến đâu cũng không dám thiết-tha làm giúp. Thế mà nay người con trai hoặc con gái này thì thiết-tha làm giúp việc trong nhà của người con gái hoặc con trai kia, mà xét ra đều là người đứng với nhau, vậy quyết là họ có tư-tú trắng-hoa với nhau chứ không sai.

12) Những người có tài biện-luận, khi nói thường hay giơ-giang cái tay lên để làm mẫu, hoặc để đỡ cho lời nói thêm hùng-hồn vui-vẻ, cũng như con chim khôn lúc nó sắp bay thì nó vỗ cánh để lấy sức vậy.

13) Lúc sóng cả kẻ chèo dò tất phải cố-sức mà chèo để giữ cho dò khỏi nguy-hiểm. Song cũng phải chèo cho phải độ có chừng thì mới đủ sức bền lòng mà chống với sóng cả. Nếu thấy sóng cả mà sợ hãi quá chèo mạnh quá chừng thì sẽ hết sức bị mỏi-mệt mà không chèo được nữa, dò chưa dám mà người đã kiệt-lực chết rồi.

14) Tiếng «quản-lữ» dùng vào trong những lời người con gái trách kẻ tình-lang, thường là ý nói nhại. Nghĩa là trở ra một kẻ vô-hạnh khéo nói mà vẫn tự-xưng là quản-lữ. Nói ôn là nói một cách ôn-thốt dỗ người dễ xiêu lòng nghe mình lúc đó, rồi không thủy-chung giữ lời nói của mình. Vậy người con gái khôn chờ để dụ mà bị kẻ bạc-tình lừa dối. Vì thường là hấn chỉ cầu lấy thỏa tình-dục một lúc, rồi ăn lời mà bỏ lụy cho mình một đời.

15) Đây là dạy kẻ dưng phải có mưu. Hùm tuy mạnh, người ta thường bắt được, chứ có ai sợ hùm đâu, nhưng

bắt phải có mẹo. Nếu thấy hùm ngủ, nghĩ là nó hiền mà vào vuốt râu nó, thế là tiền-nhân ngu dại chỉ làm cách lão-nhòn mà thôi, chứ không biết sức mình với sức hùm thế nào mà dám không phòng-bị gì. Không biết rằng nghịch-ngợm lão-nhòn như thế, nó thấy đông mà thức dậy thì nó càng tiện mà cắn chết. Coi đó thì đối với kẻ cường-bạo cũng vậy. Có muốn tri kẻ cường-bạo thì phải có mưu, chứ đừng làm cách nhòn-láo vô trí như thế mà dại.

16) Cười kẻ hung bạo hay vì tức-bực một tí là cây khỏe đánh người. Coi mặt kẻ ấy lúc chữa đánh được người thì hăng máu lên mặt đỏ như mầu vang. Đến khi đánh được người rồi thì sợ pháp-luật trị tội mà thất-dâm đi, mặt tái mét mất cả máu mà vàng ra như mầu nghê. Thật là tiền-nhân. Chứ thực quân-tử thì khi giận khi sợ, nét mặt vẫn hờn-nhiên không đổi sắc. Có đầu hung-bạo đấy mà nhát sợ ngay đấy như thế.

17) *Dục tốc bất đạt* 欲速不達 là muốn chóng không thành, đây là lời ngạn Tàu. Việc gì cũng vậy, làm phải có thứ-tự mới thành. Nếu việc phải lâu mà muốn chóng xong thì tất còn khiếm công-phu, thành-đạt sao được.

18) *Dưỡng hổ di hoạn* 養虎遺患 là nuôi hùm để lo về sau. Cũng là lời ngạn Tàu. Đây là ví với sự dùng kẻ gian ác, cũng như nuôi hùm. Nếu phòng-bị nó bất-cẩn một tí thì nó sẽ cắn chết mình ngay. Vậy đối với kẻ gian-ác phải nên cần-thận.

19) *Dân chi ngu nhi thần* 民至愚而神 là dân rất ngu mà lại rất linh-thiêng. Cũng là lời ngạn Tàu. Ngày xưa về đời qui-tộc cho tất cả những người kẻ ông làm quan thì là dân. Khác với cái nghĩa chữ dân ngày nay, phạm ở trong một nước ai cũng là quốc-dân cả. Người dân ngày xưa ít được học,

chuyên đứng địa-vị bị-trị, làm nghề lao-dộng. Bởi vậy tri-khôn ít mở mang mà ngu-độc thực. Cũng vì thế mà thường bị qui-phái khinh-khi dè nén. Nhưng thiên-lý tại nhân-tâm, người dân ấy tuy ít học mà ngu-độn thế, tuy bị khinh-khi dè nén thế, thế mà khi họ đã hiểu lẽ gì phải trái, thì họ lại một loạt cùng nhau hiểu như thế cả. Thật là họ lại thiêng-liêng như thần-thánh vậy. Vậy đừng thấy họ ít học mà khinh họ là ngu mãi.

20) Cái vấn-đề mẹ chồng với nàng dâu ở Việt-Nam ta, thực là khó giải-quyết đã lâu lắm rồi. Hai mẹ con nhân-hợp ấy phần nhiều dường như trời sinh sẵn tình kỵ-khắc nhau. Ít được mấy nhà mẹ chồng nàng dâu thương yêu nhau, mà phần nhiều chỉ thấy, không mẹ chồng ngược-đãi con dâu, thì lại con dâu ghét mẹ chồng. Trong một nhà mà thành ra có hai người gia-chủ, bà chủ già với bà chủ dự-bị bằng bất-hòa với nhau, thì gia-đình còn lấy gì làm hạnh-phúc nữa. Thậm-chí, nhà thì vì mẹ chồng cay-nghiệt quá, khiến cho nàng dâu không ở được mà đòi trở về nhà đẻ thủy chia loan. Có người nàng dâu nghĩ quẩn mà quá liều thân tự-tận. Nhà thì vì nàng dâu danh-ác, khinh dè mẹ chồng, coi mẹ chồng như đũa ăn đũa ở, hoặc phải lia con mà ra đi.

Gặp những gia-cảnh ấy, kẻ làm con, làm chồng thực là khó xử-trì. Được lòng mẹ thì mất lòng vợ, được lòng vợ thì mất lòng mẹ. Quá ra thì có mẹ không có vợ, có vợ không có mẹ. Mà một điều rất quái-ác là được người nàng dâu hiền thì bị người mẹ chồng dữ, mà được người mẹ chồng lành thì bị người nàng dâu ác, như thế là thường. Cho nên người con trai chí-hiểu với mẹ thì đành dứt tình cầm-sắt mà vẹn ơn cốt-nhục, mà người chồng thâm-tình với vợ thì đành phụ đức cũ-lao mà phủ lòng tình-ái. Xét ra hai cái tâm-

lý của mẹ chồng với nàng dâu số-dĩ kỳ-khắc nhau như thế, chỉ vì cái vấn-đề quyền-lợi trong gia-đình mà ra. Bà chủ già thì muốn giữ lấy quyền-lợi chủ-trương gia-đình cho tới cùng mà bà chủ trẻ thì muốn thu lấy quyền-lợi chủ-trương gia-đình ngay từ lúc mới về. Ấy bởi thế mà cái ác-cảm gây lên từ đó.

Vậy muốn trong chỗ mẹ chồng nàng dâu được trong-an thì không gì bằng phải lo xa tính trước ngay : Một là cho ra ở riêng ngay. Hai là nhà hiểm con hoặc nhà nghèo, hoặc cha mẹ già yếu, hoặc bà góa, mà phải ở chung, thì gặp cảnh thuận mà mẹ chồng hiền con dâu thảo, cố-nhiên không phải nói. Còn gặp cảnh mẹ chồng nghiệt thì người con dâu phải nhớ câu : « *Mẹ chồng già, mẹ chồng chết ; nàng dâu có nết, nàng dâu chừa* ». Con trai thì đối với mẹ phải che chở cho vợ, đối với vợ phải tự-hiếu-kính cha mẹ mình để làm gương. Còn về phần mẹ chồng thì không gì bằng tự thực-hành ngay câu trăm-ngôn : « *Dâu về nhà, mụ già ra ngõ* ».

Đàn bà gọi « *mụ* » cũng như đàn ông gọi « *bõ* » là hai danh-từ trở nghĩa ra những người ở địa-vị phụ chứ không phải chủ-trương. Đây gọi mẹ chồng là « *mụ già* » tức là tỏ ý thoái-vị để nhường cái ngôi gia-chủ cho nàng dâu rồi đó. Muốn nhường như thế thì ngay từ khi nàng dâu hay là bà chủ dự-bị mới về, bà chủ già nhường ngay gia-chánh cho hẳn, mình tự đứng làm địa-vị mụ già mà ra ngõ chơi bời để cho đôi trẻ được tự-do dạy bảo nhau.

Mẹ chồng nghèo, già yếu cố-nhiên nên như thế. Mà mẹ chồng đảm-đang gây dựng nên cơ nghiệp ấy cho con, cũng nên tìm cái cách ra ngõ chơi bời,

hoặc còn khỏe thì làm việc gì thêm khác, mà chỉ giám-đốc cái đại-cương ở trong gia-đình mà thôi. Làm như thế là người mẹ chồng tự nghĩ rằng : Người nàng dâu ấy do con tự tìm được, hoặc do cha mẹ tìm giúp, nhưng cũng là người tìm về để thừa-kế cho cái gia-đình hiện-tại và tương-lai của con. Cha mẹ nghèo thì thôi, mà giàu thì rồi để cho con chứ còn để cho ai. Thì chi cho bằng giao ngay một phần quyền gia-chính cho đôi trẻ được cai-quản, được tự-do yêu-thương nhau, mà thí-nghiệm xem tài-năng cùng tình-ái của đôi trẻ ra thế nào. Như thế người nàng dâu được có quyền, được thỏa-mãn sự yêu-thương với chồng nó, tất nó phải nghĩ đến người sinh-thành ra chồng, người cho nó quyền-lợi gia-đình ấy, mà cảm ơn mẹ chồng, hiếu-kính mẹ chồng.

Bằng trái lại, người nàng dâu đã không được quyền, lại không được vợ chồng tự-do luyện-ái nhau, vẫn phải bó-buộc hạn-chế trong cái không-khí chật-hẹp khốn-dốn, thì bà chủ sau oán bà chủ trước, trả thù bà chủ trước, tuy là thói tiểu nhân bất-hiếu, nhưng cũng là cái ảnh-hưởng xấu tự do phản-động lại.

Còn như nhà giàu lo nàng dâu có toàn-quyền về sản-nghiệp, thì nó sẽ ăn hoang lam hại. Nhà nghèo lo nàng dâu có toàn-quyền với chồng nó, nó sẽ khinh-miệt cha mẹ chồng. Thì phải biết còn có con trai mình nữa kia mà. Nếu con trai mình mà hư-bèn không chủ-trương được gia-đình, không cảm-hóa được vợ, thì cũng không biết lo thế nào cho cùng được.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂC và ĐỒ-NAM

## KONTUM TỈNH-CHÍ

## 峴 嵩 省 誌

## III

## 5. - Dân Mọi và phong-tục Mọi

*Chánh-trị.* - Mọi đầu-thứ có làng, tổng, huyện. Tổng-thừa, huyện-thừa và lính trạm Mọi đều ăn lương ngân-sách Nam-triều, song không có gì liên-lạc với quan An-Nam cả. Hiện nay ở Kontum, 1 huyện thừa, 2 huyện thừa, 21 chánh-tổng Mọi, và 11 lính trạm Mọi có ăn lương. Mọi đầu-thứ, chuyện gì làng tổng xử không xong, phải đem tới tòa-án như đã nói trước đây.

Tới tòa-án thì cũng xử theo phong-tục nó. Khi đi kiện, đưa nào không biết nói năng rành rõi, thì có đưa đi theo làm thầy-kiện để bậm thừa cãi chối thay. Đán bà làm thầy-kiện cũng có.

Lúc trước Mọi lại có thói kêu bằng « *Blah kodi* » là tự trả-thù lấy. Thù ai hay là bất-bình ai chuyện gì, ai lấy đồ đoán, ăn cắp ăn trộm, đánh đập chém giết, thì bất kỳ nó gặp người ấy cũng trả thù lại. Người này cũng cứ xử theo cách ấy với người sau. Nay có tòa án, Mọi đầu-thứ đã bỏ dần thói ấy.

*Làng xóm.* - Làng Mọi, trước cái tên có chữ *Dak*, *plei*, hay là *Kon*, (*Dak* = sông, *Plei* = làng, *Kon* = làng) như *Dak-lô*, *Dak-xut*, *Dak-ha...* *Kontum*, *Kon-plong*, *Kon-hà-bàn...* *Pleiku*, *Plei-Bon*, *Plei-pim...* Auh nào cường-hào trong làng thì lấy tên anh ấy, hoặc anh ấy lão làng xóm ra, như *Plei-pim* là làng *Pim*. Có khi lại đặt lịu hơn nữa: như *Ban-mê thuật*, tiếng Mọi bên ấy, nghĩa là làng của cha thắng Thuật. Tên tổng lại theo tên chánh-tổng đương-thứ mà kêu, như tổng Fuân là vì anh chánh-

tổng tên Tuân. Anh ấy thói, anh khác lên thế, thì kêu tổng khác.

*Nhà cửa.* - Trong làng Mọi thường là một đám nhà cao cẳng, giữa có một cái cao hơn hết và rộng-rãi, kêu bằng « Nhà rông ». Nhà Mọi thường thì riêng, song có làng lại làm nhà lớn, nhiều chủ ở chung với nhau. Trên thì ở, dưới nuôi súc-vật, tối lại bò, heo, vè ngủ. Còn con trai chưa vợ, thì ngủ trên « Nhà Rông ». Theo cách đời xưa, làng này đánh phá làng khác, khi giặc tới, thì bọn ấy sẵn-sàng, di chống-cự ngăn đón trước. Nay thì không nguy hiểm như xưa nữa, song tục ngủ « Nhà rông » cũng vẫn còn. Trong các làng có đạo, các cha cố cũng muốn giữ cái tục đó lại, để cho bọn trai tráng, chưa vợ con, đêm hôm khỏi trai gái đào dĩ.

Thỉnh-thoảng đi giữa đường, lại có chỗ thấy chường xóm nhà nhỏ nhỏ, cao chung, tứ phía kín mít. Ấy là những kho Mọi để lúa, mỗi người một cái, hoặc mỗi nhà một cái, không ai chung với ai, không ai lấy của ai.

*Áo quần.* - Cách ăn mặc của Mọi rất đơn-sơ. Thường đàn-ông chỉ có một cái khố nhỏ, đàn-bà chỉ một cái chăn ngắn. Đưa nào là hóa lăm thì có một cái áo cụt. Đưa nào giàu có, có một cái mền để khi lạnh mà choàng. Lại có một cái chầu dài hơn vắn tới vai để khi đình-dám hội-hè, và tới quan.

Nhiều người, tưởng đã gần quan Tây, quan An-Nam, và chung-lộn với người An-Nam lâu, dáng lễ văn-minh lăm. Song khi đi làm việc thì mặc áo quần, khi về thì cởi để lại, vì cho sự bện

áo quần là bó-buộc cực-khổ. Vay như bên Đức, cổ-dòng sự trần-truồng (Nudisme) thì cũng không phải thuyết mới.

*Trang-sức.* — Mọi, bắt-kỳ đàn-ông, đàn-bà, cũng ưa đeo kiềng, vòng, hạt. Thường cũng đeo bông tai và cà-răng hàm trên. Mình nằng kêu bằng Mọi « Cà-răng cằng-tai ». Mọi ở Kontum thì không cằng-tai, chỉ đeo bông, chớ không đeo đến lon sĩa hò.

*Ăn uống.* — Mọi ăn uống không dùng chén đĩa, chỉ bốc mà thôi, nay những Mọi gần người mình lâu thì bắt-chuộc mà dùng đĩa chén, và cũng có cách sạch-sẽ hơn.

*Sanh-lý.* — Mọi, thường làm rẫy (Hỏa điền). Theo thói thường thì đốt cây, đợi cho cây khô rồi đốt cháy, gốc thì cứ để yên. Khi cháy rồi, nó lấy cái dùi, thọc những lỗ dưới đất, bỏ lúa bắp, dây khoai... vùi lại, đến khi có hạt, chớ thường không chăm nom gì đến. Cái tro ấy cũng làm cho đất tốt được vài ba năm. Rồi đi chỗ khác làm như vậy nữa.

Mọi cũng nuôi súc-vật nhiều, như ngựa, trâu, bò, heo, dê, song không nhốt lại, cứ thả đi ăn cùng rừng cùng rú, khi nào mất thì đi tìm.

Mọi cũng có đời chác thường. Như người mình lên các làng Mọi đem những đồ nó cần dùng, như mền, nôi, chiếu, muối v. v. đổi lấy heo, bò, về bán lại. Mọi ở xung quanh Kontum cũng biết buôn-bán, lấy bạc đồng, bạc cắc, xu.

Mọi ưa các thứ ghè, mình thấy không cho ra gì. Những ghè ấy có thứ « xà tốt », « ca-nàng » .. Có khi bầy tám trăm đồng một cái.

Chúng nó không có công-nghệ gì, chỉ đan giũ, chiếu bằng lá, dệt chân sơ-sơ.

Chúng nó cũng đi làm thuê làm công như người mình, và làm việc có cách

chí-thú, lo-lắng. Thường người mình thuê bằng muối cũng có, trả tiền cũng có.

*Tính-khí.* — Mọi, thường thiệt-thà. Trừ ra những chú ở thành-phố, các chú lính khố-xanh, có hóa, nên điếm-duồng, còn thì thiệt lắm. Như duon-báu giá bao nhiêu nói một tiếng, thiếu một xu cũng không, như năm xu thì đưa 5 đồng xu, chớ đưa đồng xu 5 thì không muốn. Như gặp Mọi bán trứng gà, cách xa Kontum 10 cây-số, bán 10 cái hai cắc, theo giá Kontum, chớ không bớt một xu. Như 19 xu thì nó cũng đem cho tới Kontum mà bán, chớ không kể xa-xôi, công đi đứng gì cả. Mọi rồi tòa án xử một việc An-Nam và Mọi. Mọi đòi đến 200\$. Quan Công-sư nói 200\$ nhiều quá, chừng 100\$ đã đúng. Nó nói rằng để nó hò. tại chú cai Mọi (lính khố xanh đã đi đòi nó về hầu kiện) vì chú ấy vẽ đòi 200\$, như chú cai chịu 100\$ thì nó cũng đành.

Tính Mọi rất khí-khải. Như ai đánh tới nó thì đi kiện. Ở Kontum không được đánh Mọi. Mọi có chuyện gì đi kiện mà thôi. Nó lại có tánh hiếu-khách, như người mình lên buôn với Mọi, có khi ở nhà nó, nó nuôi ấu trót tháng cũng không tính tiền nông gì.

*Văn-tự và ngôn-ngữ.* — Mọi không có văn-tự gì. Chỉ mới sau này có học-trò Bà-nà. Xa-dăng, đi học, mới ám theo tương-tự quốc-ngữ mà thôi. Tiếng Mọi thì khác nhau. Người biết tiếng Pà-nà, không biết tiếng Xa-dăng cũng có, người mình đi buôn với Mọi, cần rành tiếng Mọi.

Mọi không biết số mục. Đi kiện, tòa án phải lấy đá, gạch mà chỉ cho nó thấy mà đếm. Lại Mọi không nhớ tuổi bao giờ. Hỏi tuổi thì nói « tôi sinh ra đã lâu ». Tuổi con thì nói ăn ba mùa bắp, bốn mùa bắp..., năm sáu mùa đã lộn-xộn trong trí, tính không ra-

*Tin-ước.* — Mọi không có giấy-má chi, chỉ lấy lời hẹn làm tin. Có chuyện gì quan trọng, mời làng xóm làm chứng.

Khi nào có kết bạn-hữu với nhau hay với người mình (Krao bố) khi hai bên đã thuận tình, làm một con gà, hay là heo bò, tùy theo giàu nghèo, gói một ghè rượu, rồi ăn uống với nhau. Từ đây về sau, có chuyện gì phải giúp đỡ nhau.

*Đàn-bà.* — Đàn-bà Mọi làm việc nhiều lắm. Mỗi buổi mai dậy sớm, đi lấy ống tre hứng nước, (nước ở mấy chỗ giọt có suối) về chọt lúa nấu cơm. Lúa ấy mỗi ngày mỗi làm chớ không chịu làm một lần cho nhiều mà để dành. Ăn uống rồi mới đi làm rẫy.

Những phần việc ấy là phần việc đàn-bà. Dầu có « bầy tớ » (mặc nợ không trả được phải ở) trai, thì bầy tớ trai cũng không làm.

*Cưới gả.* — Tục Mọi cưới gả sớm. Chúng nó gả bán với nhau, song người mình lấy Mọi cũng nhiều, chứ ít có Mọi lấy người mình. Có người mình, Mọi bắt lên, sau chung lộn với Mọi mà không chịu về nữa. Ăn ở trần-trụi như Mọi, không khác gì.

Cách sanh đẻ của Mọi rất dễ-dàng. Đàn-bà đẻ con vài ba ngày thì dậy đi làm rẫy.

*Khi-dụng* — Đồ dùng của Mọi rất ít. Đi đâu cũng mang một cái gùi, trong ấy đựng được nhiều đồ lắm. Gùi cũng có nhiều kiểu, có kiểu ba lá ăn theo cái lưng, có cái có nắp. Con nít cũng mang gùi nhỏ. Hết cái gùi, vật cần là cái ghè để đựng nước, đựng rượu, cái nôi. . . Chỗ giàu có, thì có mền, chiếu, đồng-la.

Khi-giờ thì có cung, tên (thường khi có thuốc độc) cái kiện để giữ mìn, cái mác dài, mác cụt. Mọi Xá-tăng thì đan, dệt và ren khéo hơn.

*Lễ-lượt, nhạc-khi.* — Khi xong mùa-màng. Mọi năng chơi bởi yến-âm. Giết

trâu, bò, heo, dê, « ròn » rồi ăn uống với nhau. Làng này đến làng khác, nhà này đến nhà khác, « ròn » thì một người đàn ông mang cái trống lớn đi trước, lấy hai tay đánh vào, còn sau thì đàn ông có, đàn-bà có, cầm chiêng đi theo mà đánh. Chiêng, mỗi bộ ba cái lớn nhỏ « Ròn » như vậy suốt đêm, suốt ngày, không nhàm . .

*Lễ tang.* — Tục Mọi, khi người chết chôn rồi, có để cái ống tre từ trong hòm mà ra khỏi mặt đất. Thường ngày vợ con thân-thích tới khóc lóc cho ăn-uống. . .

Cách một năm thì làm lễ « bỏ mả ». Ngày ấy bắt trâu, bò, heo (tùy nghèo giàu) cột lại, bà con làng xóm tới « ròn ». Đi một chặp thì đâm trâu bò ấy một mũi lao. đến khi nó chết thì lột da, xẻo thịt, thui sơ sơ rồi ăn, uống rượu với nhau. Song lễ thì không tới thăm viếng cái mả ấy làm gì nữa.

Mả nhà giàu xung quanh có thành bằng gỗ, có tượng người ngồi xung quanh. Ấy là những người hầu-bạ, như cách nộm của người mình.

Lại còn khi nào người chết chôn rồi thì những đồ gì của người ấy đều đem bỏ trên mả, như chiêng, nôi đồng, ghè, v.v. . . Lúc trước, mấy làng Mọi xung quanh Kontum cũng giữ thói ấy. Sau, bị người mình lấy quá, cho nên bây giờ nó làm những chiêng, ghè, hũ, nôi, bằng gỗ, xem cách vụng-về lắm, để trên mả mà thế đồ thiệt. Còn có chỗ thì ghè sợ mất, thợ cho thủ g dây đi, song cũng cứ mất; người mình lấy rồi và lại mà đi bán. Những thói ấy, các chỗ mới đầu-thú, người mình ít lên thì Mọi còn theo cả. Như mới rồi, ở Konplong, có mộ người mình đi buôn Mọi, vào nghĩa-địa làng ấy, lấy 3 bộ chiêng và 62 cái nôi đồng. Mọi đi kiện, phải trả lại. bởi thêm 100 đồng và bị tù nữa.

*Di-doan Mọi.* — Mọi làm tượng thần (lang) mà thờ, và tin rằng, người sanh

ra ở đời, ai cũng mắc nợ với thần, không khi nào trả cho hết. Nên phải cúng vái luôn.

Lúc trước, thờ thần dữ nhất là thần đậu trời (*Varirole*). Mọi sợ thần « đậu » cho đến nỗi không dám nói tới tên. Nguyên đời xưa có một lúc, Mọi đều bị lèa đậu mà chết nhiều lắm. Sau nghĩ đến năm 1850 mới có lại một lần rất dữ tợn, từ làng *Plei-Rohai* mà tràn ra hết thảy các làng, Mọi chết nhiều vô số. Mọi sợ cho đến nỗi cha mẹ bỏ con, vợ bỏ chồng... hễ lên đậu thì cả nhà không ai còn ở lại, đều trốn hết, người bệnh, không ai săn sóc, đói khát, mà phải chết. Sau lần lần, trông đậu đã quen, nay ít sợ thần ấy nữa, chỉ như xưa thì các làng đều rào lại hết.

Làm ruộng đất, cây cấy không được dùng trâu bò, sợ thần giận. Ai dùng trâu bò mà cây thì bị sét đánh, những làng có đạo, đã bớt tin. Mọi thấy người mình cây cấy, có chỗ cũng bắt-chuộc theo, song còn sợ lắm, phải cúng vái trước cho thần bớt giận, và trong khi cấy, gặp sự gì sơ-sơ một chút thì bỏ cây mà không cấy nữa.

Theo dị-đoan Mọi, khi chưa lĩa bột lĩa nào, không tĩa bắp, đậu, mè gì hết, vì sợ thần Lúa (lang Nơ-ri) giận, sẽ phạt đau ốm.

Mọi tin rằng người tẻ cây, chết trời. răn răn, sét đánh là « chết xấu » (Khat mé) phải phạt tạ cúng-cấp.

Khi làng nào có việc xấu-xa, rui-ro, thì « mắc cữ » (Ding kan) không cho người ta tới

*Tổng luận.* — Mọi xem gì cũng có thể khai-hóa được, song phải các sức kiên- nhẫn, và hết sức lâu. Như thế cha cố ở xứ này đã 80 năm trời, mà xem cũng còn ít đứa Mọi hóa thệt. Lại đối với Mọi khi nào cũng phải rất công-bình, và có mặt luôn, như xoay lưng lại là rồi chuyện.

Phong-tục Mọi thì còn nhiều lắm. Trước đây chúng tôi chỉ nói những việc

đại-khải mà thôi, những việc mà thường ngày ai cũng nghe thấy, chứ như biết cho rành thì cũng chưa ích chi. Người An-Nam lên đây, nhiều người nói được đôi ba thứ tiếng Mọi, nhất là những người năng đi « buôn mọi ». Trong tại ấy lại có người làm thầy pháp, thầy bói cho nó được nữa. (Bơ-jáu).

## TÔN-GIÁO

### I. — Đạo Thiên-chúa

Các cha cố, đời đức Thiệu-trị. Tự đức, ở các tỉnh trung-châu bắt đạo dữ lắm, cho nên đem một ít bôn-đạo An-Nam lên đây mà trốn.

Ban đầu, cũng thiên-uan vạn-nạn, lắm khi cay đắng. Lúc mới lên thì giao-kết liên-lạc với Mọi Bà-nà, cho nên các giống Mọi kia đều cho là kẻ nghịch thù mình. Nó kêu các cố bằng « An-Nam trắng », và lắm khi đến cướp bóc đánh phá luôn.

Song lắm khi cũng nhờ Mọi lắm. Như năm 1854 ở tỉnh Bình-định, sức bắt đạo dữ lắm, nhờ một người Mọi, tên là Ông-Khiêm mà thoát nạn. Ông-Khiêm này là một người Mọi, làm Thổ Tri-phủ, song lúc ấy Thổ Tri-phủ không ăn lương và ở làng *Plei-bon* (gần Suối đời) và có việc gì thì giúp cho Kinh-Lý-nha tại An-khê.

Vì Ông-Khiêm này có quen biết thân thiết với cha cố, cho nên khi quân lính tới, thì ông ta đã tin trước cho mà trốn đi, và khi ông ta dẫn lính đi tìm-nã thì cứ đem đi, hết núi này qua núi nọ, đi đến đâu cũng nói chưa tới, cho đến đổi bọn đi tìm phải ngã lòng nản chí mà trở về.

Các cha cố cũng chỉ vẽ cho dân trông tĩa và cũng đòi tính khí được thuần hơn.

Thường chúng tôi nói chuyện với các cha cố, và đến những làng Mọi xa, có các cha An-Nam, nói chuyện với họ, thấy họ cũng có tánh rất kiên- nhẫn,

mới kết-quả được như vậy. Như các cha An-Nam, chỉ một mình với ba bốn chú, ở giữa các làng Mọi. Hồi ra thì đến tới 800, 1000 bần-đạo Mọi, và cũng có chân-tu mới chịu nổi với chúng nó. Như mỗi khi đọc kinh xem lễ phải đi kén nó, nó mới tới. Về nhà thờ ngồi xoay lưng sắp mặt, khạc nhổ như thường nếu nói nặng thì nó không đến nữa.

Làng Mọi lại năng dời đi chỗ này chỗ khác, nhưt là những làng không có ruộng, chỉ làm rẫy mà thôi, vì năm này làm rẫy chỗ này, năm khác làm rẫy chỗ khác. Mỗi khi Mọi dời làng xóm nhà cửa nó, thì cha phải dời nhà thờ đi theo. Chúng tôi nói với một cha An-Nam rằng: « Đó là cha theo Mọi, chứ không phải Mọi theo cha »

Còn Mọi theo đạo chứ về nhà cũng vẫn theo tục nó, cứ giết bò, heo, cứ « ròn » như thường. Như nó theo thì cha cố cũng phải theo một bên lưng luôn, rồi ra thì hết.

Từ khi lập địa-phận *Bahnar* cho đến nay đã hơn 65 năm. Ban đầu thuộc về đức Giám-mục Qui-nhơn coi, trên *Kontum* chỉ đặt một cố cả (*Provicairé*) cho đến năm 1933 mới đặt một Giám-mục riêng coi *Kontum*. *Pleiku*, *Ban-mé-thuột* và *A topeu*.

Lúc còn thuộc về đức cha Qui-nhơn coi, thì trên *Kontum* có những cố sau này thay mặt mà làm cha cả (*provicairé*):

PP. COMBE	(Cha Phéro, Mọi kêu bằng <i>Bok-bê</i> )
DOURISBOURE	(Cha Ân).
VIALLETÓN	(Cha Truyền).
GEURLACH	(Cha Cảnh).
KEMLIN	(Cha Văn)
JANNIN	(Cha Phước)

Cha JANNIN này được phong chức: Giám-mục (*Evêque de Gadara*) ngày 23 *juin* 1933, và Giám-mục thứ nhất ở thượng-du.

Năm 1933 này, kể cả *Kontum* và *Pleiku* được:

20.480 bần-đạo (An-Nam 3.000 cả *Kontum* và *Pleiku*).

180 làng có đạo (Trong số ấy có 11 làng An-Nam, 8 làng ở *Kontum*, 3 làng ở *Pleiku*).

13 cha người Pháp.  
12 cha người An-Nam,  
3 cha người Mọi Bà-nà.  
100 chú (*catéchiste*) đi giảng đạo, (An-Nam và Mọi).

1 Trường *Cuénot*, dạy học trò Mọi.  
1 Trường thầy dòng dạy An-Nam.  
1 Trường Bà-phước (*Sainte-Thérèse*) dạy con gái An-Nam và Mọi.  
1 nhà tu Bà-phước.  
Cả Địa-phận (*Diocèse*) chia làm 22 sở (*Districts*).

Xem bản kê biên số 10 sau này, có số các làng Mọi và các bần-đạo năm nào bao nhiêu. Bản kê ấy gồm cả Địa-phận chứ không phải một mình *Kontum*.

## BẢNG SỐ 10.

### Công-việc nhà-chung tại tỉnh *Kontum*

1850	Các cha cố mới tới nơi <i>Kontum</i> ,	
1855	45 bần-đạo	3 ấp gần thành làng, có đạo.
1860	100 —	3 ấp gần thành làng, có đạo.
1865	400 —	3 làng đạo,
1870	800 —	3 làng đạo. (Lập làng Tân-hương)

1875	900	hồn-đạo	3 làng đạo.
1880	90	—	5 làng đạo. (Lập làng Phương-nghĩa)
1885	1.239	—	7 làng đạo. (Lập làng Phương qui)
1890	1.387	—	11 làng đạo. (Lập làng Phương hòa).
1895	3.312	—	40 làng đạo.
1900	7.300	—	76 làng đạo.
1905	10.610	—	95 làng đạo.
1910	10.120	—	120 làng đạo.
1915	12.827	—	135 làng đạo.
19.0	15.137	—	140 làng đạo.
1925	17.124	—	153 làng đạo.
1930	18.699	—	160 làng đạo.
193	20.480	—	180 làng đạo.

(Trong số 20.480, người An-Nam chừng ba nghìn .

## II. - Các đạo khác

Các đạo khác thì chưa lên tới *Kontum* mà truyền-bà, vì như di thuyết-pháp cho bọn Mọi nghe, thì khó lắm, mỗi giống Mọi nói mỗi thứ tiếng khác nhau, lại phải đóng mô đóng mớ như các cha cố mới mong có kết quả. Còn như người An-Nam thì ít quá, có lẽ « Sợng bài không đủ tiền dầu ».

Chỉ duy ở An-khê, dân không có đạo, và ở *Kontum* hai làng không có đạo, trong làng có làm đình thờ thần thành hoàng.

Ở chân đèo An-khê, và đèo Mang-giang, ở Bluh-dịnh lên đèo rồi, có hai cái am thờ Bà, người đi buôn bán xe điện lên đó, ngừng lại cúng vái. Ở thành-phố *Kontum* cũng có một cái am thờ Bà. Lại những người ngoại ở thành phố *Kontum* mới xin sửa cái nghĩa-địa làng Trung-lương (làng ngoại) cho chỉnh-dốn, vì ở đó không phải chỉ chôn người chết trong hai làng ngoại mà thôi, mà hết thấy những người tông-sự các công-sở cùng người thân-thuộc, những linh-tràng tù-p am, rủ ra mê-một mà phải gửi xương thịt lại xứ này, đều phải nằm ở đó cả.

Mấy năm trước ở nghĩa-địa ấy, cây cối mọc rất sầm-uất, không thể chen chân lọt Hai làng ngoại cũng không đủ sức mà sửa-sang lần đầu được vì đã như rú cấm. Năm 1933 này, thì mỗi ngày nhà-nước cho 60 phạm-nhân dọn vén, đốn cây và phá gốc, hơn hai tháng mới xong. Ở giữa nghĩa-d a, họ sẽ xây đền thờ âm-hồn. Nghĩa-địa ấy tên là « Hòa-sinh ngĩa-địa ».

Ở thành-phố *Kontum* lại có một xóm kén bằng xóm Huế, phố 20, 25 nóc nhà. Thường năm xóm ấy và dân hai làng ngoại cùng các viên tông-sự các công-sở, góp tiền tay nhau làm u rạp tế âm-hồn rất trọng-thể.

Còn trong năm 1933, ở thành-phố *Kontum*, những người làng ngoại cũng xin phép lập một cái chùa, thờ phật và qui y các vong-linh những người chết mà thân-thuộc không thể đem thi-hái về xứ được. Chùa ấy tên là chùa Linh-sơn. Công-việc chia làm nhiều năm mới thanh toán cuộc, song năm 1933 này, hết tháng *Octobre* xong được một cái nhà, sẽ làm lễ lạc-thành. (Xem bài văn-tế âm-hồn đính theo sau này).



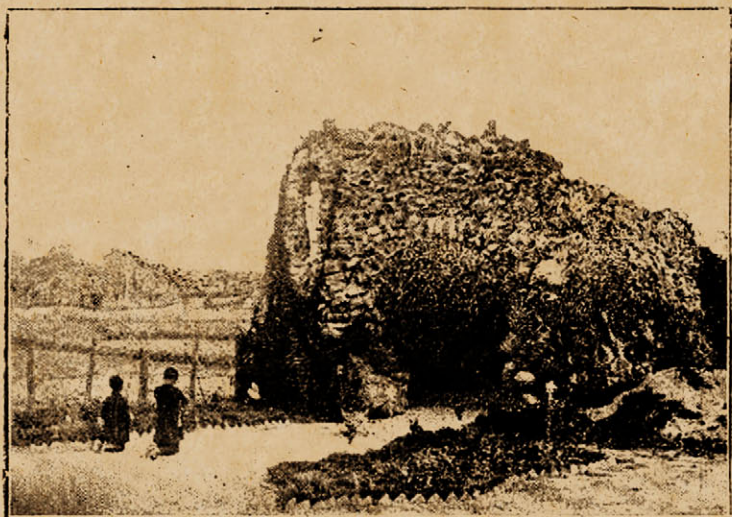
Một « ron » và làm lễ, trước khi « bỏ mã »  
(Mã ông phủ Mã, Thờ-Tri-phủ)



Biông và nhà cửa của người An-Nam ở gần Kon-rung  
(sắp lập thành làng).



*Đường thuộc-địa số 19. — Gần tới Pleiku*



*Hang-dá thờ Đức Mẹ, đường rue de la Marne  
(giữa thành-phố Kontum)*

### Văn-tế âm-hồn ở Kontum

Hỡi ôi !

Số kiếp dở-dang ;

Cần duyên trặc-trở !

Hiu-hiu gió thổi, nắm đất vàng, lấm  
nổi dăng cay ;

Nghi-nguit hương bay, lễ đạm-lạc,  
mấy lời than-thở.

Các vong xưa :

Trú-ngụ Kontum ;

Vốn người dưới chợ.

Trước cũng nghi, ruộng nhiều dít  
tốt, bâng non xanh, mong lúa lấm tiền  
kho ;

Nào ngờ dầu, nước độc ma thiêng,  
chốn đất đỏ, vốn dễ ăn khó ở.

Trước cũng nghi, xa quê ngại cảnh,  
ít người càng dùm bọc lấy nhau ;

Nào ngờ dầu, rừng rậm non cao,  
lắm bệnh chướng, vương mang khó gỡ.

Cũng có kẻ, áo xiêm giàng buộc,  
mong đều bồi nợ nước ơn vua ;

Cũng có người, quần vận áo mang,  
lo toan tính của chồng công vợ.

Cũng có kẻ leo đường thương-mại,  
phải đeo mang, buồn Mọi bán Lào ;

Cũng có người, kiếm kế sinh-nhai,  
lên lên-lóc, làm thầy làm thợ

Cũng có kẻ, thiên-phương bách-kẻ,  
nghịch đạo nhà, trốn tránh ăn thân ;

Cũng có người, một tội hai lăm, trái  
lượt nước, dọa-dây cấm-cổ.

Nhớ đến kẻ, tay dùm chân lấm, sống  
không nhà, thác lại không mồ ;

Nghĩ lại mình, máu đỏ đầu đen, nín  
cũng hồ, nói ra cũng hổ

Phạm hai chữ, bước cao bước thấp,  
gánh ra đi, biếng nổi chân đi ;

Chiều nửa manh, thiếu trước thiếu  
sau, quán xuống lỗ, ra ngoài miệng lỗ

Tủi cho kẻ, mới đi mới chạy, kiếp  
ba-sinh, ước những trăm năm ;

Thương cho ai, đạn lạc tên bay,  
bồng một phút, ra người thiên-cổ.

Thảm những lúc, trăng mờ bóng xế,  
gội nắng mưa, lạc nắm xiêu mờ ;

Thương mấy khi, thổ lặn ác tà, ai  
nhớ tôi, ngày đơm tháng đỏ

Ăn-thăm lủi, đất không che xát,  
ngheêng-ngửa kia, xương cốt còn phơi ;

Ngâm-ngủ thương, cây chẳng tránh  
mồ, lấm lóc đó, thay-hải bọc lọ.

Tham cho kẻ, bỏ thi thương, vương  
thi nặng, non thề biển hẹn, mỗi chung-  
tình đành gửi lại giang-sơn ;

Tủi cho ai, nằm bên lạnh, tránh bên  
khô, mang nặng đỡ đau, nếm gan ruột,  
cũng liều cùng thủy-thở.

Thấy nay được, lều sơn gác tia, xe  
qua ngựa lại, việc ăn làm, trăm sự dễ-  
dàng ;

Nhớ xưa còn, nước biếc non xanh,  
vườn hú chim kêu, công khai-phá, ngàn  
điều khôn-khở.

Ôi thôi nay :

Con cháu chăm nom ;

Nước-nhà chiếu cố.

Trong rừng rú, kẻ có công, người có  
của, phát bờ phát bụi, khi khói hương,  
rầm lơn via to ;

Giữa thanh-không, giàu làm kếp,  
hẹp làm đơn, lập miếu lập chùa, lúc  
thăm viếng, thanh-minh tảo-mộ.

Xin nhớ chữ tử sinh hữu mệnh,  
sống thác đều máy tạo xoay vần ;

Xin nhớ câu, họa phúc vô môn, nhục-  
vĩnh cũng tại trong cân-số.

Kiếp gió bụi, ba sinh vốn nợ, đừng  
nghĩ chỉ núi thẳm rừng sâu ;

Chi anh-hùng, bốn bề là nhà, dầu  
thôi cũng quê cha đất tổ

Thuyền bát-nhã, câu kinh giải-thoát,  
tĩnh phồn-hoa, già chốn âm-tí ;

Bóng Bồ đề giọt nước ngành dương,  
hết oan-trái, về nơi linh-thở.

Giữa trời đất, hương chong đèn  
rạng, xin chứng cho, lễ bạc lòng thành ;

Dưới suối vàng, sống khôn thác  
thiêng, phải gắng lấy, phù-trì ủng hộ.

(Văn-tế này đọc ngày 27 Octobre  
1933, trong lễ chầu-tế, về dịp lễ lạc-  
thành chùa Linh-sơn-tự 3 ngày).

KINH-TẾ

I. — Ruộng, đất, đồn-diền

Sở ruộng đất. — Ruộng, đất và đồn-diền của người Pháp khai-phá, những sở lớn đều ở Pleiku hết, chứ ở Kontum không còn bao nhiêu. Những sở còn lại và đã có thuế rồi thì có :

Sở Hội Delignon ở Dak Jappau (An-khê) . . . . .	531	mẫu tây 6)
Sở ông IMATZ ở Mang-giang (An-khê) . . . . .	210	» 00
Hội Sociéte Agricole de Kontum, ở Dak-Doa (Kontum) . . . . .	500	» 00
Đất Nhà-chung các cố 117		» 02

Cộng lại: 1.358 mẫu tây 6)

Ruộng đất người An-Nam như sau này :

	Ruộng	Đất	Cộng
Đầu năm 1933. . . . .	1.079 mẫu 9	2.956 mẫu 8	4.036 mẫu 7
Mới thứ-trung 1933. . . . .	302 . 5	768 , 3	1.071 .
Tổng cộng là.....	1.382 mẫu 7	3.827 mẫu 3	5.071 mẫu 7

Trong năm 1933 còn sẽ có một thứ trung nữa, và khi đó đặc xong thì số ruộng đất sẽ đúng hơn và nhiều hơn, vì đây là theo lời những đ.ền-chủ khai mà thôi.

Bốn làng thành-phố Kontum, chia ra hai khu được 432 cái vườn. Trong ấy có 286 sở có nhà ngói, và 129 sở có nhà tranh, không kể các tòa, các sở Nhà-uớc.

Thành-phố Kontum chia ra hai khu (Zônes) thuế khác nhau :

	Đất có làm nhà ngói	Đất có làm nhà tranh	Vườn chưa có nhà
Khu thứ nhất: . . . . .	11.480 m <sup>2</sup> 30	1.164 m <sup>2</sup>	138.232 m <sup>2</sup>
Khu thứ nhì: . . . . .	6.525 , 51	2.869 , 70	418.669 , 25
Cộng: . . . . .	18.000 m <sup>2</sup> 81	3.973 m <sup>2</sup> 70	556.901 m <sup>2</sup> 29
Tổng-cộng cả các thứ:	578.880 m <sup>2</sup> 76		

Thành-phố Kontum bề dài 2 cây số, ngang 400 thước tây, cũng phỏng 800.000 thước vuông tây, song trong ấy có các công-sở, các đường đi, và trong số đất vườn trên này cũng không được đúng, vì theo lệ thành phố, như trong vườn có làm 1 cái nhà, ngôi thì trừ thuế được 500 thước vuông. Ví dụ như cái vườn 1.000 thước vuông, cái nhà ngôi 100 thước vuông, thì nộp thuế 100 thước nhà và 500 thước vườn mà thôi. Vậy 400 thước kia lọt ra ngoài. Chỉ khi nào đặc lại mới đúng được mà thôi.

2<sup>o</sup> *Chất đất phân tro.* — Ở Kontum « đất đỏ » là có tiếng tốt. Cũng vì « đất đỏ » mà có một lúc (1925-1926) Kontum nổi tiếng lắm. Nay đã chia ra hai lĩnh thì những đồn-diên lớn « đất đỏ » của người Pháp thì ở Pleiku cả, còn Kontum thì ít « đất đỏ hơn ».

Song đất Kontum thì kém hơn « đất đỏ » chứ cũng không kém hơn đất trung-châu.

Lúc trước người Pháp lên xin lập đồn-diên nhiều thì Nhà-nước có gọi các thứ đất vào Sài-gòn phân-chất theo phép hóa-học, cho biết đất ở hạt nào, chất gì nhiều ít thế nào.

Những kiểu đất gọi đi phân-chất như thế, lấy đất cách thiết kỹ, là trước hết cào trên mặt đất cho sạch cỏ rác, rồi trong vùng ấy lấy đất nhiều chỗ để chung lại, để cho được trung-bình.

Bản ấy chúng tôi đính theo sau này, có lẽ một đời khi cũng tiện cho người khảo-cứu. (Bảng kê số 11).

Một người Hà-lan lập đồn-diên ở Pleiku, nói rằng ở Sài-gòn phân-chất chưa được đúng, nên chỉ gọi kiểu « đất đỏ » về Java mà phân-chất. Ông ấy nói rằng theo sở hóa-học ở Java, thì đất

đỏ trồng chè rất tốt. Hiện nay ở Pleiku có hai hãng lớn trồng chè là hãng S. T. I. (*Société des Thés de l'Indochine*) và Calecta (*Compagnie Agricole des Thés et Cafés de Kontum*).

Quan Thủ-hiền sở Canh-nông lại nói rằng :

« Xét đất đỏ tỉnh Kontum phân-chất đỏ, thì chắc đất cũng đồng-chất các thứ đất đỏ khác ở Trung-kỳ.

Những đất đỏ ấy tốt hơn đất thường và như trồng gòn thì hợp lắm. Ở tỉnh Phú-yên, đều trồng gòn đất đỏ, và đất đỏ xưa vì có hỏa-diệm-sơn mới sa.

Chỉ duy trồng gòn các miền Thượng-du có khó vì khí-hậu khác trung-châu, vậy phải lựa thời-tiết mà gieo hạt.

Còn cây gòn, là cây hút những chất tốt của đất nhiều lắm, cho nên muốn lợi cho nhiều, phải cho già phân-tro ».

Còn các thứ « đất xám » lấy tại Kontum đây, lựa chỗ đất lấy mà làm kiểu phân-chất, theo như trong bản kê biên chưa được đúng. Người lập đồn-diên thì lựa những đám đất rộng ở rừng-rú. Như lấy đất rẫy và đất rừng mà phân-chất thì có ích hơn, chứ đất thành-phố thế nào cũng phải nhiều chất hoặc thêm hoặc bớt mà phải thay đổi.

Nói đại-khái theo các ông hóa-học thì đất Kontum thiếu *Azote*, *Acide phosphorique*, *chaux*, *potasse*, vậy phải bổ phân thêm mà bù các chất thiếu. Trong tỉnh ít đá có chất vôi, vả lại súc-vật nuôi nhiều, thì nên lợi dụng phân ấy. Người mình thường cũng không giữ gìn phân tro cho tử-tế, cho nên cái sức tốt của phân cũng kém. Các thứ phân tro thường dùng ở Kontum đã phân-chất và kê ra bảng sau này. (Bảng kê số 12).

## Bàng

## Tableau des analyses des

COMPOSITION pour 1.000 parties de terre brute séchée à 1.000 centigrades	ECH. TERRE GRISE KONTUM			TERRE ROUGE		PLEIKU (5)	
	Terre alluvionnaire déjà cultivée aban- donnée depuis plusieurs années		Terre non cultivée mais ayant été cultivée autrefois	A Pleiku (4)			
				Sol	Sous-sol	Sol	Sous sol
	1	2	3				
<b>Analyse physique</b>							
	8)		(9)				
Cailloux et gravier . . . . .	Néant	Néant	Néant	11,00	8,20	19,50	5,00
Gravier . . . . .	—	—	9,71	—	—	—	—
Sable grossier . . . . .	793,31	7,64	—	68,40	70,00	71,00	26,80
Sable fin . . . . .	—	894,86	282,07	97,00	71,00	95,00	108,50
Argile . . . . .	63,40	76,20	668,59	798,40	888,60	812,20	840,40
Calcaire . . . . .	1,29	1,10	0,63	—	—	—	—
Débris organiques . . . . .	39,00	18,00	36,63	18,80	19,40	18,00	21,20
Humus . . . . .	3,00	2,20	2,37	7,40	0,2	3,20	3,00
<b>Analyse chimique</b>							
Azote . . . . .	0,90	0,61	0,73	0,987	0,763	0,942	0,808
Acide phosphorique . . . . .	0,46	0,20	6,73	0,048	4,483	2,622	0,99
Potasse . . . . .	0,59	0,40	0,24	0,153	0,237	0,372	0,239
Chaux . . . . .	0,72	0,60	0,36	0,164	0,164	0,185	0,185
Magnésie . . . . .	0,50	0,64	0,79	0,300	0,250	0,350	0,150

(1) Entre la Résidence et l'Hôpital, situé près du fleuve.

(2) Entre la Résidence et l'Hôpital, partie plus basse.

(3) En face du Poste de la Gardé Indigène.

(4) A Pleiku.

## sò 11

## terres de Kontum et Pleiku

PLEIKU (6)		PLEIKU (7)		TERRE ROUGE de Mang-giang		TERRE ROUGE de la Route N° 145 au kil. 36		OBSERVATIONS	
Sol	Sous-sol	Sol	Sous-sol	Sol	Sous-sol	Sol	Sous-sol		
9, 10	208, 00	34, 00	31, 50	196, 40	223, 00	44, 00	20, 00	8) Terre silico-argileuse assez humifère, bien pourvu d'azote, manquant d'acide phosphorique, de potasse et de chaux.	
—	—	—	—	—	—	—	—		
23, 40	61, 00	85, 80	32, 40	470, 00	230, 20	58, 60	86, 80		
71, 40	17, 80	24, 00	50, 40	81, 40	126, 60	82, 60	55, 80		
882, 20	825, 20	850, 20	910, 00	443, 40	627, 60	838, 60	827, 20		
—	—	—	—	—	—	—	—		
22, 20	39, 60	29, 00	6, 80	12, 00	15, 60	12, 60	21, 60		9) Terre argilo-silicieuse, assez humifère, assez bien pourvu d'azote, très riche en acide phosphorique, pourvu en potasse et chaux.
2, 80	6, 40	11, 00	0, 40	3, 20	Néant	7, 00	8, 60		
1, 706	0, 942	1, 347	0, 693	0, 449	0, 289	1, 526	1, 302		
1, 198	0, 846	2, 133	1, 428	0, 048	0, 048	1, 406	1, 755		
0, 271	0, 111	0, 123	0, 123	0, 961	0, 864	0, 403	0, 144		
0, 123	0, 144	0, 400	0, 200	0, 185	0, 247	0, 200	0, 400		
0, 300	0, 250	0, 349	0, 152	0, 150	0, 150	0, 203	0, 254		

(5) A 16 kilomètres de Pleiku, vers Suoi-doi.

(6) A Pleiku, a 36 kilomètre de Pleiku; vers Bantur.

(7) Au kil. 56 avant l'embranchement de la route Suoi-doi.

## BẢNG SỐ 12

Phân-chất các thứ phân, tro,  
người An-Nam dùng tại Kontum

Phân heo	Humidité . . . . .	73,05%	
	Azote . . . . .	0,26	
	Acide phosphori- que . . . . .	0,10	
	Potasse. . . . .	0,26	
	Chaux . . . . .	0,22	
	Magnésie . . . . .	0,02	
Lá khô	Eau . . . . .	15,00	
	Acide phosphori- que . . . . .	0,34	
	Azote . . . . .	0,80	
	Potasse. . . . .	0,28	
	Chaux . . . . .	0,30	
	Humidité . . . . .	4,65	14,64%
Tro	Potasse. . . . .	6,70	4,41
	Acide phosphori- que. . . . .	2,71	1,66
	Chaux . . . . .	16,56	27,87
	Magnésie . . . . .	5,58	1,70

(Tro thí nghiệm hai thứ khác nhau)

Tro tranh	Potasse. . . . .	2,34%
	Acide phosphori- que . . . . .	1,26
	Chaux . . . . .	2,62
	Magnésie . . . . .	1,49
	Oxyde de fer et alumine. . . . .	24,55
	Silice . . . . .	53,46

3<sup>o</sup> Thổ-sản. — Kontum cũng nhiều thổ-sản: Hạt Kontum có cà-phê (*café*), hạt An-khê có thuốc lá, bắp, các thứ đậu phụng, đậu xanh. Đó là các giống nhiều, chứ như các giống khác có mà ít hơn.

Như trong qui thứ nhì năm 1933, bán ra phỏng 10 tấn (*tonne, 1.000 kilos*) đậu phụng, 50 tấn bắp, 50 tấn cà-phê, 2 tấn đường đen, 1 tấn thuốc lá.

Thuốc lá An-khê rất rẻ. Thuốc hạng nhất bán chừng 17, 18 xu một cân tây

mà thôi, bởi thế cho nên nhiều cửa hàng buôn tại Qui-nhơn lên mua hết mà bán lại cho những xưởng làm thuốc điếu Sài-gòn hay là Chợ-lớn. Năm trước có gửi mẫu qua bên Pháp *Manufacture nationale des tabacs* thì được khen là hoàn-toàn.

Còn như cau ở An-khê phỏng 25 hay 30.000 cây, song người các tỉnh miền nam ăn cau chỉ ăn cái hạt mà thôi, chứ bỏ cái xác, và ở đó cây cau già, cau cao thì không ai leo mà hái, chờ cho nó rụng. Bởi hai lẽ ấy cũng bớt lợi.

Cà-phê gọi là nhiều chứ không phải người An-Nam có những đồn-diền lớn trồng cà-phê đâu. Chỉ mỗi nhà trồng một ít, nhà nào cũng có vài ba trăm cây, nhiều thì một vài ngàn cây, góp gió làm bão mà thành nhiều.

Các làng thành-phố, nhất là Phương-nghĩa lại trồng các thứ rau rắng tây (*Chou, salade, carotte, laitue...*) rất tốt và bán rất rẻ, cho nên đến mùa ăn không hết, con buôn ở Qui-nhơn buôn về nhiều. Ấy là cũng một mối lợi cho dân. Nhiều người trồng nên bán rẻ. Sở bán rẻ mà có người ngã lòng, nên từ năm 1933 này làm đầu, tỉnh có đặt phần thưởng cho những nhà trồng nhiều và rau tốt. Phần thưởng thì 10 đồng, 5 đồng, 3 đồng, 1 đồng, lại có một cái bằng cấp có dấu Tòa đầu tỉnh.

Gạo người mình làm thì mỗi năm chừng 17, 18 tấn cũng đủ ăn, không đến nỗi phải mua gạo Mọi. Các thứ đồ trái như mít, chuối, xoài, thơm, bắp, đều có cả mà rẻ.

Mọi làm ruộng ở miền bắc Kontum thì có biết cấy, miền nam thì vãi ra một lần chứ không cấy. Gạo Mọi rẻ, song ăn ớn-ớn như nếp. Mọi lại năng trồng mè đen.

(Còn nữa)

T. X.

# THỞ-CÔNG NGHIỆP NGHE BÁO

(Hài-văn)

Một nếp nhà kia, ngoài lầu trong gác, ngày gió đêm trăng, thật là thích-hợp với cảnh xem báo xem sách. Trước kia có thầy giáo A thuê ở nhà ấy, thầy là người hay xem đọc báo, mỗi ngày ba buổi đem báo ra đọc. Buổi sớm thầy trở dậy, ra sân ngắm bầu trời đất, trông cảnh cỏ hoa, hô-hấp không-khí xong, liền đem những bài thơ hay trong số tân-văn đã xem hôm qua ra, thung-dung ngâm đọc lại một lúc. Buổi trưa, thầy súc miệng ngậm chè nụ, và hút thuốc lao xong, liền đem những bài văn hay trong số tạp-chí đã xem bấy lâu ra, lại thung-dung ngâm-đọc lại một lúc khá lâu hơn buổi sáng.

Nhất là về buổi tối, thầy thắp một ngọn đèn sáng để thay nhật nguyệt đôi vầng, thầy ngồi một bên, vợ thầy ngồi một bên, hoặc cũng có khi mấy ông bạn cùng ngồi với thầy, con nữ-tỳ pha khay nước bưng lại, học-trò thầy và con thầy hoặc ngồi hoặc đứng xúm xung-quanh; rồi thầy đem những số tạp-chí mới tiếp được và những số tạp-chí tháng mới đây xem-xét ngâm-đọc. Khi thầy đọc, có chỗ thầy tỏ ra bộ cười, có chỗ thầy tỏ ra bộ khóc, có chỗ thầy tỏ ra bộ thâm-trầm êm-ái mát-mẽ xuyết-xoa. Thầy lại lấy lời phê-phân một cách công-bằng và nghiêm-nghị rằng: « Văn-chương này là văn-chương đường phèn đường phổi, bánh ngọt bánh bùi; văn-chương này là văn-chương giết giải Hiên Kỳ (1), cướp công quê phụ; văn-chương ấy cũng nên nghĩa tất-giao. Văn-chương này là văn-chương khuấy nợ tang-bồng, quên miền văn-thụ (2); văn-

chương này là văn-chương buôn hương bán phấn, dụ khách phồn-hoa; văn-chương ấy cũng chẳng hay-ho gì, nhưng ta cũng thử nếm mùi đời cho đủ mà chơi. Văn-chương này là văn-chương sai tro sai sấm, sát-nhân vô-kiếm, vô-ích xem làm chi nữa ».

Hằng ngày như thế, không sai buổi nào; vị Thở-công trong nhà trước còn nghe hơi, sau hóa bèn mũi, thành ra bệnh nghiệp nghe báo, cho cảnh nghe báo là một cảnh dương-xuân triệu-ngã 陽春召我 3), cho vật trong báo là một thứ vuu-vật di-nhân 尤物移人 (4). Từ đấy Thở-công đổi với sự nghe báo, vắng một ngày không thỏ, chậm một buổi không yên, hề đến cơn thì lại nhớ.

Sau thầy giáo ấy dời dời đi nơi khác, có hai chàng công-tử B và C đến thuê nhà ấy. Bất đầu thấy hai chàng ngựa xe diu-dật, đồ-vật linh-dinh; rõ ra cách-bộ làng xe ngựa nghênh-ngang, Thở-công đã mừng thầm rằng, chủ nhà này hào-hoa hơn chủ nhà trước. Nối đó thấy hai chàng tân-văn tạp-chí nào cũng mua tiếu-thuyết nào cũng khuôn đến, rõ ra lễ-lối khách tài-tinh nghiêng-ngửa; Thở-công lại mừng thầm rằng chủ nhà này phong-nhã hơn chủ nhà trước.

Hay đâu những lúc hai chàng cầm quyền sách nằm mà đọc, Thở-công đương muốn nghe, thì đã thấy chàng ấy ôm quyền sách mà ngủ đi mất rồi. Lại những lúc hai chàng có hạn-bè đến chơi đem tờ báo ra đọc, Thở-công đương thèm nghe, thì đã thấy các chàng vội-vàng đặt

(1) Hiên là Hiên-Viên, Kỳ là Kỳ Bá, là hai bậc phát-minh ra nghề làm thuốc trị-bệnh.

(2) Văn là mây, thụ là cây, là ý nói ngôn ngữ trông bề bên, mà xa cách máy với cây.

(3) Cảnh xuân đẹp đón rước ta.

(4) Gái đẹp mê người.

tờ báo xuống hàn mà rủ nhau đi chơi đầu mất cả. Lại khi đọc thì liến-lầu quèch-quàng, khó nghe khó hiểu. Lại chẳng thấy phán-đoán ra lời gì có thú-vị, chỉ thấy vừa đọc vừa ghé phứt đồng-bồ, hay là vừa đọc vừa nói sang chuyện khác mà thôi. Có khi được nghe buổi sớm lại chẳng được nghe buổi trưa, được nghe buổi nay lại chẳng được nghe buổi mai, làm cho Thổ-công bữa có bữa không, thất-tha thất-thөө, không được bữa nào đủ nghiệm

Nhất là buổi tối nào, hai chàng ấy đi xem chớp-bóng, đi hát ả-đào, đi dự cuộc tổ-tôm, hay là dự cuộc nhảy-đấm đầu, thì thật là đèn nhật nguyệt lù-mù, cảnh Bồng-lai hiu-hắt, ba-sinh hương-lửa, cuộc trần-hoàn đã vắng mặt tri-âm.

Thổ-công khi ấy cơn nghiệm mới nổi lên dưng-dưng, ho-hen ngáp vật, mặt mũi lư-dừ, mũi sỏ dạ đau, chân tay buồn-bã. Một hôm lên miệng phán-trách rằng :

— Tôi là Thổ-công đây, đương ngáp mà than rằng đây ! Nay tôi phán cho qui-chủ nghe : Báo là một thứ chè ó-long, cháo yến-huyết của người ta, dù lợi dù hại thế nào mặc dầu, cũng đủ khiến cho người ta nghiệm được. Nếu có báo mà nghe thì câu cồ-văn thơm-tho, câu xã-

thuyết sáng-sủa, câu kim-văn ngọt-ngào, câu tiêu-thuyết say-tinh ; câu thời-vụ phi-phèo, câu hải-vân khúc-khiết, nào là câu chanh chua đề giải-khát, nào là câu quýt ngọt đề nhuận-tràng, nào là câu khế đại trên rừng, cũng được nếm trải qua, một kiếp phong-lưu nghệ cũng nên đời. Nếu không có báo mà nghe, thì u-mê buồn-bã, gái thuyên-quyên sẽ có ngày mặt búng da chì, trai trắng-sĩ sẽ có ngày so vai rụt cồ. Kia những kẻ văn hay võ mạnh, không có báo mà nghe còn xếp bút gãi cung ; huống-chi người tài-thiền tri-ngu, không có báo mà nghe cũng quên nhà quên nước. Sao qui-chủ tẻ mảy, làm cho tôi nhớ nghe báo như nhớ cơm, thèm nghe báo như thèm phù-dung tiên-cảnh. Từ rày trở đi qui-chủ cứ đọc báo một cách trân-trọng, phê-phán báo một cách chính-đáng cho tôi nghe, tôi sẽ tiếp-tài tiếp-lộc cho qui-chủ, mua được quả văn-minh về mà ăn, đem được thức đồ hàng tiến-bộ về mà thưởng. Nhưng tôi lại sẽ dẫn đường chỉ nẻo cho qui-chủ : mua quả văn-minh ruột, đừng mua quả văn-minh vỏ ; thưởng món tiến-bộ thật, đừng thưởng món tiến-bộ giả, thì Thổ-công này hạnh-thậm ! Thổ-công này hạnh-thậm !

TÙNG-VĂN



## Phải thông-nhất lấy ý-chí của một dân-quần

Hợp vô-số những cá-nhân cùng một dân-tộc lại làm một đàn dê cùng làm cùng ăn cùng ở với nhau trong một đất nước, ấy gọi là một dân-quần. Một dân-quần cũng như một cá-nhân. Cá-nhân phải sống thế nào thì dân-quần cũng phải sống thế ấy. Vậy cá-nhân muốn sống, cá-nhân phải tự có ý-chí của mình để hành-dộng cho đạt tới chỗ mục-dịch tối-cao về sự sống; thế thì dân-quần muốn sống, dân-quần cũng phải tự có ý-chí của mình để hành-dộng cho đạt tới chỗ mục-dịch tối-cao về sự sống của mình. Ý-chí ấy ta gọi là ý-chí của một dân-quần vậy. Ý-chí của cá-nhân là muốn cho mình được sống một cách an-toàn có một cái địa-vị xứng-dáng ở trong dân-quần. Ý-chí của dân-quần là muốn cho mình được sống một cách thịnh-vượng có một cái địa-vị xứng-dáng trong thế-giới nhân-loại. Hai đảng tuy to nhỏ khác nhau mà ý-chí về sự sống cũng như một. Tuy thế, nhưng lại phải biết cái sống của cá-nhân là cái sống có hạn, cái sống có thể dựa vào trong dân-quần mà sống còn được, thế cho nên ý-chí của cá-nhân mà nếu không lập-định được một cách chính-dáng đi nữa, kể cá-nhân may ra cũng có thể qua được một đời. Đến như cái sống của dân-quần là cái sống trang-cửu vô-cùng, cái sống không có thể dựa vào đâu mà sống còn được, thế cho nên ý-chí của dân-quần mà không lập-định được một cách chính-dáng thì cái đời của dân-quần tất phải đến suy-vong. Như thế thì ý-chí của một dân-quần lại càng là quan-hệ thiết-yếu lắm.

Gia-chi-dĩ, đời của dân-quần là cái đời phức-tạp, nó khác với cái đời đơn-độc của kẻ cá-nhân. Đời kẻ cá-nhân đơn-độc, nên ý-chí cũng thuần-nhất, một mình

có thể tự-do hành-dộng cầu cho đạt tới cái chỗ mục-dịch tối-cao về sự sống của mình. Đến như cái đời phức-tạp của dân-quần thì không thể được. Nó gom góp và bao-hàm vô-số những cái thân-phận của các cá-nhân lại. Thân-phận mỗi người một riêng, tư-tưởng mỗi người một khác, thì ý-chí mỗi người cũng không giống nhau. Lẽ tất-nhiên không tránh khỏi. Phương-chi cái đám cá-nhân đoàn-tụ với nhau trong một dân-quần ấy, có kẻ khôn có người dại, có người dở có kẻ hay. Hoặc vì giai-cấp, hoặc vì quyền-lợi mà không hòa-hợp được tinh-ý với nhau. Hoặc vì đất-đai xa-cách mà không thấu hiểu hết được lâu-chỉ nhau. Hoặc vì đất lẽ quê thói có khác nhau mà thị-hiểu không cùng nhau. Hoặc vì nghề-nghiệp sinh-hoạt không tương-đồng mà mưu-cầu cũng tương-phân. Hoặc vì học-thuật tín-ngưỡng khác nhau, mà tư-tưởng thành ra trái nhau. Phạm những cái khác nhau đó đều đủ khiến cho ý-chí trái nhau. Nhỏ thì ý-chí người này trái với ý-chí người kia, lớn thì ý-chí đảng-phái nọ trái với ý-chí đảng-phái kia, là sự thường.

Như thế mà trên những cái ý-chí lẻ-loi, vụn-vặt, linh-tinh, lán-mạn khác nhau hoặc trái nhau ấy, nếu không có một cái ý-chí tối-cao, ý-chí tổng-quát, ý-chí chung, tức là cái ý-chí của cả một dân-quần để thống-nhất, để chi-phối, để kết-hợp lại bết thảy thì sao được. Cho nên ta nói là *phải thông-nhất lấy ý-chí của một dân-quần*. Sự thống-nhất ấy cũng không có gì là xa lạ, nó cũng chỉ là rúi tóm cả các cái ý-chí cá-nhân, dang-phai vào một nơi đầu mối cho được cùng sống còn và cùng thịnh-vượng với nhau mà thôi.

Nếu không thế thì cái đám đông người cùng sống với nhau trong một xứ-sở kia,

không phải là một đàn nũa, mà nó chỉ là một đồng gạch vụn bị tụ hợp lộn-ầu vào với nhau đó mà thôi. Đồng gạch vụn vô-hồn kia, người ta đổ lộn-ầu nó vào với nhau một chỗ, mà không có vôi-hồ để kết-hợp lại cho thành ra lối-lăng gi, thì nó chỉ là một đồng phế-vật mà thôi. Chứ như người ta là giống phải ăn dùng, thường-tình sống tham chết thối, ai không muốn cho đầy nổi của mình. Thế mà cũng tụ-hợp vào với nhau một cách lộn-ầu, không có ý-chí chung gì để chí-phối, thì lại còn sinh ra nhiều sự nguy-hiểm cho nhau nữa. Vì thế mà trong những đám đồng người cùng sống với nhau, thường thấy đang yêu nhau bỗng thành ra ghét nhau, đáng ơn nhau bèn sinh ra thù nhau, đáng phải làm lợi cho nhau, ngờ đâu lại hóa ra làm hại lẫn nhau. Đến bấy giờ thì cái thiên-chức của loài người sớ-dĩ phải hợp-quần lại mà sống với nhau, người ta đều quên nhãng và bỏ đi cả.

Không biết rằng người ta lúc kỳ-thủy, một mình không đủ tự mưu sống còn mà phải hợp với mọi kẻ khác để cho được đủ trí-khôn, đủ sức mạnh mà cùng phấn-đấu với những cái tai-nạn bởi cõi tự-nhiên, phấn-đấu với những cái tai-nạn bởi sinh-vật bởi giống người khác; mà cùng gây dựng thu-hoạch lấy cho đủ mọi cái nhu-dụng về sự sống còn chung đụng cùng nhau. Đó há không phải là cái thiên-chức của sự hợp-quần của loài người ư? Ấy cái thiên-chức hợp-quần của loài người nó quan-hệ là như thế. Kể cá-nhân cho đến các đảng-phái trong một đàn-quần, đã phải nương-tựa vào nhau mà sống, thế mà cái thiên-chức hợp-quần kia lại nhãng bỏ đi, tức là cái ý-chí trong đàn-quần ấy không còn giữ được thống-nhất nữa, thì cái đàn người đó khỏi sao mà không lia-tàn. Đàn đã lia-tàn thì từ cá-nhân cho đến đảng-phái cũng khó mà sống cho được an-toàn. Xét lịch-sử nhân-loại, bao nhiêu đàn-quần bị đào-thải trên trường thiên-

diễn, cũng chỉ là do cái thiên-chức hợp-quần ấy bị quên nhãng, ý-chí thống-nhất ấy bị giải-tán đó mà thôi.

Thiên-chức ấy, ý-chí ấy, phạm vật-loại giống nào có đàn đều phải có, đều phải giữ, không một gì giống người. Nếu lấy tri-thức mà luận thì ta chịu là loài người tiến-hóa hơn loài vật, không biết chừng nào. Nhưng nếu lấy cái đạo-đức về sự hợp-quần mà so-sánh thì ta lại thấy có nhiều điều mà loài người còn kém thua loài vật. Kém thua ở cái chỗ mà các đàn của loài vật nó đều giữ được cái thiên-chức hợp-quần kia, cái ý-chí thống-nhất kia, một cách hoàn-toàn bền vững thủy-chung, bao giờ cũng như bao giờ. Xem ngay như hai đàn là đàn kiêu vàng với đàn chó sói.

Nhỏ xíu nhất là đàn kiêu vàng. Đàn này là đàn thuộc chế-độ giai-cấp, giai-cấp vô-số lớn nhỏ không đều, có chúa-tể, có huynh-trưởng có quân-dân. Song tuy có giai-cấp đó nhưng là cái giai-cấp thiên-nhiên định sẵn, không phải tranh-doạt mới được, cũng chẳng phải tôn-phò mới lên. Ai nấy đều làm hết bổn-phận của mình theo trí-lực của cái giai-cấp mà trời đã định: Quân-dân là bọn thân-phận bé nhỏ nhất và đông-đức nhất thì phải làm việc lao-động là đi kiếm đi tha lấy mồi. Huynh-trưởng là bọn trung-lưu thân-tài to hơn, ý-giả trí-lực cũng mạnh hơn, cho nên phải làm việc đi đốc-suất. Nữ-chủ là vị chủ-tể, thân-tài to nhất, trưởng là được an-hưởng phú-quí, thế mà lại thành vất-vả hơn, là vừa giữ việc chủ-trương lại vừa phải giữ việc sản-dục của giống nòi. Cổ-nhiên thân-phận lớn nhỏ có khác nhau, thì ăn hưởng có hơn kém nhau, nhưng xem ra những bọn thuộc về giai-cấp trên đó chừng họ cũng không ăn-hưởng quá cái phần công-lao ung được của mình. Lại cũng không hề thấy trong đàn ấy có xảy ra những sự nội-tranh rắc-rối bao giờ, thì ta chắc cái bọn trung-lưu đó họ cũng không hề có chút tư-tám với quân-dân hoặc

đồng-bồi. Thế cho nên trong đàn họ vẫn giữ được một nhịp hòa-vui, nhất là gặp khi tai-nạn phải thiên-đò khừ-quốc, ta thấy họ kéo nhau đi một lũ nhưng-nbức mấy nghìn muôn phần-tử bé mọn, dài hàng non cây số, thế mà trật-tự chỉnh-tề rầm-rập, theo một hiệu-lệnh. Trừ khi có vật gì ở ngoài can-phạm vào, thì họ không hề có ai lầm-lỗi, sai-lạc, lộn-sộn, hoặc phân-chia, trốn-tránh nhau lúc nào. Lần-lượt cho toàn-thể cùng đi tới cả vào một chỗ ở mới thì mới thôi. Coi đó ta biết ý-chí của đàn kiến là có thống-nhất mà ai nấy đều giữ được cái thiên-chức hợp-quần.

Khỏe-mạnh và hung-bạo nhất là đàn chó sói. Đàn này là đàn thuộc về chế-độ bình-dẳng. Bình-dẳng đến nỗi mà người ta không có thể phân-biệt cho biết ở trong đàn ấy ai là có trí-lực, hoặc có tương-mạo thiên-nhiên khác thường, hoặc ai là chủ-trương đặc-biệt. Đàn lại không có chỗ định-cư, nay rừng này mai rừng khác. Trong cái phần-tử ai nấy đều nhanh sắc như nhau, vuốt nhọn như nhau, chạy nhanh cấn tợn như nhau. Như thế mà nếu họ quay lại mà tương-dịch nhau thì ai còn chịu ai nữa. Ấy thế mà không biết vì đâu họ lại bảo được nhau, chịu phục-lòng nhau, kết-hợp với nhau làm một đàn được. Họ đến rồ-số cái uy-mãnh lễ-tê hợp lại làm một cái uy-mãnh chung. Đi đến đâu mạnh như giông-tố, nhanh như sấm sét, khua như khắp nơi sẵn vào bắt lấy cho được những loài hươu nai cây cỏ mà ăn với nhau. Xưa nay chưa ai hề thấy trong đàn này họ có những sự tương-tàn tương-thực nhau bao giờ, vậy ta gọi họ là hung-bạo là ta lấy cái tính-cách đối-ngoại của họ mà nói, chứ thực thì gọi thế không đáng. Coi đó thì ta biết ý-chí của đàn chó sói là có thống-nhất, mà ai nấy đều giữ được cái thiên-chức hợp-quần.

Đó là lược dẫn ra hai cái chế-độ hợp-quần của vật-loại để làm chứng cho biết sự thống-nhất ý-chí của một đàn là như thế. Cái thiên-chức hợp-quần phải nên như

thế. Ôi, vật còn như thế, phương-chỉ người ta là cái giống sở-dắc về phần thiên-phủ đã tru-hậu lại hoàn-toàn hơn cả các vật-loại kia. Ta quyết rằng lúc kỳ-thủy đối với cái thiên-chức hợp-quần kia, người ta cũng không kém gì loài vật, cho nên mới thắng-doạt được trời, được vật, mở-mang bờ-cõi mà có được như ngày nay. Chỉ vì về sau trí-tuệ càng tiến-hóa, sự-nghiệp của đàn-quần càng thịnh-vượng. Mỗi khu-vũ một giang-sơn, an-cư lạc-nghiệp. Đại-nạn ở ngoài đã thu, sinh-nhai ở trong thêm khó, bầy giờ bèn quay trí-lực lại mà cùng nhau tranh-quần. Ý-chí đã không cần thống-nhất để làm gì, nên cái thiên-chức hợp-quần cũng dần dần quên nhãng. Ôi, có như vậy thì cũng là bởi thời-thế cảnh-ngộ xui nên. Vậy hệ thời-thế cảnh-ngộ đã đổi thay, lương-tri cũng tự tỉnh-ngộ, ta quyết cái phần thiên-phủ đã tru-hậu lại hoàn-toàn nọ, bầy giờ đem ra làm lợi-ích cho dân, chẳng những ý-chí giữ được thống-nhất, mà cái thiên-chức hợp-quần người ta còn làm đầy đủ gấp bao nhiêu là những đàn của loài vật.

Song le, loài người tuy là giống tiến-hóa vô-cùng, tư-tưởng cùng sinh-hoạt cách tuyệt với loài vật rất xa, nhưng cái chỗ mục-dịch của đạo hợp-quần cũng chẳng qua ở cái nghĩa hợp nhau lại để cùng sinh nuôi, để cùng sống còn và cùng thịnh-vượng. Vậy công việc thống-nhất về ý-chí của một đàn-quần không ra ngoài hai cái điều-kiện là: 1° Thống-nhất ý-chí về tinh-thần quốc-gia. 2° Thống-nhất ý-chí về chủ-nghĩa dân-tộc kinh-tế.

Quốc-gia là cái chỗ cơ-quan chủ-trị, kinh-tế là vấn-đề sinh-nuôi, phạm một dân-quần có làm-lam gì cũng không ngoài hai công việc ấy. Có sự-nghiệp gì cũng không ra ngoài hai sự-nghiệp ấy. Ấy thế mà các phần-tử trong một đàn-quần nào đã thống-nhất được ý-chí về hai chỗ đó, tức là cái thiên-chức hợp-quần của dân-quần ấy được hoàn-bị vậy.

## Truyện ngắn

## TUYỆT-NGA

TÙNG-TOÀN

— Anh ơi! Tôi đã từng nói với anh rằng tôi yêu Nga là thế nào rồi. Tôi mới biết Nga được vài tháng nay, thế mà bao nhiêu làm-hồn tôi, Nga thu hết cả. Tôi cũng biết thế là tôi si, nhưng đối với Nga là con người đã có sắc lại có tài, thiết tưởng cũng nên si lắm. Ôi! Con người mới đẹp sao! Tôi không biết lấy câu văn nào mà tả cái đẹp ấy cho được. Tôi chỉ biết là cái đẹp thiên-nhiên, cái đẹp lộng-lẫy nồng-nần, cái đẹp của một đóa hoa hồng ban sớm. Tôi xin thú thực cùng anh rằng trước kia tôi chưa hề động-lâm trước một người con gái nào, thế mà gặp Nga, quả tim tôi phải đập mạnh, mặt nóng lên, trong dạ thấy hồi-hộp bồn-chồn. Tôi biết nàng lần đầu ở bãi-biển Đồ-sơn và tôi đem lòng yêu nàng từ đấy. Nhưng khổ thay cho tôi, tôi tan-nát ruột gan vì nàng, mà đối với tôi, nàng coi như người khách qua đường hờ-hững. Nàng nghiêm-trang đoan-chính quá. Tuy trên đời gò mà lúc nào cũng phơn-phớt ửng hồng mà tôi vẫn thấy vẻ mặt nàng lạnh-lẽo như một nhà tu-hành, nó phảng-phất như ngậm có một vè buồn kín-đáo cao-xa. Một đời khi gặp nhau, nàng nhìn vào con mắt chan-chứa tình yêu của tôi, thế mà con mắt đen láy của nàng, tôi không thấy nó long-lánh lên như phần nhiều cô gái khác. Tôi biết nàng gan vàng dạ đá nên yêu nàng một cách kính-trọng, nhưng chỉ dành yêu vụng giấu thắm. Tôi cũng muốn quên nàng đi, nhưng hình-ảnh nàng lúc nào cũng mờ-màng ở trước mắt. Ôi! Nàng đã có cái sắc mê-hồn lại có cái dáng đẹp lạ-lùng. Đáng yêu nhất là cái cười tươi-tắn để lộ ra hai lúm đồng tiền đôi bên má, và hàm răng đều-đặn nhỏ-nhắn trắng nõn-nà, rất ăn màu với cặp môi đỏ chót, tuy rằng nàng chẳng có bao giờ thoa son. Nhưng

anh ạ, nàng ít khi cười lắm. Nàng hay vẫn tóc trần, vạt đồ trắng, thường đi chân không trên bãi cát. Anh ơi! Anh hãy tưởng-tượng lúc trăng mờ đêm vắng, một mình nàng tha-thướt trên bờ bãi bằng dáng-điệu mềm-mại dịu-dàng, tà áo trắng nhẹ-nhàng phơ-phất, anh sẽ thấy cái cảnh nên thơ biết chừng nào. Những lúc ấy tôi ngồi ở một hòn đá đằng xa mà nhìn nàng, tôi lại tưởng-tượng như ngắm bức tranh thần-nữ của một nhà danh-họa. Tôi rất lấy làm tiếc rằng tôi không phải là thi-nhân để lúc bấy giờ làm một bài thơ ca-lung cái diễm-lệ của Nga.

Nói đến đây, Thanh-Hà nhìn bạn mà bật cười:

— Kia! Anh Trọng-Lang, thuốc lá cháy gần đến tay rồi. Đây, đạo-dức như anh mà nghe tôi nói cũng phải ngáy cả người huống-hồ tôi, con người giàu linh-cảm.

Trọng-Lang giật mình nhìn vào tay, mỉm cười buông diếu thuốc lá xuống đất:

— Thế rồi sao? Anh nói nữa đi.

— Vâng, anh hãy xơi nước đã kéo người, rồi tôi xin kể nốt anh nghe.

Trọng-Lang cầm tách nước lên uống rồi lúm-lim nhìn Thanh-Hà:

— Anh si rồi!

Thanh-Hà cũng cười đáp:

— Thì tôi đã thú với anh rồi mà Anh linh con người đẹp-đẽ nhu-mi như thế không cảm làm sao cho được. Anh Trọng-Lang ơi, đến bây giờ tôi mới biết ái-tình là gì, mới biết cái mãnh-lực của nó ghê-gớm là thế nào. Nó hăng-hái như đội quán cảm-tử, nó bông-bọt như lớp sóng trào dâng. Giá tôi phải hi-sinh mà được lòng yêu của nàng, tôi cũng vui lòng hết thảy. Này anh! Một đóa hoa mơn-mởn trên cánh có sắc lại có hương, anh có thể

chỉ dùng nhìn mà không hái được không? Tôi thì tôi chưa phải là bậc thái-thượng vong-tinh, thế nào tôi cũng phải hái mới được. Bởi thế nên tôi quyết chiếm cho được lòng yêu của Nga, nhưng anh ạ, Nga không phải là người lấy phong-tinh cảm dễ được.

— Nếu thế thì làm-thường quá, những con người ấy ai cầu làm chi.

— Vàng, bởi thế nên tôi lại càng kính-trọng Nga, kính-trọng Nga bao nhiêu lại càng muốn lấy cho được Nga bấy nhiêu. Tôi hết sức hỏi dò mới biết nàng là con út ông tham C ở phố Z, mà chính nàng đã viết những bài ký là Tuyết-Nga ở « Bùl nữ-lưu ».

— À! Tuyết-Nga!

— Vàng, Tuyết-Nga: anh đã đọc qua van nàng rồi chứ? Ôi! van nàng mới phong-phú làm sao! Đã đẹp đẽ như hoa gấm lại giòn-giã tựa chuông vàng, tu-tướng mới-mẽ sáu-xa, thanh-cao mà lãng-mạn. Trước kia tôi chưa biết nàng tôi đã yêu van nàng rồi, thử nhất là về thơ. Thơ nàng hay lắm! Bài thì hùng-hồn như tiếng kèn ra trận, bài thì rẻo-rất như tiếng đẽ đềm thu. Ôi! Tuyết-Nga! Thật là tuyệt-thế giai-nhân!

Trọng-Lang bật cười:

— Sao hôm nay hứng-từ anh thiên-miên thế? Có lẽ anh thiên-vị rồi vì anh đã quá yêu nàng, mà những lời anh tán-dương đó chắc sao chẳng có điều quá-đáng.

Thanh-Hà quả-quyết đáp:

— Không! Rồi anh sẽ biết Nga là người thế nào. Tôi đã xét kỹ-càng hơn một tháng nay, không những xét ở bản-thân nàng, lại xét cả về gia-thế nàng nữa. Phải, con người thế ấy tất-nhiên là dòng-dõi trăm-anh. Tuy nàng sinh-trưởng ở nơi quyền-qui lại có Tây-học, nên bề ngoài, nàng thật hoàn-toàn là gái mới, nhưng cốt-cách vẫn Đông-phương. Không một cử-chỉ nào là không có vẻ khuê các. Anh cứ xem một cách phục-sức của nàng cũng đã khá-ài bao

hiều rồi. Không một vật nữ-trang nào, từ chiếc khăn đến đôi hoa. Mà y-phục thì phần nhiều chỉ thay đổi có hai màu: đen và trắng, khi nào đen đen cả, mà trắng trắng tuyền. Giản-học có mặc hàng màu, nhưng đều là những màu nhạt-nhạt. Mà anh ạ, trong một tháng trời ở Hồ-sơn, tôi không bao giờ thấy nàng mặc maillot ra bề tằm. Hình như nàng ra đây chỉ là vì phong-cảnh và khí trời mà thôi.

Trọng-Lang gật đầu:

— Thế thì đáng khen thật, anh cố đi.

— Cố lắm chứ! Tôi đã phải phi bao nhiêu tâm-tư tiền của để lung-lạc nàng, thế mà nàng cũng không chuyển. Nhưng những tiền nước mắt mồ-hôi của tôi ấy cũng không đến nỗi vô-ích, vì nhờ thế-lực nó mà tôi đã mua chuộc được cảm-tình cả nhà Nga. Hiện nay đối với gia-dinh nàng, tôi được lòng hết thầy, từ ông bà cha chú cho đến các chị em...

Trọng-Lang vừa tâm-tâm vừa lắc đầu:

— Nhưng theo ý tôi thì lợi dụng kim-tiền như thế không được quán-tử cho lắm.

Thanh-Hà gật đầu:

— Tôi cũng biết thế, nhưng cũng còn hơn là tôi bỏ tay ngồi nhìn nàng đi lấy người khác, rồi ôm cái ôm tương-tư, thiết-tưởng anh cũng lượng biết cho tôi cái khổ-làm ấy.

— Thế thì anh còn do-dự gì nữa mà không dám?

— Đã, me tôi đã đi dám hôm đầu tháng.

— Được chứ?

— Được.

Trọng-Lang vỗ tay cười ngất:

— Thế mà cứ nói dài dòng mãi, sao không nói ngay đi để tôi mừng.

— Nhưng mà...

Thanh-Hà có vẻ buồn, cho tay vào túi rút ra một bức thư đưa cho Trọng-Lang.

— Anh xem đây thì biết.

Trọng-Lang đem con mắt lò mò nhìn bức thư, từ từ mở ra một cách ngạc-nhiên, thì thấy:

« Kinh gửi ông Thanh Hà.

« Thưa ông,

« Rất cảm cái thịnh-tình ông có lòng yêu đến, nhưng xin thưa đề ông biết cho rằng trái tim tôi đã hiến cho Băn-Hồ, người bạn chí-thân của ông. Vậy có lẽ nào ông nữ đang tâm đem thể-lực kim-tiền mà phá và cướp cái lương-duyên của bạn ông, và cưỡng lấy một người không có lòng yêu ông. Xin ông nghĩ lại.

« Kinh thư

« Người vô duyên với ông :

TUYỆT-NGA »

Trong-Lang gấp bức thư lại nhìn Thanh-Hà :

— Băn-Hồ? Anh Băn-Hồ của chúng ta? Vậy anh nghĩ sao?

Thanh-Hà không ngần-ngir chút nào, đáp :

— Anh bảo còn nghĩ gì nữa, chỉ còn đi xin cưới nữa là xong. Gia-pháp như ấy nghiêm lắm. Nga không bằng lòng mà được.

— Thế còn anh Băn-Hồ?

Thanh-Hà bêu môi nhún vai không nói gì cả. Trong-Lang sầm mặt xuống :

— Nếu thế thì anh làm rồi! Sao mọi ngày anh quân-tử thế, mà nhất-dân đôi tâm tình chóng như vậy. Anh đã bị mãnh-lực của ái-tình hay nói cho đúng hơn là bị cái sắc của Nga làm mờ lối rồi. Ôi! Quả là « sắc bất ba-dào di nịch nhân! » Anh! Anh tỉnh-ngộ lại mà hồi tưởng đến cái phẩm-cách của Thanh-Hà mọi ngày, đừng bị cái lâm-lữ nhất-thời mà chôn vùi danh-giá xuống bùn đen.

Thanh-Hà cau mày :

— Anh nói lời-hôi gì thế. Tôi đã chẳng nói với anh rằng tôi không lấy được Nga thì tôi sẽ khổ bao nhiêu ư?

Trong-Lang rên-rỉ :

— Biết, tôi đã biết. Nhưng anh cũng phải biết đến cái khổ của Nga chứ! Nàng đâu bị cha mẹ cưỡng-bách phải nghe theo, nhưng tôi dám chắc rằng không khi nào

nàng chịu cùng anh ăn-ai. Anh hãy tưởng-tượng đến cái kết-quả ghê-gớm của người đàn-bà tuyệt-vọng về ái-tình, thứ nhất người đàn-bà ấy lại là Nga. Thế là anh đã phá hại hai cái hạnh-phúc tốt đẹp của hai gia-dình, gia-dình Băn Hồ Tuyệt-nga và gia-dình anh

Thanh-Hà nín lặng không nói gì, rút diều thuốc lá ra thủng-thủng rô xuống bàn rồi đánh diêm hút. Trong-Lang lại nói tiếp :

— Còn anh Băn-Hồ. Thảo nào mà mấy hôm nay tôi thấy anh ta buồn lắm. Hân anh cũng biết đấy chứ? Thế mà anh không động lòng, lạ thật! Nay anh, mấy hôm nay lần nào tôi đến cũng thấy anh Băn-Hồ buồn rầu thờ-thần, thế mà anh ấy không hề ngờ nổi lòng cùng tôi một mây-may, và cũng không hề cầu-khẩn với anh một lời, cái thái-độ ấy, đáng kính biết bao! Tuy không nói ra chứ trái tim anh ấy tưởng có đến trăm nghìn mũi tên xuyên thủng, thế mà đành chịu đau-dớn âm-thầm, âm-thầm để hi-sinh hạnh-phúc cho anh. Anh đã biết chưa? Anh đã thấy chỗ quân-tử của Băn-Hồ chưa? Vậy anh phải nghĩ đáp lại thế nào chứ?

Thanh-Hà buồn-rầu nói :

— Nghĩa là anh bảo tôi nương Băn-Hồ?

— Chứ gì nữa. Thế chính là anh đi vào con đường thẳng đó. Anh còn do-dự nổi gì?

— Nhưng...

— Lại còn nhưng gì nữa?

— Nhưng... tôi đã mất bao nhiêu tiền..

Trong-Lang lái mặt đi cười nhạt :

— Anh Thanh-Hà! Xin lỗi anh, hôm nay anh là một thằng rất đê-liện. Tôi không ngờ...! Tôi rất hối-hận! Hối-hận rằng không có con mắt xanh để đến nỗi nhầm anh là quân-tử. Nhưng này anh! Còn một vật có cái thể-lực bất anh phải đi vào con đường lối vạch ra đó, anh có biết không? Số-đĩ tir nẩy đến giờ tôi không viện đến là vì tôi cho rằng tất-nhiên anh phải nhớ, không ngờ anh lại không nhớ, hay là anh nhớ mà anh muốn quên

đi. Nếu vậy thật đáng buồn. Nhưng không, tôi chắc rằng không có khi nào, chỉ lại con ma tinh nó ám-ảnh làm cho anh quên đi đây thôi. Vậy tôi xin nhắc lại cho anh. Đây này, anh hãy ngừng đầu lên, quay mặt ra vườn mà nhìn cây thông xanh đứng đó. Kia, nó đang reo vo-vo; anh có biết nó nói gì đây không? Ấy là nó nhắc lại cho anh biết rằng đêm hôm rằm tháng tám năm 19... , tôi, anh, Bàng-Hồ, ba chúng ta cùng kết-nghĩa ở bên gốc nó, mà chính anh lấy tay chỉ vào thân nó, xong chỉ lên vầng trăng, rồi lại chỉ vào cái « cúp » ở bàn mà nói rằng: « Tình-nghĩa của chúng ta tôi mong rằng được như cây thông này lúc nào cũng xanh tốt, như vầng trăng kia còn mãi với thế-gian, chứ đừng như đợt âm-ban ở cái cúp này! » Nó nói thế đấy, anh à! Có phải không anh? Có phải anh đã nói thế không? Phải đấy! Những lời ấy hãy còn vang-vẳng bên tai tôi, có lẽ nào anh đã quên rồi cho được. Anh ơi! Vườn đào ở đời Tam-quốc đã mai-một những bao giờ, mà câu mũ-dám kết-nghĩa của Lưu Quan Trường còn chói-lọi đến ngày nay. Con chúng ta? Chúng ta còn đây, cây thông còn đó, 11.6 mà...!

Nói đến đây chàng thở dài. Thanh-Hà vẫn nín lặng, buồn-bã nhìn khói thuốc cuộn-cuộn tỏa lên trần rồi tan vào không-khí. Trọng-Lang lau mồ-hôi, kéo ghế lại gần vào vai chàng nói một cách thiết-tha cảm động:

— Cũng may mà tôi lại lò-mò hỏi truyện anh, không biết thì thôi, đã biết tôi phải hết sức can-thiệp, dù anh có giận cũng vui lòng: Anh Thanh-Hà ơi! Nga nói phải đấy, anh nên nghĩ lại. Có lẽ nào anh lại mê muội đến thế. Anh hãy nghĩ đến cái đại-nghĩa sờ-sờ ở trước mắt anh. Chúng ta đối với nhau có khác gì ruột thịt, giá phải hi-sinh cho nhau cũng vui lòng nữa là... Mà Nga có yêu anh đâu, và lại Bàng-Hồ yêu Nga trước anh kia mà! Anh nên coi Nga như vị-hôn-thê của Bàng-Hồ và là một người chị của anh mới phải. Anh quên Nga đi, rồi tác-thành cho

đôi lứa ấy. Bàng không tôi sẽ cùng anh cái chiếu từ đây

Thanh-Hà nói se-se:

— Anh đừng nói thế.

Rồi chàng lăm-băm:

— Hừ! Tôi lấy làm lạ không biết Nga cảm Bàng-Hồ về nỗi gì?

Trọng-Lang cười:

— Anh lấy làm lạ ư? Tôi thì tôi không cho là lạ chút nào cả. Đồng-thanh tương-ưng, đồng khí tương-câu, đó là lẽ tất-nhiên. Tôi chắc chỉ là cái duyên vận-lực nó đã giàng-buộc hai người. Tôi rất ngại khen hai người đều có con mắt tinh-dời đó anh!

Thanh-Hà chép miệng:

Nhưng anh Bàng-Hồ là một kẻ hàn-sĩ, với mấy chục đồng nhuận-bút một tháng tự-phụng may ra mới đủ, thì cưới thế nào được Nga là con cưng nhà quyền-qui!

Trọng-Lang cười nhạt, nhìn Thanh-Hà bằng con mắt khinh-bí, nói một giọng chua-chát:

— Thế thì anh càng lăm-lăm, anh đừng nghĩ thế.

Thanh-Hà ngồi thừ trên ghế, hai tay chắp lại để lên đầu gối, buồn-rầu nhìn ra vườn không nói gì cả. Trọng-Lang gạt tàn thuốc lá, rồi lại để lên mồm ngậm, hai con mắt lim-dim hấp-hấp vì khói thuốc đưa lên, gát-gù nhìn xuống đất có vẻ tư-lự. Trong gian phòng lúc bấy giờ im lặng. Những đóa hoa mơn-mởn trong bình ở giữa bàn như nhìn hai người mà cười nhạt. Một lúc Trọng-Lang bỏ điếu thuốc ra, ngoảnh lại Thanh-Hà:

— Thế nào anh? Quyết đi chứ?

Thanh-Hà không đáp. Trọng-Lang có vẻ tức-giận ngồi ngả ra ghế, hai chân bắt chéo, hai tay khoanh vào trước ngực, nhìn Thanh-Hà để đợi trả lời. Chiếc đồng-hồ treo trên tường thủng-thình buông ra những tiếng tic-tắc giòn-giã như tiếng đếm của viên trọng-tài trên đài đấu võ. Bàng một giọng gay-gắt, Trọng-Lang lại hỏi rần rần tiếng:

— Thế nào anh ?

Thanh-Hà thở dài, buồn rầu nói nhát gừng :

— Nhưng... lời yêu nàng quá.. !

Chừa rút lời, Trọng-Lang hăm-hăm đứng dậy rút bỏ hoa trong bình ném thẳng vào giữa mặt Thanh-Hà mà mắng :

— Đồ khốn-nạn !

Rồi chàng cầm mũ rần bước đi ra...

Thanh-Hà ngồi rũ người trên ghế, không buồn lau nước lấm ở mặt, mắt đờ ra nhìn những cánh hoa tan-tác ở trên lòng. Chàng ngồi tuối ra không چرا-cây, mặt sạm lại, rồi lại đỏ lên, có lẽ trăm nghìn điều cần nhắc đang quay lộn trong óc chàng. Rồi hình như chàng bị xúc-dộng quá, con mắt đỏ hoe lên, nước mắt tí-tí rơi trên gò má. Chàng nói lòng « nơ » ra cho đỡ nghẹn ngào, rồi gục đầu xuống bàn, thồn-thức ..

Lúc ấy, Băng-Hồ đang ngồi cầm-cuỳ viết ở bàn thì Trọng-Lang cầm cặp còm-cộp bước vào. Chàng đi thẳng đến chỗ Băng-Hồ, kéo ghế ngồi bên cạnh :

— Tôi đem tin mừng đến cho anh !

Chàng vừa nói vừa cười, vừa bắt tay Băng-Hồ. Băng-Hồ hỏi :

— Mừng gì ? Quyền sách của tôi được xã-hội hoan-nghênh chăng ?

— Không phải, mừng hơn thế kia.

Trọng-Lang vừa nói vừa mở cặp lấy ra một bức thư dày những chữ.

— Thư gì thế ?

— Anh cứ ngồi đây để tôi đọc cho mà nghe.

— Nhưng thư của ai đã chứ ?

— Của Thanh-Hà.

— Thế thì anh đưa tôi xem lấy cũng được.

Rồi chàng thông-thả mở bức thư :

« Anh Trọng-Lang

« Anh Trọng Lang của tôi ơi ! Tôi đã biết tội tôi rồi ! Tôi đã biết tôi là một đứa hèn-mạt, đê-tiện nhất-trần-gian Tôi là một

đứa khốn-nạn không có nghị-lực, để đến nỗi con ma sắc nó dim phạm-cách tôi xuống vực sâu hang thẳm. Tôi còn mặt mũi nào mà trông thấy hai anh ! Trời ! Lương-tâm tôi nó đang cắn-dứt tôi đây này ! Anh rửa tội cho tôi đi, như đức cha rửa tội cho tin-đồ bên giáo. Rồi tôi sẽ thú tội với anh Băng-Hồ. Ồ ! Thật là một vết thương rất đau-dớn trên đời tôi, tôi rất ăn-năn hối-hận. Tôi rất lấy làm xấu-hổ trông thấy các anh, trông thấy cây thông ở trước vườn. Thật là may cho tôi, nhờ có bố hoa anh ném mà tôi biết tỉnh-ngộ. Anh ơi ! Bỏ hoa ấy tôi xin trân-trọng giữ gìn, xin coi như chiếc chén của Đồ-Khoái, anh nhớ bỏ vào quan-tài cho tôi khi nào tôi nhắm mắt về suối vàng. Anh Trọng Lang ! Đến bây giờ tôi mới biết rằng chân-chính ái-tình không phải có thể lấy kim-tiền mà mua chuộc được. Tôi rất kính-phục Nga đã biết dùng ái-tình và rất khen-ngợi Băng-Hồ đã có con mắt tinh đời tìm được người chung-tình tri-kỷ

« Hiện tôi đã đến ông tham C. nói rõ nguyên-nhân để xin từ-hôn và hết sức tán-thành cho đôi lứa ấy. Việc đã xong, lễ thành-hôn của Băng-Hồ có thể dự-bị tiến-hành. Anh Băng-hồ tuy nghèo nhưng trách-nhiệm ở chúng ta, có phải không anh ? Thôi, để tối hôm nay chúng ta sẽ nói nhiều rồi cùng xuống anh Băng-hồ...

« Kính thư

« Bạn thân của anh : THANH-HÀ »

Băng-Hồ đọc xong cảm-dộng quá, đặt bức thư xuống bàn, đứng dậy cầm lấy tay Trọng-Lang, nhưng thồn-thức không nói được một lời. Trọng-Lang cũng cảm-dộng, đứng dậy bắt tay Băng-Hồ :

— Tôi xin mừng anh !

Băng-hồ mỉm cười nói run-ran :

— Vàng, cảm ơn anh. Nhưng đáng mừng hơn nữa là cái giao-tình của chúng ta. Anh ơi ! Đối với cô-nhân, chúng ta cơ-hồ chẳng thẹn.....

## Sức mạnh về tinh-thần của nước Nhật-bản (1)

Tôi đã từng diễn-thuyết về nước Tàu. Trong khi nói về vấn-đề Trung-hoa, tôi tự thấy tôi bỡ-ngờ lắm. Tôi không tự thẹn mà thú thực như vậy. Người Trung-hoa về tinh-thần, về cảm-giác đều khác ta lắm, cho nên diễn-thuyết cho người Pháp về cái lý tại sao dân Trung-hoa đông-dùc như vậy mà không thành một nước, thì thật là khó-khăn vô-cùng. Trái lại, giảng-giải tại sao có dân Nhật thì có nước Nhật, cũng như có dân Pháp thì có nước Pháp, lại là một việc dễ-dàng quá. Là vì nước Nhật mấy đời nay tiến-hóa cũng như nước Pháp, cũng như mọi nước ở Âu-châu. Nước Nhật không như các nước khác bên Á-châu, nước Nhật một mình ở Viễn-đông, tận-cùng bên châu Á, mà tiến-hóa lần lần cũng qua các thời-kỳ như các nước Âu-châu. Không phải nhất-đần thành ngay một nước, dần-dần dà-dà, đời ấy sang đời khác rồi mới thành nước.

Điều đó tưởng nên giải cho tường. Người Nhật không phải từ xưa đến nay vẫn ở đất Nhật. Nhiều giống người khác đã ở đất Nhật trước người Nhật. Giống người cuối cùng gần ngay với người Nhật là một giống người to lớn, rậm lông, nhiều râu, da trắng, có lẽ tự miền cực-bắc đi xuống. Giống đó, người ta gọi là Hà-di (*Ainos*). Hiện giờ cũng còn có một số ít ở đảo Bắc-hải-đạo (*Hokkaido*).

Người Hà-di thuở xưa, ở khắp cả đất Nhật. Sau người Nhật bây giờ đến xâm-lấn và đánh đuổi đi.

Vậy người Nhật ở đâu tới? Cái đó mỗi người nói một khác. Hiện giờ cho rằng có một phần ít người ở lục-địa Á-châu di sang và một phần nhiều người thì ở Mã-lai di lên. Cũng có lẽ như vậy, vì ở biên-giới xứ Mông-cổ và *Transbaikalie*, ven bờ những con sông *Keroulène*, *Argoun*, *Amour*, về đời thượng-cổ đã có một giống người ở, có tính hiếu-chiến, hay đi xâm-lấn các đất nước khác: Chính ở đó đã xuất ra những tướng anh-hùng như *ATILA*, *TCZINKIZ*, *TIMOUR*, lần-lượt xưng-bá xưng-hùng khắp bốn phương. Cũng có lẽ một vài di-đảng những rợ đó đã lặn-lội tới bề Nhật-bản hay bề Cao-ly. Nếu vậy thì cũng khá cho là lạ-lùng mạo-hiêm, vì xưa nay không có từng vượt biển xa khơi bao giờ. Hoặc nhờ những thủy-thủ người Tàu hay người Nga có chở qua được vài ba chục hay vài ba trăm đội quân sang được tới nơi, thế là cùng, mà các sử-gia bấy giờ chép đã cho là nhiều lắm. Nhưng cái làn sóng nó tràn ngập mất dân Hà-di, lập nên nước Nhật-bản văn-minh rực-rỡ trong hai-mươi-nhăm thế-kỷ nay lại không phải là làn sóng đó, mà là một làn sóng ở phía nam đưa lên, ở Mã lai, Phi-luật-tân, ở *Carolines*, hay xa hơn nữa, ở *Samoa*, *Marquises*, *Tahiti*, không biết chừng.

Có lẽ tất cả các dân trong cõi Đại-dương-châu đã cùng nhau vượt bể đến tìm nơi phúc-địa đó; nhưng có thể nói chắc rằng lúc người Nhật đến đất Nhật thì chưa có lịch, chưa có

(1) Lược-dịch một bài diễn-thuyết của ông CLAUDE FARRÈRE ở Paris, ngày 8 tháng năm 1933.

chữ viết. Mà người Á thì biết viết trước người Âu. Trái lại, những dân trong Đại-dương-châu, trong bao nhiêu lâu vẫn không biết ghi chép lấy tư-tưởng để truyền về sau. Còn như lịch để xem ngày tháng thì chỉ dân nào có cần đến thì mới chế ra. Ở những miền trong khoảng hai đường *Cancer* (Hạ-chí-tuyến) và *Capricorne* (Đông-chí-tuyến) thì thời-tiết không có phân-biệt. Vậy cho nên có thể quả-quyết rằng người Nhật xưa kia không phải là người da vàng, có gò má cao, hay có tính thiên-trọng về bề hình-thức và biện-bác những điều phiến-toái, mà trái lại, lại là người da đỏ hay sạm, nhanh-nhẹn, quả-quyết, bạo-dạn và mềm-mỏng. Phải là những người như vậy thì mới có thể vượt bể xa khơi bằng những chiếc thuyền độc-mộc chòng-chành không vững, buồm làm bằng rom, dải gió dầm mưa, mà cũng có khi đến chết đói chết khát được. Phải có cái can-đảm mạnh bạo của các tướng La-mã đời xưa thì mới có thể kéo đoàn kéo lũ, cùng vợ chồng con cái, già trẻ ngồn-ngang chòng-chát trên thuyền, vượt khơi ra đi đến một đất lạ mà mình sẽ phải liều thân huyết-chiến!

Người Nhật quả đã làm được những việc mạo-hiêm như vậy, đã quyết chiến và đã đắc-thắng vậy. Thật là những tay thủy-thủ địch đáng, thật là những tay võ-sĩ vô-song, nói tóm một câu, thật là giống người cương-quyết vậy, có cái gan sắt đá ở trong lòng.

Người Nhật cố-nhiên không phải là một dân không can - đảm, lại rõ-ràng là một dân-tộc khôn-ngoan. Người Nhật lại cũng có tính biển-bào, có não chế tạo. Cũng dễ chứng rõ được điều đó. Hãy xét một điều rằng những người da đỏ hay da sạm ở miền Đại-

dương-châu mà đi ngược tới lên đất Nhật đó, tất-nhiên phải trải qua nhiều đường đất, vậy cho nên chỉ có thể đến từng toan nho-nhỏ một mà thôi. Tới nơi gặp những người thổ-dân đông-đức vốn đã thành cơ-ngũ sẵn-sàng, phải cần lập-tức chính-đốn những quân ô-hợp lại cho có liên-hiệp với nhau, có thống-nhất, có kỷ-luật. Nói tóm lại, là phải lập thành một xã-hội. Ở Nhật đương đông qua sang hạ một cách bất-ngờ, nên cần phải có lịch số. Lại phải nghĩ ra một lối chữ viết, vì đốc-suất một đội quân cần phải truyền mệnh-lệnh đi xa, nói miệng không được. Chế ra một thứ chữ, việc đó không phải là khó lắm, nhưng phải mất nhiều thì giờ mới làm được. Người Can-dê (*Chaldeans*), hàng mấy thế-kỷ phải ngắm các tinh-tú luân-chuyển mới làm được ra lịch. Người Ai-cập (*Egyptiens*) chế ra chữ viết, nhưng trung-gian rồi cũng bỏ, tất có cơ gì mà người ta không biết. Rồi người Phê-ni-xi (*Phéniciens*) nghĩ ra chữ cảm (*consonnes*), người Hi-lạp (*Grecs*) đặt ra chữ âm (*voyelles*). Người Nhật cũng có thể làm được như người Can-dê, Ai-cập, Phê-ni-xi, Hi-lạp, nhưng đương lúc bấy giờ cần-kíp lắm, không thể chờ đợi lâu được, vậy phải cố tìm chung quanh mình xem có ai đã chế-lạo được cái gì sẵn để mình bắt-chước khỏi phải tự nghĩ lấy. Thì may, gần đó có nước Tàu. Nước Tàu hồi đó to lớn lạ thường. dân-cư rất là đông-đức, biết viết kể đã có ngoài 25 thế-kỷ; còn như phân-biệt từ thời thì người Tàu biết cũng đã ngoài 4000 năm. Người Nhật chỉ việc bắt-chước theo lịch Tàu, học chữ Tàu là đủ. Thấy vậy nhiều người cho là dân Nhật hay có tính bắt-chước, hay cớp nhặt của người mà cho làm của mình. Xét đoán như vậy là sai; vì sao mà tôi cho là sai. tôi xin nói sau đây, tưởng cũng dễ chứng-giải ra được.

Hãy nói về vấn-đề lịch. Lịch Nhật phóng theo lịch Tàu. Có lẽ vì làm như thế thì giản-tiện và mau-chóng hơn. Vả người Nhật chưa từng có lịch bao giờ, nên lấy lịch của một nước khác làm lịch của mình là một việc dễ-dàng, không có phiền-phức chi cả, không phải bỏ cũ đi để theo mới. Vấn-đề chữ viết có lẽ khó-khăn hơn. Ở Úc-châu tôi, tuy không có biết chữ viết, nhưng cũng đã có một thứ ngôn-ngữ riêng rồi, thứ ngôn-ngữ đó cũng sáng-sủa, dễ nghe.

Tiếng Nhật ngày nay là do tiếng Nhật hồi đó mà ra, vẫn có mọc-mục khó học lắm, xem đó cũng đủ biết. Tiếng Nhật đó là thứ tiếng « dính » (*agglutinative*). Mỗi tiếng có nhiều vần dính lại với nhau, muốn viết ra mẫu-tự Âu-châu cũng dễ, vì cũng có chữ « âm », chữ « cảm » như tiếng Âu-châu.

Có đến sáu chục tiếng Nhật âm và nghĩa cũng giống như tiếng *basque* ở phía nam nước Pháp. Vậy thời muốn viết chữ Nhật ra như chữ *basque* cũng dễ-dàng lắm. Nay chữ viết Tàu không có mẫu-tự, chữ viết Tàu không có thanh-âm, chữ viết Tàu viết ra dễ mà trông, chứ không phải viết ra dễ mà đọc nghe. Mục-dịch của chữ Tàu là vẽ tư tưởng ra. Còn như cái chữ đó đọc lên thế nào, việc đó không quan-hệ lắm. Chữ Tàu có ngoại tám vạn những hình vẽ nho-nhỏ mà ta gọi là « chữ ». Nay nếu đem những hình vẽ đó mà viết ra một thứ tiếng giống như các tiếng Âu-châu, một thứ tiếng mà âm-vận có liên-lạc với nhau, mỗi chữ có vần đầu vần cuối, thì khó-khăn biết dường nào. Vậy mà người Nhật thẳng nỗi được cái khó-khăn đó. Họ theo chữ viết Tàu mà vẫn giữ được cái bản ngữ Úc-châu của họ, vẫn giữ được những âm-vận phiền-phức, đem lối viết Tàu mà thích-dụng vào tiếng nói của họ. Có lẽ cũng thêm thối ít-nhiều chữ Cao-ly vào nữa. Về

chỗ đó, tôi cũng cứ tin ở lời nói của các nhà bác-ngữ-học. Tôi dám chắc rằng tuy tôi biết có ít chữ Hán, nhưng sang Nhật tôi vẫn có cách làm được cho họ hiểu tôi.

Nay hãy đề khoa ngôn-ngữ-học đó; ta nói đến khoa sử-học có lẽ vui hơn. Sử nước Nhật cũng có lẽ giống như sử nước Tàu. Hồi đầu người Nhật đến đất Nhật đi bằng những chiếc thuyền cũng chẳng to-tát gì, mỗi lần chỉ được mấy chục nhà : ba bốn chục quân-lính cùng với gia-quyển, đã là nhiều lắm rồi. Xã-hội là cái xã-hội từng họ một, cách tổ-chức giống hệt như Tàu, cách đó rất lợi cho sự tiến-hóa của cá-nhân. Nhưng người Nhật cần phải đổi-thứ và cần phải thắng người Hả-di, nên hiền ngay sự ích-lợi phải hợp-nhất các họ thành đoàn, các đoàn thành nước, nước đó sẽ ở dưới quyền cai-trị của một người, người đó là chủ-tể thiên-hạ. Mà lạ thay tự cổ chí kim, vẫn chỉ có một họ nối dõi nhau mà trị-vi nước Nhật. tức là dòng dõi *Mikados* (Thiên-hoàng), con chính của bà thần Mặt-trời tên là *Amaterasu no Ohomi Kami*, mà đời đời lấy hoa cúc làm biểu-hiệu cho họ mình.

Mới thành-lập, nước Nhật đã là một nước phong-kiến (*feodal*). Cũng như các nước phong-kiến khác, nước Nhật khởi đầu cũng theo cái chính-thể thần-quyền. Vua là giáo-chủ, giáo chủ là Vua. Oai - quyền Vua là oai-quyền tuyệt-đối, tự Trời mà ra. Vậy thời vua Nhật, lúc đầu là vua chuyên-chế, các hàng tăng-lữ, các hàng võ-sĩ đều ở dưới quyền thống-nhiếp cả. Dần-dần những hạng chư-hầu đẻ ngày một mạnh, thế-lực ngày càng to, quyền vua bị xâm-lấn. Nhiều lần họ át cả vua. Thật chẳng khác gì ở nước Pháp, nước Anh, nước Ý, nước Đức vậy. Dân cũng bị bọn đó áp-chế. Chế-độ phong-kiến, dù có ích cho những dân-tộc mộc-mạc để giúp cho mau

tiền-bộ, nhưng rất là nặng-nề cho những dân-tộc đã khai-thông rồi. Đông-phương cũng như Tây-phương, đều phản-kháng cái chế-độ đó. Mà phản-kháng thì đều dùng một cái mưu tuyệt-diệu như sau này: kẻ cầm quyền phải chẵng dã quá lạm-quyền của mình? Vậy thời phải khiến cho họ hiểu rằng cách lạm-dụng đó là không hay, không lịch-sự, khiến cho họ hiểu rằng ở trên đời này không nên thấy mình thắng người ta mà ra tay đè-nén người ta, làm cho kẻ thù mình không cất đầu lên nổi, làm thế là bất lịch-sự. Lại khiến cho họ tin rằng những hạng người hèn-hạ vô-dụng, người già kẻ yếu, trẻ con, đàn bà, ấy là phận-sự người lớn kẻ cả phải giữ-gìn bênh-vực cho người ta. Những tư-tưởng nghĩa-hiệp đo lường như là những tư-tưởng ngông-cuồng, thế mà đã gây nên cái đạo võ-sĩ vậy. Đạo đó vẫn đã lan khắp hoàn-cầu. Người Nhật cũng tin những tư-tưởng ngông đó, như người Pháp, như người Anh, người Đức, người Tây-ban-nha, người Ý-dại-lợi vậy. Ở Nhật chẳng khác gì ở Pháp, cũng sản-xuất ra một thứ luật danh-dự. Cái luật danh-dự đó ở võ-sĩ-đạo mà ra, mà võ-sĩ-đạo thì lại chính ở chế-độ phong-kiến mà xuất - hiện ra. Chế-độ phong-kiến tiền đi, mà luật danh-dự còn sống năm sáu trăm năm nữa. Hiện nay luật đó còn thịnh-hành cho đến nỗi thí-dụ như trong các Ngải đây, ai là người bị kẻ khác xử nhục với mình, hay lấn-láp đến mình, mà không hăng-hái nhẩy-sỏ ra đánh cho người đó một trận, dù người đó là tay giết-giải quán-quân nghề võ, hay là một tay kiếm-thuật sỏ - trường mặc lòng. Thế có ngông hay không? Vẫn là ngông thật, nhưng có cái ngông đó thì các dân-tộc mới luyện nên gan sắt dạ lim vậy.

Nhân có cái tính ngông cao-thượng đó mà người Nhật vừa là một giống

người mềm-mỏng nhã-nhặn, lại cũng vừa là một giống người gan-góc cứng-cỏi vô-cùng.

Ta vừa nói về võ-sĩ-đạo, về luật danh-dự. Luật danh-dự là lúc cần phải bênh-vực danh giá mình, cần phải rửa hờn rửa nhục, cần phải làm cho ra lẽ phải, cần phải báo một cái thù, thì không ai do-dự mà không ra tay quyết-đán. Được lắm, nhưng thế đã đủ chưa? Trong khi quyết-đán, nếu mình thua, nếu mình bị thương, nằm bẹp ở trận tiền, hết cách đối-thủ, vậy thì bõn-phận danh-dự của mình bó-buộc mình phải làm thế nào? Theo luật danh-dự của Âu-châu thì thế là mình đã giữ được tròn danh-dự của mình rồi. Mình có quyền thú-nhận lẽ thua của mình, hay đậu-hàng kẻ thắng mình. Có khi nghĩa-vụ bắt-buộc phải như vậy. Như vua *Francois 1er*, khi đã lâu lượt dùng hết ba thanh kiếm của mình ở *Tolède* thì về *Pavie* đầu-hàng; nhà nghĩa-hiệp *Bayard* sau khi vào sinh ra tử ở trận-tiền, đùi bị chém, xương chân gãy, cũng quay về *Brescia* chịu hàng. Cái vinh - dự của những người đó, ngàn năm không vì thế mà phai-lạt. Nhưng ở Nhật thì không thế được, dù sao cũng không được hàng-phục. Kẻ nào bị nhục, phải giết người nhục mình, hay tự giết mình, chỉ có hai cách đó mà thôi. Như vậy thì quả người Nhật đầu mềm-mỏng, nhã-nhặn vô-cùng, mà cũng gan-góc cứng-cỏi hết sức, lời tôi nói không ngoa vậy.

Xin chờ cho là những lời phụ-họa quá-đáng, bằng ở những chứng-cớ xa-xôi, từ đời cổ-xưa nào. Những nhà đại-anh-hùng như *Yoshitsoumé* về thế-kỷ thứ 12, như *Massassigné* về thế-kỷ thứ 14, đều có thể là những bằng-cớ rất chắc-chắn, nhưng nó xưa quá, tôi không nói đến. Nói ngay một người ở thế-kỷ 20 này, một người mà cả thế-

giới đều biết tên, đều kính-phục. Người ấy là đại-tướng Nãi-mộc (Nogi).

Đại-tướng là người đã đánh lấy được cửa Lữ-thuận (Port Arthur), trong trận Nhật-Nga, là người đã có công to về nghề binh, vì đã xướng ra cái thuyết, gọi là thuyết «khắc đồng-hồ cuối cùng» (le dernier quart d'heure) hay là «khắc đồng-hồ của người Nhật-bản», «khắc đồng-hồ của tướng Nãi-mộc». Theo thuyết đó thì phạm trong một trận quyết-chiến, thắng-phụ là ở cái khắc đồng-hồ sau cùng, bên nào có sức kiên-gan đứng vững được khắc đồng-hồ đó là bên ấy thắng. Đó thật là một bài học can-dảm, nghị-lực, nghĩa-khi, đáng qui là như thế nào! Tướng Nãi-mộc lúc trở về già, thật đã được hưởng những ngày tháng vui sướng. Trên được chính-phủ trọng-đãi, dưới được dân-gian kính-phục. Vua Mutsu-Hito (Minh-trị) trị-vì từ năm 1867, đã làm nên công-cuộc cải-cách lớn năm 1868, là một vị anh-quân lỗi-lạc nhất trong dòng Thiên-hoàng. Năm 1912 chợt có tin Ngài thăng-hà, tướng Nogi liền quyết-chi tự-sát, bà vợ cũng theo chồng mà tự quyền-sinh. Các báo thuật chuyện vua Minh-trị thăng-hà và tướng Nãi-mộc tự-sát, nói rằng đạo vua tôi như vậy, vua băng-hà thì những bầy-tôi trung-thành phải tuân-tử mới phải đạo. Câu chuyện nói như vậy vẫn là đẹp-đẽ lắm. Nhưng chuyện không đích-thực như vậy, chuyện cốt nói ra để cho người Âu-châu nghe. Chuyện thật lại còn tốt đẹp hơn nữa. Nhưng người Nhật công-nhiên không muốn nói ra, mà người Âu có lẽ cũng khó lòng hiểu được.

Nếu những kẻ thuật chuyện lại cho tôi nghe mà đã nói thật cùng tôi, thì câu chuyện xảy ra như sau này: Năm-mươi năm về trước, hồi tướng Nãi-mộc còn là một học-sinh thường ở một trường võ-bị nào đó, ông có kết bạn với một ông Hoàng về giòng nhà

vua. Ông Hoàng này rồi sau tức là vua Minh-trị. Tướng Nãi-mộc lúc còn học ở nhà trường đó, bị ông thầy học làm nhục, lấy làm xấu-hổ lắm và quyết-ý quyền-sinh. Ông không thể giết chết kẻ thù là thầy học mình, kỷ luật ngăn-cấm ông, mà đạo võ-sĩ vẫn trọng kỷ-luật lắm. Lúc sắp tự-sát, bên khản-khoản mời ông Hoàng là bạn chí-thân đến để chứng-kiến cho cái chết của mình.

Cái tục mổ bụng quyền-sinh (hara-kiri) ở nước Nhật thế nào, có lẽ nhiều người đã biết. Người tự-sát phải cầm một con dao thật sắc vào bụng, dưới hoành-cách-mô một chút, rồi rạch thành một miếng vuông. Bụng mở rộng, ruột cũng theo mà tuôn ra, lúc đó người đứng coi, — người này phải là một người bạn tâm-huyết, không những thế, lại phải là người giòng-giới qui-phải nữa, — cầm một thanh kiếm mà chém dứt đôi cổ ra.

Vậy ông Hoàng nhận lời khản-khoản của Nãi-mộc; tuy vậy hồi đó Ngài đã có tri cao, không câu-nệ những tục cũ, dù là thói hay mặc lòng. Ngài nói với Nãi-mộc rằng:

— Anh không thể chết được. Nước nhà cần đến những người như anh lắm. Anh bị nhục, anh phải chết, nhưng tôi, tôi là giòng-giống Thiên-hoàng, tôi nhận cái nhục ấy cho anh. Tôi truyền cho anh phải sống.

Nãi-mộc tuân theo lời dạy, cam chịu sống vậy; rồi sau trở nên một vị danh-tướng, đánh được nhiều trận, quốc-dân mến-phục. Nhưng ngày nay vua thăng-hà, không ai còn ở đó mà đỡ lấy cái nhục cũ cho mình nữa, thời cái cựu-thù đã bốn-mươi năm kia lại trút cả vào Nãi-mộc, Nãi-mộc phải chết, chết cho được toàn danh-dự.

Cái danh-dự đó tướng còn lâu đời nữa chưa tiêu-mòn vậy.

Chuyện này khiến cho ta phải kết-luận một câu như sau này: là khi nào

gặp một người Nhật, bất-cứ người nào, nên nhớ rằng người đó là thuộc về một giống thông-minh, lại là một giống biết trọng danh-dự lắm. Nói thế không phải là biết phục cái hay của người ta mà thôi. Chính cũng là một cách tự-phòng-bị cho mình trong khi giao-thiệp với họ, kéo sơ-suất có hại đến mình.

Tôi có biết nhiều dân từ xưa đến nay vẫn có tiếng là mềm-mỏng nhũn-nhũn lắm. Ở phía đông Địa-trung-lải, nơi gọi là miền *Levant* đó, thì có thiếu gì, nhưng những dân đó họ mềm-mỏng quá, thành ra có vẻ khúm-núm, nơ-lệ. Họ gò lưng cúi rạp, họ quì họ lạy, nhưng thế có phải là lễ phép đâu. Người Nhật cũng cúi, nhưng họ cúi vì phép lịch-sự, rồi đứng thẳng phất dậy ngay. Trong xương sống người Nhật quả có một thứ « lò-so » bằng thép thật tốt, đẹp xuống mà hồng lên đó ngay được. Cái đó ai cũng nên rõ mà chớ bao giờ có quên.

Ở thế-giới lại cũng không thiếu gì những dân-tộc có tiếng là can-dảm, mạnh bạo. Lịch-sử cho ta hay biết bao nhiêu dân như vậy, đại-khái như dân Ti-ba-đạt (*Sparte*). Người Ti-ba-đạt có thể chết vì một tiếng « không » hay « có ». Cả một đội quân Ti-ba-đạt hơn ba trăm người đã chết ở đèo *Thermopyles* không còn lại một người. Nhưng *Thermopyles* đã là một cái đèo, thì có thể đi quanh mà tránh được, cho nên người Ba-tư (*Perses*) vẫn tránh được, mà ba trăm quân Ti-ba-đạt của vua *Léonidas* chết, thật là chết uổng vậy. Cách hi-sinh đó là cách hi-sinh vô-ích. Cứ lý-luận ra mà xét thì dân Ti-ba-đạt quả là một dân lỗ-mãng. Ông *RENAN* vẫn đã biết như vậy, nên ông có câu rằng: « Cái dân Ti-ba-đạt là một dân làm nhiều điều vô-lý nhất, phải nên si-mạ nó, vì nó không còn nữa ».

Dân đó không còn nữa, thật phải vậy: đã tiêu-diệt đi không còn để lại được một cái di-tích gì, đến một điều nghĩa-lý làm-thường nữa cũng không có. Thật là đã mất thì hết trội hết trơn. *RENAN* nói cũng phải, giống Ti-ba-đạt chết là chết tiệt. Người Nhật thì khác, họ còn sống lâu nhiều, mà cho dầu chết đi rồi cũng còn sống lại, vì cái bản-chất họ tinh-khôn, như chất hồ-phách, mà cái tinh-cách họ màu-nhiệm như người Ai-rập, đã có câu phong-dao Ai-cập nói rằng: « Người Ai-cập chui qua lỗ kim cũng được ».

Người Nhật sinh sau đẻ muộn, nhiều lắm là độ 25 thế-kỷ là cùng, bị thiệt-thòi vì nổi phải huộc lòng mà theo chữ Tàu là một thứ chữ trái hẳn với bản-năng tri-giác họ, dùng một thứ chữ « nhân-tạo » để mà tả những mối cảm-giác sâu-xa, những điều nguyện-vọng thâm-trầm, phải chịu nhiều nỗi thiệt-thòi như vậy mà cũng sản được một thứ thi-văn riêng. Thi-văn cao-thượng, dài-các, và rất du-dương, hoạt-bát. Thơ-văn Nhật, tuy bị nhiều điều khó-khăn ngẫu-trở, mà vẫn có vẻ đẹp-đẽ, dù tỏ cho thế-giới biết là sản-vật của một đất phong-cảnh hữu-tinh, núi khe mát-mẻ, sản-vật của ngọn cao-phong Phú-si-son (*Fousi-Yama*) kia, bốn mùa tuyết hồng bao-phủ, rực-rỡ dưới trời xanh; mà cũng thiệt là sản-nhi của cái nước Nhật trang-nghiêm tráng-lệ kia, mà người dân trong 25 thế-kỷ đã trau giồi cho càng ngày càng tốt đẹp thêm lên, khiến cho khách thế-giới phải mến-phục, mà tôi đây nơi được trông thấy một lần đã ba-mươi-tư năm nay, suốt đời chắc không bao giờ quên được nữa.

Mà sao chỉ nói đến thi-văn mà thôi? Nước Nhật cũng có mỹ-thuật tinh xảo nữa. Mỹ-thuật Nhật có một phần phỏng theo mỹ-thuật Tàu, cái đó đã hẳn, lại

cũng có một phần phảng-phất mỹ-thuật Hi-lạp, vì văn-minh Hi-lạp đời *Phidias* và đời *Eschyle* đã từng theo vua *Alexandre* và các nhà triết-học đạo Phật mà lan sang Á-châu. Nhưng người Nhật họ để hết cá tinh thần vào đó, điều-hòa cho thành một thứ mỹ-thuật riêng, không Hi-lạp, không Tàu mà cũng không Ấn-độ. Các cung điện ở *Nikkô* (Nhật-quang) dựng lên về đời vua *Henri IV* hay *Louis XIII* nước Pháp, thật là một bằng-cớ hiền-nhiên. Nhà văn-sĩ *Pierre Loti* đã từng tán-thưởng. Cung-điện đó dựng lên hồi khôi-phục lần thứ nhất ngay sau thời-kỳ nội-loạn, công khôi-phục ấy là tự các chúa *Nabounaga*, *Hidéyoshi* và *Yeyasu* khởi-xướng lên. *Nabounaga* là một ông chúa có văn-học, vì thương tổ-quốc nên phải ra tay giúp nước, mà muốn giúp cho được việc thì phải ra tay chuyên-chế. *Nabounaga* bị ám-sát. *Hidéyoshi*, một anh nhà quê trở nên đầu cướp, rồi nghiêm-nhiên làm một tay tướng giỏi, chinh đông phục tây, oai-quyền hách-dịch, lập chí báo-thù cho *Nabounaga*, rồi kế-nghiệp luôn. Còn *Yeyasu*, tuy giông - giỏi hoàng - phái, nhưng hiền thảo giúp *Hidéyoshi*, rồi sau cũng thay *Hidéyoshi* mà cầm quyền. Những nơi cung-điện nguy-nga đó tổ cho ta hay nước Nhật đã khéo biết dùng cái bản-năng mỹ-xảo là dường nào!

Vậy thời nước Nhật xưa nay vẫn là một nước hùng-cường. Nước Nhật có nhiều anh-tài lắm. *Nabounaga* có thể ví với *Richelieu*, *Hidéyoshi* với *Bonaparte*, *Yeyasu* với *Louis XIV*. Nước Nhật có nhiều nhân-tài như vậy, ai cũng lấy làm lạ không hiểu vì có gì mà không sớm thành một nước hiền-hách như ngày nay.

Thiệt quả như vậy, là vì nước Nhật đã trải qua một bước khó khăn, nó ngăn-ngừa sự tiến-bộ lại. Cái sự khó-

khăn đó, lịch-sử ít đề ý đến lắm, mà chính-lý ra thì nó rất quan-hệ.

Hồi xưa nước Nhật là một nước mở rộng cho dân ngoại-quốc. Nghĩa là ai đến nước Nhật đều được cả, và ai ai cũng nghe nói tới nước Nhật. Các nhà hàng-hải đất *Byzance* đều có tới, người Ả-rập cũng vậy. Sau có nhiều giống người như *Vénitiens*, *Portugais*, *Hollandais* cũng tới nữa. Những phiêu-lưu võ-sĩ đi tìm vàng của văn-sĩ *Hérédia*, lúc mệnh-mông trên bề Đại-tây, thường văng-vẳng nghe thấy nói có thần *Cipango* giữ của ở những mỏ vàng xa tím mù tằm...

Đất *Cipango*, chẳng phải đâu xa-lạ, chính là nước Nhật đó. Vẫn biết rằng hồi đó không phải ai cũng có thể tới đất Nhật được cả. Đọc lại tập du-ký của *Marco Polo* thì rõ. Tự phương tây tới, vừa đi vừa về ít ra cũng phải sáu hay tám năm trời. Mưa gió bất kỳ, sóng to bão lớn, thường đắm - đuối bao nhiêu thuyền bè. Đi lại khó-khăn như vậy, mà vẫn có người đi lại. Nhờ đó mà trong thế giới văn-minh hồi bấy giờ không hề xảy ra một việc gì quan-trọng mà không có ảnh-hưởng tới nước Nhật.

Tuy vậy, ngoài những tay thủy-thủ lành-nghề, cũng ít người dám cá gan phiêu-lưu như vậy. Cho nên vào năm 1549, người Nhật lấy làm lạ thấy một người không phải là nhà buôn mà cũng không phải là thủy-thủ đến đất mình. Người đó tên là *François de Chabrier*, tức là *François-Xavier*, là đồ-đệ của giáo-chủ *Inigo Lopez de Recalde*, ta thường gọi là Thánh *Ignace de Loyola*. *François-Xavier* vâng lệnh thầy, qua chinh-phục người Ấn-độ và người Nhật-bản cho qui về đạo Thiên-chúa. Chinh-phục không phải bằng lưỡi gươm, chinh-phục bằng chữ « thập ». Năm 1542, bắt đầu qua Ấn-độ. Ở Ấn-độ mà có người

theo đạo Thiên-chúa, là công tự ông. Năm 1549 qua Nhật, ở không được hai năm thì trở về Tàu, rồi mất ở Macao (Áo môn) vào năm 1552. Ở Nhật ông dụ được rất nhiều tín-đồ, nhiều đến nỗi lúc từ-giã Nhật, ông có cảm-tưởng rằng nước Nhật sẽ thành một nước hoàn-toàn theo đạo Thiên-chúa.

Sự cảm-tưởng đó là sai-lầm, ta sẽ giải và cơ sao ?

Nói đến đây mới sực nhớ rằng chưa nói về những đạo-giáo ở nước Nhật về hồi năm 1549. Kể cũng không có mấy và cũng chẳng lấy gì làm hệ-trọng. Có Thần-đạo (*Shinto*) là một nền quốc-giáo. Đạo này có đã lâu. Người theo Thần-đạo tin rằng Vua là con Thần. Lại có đạo Phật ở Ấn-độ qua Tàu, tràn sang về thế-kỷ thứ 6. Thần-đạo cốt là giữ những cổ-tục có giá-trị, là kinh-thờ ông bà ông vải, là trung-thành với vua chúa, nói tóm lại, là một đạo gồm các tinh-tủy trong dân nước. Cái đạo qui-hầu ấy, bảo là một đạo tín-ngưỡng thì có lẽ cũng chưa được dùng theo như ý-nghĩa Tây-phương, cho là một đạo trung-quân ái-quốc thì đúng hơn.

Còn như đạo Phật ở Nhật thì chia ra làm 19 phái, trong 19 phái đó, có nhiều phái bất-phục thuyết hữu-thần và thuyết linh-hồn bất-diệt. Đạo Phật là một đạo huyền-diệu, hay ua những lối lý-luận tế-toái, là một khoa-học huyền-bí hơn là một tôn-giáo tín-ngưỡng. Người Nhật nào cũng theo Thần-đạo, chính vì có là người Nhật. Cả nước Nhật lại cùng theo đạo Phật, hai đạo trong một nước mà không hề xung-đột nhau bao giờ, không hề bao giờ xảy ra chuyện đạo nọ lấn áp đạo kia. Muốn cho khi qua-có được ma chay tử-tế thì theo đạo Phật, vì cái độc-quyền làm đám là ở các thầy chùa.

Ngoài hai đạo ấy, nước Nhật vẫn có thể dung nạp được một cái đạo thứ ba nữa. Cũng vì lẽ ấy và một lẽ nữa, mà cái công truyền đạo của *François-Xavier* đã được kết-quả tốt đẹp như trên vừa nói. Lẽ nữa là lẽ này : Dân Nhật cũng như dân La mã, là một dân có nghị-lực quả-quyết, có sức mạnh như gang như thép, là một dân có cái bản-năng xâm-lấn kẻ khác. Một thế-kỷ sau Gia-tô giảng-sinh, dân La-mã rất cần-dùng đến đạo Thiên-Chúa. Vậy thì ngàn rưởi năm sau lẽ nào dân Nhật-bản không cần-dùng đến một cái đạo khoan-dung êm-ái như đạo Thiên-chúa. Người ta cặm-cui làm ăn suốt ngày, tất cũng mong có lúc nghỉ-ngơi, mà muốn nghỉ-ngơi thì không có cái gối nào êm-ái bằng cái gối của đạo Thiên-chúa. Nước Nhật tất-nhiên phải cần-dùng tới đạo Thiên-chúa. Vậy mà nước Nhật không theo đạo Thiên-chúa.

Là tại làm sao ? Là vì nước Nhật xa kinh-thành La-mã quá ! Một bức thư đi, lại, cũng mất bảy tám năm trời ! *François-Xavier* mất đi, những người kẻ chân đều là những kẻ bất-tài, mà công việc nào có phải dễ-dàng đâu, cần phải hằng ngày chống lại với đạo Thần, đạo Phật. Những người kẻ-nghiệp cho *François-Xavier* là người tâm-thường quá không hiểu rằng Thần-đạo chỉ là một đạo trung-quân ái-quốc và Phật-giáo chỉ là một thứ triết-học huyền-bí mà thôi. Không hiểu tình-trạng ấy mà bày tỏ cho La-mã hay : *Nabounaga*, *Hidéyoshi*, *Yeyasu*, cũng như *François Xavier*, đều là những bậc anh-tài xuất-chúng cả. Nên các bậc ấy không nghĩ tới chuyện ngăn-cấm đạo Thiên-chúa. Nhưng những kẻ kẻ-nghiệp các bậc ấy cũng như những người tiếp sau *François-Xavier* là người trí-não tâm-thường hẹp hòi cả.

Vấn ai cũng có bụng tốt, muốn làm việc hay cả. Nhưng chỉ có bụng tốt mà không có tài-năng thì không đủ. Kết-

quả đến năm 1637, có lệnh của « tướng-quân » (*shogun*, là cũng như chức phó-vương) cấm tuyệt bất-cử người nước nào cũng không được phép bén-mãng tới đất Nhật. Người Nhật cho mình là tự-mãn tự-túc rồi, không muốn cho những dân « mọi » phương xa mang đến nước mình là một đất thần-tiên, những sự mới lạ quái-gở. Thế là nước Nhật đứng một mình, đóng cửa không cho ai vào nữa. Trải qua mấy thế-kỷ, lần này là lần đầu, nước Nhật quyết đứng một mình tro-trọi trên mặt địa-cầu, không trực-tiếp với ai hết. Người Nhật có quyền đóng cửa, không cho ai vào nước mình : giang-sơn nào anh-hùng ấy, ai dám trách điều đó. Nếu tôi ưng đóng hết cả cửa ngõ nhà tôi lại, thì tôi cứ đóng, những kẻ đi qua người đi lại chẳng việc chi mà phải bán-tán vớ-ich. Nhưng cái chính-sách đóng cửa đó cũng có điều hại. Vì nếu cứ khu-khu ở trong xó nhà như vậy thì những người ngoài họ hành-động ra sao mình đều không rõ. Thiên-hạ chế tạo ra thuốc súng, nước Nhật vẫn biết, nhưng vẫn khinh ; bởi ấy còn do-khả, vì thuốc súng bây giờ đánh trận chưa ăn-thua gì. Nhưng đến đời *Gustave Adolphe*, Âu-châu nghĩ ra súng đạn kim-thời, thì nước Nhật tuyệt-nhiên không biết. Rồi sau, trong hai trăm năm, nước Nhật đều không biết chuyện gì hết.

Lúc đầu kẻ cũng chẳng có sự gì phiền, trong nước vẫn thái-bình thịnh-trị, người dân vẫn lạc-nghiệp an-cư. Mãi đến năm 1853, có một chiếc thuyền buồm Mĩ giạt vào bờ, không rõ ở quần-dảo *Kouriles* hay ở chỗ nào đó, thủy-thủ lên bờ cả. Ông chúa cai-trị nơi cù-lao đó, lấy phép lịch-sự mà mời các thủy-thủ đi, lịch-sự nhưng cũng cương-quyết. Bọn này cho thể là nhục quốc-thê, về phân-nân với quan Tổng-thống ở *Washington* về sự người Nhật đã-

man, thô-bỉ, không biết phép lịch-sự phải tiếp-đãi tử-tế những thủy-thủ gặp nạn vào phần biển mình. Quan Tổng-thống liền phái một đội chiến-thuyền do thủy-quân đó-đốc *PEARRY* chỉ huy, đến đóng ở đảo *Kiou-shiou*. Đó-đốc đến tìm ông Chúa cai-trị cù-lao đó, phân-nân về nỗi người Mĩ bị nhục ở phía bắc nước Nhật.

Cuộc đối-đáp đôi bên chắc là la-lùng lắm, tôi tưởng giá tôi phải sống bớt đi mấy năm mà được nghe những câu nói đó cũng cam-lâm.

Đó-đốc Mĩ thì lấy phong-tục Mĩ mà viện lẽ. Chủ-quận Nhật tất-nhiên không hiểu chi chi cả.

— Ông phân-nân vì thuyền ông mất, nào tôi có biết ở đâu. Ở xa đây lắm à, ở phía bắc à ? Tôi cũng phiền thay cho ông. Vậy ông muốn tôi làm thế nào bây giờ ? Nếu các ông không lãnh nghề, thì tôi hơn là nên ở trong nước các ông, chứ đi vượt biển xa khơi mà làm gì ? Tôi tưởng ông không có ý đồ lỗi đó cho tôi chứ ? Vậy thời ông muốn gì ? Có phải người nước tôi không ưng cho thủy-thủ chiếc tàu đắm của nước ông vào đất chúng tôi chẳng ? Vậy thì họ có lý lắm, vì có chỉ-vua ban ra cấm không cho người ngoại-quốc đến đất Nhật. Làm dân phải theo phép-luật nhà Vua. Về phần tôi, tôi xin cam-đoan với ông rằng không bao giờ tôi đến đất nước ông. Đã vậy thời tôi không có hề làm thiệt-hại ông bao giờ. Ông muốn tôi đền-bồi ông về cái chi bây giờ ? Ông phân-nân rằng bị nhục quốc-thê. Cái đó thì quan-hệ thật, chúng tôi cũng đồng-y với ông. Nếu ông cho rằng chúng tôi đã làm nhục các ông, thì ông cần phải giết tôi đi, nhưng nếu ông không giết được tôi, thì ông phải tự giết ông. Luật danh-dự phải nghiêm-buộc như thế. Trong hai cách tùy ông chọn lấy cách nào mặc ý. Nhưng bây giờ, xin ông hãy làm ơn đi cho, tôi nói đã nhiều lắm rồi...

Câu chuyện như vậy, Đô-đốc Mĩ cố-nhiên phải lui về, nhưng về đến tàu liền cho phóng đại-bác vào thành *Kago-shima*.

Ở đời không có gì khó-khăn bằng cãi lẽ với cái súng đại-bác, nhất là khi mình không có súng để đáp lại. Ông chủ quận *Kago-shima* lúc đó mới tỉnh-ngộ, yêu-cầu đình-chiến và nhận lời xin lỗi quan thủy-quân PERRY; xong rồi tức-khắc tự-sát để tuyết-sĩ. Về phần chủ-quận thì thế là tròn phận-sự. Nhưng về phần dân Nhật thì cho việc đó là một việc nhục-nhã cho mình.

Kể thì đau-đớn thật : dân Nhật, một dân hết sức trọng danh-dự, một dân cực-kỳ cứng-cỏi, lúc danh-giá mình bị người phạm đến, nay bị nhục như vậy mà nuốt hờn uống giận đi được không? Thôi, bấy giờ không còn do-dự nữa, liền ra tay đá-đào cái chính-phủ hèn-nhất của nước mình, cho rằng một chính-phủ mà không biết dự-phòng việc bất-kỳ thì cũng không đủ tư-cách trị nước được. Bèn gây nên một cuộc cách-mệnh kịch-liệt, phế-bỏ cái chế-độ phong-kiến cũ rích đi mà dựng nên một chính-thể tân-thời theo Âu-tây.

Việc cải-cách rất mau-chóng. Năm 1854 quân Mĩ bắn thành *Kago-shima*, mà cuộc « Đại cải-cách » thì vào năm 1868. Phải biết rằng việc cách-mệnh duy-tân năm 1868 đó không phải là sự thay đổi của một dân bán-khai, muốn lập-tức trở nên một nước văn-minh đầu. Nước Nhật trước năm 1854 đã văn-minh lắm rồi, có lẽ văn-minh hơn Âu-châu nữa. Người Nhật hồi ấy đã khôn-ngoan chẳng kém gì người Âu, mà có phần sung-sướng hơn người Âu. Song về phần võ-lực thì kém người Âu, vì trong gần hai thế kỷ cứ đóng cửa kín-mít trong nước, không biết gì đến

những sự tiến-bộ của các nước về đường kỹ-nghệ, đã khiến cho Âu-châu biết dùng sức mạnh của hơi nước, của điện-khí, biết chế ra các thứ thuốc nổ kinh-thiên động-địa, xướng ra những chủ-nghĩa cực-doan, như chủ-nghĩa xã-hội. Người Nhật hiểu tình-trạng mình như thế là nguy-ngập lắm, tức thì quyết bỏ con đường cũ của ông cha mà bắt chước theo Âu, Mĩ. Họ biết rằng một nước muốn được tự-do ở trên mặt địa-cầu, thì cần phải có võ-lực. Mà nước Nhật khao-khát được tự-do lắm. Lúc quả-quyết theo con đường mới, chắc trong bụng cũng phân-vấn khó nghĩ lắm. Vì đột-nhiên mà bỏ con đường của ông cha mình, bủy-hoại công-nghiệp đáng qui đáng trọng của tổ-tiên mình, để mà liền chân bước sang con đường khác, vị-tất đã hay-ho gì hơn. Suy đi tính lại, nước Nhật bèn quả-quyết bước lên. Diễn-giá đã từng viết một bộ tiểu-thuyết đề tả cái lòng phân-vấn do-dự của người Nhật vào hồi đó.

Trước trận *Tsou shima*, một sĩ-quan hỏi một người bạn rằng :

— Chúng ta dùng đồ binh-khí Âu-châu, chúng ta thi-hành mưu-mẹo Âu-châu, chúng ta lại cũng theo cả phong-tục Âu-châu nữa. Vậy mà mai đây, chúng ta ra trận-tiền, rũi mà bị thua, thì thế-giới sẽ cho ta là hạng người thế nào ?

Người bạn trả lời ngay : — « Nếu ta thua, họ sẽ cho ta là « lũ khỉ » chỉ biết bắt-chước người. Ta phải làm thế nào cho đừng thua ! »

Quả-nhiên họ thắng. Tự năm 1868 đến nay, người Nhật đánh trận nào là thắng trận ấy cả.

Chẳng cần phải nhắc lại ai cũng nhớ trận Trung Nhật năm 1894 và cuộc đại-thắng của Nhật trên sông Áp-lục (*Yalou*). Lại trận Nhật-Nga năm 1904, nước

Nga tưởng chừng như có thể đè bẹp nước Nhật tý-hon dám cả gan đưa chân vào bờ cõi Cao-ly và Mãn-châu là phạm vi thế-lực của mình, té ra nước Nga bị đại-bại ở Liêu-dương (*Liao-yang*), ở Lữ-thuận (*Port-Arthur*), ở Phụng thiên (*Moukden*) ở *Tsou-shima*, cũng như Tàu bị đại-bại mấy năm trước. Nhưng cũng nên chú-ý một điều như sau này: năm 1894, lúc quân Nhật chiếm-cử của Uy-hải-vệ (*Wei-a-Wei*) của Tàu, nước Đức hồi đó cũng có ý dòm-nòm nước Trung hoa, lấy thế làm tức lắm, gửi tối-hậu-thư cho Nhật, lời-lẽ cứng-cỏi rằng: « Xin cho quân dời Uy-hải-vệ trong hai mươi-bốn giờ, nếu chậm-trễ, chúng tôi sẽ phải can-thiệp ». Nước Đức hồi đó đã là một cường-quốc lớn, mà nước Nhật thì lúc này mới thủ đàng « nanh vuốt » của mình là lần đầu. Nước Nhật thấy thế lấy làm nghĩ-ngợi lắm, cười mà xin lùi. Hai-mươi năm sau, hồi 1914, nước Đức muốn xung hung khai-chiến với khắp vạn-quốc, thì có một nước bước ra đương đầu, nước đó chính là nước Nhật vậy. Giữa lúc ấy, quân Đức chiếm giữ của hồ Thanh-đảo (*Tsing Tao*) gần ngay Uy-hải-vệ. Nhật tìm lại tờ tối-hậu-thư của Đức hai-mươi năm về trước, đặt chữ *Tsing-Tao* vào chữ *Wei-a-Wei*, rồi lại gửi lại cho nước Đức, không thay đổi một lời nào. Thư đó bắt-buộc nước Đức phải dời *Tsing-Tao* « trong hai-mươi bốn giờ, nếu chậm-trễ thì nước Nhật sẽ phải can-thiệp ». Nguyên-soái Đức *Luden-dorff* hồi-tưởng lại chuyện xưa, thuật về việc ấy trong tập « kỷ-ức-lục », có viết một câu rằng. « Người Nhật cũng biết trả-thù thật ».

Năm 1911, tướng *Luden-dorff* chưa biết người Nhật có cái tài đó, hồi ấy hoặc còn có lẽ. Chừ nay là năm 1933 mà thiên-hạ còn chưa biết, thì làm to và có tội với cuộc hòa-bình thế-giới vậy.

Thời nói đến đây là đủ rồi, vì nói nữa là lời bàn phiếm cả. Nhưng phiếm mà cũng nên nói, cũng như muốn đóng một cái đinh vào cột thì cần phải đập nhiều nhát búa mới được.

Chẳng cần phải nhắc lại một điều hiển-nhiên rằng nước Nhật quả là một nước mạnh trong thế-giới, vì chỉ có nước Nhật là được nhờ ảnh-hưởng tốt của cuộc chiến-tranh 1914, về phương diện tinh-thần cũng như về phương-diện vật-chất.

Các nước khác tham-dự vào cuộc chiến đó, kể thì tổn bao-nhiều tinh-mạng, kể thì hao bao nhiêu tiền của, kể thì hại bao nhiêu trí-khôn, duy chỉ có nước Nhật là thu-thập được nhiều tài-liệu về mình, khiến cho đương là một nước chuyên nông-nghiệp trở nên một nước đại-công-nghệ. Nước Nhật sở-dĩ mạnh, lại là nhờ ở dân-số nhiều, sinh-sản lắm, nuôi con khéo. Dân càng ngày càng nhiều, và càng ngày càng mạnh. Ngày nay dân-số có tới 100 triệu, tuy các biểu thống-kế không kê tới số ấy. Hoặc-giả nói: Kẻ nguờ nhiều, thì người Mĩ còn nhiều hơn. Nhưng dân Mĩ phải nhiều sự khùng-hoảng mà dân Nhật không từng biết. Điều đó, ta cũng nên chú ý.

Dân Mĩ ở một cõi đất rộng mênh-mang, một cõi đất giàu-có một cách phi-thường. Trái lại, dân Nhật ở một miếng đất rất nhỏ hẹp, luôn luôn bị thiên-tai lung-chuyên.

Vậy mà nước Mĩ bị nạn dân thất-nghiệp. Sở-dĩ như vậy là cũng vì nhiều cơ, phần nhiều tự mình gây nên. Một chính-phủ giỏi thời phải có thể hỗ-cứn được cái tình-trạng đó. Nước Nhật bề ngoài tưởng như không bị khùng-hoảng, mà kỳ-thực cũng đương xử vào

một cảnh rất khốn-nạn : là không biết tìm đâu ra đất để mà dung nuôi một cái số dân ngày càng bành-trướng. Đó tất cả vấn-đề Thái-bình-dương là ở đó, nó quan-hệ, nó trọng-dại quá, tôi không dám bàn đến mà cũng không dám đả-động tới. Hồi trước thiên-hạ phân-nàn về việc dân Nhật xâm-lấn Cao-ly và Mãn-châu, bây giờ lại phân-nàn người Nhật chiếm-cứ miền Nhiệt-hà (*Jéhol*). Nhưng đó là những chuyện tầm thường, không hệ-trọng chi Việc quan-trọng, và việc nguy-hiểm là việc này : Trước sau thế nào Nhật cũng cần phải có đất mà ở. Không phải là cướp lấy đất mà ở, vấn đề đó có thể giải quyết một cách ôn-hòa, không tất-nhiên phải bạo-động. Nhưng muốn như vậy thì cần phải nghĩ đến ngay. Ở ven biển Thái-bình-dương còn có rất nhiều đất, khi-hậu tới mà người ở ít. Tỉ như đất *Californie*, *Oregon*, *Washington*, mà nhất là đất Úc-châu (*Australie*), từ xưa đến nay vẫn bỏ hoang. Vậy mà ở Nhật mỗi cây-số ruộng phải dung đến ngoài 200 dân. Cái thế không thể được, phàm đầy qua, tất nó phải tràn ra chỗ khác, luật thiên-nhiên như vậy.

Vấn biết rằng, ngoài nước Nhật còn có nước khác nữa, cũng phân-nàn rằng nước mình nhỏ, không đủ chỗ cho dân ở, như nước Ý, nước Đức vậy. Nhưng có ai cấm dân Ý, có ai ngăn dân Đức di-dân đi nơi khác đâu. Và lại đối với dân Ý, dân Đức, sự đó không khẩn-cấp gì cho lắm, muốn ăn-ở rộng-rãi thì mới cần phải di-dân ra ngoài. chứ chưa phải là một vấn-đề sinh-tử ở đó. Đối với người Nhật thì khác hẳn, cái tình-trạng họ khốn-nạn lắm. Luật Úc-châu, Mĩ châu, ngăn-cấm không cho người da vàng được tới Úc tới Mĩ.

Người Nhật bây giờ chỉ có thể sống ở trong nước họ, hay chết ở trong nước họ mà thôi, chứ không có thể dời quê hương mà đi ra đất khác được. Cái luật đó thật cũng ác-nghiệt thay, một ngày kia cần phải sửa đổi lại mới được. Nước Nhật cũng đã nghĩ đến vấn-đề này nhiều lắm rồi. Họ sợ-dĩ đánh Tàu năm nay, chẳng phải vì ý muốn có thuộc-địa ; nước Nhật cũng đã chán biết rằng can-thiệp với nước Tàu là vô-bổ. Nước Nhật thành-tâm muốn cho nước Tàu thoát-nạn nội-loạn, vì sự nội-loạn đó có hại chứ không có lợi cho Nhật. Nếu một ngày kia Nhật phải giải-quyết vấn-đề di-dân ở Úc-châu và ở Mĩ châu — giải-quyết bằng cách thế nào, chưa đoán biết được, — thì ngày ấy sự nội-loạn của Tàu thật là một sự phiền to cho Nhật. Bởi thế nên trước khi nghĩ đến yêu-cầu Úc-châu, Mĩ-châu sửa lại luật di-dân cho khoan-dung hơn, Nhật vẫn muốn hoặc trực-tiếp hoặc gián-tiếp giúp cho Tàu được khỏi cái nạn nội-loạn.

Mà cái vấn-đề khốc-liệt là cái vấn-đề di-dân đó, sớm trưa thế nào nước Nhật cũng phải giải-quyết cho được. Tôi chỉ ước-ao rằng không vì đó mà xảy ra một cuộc chiến-tranh ngông-cường vĩ-dại nữa, làm cho máu các dân-tộc chảy thành sông, tràn khắp mặt địa-cầu. Nước Pháp, vẫn không dính-dáng gì đến những chuyện đó, nhưng rồi cũng sẽ bị vạ lây. Vì muốn cho không can-thiệp đến một cuộc thế-giới đại-chiến sau này, thì phải hoặc rất mạnh, hoặc rất hèn. Mà nước Pháp thì hai cái đó đều không phải cả.

(*Nguyễn Pháp-văn*)

Mĩ-Nợc dịch

## CA-VŨ VÀ ÂM-NHẠC NƯỚC NHÀ

Ca-vũ âm-nhạc mỗi nước một khác, xem về hai phương-diện đó, đủ biết cái trình-độ mỹ-thuật cao thấp thế nào. Nước ta từ xưa, học theo văn-hóa Tàu, nên muốn biết ca-vũ âm-nhạc của ta, trước nhất phải xét cái cội-gốc đó, rồi mới rõ cái trình độ tiến-hóa của một dân-tộc ta từ xưa vậy.

Ở về nước Tàu từ đời Đường đời Tống trở xuống, ca vũ âm-nhạc, chỉ có hai lối: Một lối gọi là *Văn-ca* 挽歌 một lối gọi là *Ban-hí* 扮戲.

*Văn-ca* là khi đưa đám tang, những kẻ hộ-tống đẩy cái xe tang vừa đi vừa hát, hát ra những giọng thương xót buồn rầu, tức là những câu ca *Giới-lộ* 薤露 (1) *Cao-lý* 蒿里 (2) khi xưa vậy. *Ban-hí* là bọn con hát diễn ra những tích liệt quốc hay là tam-quốc xưa, để làm trò mời rượu cho vui khách, tức là những bọn *Ưu-Mạnh* 優孟 (3) và *Thù-nho* 侏儒 (4) xưa vậy. Đến đời Nguyên đời Minh, chỉ có cái tục *Ban-hí* là thịnh-hành hơn, bọn văn-nhân tài-tử thường thường lấy những tích cổ gia thêm văn-hoa, ngụ ý trào-phúng, để phát-tiết cái khi lao-tao bất-bình, như truyện *Tây-xương* truyện *Tỷ-bà*, truyện *Mẫu-dơn-dinh* và những lối diễn tích tỷ sử tiểu-thuyết kia, danh-hiệu rất nhiều, không thể kể ra cho hết được.

Nước ta ở về đời Lý có một vị đạo-sĩ nhà Tống tên là Lý-Tôn Đạo 李尊道, đến dạy cho người nước ta biết cái

cách hát múa diều-cột, đấy cũng là cái tục *Ban-hí* xưa truyền lại mà đạo-sĩ bày ra cho ta.

Lại lúc đời Trần đánh phá được tướng giặc nhà Nguyên là Thoan-Đô (唆都) có bắt được một người con hát tên là Lý Nguyên-Cát (李元吉). Nguyên-Cát là một người con hát giỏi, giọng hát thanh-cao, các thiếu-niên và tôi-tớ của các nhà thế-gia, theo học lối hát của Nguyên-Cát.

Nguyên-Cát có diễn ra những lối tuồng xưa (như những truyện *Tây-vương-mẫu* hiển bàu-đào văn vân), khi diễn có những vai quan-nhân 官人 thù-tử 侏子 đàn-nương 旦娘 sừ-nô 丑奴 (5), cả thấy mười người, mỗi người đều bận áo gấm áo thêu, lần-lượt ra sân-khấu diễn các vai tuồng, lại có âm-nhạc diễn tấu, để giúp cái âm-điệu của các vai đương hát, nên khi diễn tuồng rất dễ làm cho kẻ xem tuồng cảm-dộng, hề diễn ra sự vui thì ai xem cũng vui, mà diễn ra cảnh buồn thì ai thấy cũng phải buồn, ấy ca-vũ âm-nhạc của ta bắt đầu có từ các thời-đại ấy.

Lúc đời Trần người Tàu là Trần Cương-Trung 陳剛中 sang sứ ta, làm ra « *Sứ giao-châu tập* » (使交州集) có chép rằng: « Khi yến đên Tập-hiền thì có vài mươi người vừa đào vừa kệp, đều ngồi ở dưới đất mà hát, có đàn tỷ-bà đầu tranh, để cùng họa với nhau; hát thì trước ngân ra giọng rồi

(1) Tên một khúc ca, vì đời người như giọt móc ở trên ngọn lá kiện qua buổi sáng thì tan ngay.

(2) Tên một khúc ca, nói về chỗ chôn người ở bên núi râm.

(3) Tên một anh phường chèo có tiếng ở nước Sở đời Xuân-thu.

(4) Anh người lùn ra làm trò bóng-lớn.

(5) Tên các vai kệp vai đào hát.

sau mới tiếp đến lời hát. Ở dưới đèn thì có vũ-nữ khiêu-vũ, một bọn đàn ông dan tay đi xung quanh bọn vũ-nữ mà hát, khi hát giương tay lên hoặc thả tay xuống, đều rập như nhau. Các khúc hát có những khúc: *Trang-chu mộng điệp* 莊周夢蝶 *Bạch Lạc-Thiên mẫn biệt tử* 白樂天別子 *Vi-sinh Ngọc liên đạp thanh ca* 韋生玉鶻踏青歌 đều là giọng than-vãn thời-thế, rất là êm-dềm thương xót, nhưng nghe vậy mà không thể hiểu được. Khi đại-yến ở trên đèn, thì có nhạc-đội ngồi ở các hiên phía dưới đèn, đồ nhạc-khi và nhạc-công không cho trông thấy; mỗi đến khi mời rượu, thì hô to lên rằng: « Tàu nhạc-khúc », thì nhạc-công liền tấu khúc ngay. Các nhạc-khúc có những khúc: *Giáng chân long* 降真龍, *Nhập hoàng đô* 入皇都, *Yến giao-tri* 宴瑤池, *Nhất thanh-phong* 一清風, âm-diệu giống hệt với điệu xưa, chỉ có hơi vắn-tắt hơn ».

Đấy những ca-vũ âm-nhạc đó đều là theo lối xưa của Tàu, nhưng vì ngôn-ngữ của ta cùng với Tàu khác nhau, mà nước ta về đời Lý đời Trần, thì tập-tục chất phác, triều-đình mỗi khi tấu quốc-nhạc cũng có bắt-chước theo nhạc Tàu, nhưng hai bên đều không thể hiểu nhau được, tuy là theo lối nhạc Tàu nhưng đã biến ra thành của ta hẳn rồi. Lúc đời Trần lại có một lối hát vãn (văn-ca 挽歌) riêng nữa. Nguyên hồi đó gặp có quốc-tang đưa tử-cung (1) về Sơn-lăng, gặp đám tang long-trọng ấy, dân-gian ra xem đầy đường, tử-cung ở trong cung-diện không thể đưa ra được, những người đương-cục mới bắt-chước theo lối hát vãn đời xưa, đặt ra khúc *Long-ngâm* 龍吟曲, thuật về sự đám ma đưa đi nghi-tiết rộn-ràng, đường sá quanh-co đề hợp vào nhạc-ca, khiến mọi người đều nghe biết; lại sai quan hống

hát cái khúc đó, rên những kẻ đi xem đưa đám, đều tụ lại một chỗ để nghe hát, tử-cung mới đưa xuống thuyền được. Đời sau bắt-chước theo đó, mới làm bài hát vãn, mỗi năm đến ngày tết trung-nguyên, các nhà có tang tụ con hát lại hát những bài hát vãn, giọng hát buồn-bã sâu-thẳm, ai nghe cũng phải cảm động, tục gọi bọn hát ấy là phường chèo bội.

Đời Hồng - đức nhà Lê, trên thì có vua Thánh-tôn là một ông vua minh thánh, dưới có các quan đại-thần như bọn ông: Thân Nhân-Trung, Đỗ Nhuận, Lương Thế-Vinh, đều là bậc học-vấn rộng-rãi, ra giúp triều-chính, mới giảng-cầu về bèn thanh-luật của ta, diển ra quốc-âm, họ Lê nhân định ra quốc-nhạc và tục nhạc và các lễ thông-hành ở nơi triều-miếu và nơi hương-xã. Quốc-nhạc thì đặt ra hai thự là thự Hồng-văn 同文署 và thự Nhã-nhạc 雅樂署. Thự Hồng-văn thì chú-trọng về âm-luật, còn thự Nhã-nhạc thì chú trọng về tiếng hát, đều thuộc vào viện Thái-thượng 太常院, còn tục-nhạc tức là nhạc ở dân-gian, thì đặt ra ty giáo-phường 教坊司 để trông nom về việc đó, hai bên nhả tục chia ra rõ-ràng, không thể nào xen lộn với nhau được.

Đại-lược âm-luật đời Hồng-đức có những: *Hoàng-chung-cung* 黃鍾宮, *Nam-cung* 南宮, *Bắc cung* 北宮, *Đại-thực-cung* 大食宮, *Dương-kiều-luật* 陽嬌律, và *Hà-nam* 河南 *Hà-bắc* 河北, *Bát-cầm-đoạn* 八錦段 các khúc. Đồ nhạc-khi của giáo-phường, thì có cái trường-trúc 長策 dài đến vài ba thước, mỗi khi đến lúc bọn nhạc-công tụ lại đánh nhạc, thì có một cụ già đánh cái trúc ấy để tiết-chế các thứ âm-nhạc khác, còn như trúc-địch 竹笛, yêu-cổ 腰鼓, đai-cầm 帶琴, địch-cổ 荻鼓 đều do các

(1) Quan tài của vua làm bằng gỗ tì.

quần-giáp và các người sừ-vị 卍未 (1) chủ-trương coi lấy. Trục-dịch tục gọi là cái sáo, thường cùng các thứ nhạc khác xen lẫn mà không thể dùng một mình nó được, là vì ít có người thạo về nghề thổi sáo. Yêu-cổ tục gọi là trống cơm, là cái bông như cái thùng tròn mà dài, hai mặt cùng đối nhau, hễ khi dùng nó, thì phải lấy cơm nếp xoa trên mặt trống, rồi mới vỗ thành tiếng bùm-bùm được. Đái-cầm tục gọi là đàn-dây, cũng giống như tam huyền-cầm 三絃琴 ở Tàu, nhưng so với tam-huyền-cầm thì hơi khác hơn. Mỗi khi viên quần-giáp đến nhạc-đường, thì lấy cái khăn đỏ thắt lưng và gậy cái đàn đó, để cùng ả-đào xướng họa, theo cái điệu ca lên xuống mà cái điệu đàn ứng theo. ả-đào thì tay cầm cái tiết phách, tục gọi là cái sênh. Lại có một cái phách xâu tiền năm ba đồng, tục gọi là cái sênh-tiền, tay gõ mấy cái sênh đó, để đỡ giọng hát. Lại có cái trống một mặt, tục gọi là trống mảnh, hình bé mà mỏng, sơn vẽ đẹp đẽ, đánh ra thành tiếng bình, bông, bốp, bịch, mỗi khi ả-đào mới đến hay là có đi đưng gì thì đánh cái trống đó.

Đại-lược các thứ nhạc cũng không khác gì Tàu, mà cái điệu ca hạ, thanh trọc, xuất nhập, chuyển hạp, đều đủ năm cung bảy tiếng, không khác gì Tàu, đến như chỗ triển-chuyển biến-hóa, thì cũng không kém gì Tàu, nếu không phải là người sớ-trường về âm-nhạc thì cũng chưa thể hiểu được.

Còn cái nhạc ở trong cung tục danh là hát « cửa-quyền », cùng với giáo-phường cũng có hơi giống, có cái trúc-sinh 竹笙 tục-danh là đàn gỗ, có đàn Thiết-huyền-cầm 鉄絃琴; có đàn Cửu-huyền-cầm 九絃琴 tục-danh đàn Cửu-huyền, có đàn Thất-huyền-cầm 七絃琴 tục-danh là đàn Thất-

huyền, có cái tranh 箏 có mười lăm dây. Các đồ nhạc-khí đó cùng với các nhạc khác xen lẫn bát âm, nhưng thật không phải bát-âm đời xưa. Tiếng hát ở trong cung, nghe ra nhỏ-nhẽ, lịch-sự, uyển-chuyển, êm-ái, so với tiếng hát ở giáo-phường lại hơi nhã hơn, nhưng về hên âm-luật thì nghe cũng không khác gì mấy.

Đầu đời Hậu-Lê trung-hưng, nơi Nội-diện chỉ còn cái hư-danh mà không có oai-quyền gì cả, thự Đổng-văn và thự Nhã-nhạc chỉ có đến khi tế Nam-giao và triều-hạ đại-lễ mới dùng đến, nên con cháu các nhạc-quan, phần nhiều thất-nghiệp, mỗi khi triều-đình tôn-miếu có lẫn đều nhạc, thì không còn biết đến soang-luật gì cả, mà giáo-phường tục-nhạc, thì lại thịnh-hành. giao-miếu triều-hạ và trong dân-gian tế lễ gì, đều là loạn dụng các thứ tục-nhạc, bọn nhạc-công tập những giọng dâm-dãng, soang-diện mỗi ngày mỗi biến đổi, so với đời Hồng-đức Lê-bộ định nhạc từ trước, nhiều chỗ sai lầm mà không ai đính-chính lại cho. *Hoàng-chung cung* 黃鍾宮 thì đọc lầm thành *Huỳnh-cung* 璜宮, *Đại-thực-cung* 大食宮 thì đọc lầm thành *dại thạch* 大石, *Dương-kiều* 陽嬌 thì đọc lầm thành *Kiêu-dương* 橋陽, *Xà-nam* 河南 thì đọc lầm thành *Xà-nam* 蛇南. Đến như đàn *lầy*, hát *lừng*, *thét-nhạc*, đều là những điệu mới thêm, mà toàn không có thứ-tự gì cả.

#### Lược xét về lối nữ-nhạc của ta

Nữ-nhạc của ta, bộ khúc xưa nay vẫn như nhau, chỉ thanh-điệu thì có hơi khác; vì lối nhạc-phủ đời xưa, từ-khúc thật-thà không văn-hoa, thanh-âm thì hồn-hậu chất-phác, truyền cho đến ngày nay, ca-khúc tuy theo xưa,

(1) Tên những kẻ nhạc-công.

mà truyền khẩu sai dần, câu hát phần nhiều không thể hiểu được, người đời sau tuy có chế ra từ-khúc như lối bát miếu, hát nói, hát trống, hát đờn, chưa được bao nhiêu lối, nhưng lối thanh-diệu có hơi xa-mĩ, khác hẳn với xưa, đây là do theo tập-tục như vậy. Tự-trung âm-diệu và đờn phách của con hát ở Thanh-Nghệ, thì cùng với các nơi ở Bắc-kỳ khác hẳn, ấy lại là một điều phải xét. Sau này sẽ dẫn các điệu hát để xét cho tường.

### I - HÁT TRAI = HÁT HÀ-LIỄU

Lối hát trai này, là đương lúc ra hát, á-đào chưa hát mà kép hát trước, gọi là hát trai, đến sau á-đào cũng hát điệu hát ấy, mà gọi là hát hà-liểu. Lối hát này âm-diệu hoãn-cấp xen nhau, lời cổ mà quê, trước hát một câu thượng lục hạ bát, sau hát một câu song-thất, ấy là một nhịp.

Thí-dụ như câu sau này :

- 1) Ví dụ Gia-Cát sinh lai,  
Vạc Lưu chưa để về tay ai cầm ;  
Trai anh-hùng hữu tâm địch-khái,  
Phù trung hưng đem lại nhà vương.
- 2) Tung hô ba tiếng quát rân,  
Áo xiêm Nghiêu Thuấn, đai cán Cao Qui ;  
Chấn đân-trì Thiệu-ca nhạc vĩ,  
Tưới mưa xuân khắp đủ đôi nơi.

### II - HÁT BẮC-PHÂN = HÁT MỠ

Lối hát này nhịp theo phách dục, câu nào cũng trên sáu dưới tám, điệu cổ điệu mới đều có, trong khi hát tùy ý trích một đôi câu ra mà hát, âm-diệu lúc đầu hơi dề-hoãn, sau thì ra giọng thanh-cao.

Thí-dụ :

- 1) Truyền ai qua Xích-bích thành,  
Khen ai tạc miếu tô tranh phụng-thờ ;

- Lênh-dênh một lá đôi thu,  
Đầu năm nhâm-tí, gió đưa lọt mảnh
- 2) Lênh-dênh một lá hai thu,  
Đầu năm nhâm-lí, gió đưa lọt mảnh.  
Gió bay lời thể lạ-tùng,  
Nếu thi gan với anh-hùng thời thua.

### III - HÁT NÓI = HÁT HÀ-NAM

Điệu hát này thường hát nhanh, như hành-vân lưu-thủy, điệu cổ điệu mới đều đủ cả, mỗi bài dùng mười một câu cho đến mười ba mười lăm câu trở lên, số câu bao giờ cũng dùng số lẻ, trong bài có một câu thơ thất-ngôn chữ Hán, kép hát thì gọi là hát Hà-nam. á-đào hát thì gọi là hát nói, nhưng bài hát vẫn là một.

Thí dụ :

- 1) Sông Xích-bích vắng trăng vừa ló,  
Thầy Tô tìm thú cũ qua chơi ;  
Cảnh quang-âm nào đã mấy mươi,  
Mà non nước sẽ chạnh lòng cảm-khích.  
Ngâm thành nhất cú thiên sơn碧  
吟成一句千山碧  
Có hạc hoành giang lướt liêu chu ;  
孤鶴橫江掠小舟  
Suốt đêm thu trong gối mơ-hồ,  
Người viễn-khách vãn-vơ trông giấc  
điệp.  
Trong cười nói hỏi tên chi chẳng biết,  
Chợt trông ra nào thấy đầu nào !  
Ấy người hay hạc xinh sao !  
(Bài này mười một câu)

- 2) Tài-tử giai-nhân là nợ sẵn.  
Giải-cấu nan là chữ làm sao !  
Trải xưa nay lừng đã bao nhiêu,  
Kìa tan hợp nợ khứ lưu đầu dám  
chắc.  
Giai-nhân khứ-khứ hành-hành sắc,  
佳人去去行行色  
Tài-tử chiêu-chiều mộ mộ tình ;  
才子朝朝暮暮情  
Ừy kia ai như mây tuôn, như nước  
chảy, như gió mát, như trăng thanh,

Lơ-láo khéo trêu người chi mãi mãi.  
 Trời đất có san đi mà sẽ lại,  
 Hội tương-phùng còn lắm lúc về sau;  
 Yêu nhau xin nhớ lời nhau,  
 Năm chày cũng chẳng đi đâu mà  
 Chén đưa nhớ bữa hôm nay. [chày.  
 (Bài này mười ba câu)

- 3) Ngẫm cho chi-bất-nhân là tao-vật,  
 Đã sinh người lại hạn lấy năm;  
 Chẳng kể chi mười bảy mươi tám,  
 Dầu sống đủ ba vạn sáu nghìn ngày  
 là mấy chốc.  
 Nào những mặt vinh vinh nhục-nhục,  
 Cuộc trăm năm còn lắm lúc bi-hoan;  
 Ngán-ngẫm khi nguyệt xế hoa tàn,  
 Xuân một khắc nghìn vàng khôn  
 chác.

Tế suy vật-lý tu hành lạc,  
 細推物理須行樂  
 Hà dụng phù danh bận thử thân;  
 何用浮名絆此身  
 Song bất-nhân mà lại chi-nhân,  
 Hạn lấy tuổi đề giục người chơi lấy.  
 Cuộc hành-lạc được bao nhiêu là lãi  
 Chẳng chơi thì thiệt ấy ai bù; [đấy,  
 Bách niên thân-thế du du.

百年身世悠悠  
 (Bài này mười lăm câu)

- 4) Nhân sinh như ký nhĩ,  
 人生如寄耳  
 Đặc-ý tu tận hoan;  
 得意須盡歡  
 Hữu mã hữu thuyền hữu thủy hữu sơn,  
 有馬有船有水有山  
 Tức bình chúc dạ du lương hữu dĩ.  
 即秉燭夜遊良有以  
 Hành vũ-tru ấy ngộ nhân phận-sự,  
 行無阻之遇人分事  
 Hã tiêu-dao cho tử-nguyệt thêm  
 快消搖之與月添  
 càng;  
 Ván thương thương hề thủy ương  
 欸商商兮水泱泱  
 Phong-quang ấy người sao nên phụ;  
 風光之與人何可負;  
 Nhược đãi công thành danh tẩu hậu.  
 若待功成名遂後

Nhất đôi bạch cốt dĩ lãng-tãng;  
 一堆白骨已峻嶒  
 Thử thời sơn chi nam, sơn chi bắc,  
 此時山之南, 山之北,  
 chi thung-thũng,  
 此之谷, 此之壑,  
 Chắc dầu chuyện phù-bình tán-tu.  
 確油浮萍之散聚.  
 Lưng bầu rượu dốc cổ kim kim cò,  
 樽中酒, 杯中金, 金中酒,  
 Một túi thơ đầy hoa-nguyệt nguyệt-  
 一袋詩, 一袋花, 花中月, 月中花;  
 hoa;  
 Khi cò vầy, khi bài lá, khi liễu-ngạo,  
 此時鵝, 此時鷺, 此時柳, 柳中鷺,  
 khi cầm-ca,  
 此時琴, 琴中鷺,  
 Kén phong-nhã hào-hoa làm lạc-thú.  
 此風, 此花, 此鳥, 此鳥, 此鳥, 此鳥,  
 Chỉ Lô, Tân thể cùng thảo-thụ,  
 此, 此, 此, 此, 此, 此,  
 Cuộc say-say tỉnh-tỉnh mấy ai hay?  
 此, 此, 此, 此, 此, 此,  
 Thử xem con tạo sau này.  
 (Bài này mười chín câu)

## IV — HÁT MIẾU

Điệu hát miếu đờ-dương không mau  
 không chậm, câu nào cũng trên sáu  
 dưới tám, như lối văn các truyện quốc-  
 âm. Đời xưa chế ra khúc này, khiến á-  
 đào hát để tế tôn-miếu, cho nên gọi là  
 hát miếu. Cách hát miếu chỉ hát một  
 câu gọi là miếu đơn, hát hai câu gọi là  
 miếu kép, cách hát lấy đi lấy lại.

Thi-dụ:

- 1) Xuân đến đông về,  
 Đưa thoi đưa, xuân đến đông về,  
 Giọng, sấm giọng đường liễu, tối kè  
 bên tiên;  
 Gặp nguyệt, vì dầu sinh chẳng gặp  
 nguyệt.  
 Túi thơ đủng-đĩnh dạo miền thú què,  
 2) Luống những mơ-màng,  
 Tiên, giắc tiên luống những mơ-màng,  
 Hồng, non Bồng bóng nguyệt, thường  
 thường vắng lại;  
 Chữ bài, mừng thắm chốn ấy chữ  
 bài.  
 Ba-sinh âu hẩn, duyên trời chi đây,  
 3) Ngọn trúc hiu-tà,  
 Đưa gió đưa ngọn trúc hiu-tà,  
 Chuông, tiếng chuông Trấn-vũ, canh  
 gà Thọ-xương;  
 Ngán sương, mặt-mù khói tỏa ngàn  
 sương,

Tiếng chày Yên-thái, bóng gương  
Tây-hồ.

- 4) Mà thẹn với đời,  
Đời, nghĩ đời mà thẹn với đời,  
Lá, cũng là tai mắt, chịu trời thông-  
minh ;  
Nhục vinh, kiếp đời hai chữ nhục  
vinh,  
Kiên khôn một chén, linh linh mấy  
cung.

### V — HÁT CHỮA-KHI

Chữ-khi nghĩa là hòa-vui, cái điệu hát này nhịp ba cung bậc, nhưng cung bậc hay dùng liền, mà chữ-khi thì toàn dụng cái lời của ta, đây là chỗ khác nhau. Cũng là khúc cổ, câu nào cũng trên sáu dưới tám, nhưng có nhiều câu không thể hiểu nghĩa.

Thí-dụ :

Mực in vách phấn đề thơ,  
Năm ba câu chữ gửi đưa cho chàng.  
Thoi vàng biếng dệt cửi vàng,  
Mối sầu khôn gỡ, bởi chàng lang-  
quán.

Chữ khi (từ đây trở xuống vào  
phách) nước chày giang lân,  
Chén trôi khúc-thủy, ba tuần mới  
khuyên.

Chữ khi nhà ngọc mở diên,  
Đào tiên một đẹp đáng lên khuyên  
mời ;

Chữ khi đêm vắng ca chơi,  
Lệnh-dềnh ngư-phủ, khoan bơi chiếc  
thuyền.

Chữ khi bát-ngát giang-biên,  
Tắm chơi ao giá, nước nguyên thủy  
trầm.

Chữ khi bóng quyền cờ chám,  
Đã thề lại hẹn dấu cầm lấy tay.

Chữ khi gối ngọc đặt bày,  
Sầu nặng vi tây, nhân-nhục phân chia.  
Bằng nay đời chốn về đi,  
Thuở nao lại thấy người kia chẳng là.  
Thanh-đồng sứ mới truyền qua,

Vần thơ bút đã chép ra gửi rày.  
Hỏi thăm đến đất Hà-láy,  
Đem bức thư này, cho tới Ngưu-lang.

### VI — NHỊP BA CUNG BẮC

Điệu hát này trước chậm sau mau, trong một khúc ba lần đổi điệu, giống như điệu chữ-khi, câu nào cũng trên sáu dưới tám, đều là điệu cổ, nhưng không thể hiểu được.

Thí dụ :

Đập-diu gió lọt mảnh thưa,  
Cơn buồn sẽ chạnh ngậm-nga giải sầu.  
Tiếng chi diu-dắt trên lầu,  
Bởi đâu đón rước, vội chào tin oanh.

Từ khi nước lá về trong,  
Lệnh-dềnh bến nguyệt, chạnh lòng  
buồn thay.

Nước thu trắng rõ về mây,  
Nguồn cơn soi hết, chua cay sự nhà.  
Bấy lâu ta lại thấy ta,  
Khác nào như ở Hằng-nga sau này.

Đông-hoàng nhờ áng mây bay,  
Ve kêu tiếng trúc canh chày đêm canh.  
Chiều thu Bạch-đế tin lành,  
Chưng thuở lệnh-dềnh, cầu bắc Ngân-  
giang.

Bồ công lòng khách tư-lương,  
Giải cơn sầu-sút chưa chan mối sầu.  
Tiếc cho nỗi vợ chồng Ngâu,  
Cách một nhịp cầu dạ nọ kém vui.

Đêm thanh mượn rượu làm vui.  
Say mà chẳng biết rằng say bao giờ.  
Lạ thay tình ở vãn-vơ,

Lòng còn khấn-khấn đợi chờ chưa  
Bóng trăng soi tỏ kẻ hiền, [quên.  
Hémảnh đợi khách cung tiền rước vào.

Thấy nhau ta hãy tạm chào,  
Còn e lòng khách Động-đào quên  
chẳng ?

### VII — GỬI THƠ

Cách bát gửi thơ, các giọng cao thấp mau chậm xen nhau, hát những câu đầu câu dưới thì hơi dài - dẽ, câu thứ nhì hơi cao hơn đến câu dưới

nữ thì hơi thanh-thoát, gồm cả các điệu cung bắc cung nam, tục gọi là «ba bậc», nếu cứ theo giọng đọc soài-soài đi, thì rất là vô-vị.

Cách gửi thơ điệu xưa điệu nay đều có cả, câu văn thì hoặc dụng lối văn đối nhau, hoặc dụng theo lối lưu-thủy hay là tản-văn cũng được.

Thí-dụ :

Bút hoa thảo lĩnh thơ một bức,  
 Tâm-sự này vắng-vắc bóng trắng soi ;  
 Chữ nhân-duyên đem lại bởi trời,  
 Duyên kỳ-ngộ chỉ thề non với nước.  
 Lời vàng đá đỉnh-ninh sau trước,  
 Nỗi-niềm này bao-quản cách giang-san ;

Một châu-thoa với một ngân-hoàn,  
 Lấy chút đấy phượng-loan làm bạn.  
 Khách tri-âm người viễn-hoàn,  
 Chữ chung-tin hai chớ quên ai,  
 Gửi nhân nhân cả chớ đơn-sai,  
 Lòng mây nước chẳng như ai mà  
 chềnh-mãng.

Tời tiết thu trăng dương về sáng,  
 Bắc cầu Ô thẳng giữa sông Ngân ;  
 Cho bỏ công then khóa phòng xuân,  
 Rủ nệm trường mấy lần chờ đợi.

### VIII — HÁT HẪM

Hát hãm là khúc hát cửa-dình đời xưa, nếu hát vào tiệc vui chơi, thì giọng hát khi mau khi chậm xen nhau ; tục gọi là hãm ba bậc, khúc hát này có đủ lối xưa lối nay, có hơi dễ nghe.

Thí-dụ như bài sau này :

Tiệc xuân ngảnh lại trông xuân,  
 Thương ôi bóng đã vắn vắn xế chiều.  
 Lênh-dềnh duyên nỗi phận bèo,  
 Trốn làm sao khỏi nước triều đầy voi.  
 Lộ-dở cách trở xa xôi,  
 Thuyền tình chở một mình tôi nặng gi.  
 Tuyết sương nặng lá dài-bì,  
 Hàng-nga lặn-dặn chân đi ngại-ngung.  
 Lâm-dám ngẫm-ngại trên không,

Ngỡ rằng tương-ngộ tương-phùng đôi  
 Ngân-ngọc đứng gốc mai già, [ta.  
 Hối hãm ông nguyệt có nhà hay chẳng.  
 Ngọn đèn thấp-thoáng bóng trắng,  
 Ai đem người ngọc thung-thàng chốn  
 này.

### IX — HÁT ĐỒN ĐẠI-THẠCH

Lối hát này lời chắt mà cồ, điệu thanh mà cấp ã-đào vừa hát vừa múa.

Thí-dụ như bài sau này :

Chúa tì nghe biết vân-vi,  
 Thoát thôi lại nói bàn mẹ sự lòng.  
 Ngọn cờ đỉnh núi xa trông.  
 Nọ sao vùng quê, hẹn cùng trúc mai.  
 Trách thay ô-thước nữ hoài,  
 Có chi sao bỗng lạc-loài cung tiền.  
 Chốn này là chốn cung tiền.  
 Ước gì cho được, phủ-nguyên niềm  
 trông.

Boong boong chông giống đêm đông,  
 Cảm lòng này nhưng luống công đợi  
 Hối hãm ai kẻ thân sơ, [chờ.

Bóng trăng dài tỏ, qua ra hay là.  
 Lềm đêm tưởng dạng Ngân-hà.  
 Trông sao Bắc-đầu đã ba năm tròn.  
 Non môn nhưng nghĩa chẳng môn,  
 Dòng Tào-khê quyết lòng còn như in.

Tình-thư phong mượn cá chim,  
 Chim tìm núi thắm cá tìm vực sâu  
 Chầy ai nặng tiếng bên lâu,  
 Boong boong chuông giống gửi sầu  
 đêm thanh.

Hội này tình-lầy dưới trên,  
 Vui này gặp hội thanh yên đầu lòng.

### X — ĐIẾU NGÂM-VONG

Điệu ngâm-vọng hoãn mà dài, lời cồ mà quê, câu nào cũng trên sáu dưới tám. cũng là một lối hát xưa, khi hát chỉ hát vài ba câu thì tiếp xuống điệu đồn cung-nam.

Thí-dụ như bài :

Từ gặp Châu-nương.  
 Lưu-lang từ gặp Châu-nương,  
 Gầm cùng quân-tử dạ càng đình-ninh,

Luống những mơ-màng,  
 Bâng - khuâng luống những mơ-  
 màng,  
 Mỗi sầu khôn gỡ, vì chàng lang-quân.  
 Đạo gót đường mây,  
 Nhỡn-nhờ đạo gót đường mây,  
 Đáp-diu ca-vũ gian tụy chúc mừng.

## XI - DỒN CUNG NAM = DỒN NHẤT

Điệu hát đồn cung nam, cũng giống như ngâm-vọng, nhưng hơi thanh-cao hơn, cũng là một khúc xưa, có nhiều câu không thể hiểu được.

Thí-dụ như bài sau này :

Lưu lang từ gặp Châu-nương,  
 Gấm cùng quân-tử, dạ càng đính-ninh.  
 Vất tay gỡ chuyết riêng chung,  
 Những bề hợp-lân tâm trung cổ hồi.  
 Trai Nam-Việt bốn bề lộng-lộng,  
 Giương nước An chính-thống sửa-  
 Nghìn hồng muốn tta rõ-ràng, sang.  
 Lam-kiền than-thán hơi hương ngát-  
 lừng,  
 Hải hoa luống dùng-dằng chân bước,  
 Đóa lan đều lác-dác châu rơi.  
 Mặt hoa Lãng-uyên khoe tươi,  
 Mây ngang chữ triển châu rơi dầm-dề.  
 Cánh sen bay mằm lan chồi huê,  
 Hạc phơi màu mai-nhị kẻ hiên

XII - NÓI ĐẠI-THẠCH = MIẾU  
ĐẠI-THẠCH

Khúc điệu lối bát này, cũng như miếu nói, chỉ giọng bát có hơi thanh và kíp hơn.

Thí-dụ như những bài sau này :

- 1) Kia dâu sao Đâu-tĩnh huy,  
 Thuấn Nghiêu ấy chúa Cao Qui ấy tói.  
 Thông-dong rủ áo lên ngôi,  
 Muốn năm cùng hưởng lộc trời hiển-  
 vinh.
- 2) Biếng nằm trần-trọc anh khuya,  
 Nước trong cỏ biếc hồn mê mơ-màng.  
 Bởi ai mà lại phân-nân,  
 Gánh vàng đem bỏ lại loan đi tìm.

## XIII - THIỆT NHẠC = DẰNG HƯƠNG

Điệu hát này khi mau khi chậm, khúc ca có nhiều câu què-kệch hoặc không thành cú-điệu hoặc có chỗ mạch-lạc không tiếp nhau, hoặc-giả người xưa góp những phương-ngôn tục-ngữ hay là lời ca-đao ở nhà quê mà thành khúc này, nay cũng ghi chép lại, để cho đủ các giọng hát.

Thí-dụ như khúc sau này :

Tiếng dương-tranh,  
 Đàn ai một tiếng dương-tranh,  
 Chưng thuở ngọc-ó, đã nức-nùng  
 chiều ai-oán.

Dương, hơi dương dầm-ấm,  
 Nhớ từ thuở hơi dương dầm-ấm,  
 năm thừc mây che,

Thừc mây che rờ rờ ngát trời  
 Nguyệt dọi thềm lan,  
 Thanh, bóng trắng thanh nguyệt dọi  
 thềm lan,

Tiểu thay mặt ngọc hay ai vậy,  
 Là đêm, là đêm đông trăng.  
 Mây, mây ồng,

Thiên, nam thiên, dọi về mây rờng,  
 rờ-rờ nghìn thu,  
 Nghìn thu, ngào-ngạt liếng xa bay,  
 Luống tháu đêm, nghe phảng-phất  
 mỗi sầu trôn;

Tuôn khôn nhện, ngàn-ngơ lo buồn!  
 Lo buồn!

Thu, lá đồng, đồng rụng một lá thu  
 Ấy, sương chói lọt mây, [bay,  
 Chối lọt mây, vậy ngồi nghe tiếng  
 chầy.

Sông, hồ nước biếc, chín khúc quận-  
 quanh,  
 Đáy nước lung-linh, đạo ngồi chơi  
 thủy, thủy-đinh.  
 Nguyệt tà-tà xế-xế, bóng dọi chành  
 chành,

Trên không, hoa cỏ nhẹ canh chầy;  
 Đinh thân-hồn, đinh thân-hồn, mặt  
 Thấy khách hồn mai. [ngọc mây ngái,  
 Dãi tương lâu,

Nguyệt dãi sương lâu, đồng-vọng  
trăng thâu.

Nặng tiếng, tiếng đình-đang.

Tiếng đình-đang, kéo lòng người  
thiếu-nữ nhớ thương.

Ai, gửi bức đường trường,

Bức đường trường, chầy ai đã nện  
tiếng tương-tư,

Tương, tương-tư sâu,

Chầy ai đã nện tiếng tương-tư sâu,

Vô-vũ phòng hương,

Luống chực phòng hương,

Gửi cố-nhân linh thư một bức, gọi

Tư tương-tư sâu. [nổi ái-ân,

#### XIV — LỜI HÁT HÀ-VỊ

Lời hát này cũng là lời hát cổ, câu hát hoặc trên sáu dưới tám, hoặc trên bảy dưới bảy.

Thi-dụ như bài hát sau này :

Tiết thu đến gió vàng hiu-hắt,

Lạt sương dầm cảnh-vật thêm tươi ;

Chim oanh thắm-thoắt đưa thoi,

Bâng-khuâng cihéc yển, loi-thoi trạn  
nhân.

Tiếng oanh đàn nghe càng rầu-rĩ,

Nổi riêng này năn-nỉ cùng ai ;

Thắm nghiêm thay chốn Thiên-thai,

Vì dàu lòng khách, trang-dài phát-phơ ;

Ngoài thềm lách-lách hạt mưa,

Đào tư-tướng liễu, trúc chờ đợi thông.

Hé nghệ song bóng trắng thấp-thoáng,

Trách lòng người chênh-mãng cho

nên ;

Gió Đàng vương-các đưa duyên,  
Non ghi lời nói nước in câu thề.

Chung-linh trời đã phủ-phê,

Xấn-xiu dễ biết lấy gì mà chơi.

Ai lên tới gửi lạy trời,

Nguyễn xâu chỉ thăm xe người xuân

Nguyệt-ông khéo nhẹ vô-linh, [xanh.

Hoa thom cả khóm nèn vịn ngành nào?

Sông Ngân ai nở cầm sào,

Những trông chờ nước doanh Đào nổi  
thơ.

Luống chờ đợi trên không tin tức,

Cung Quảng-hàn then chặt khăng-  
khăng ;

Bước lên đòi chốn dúng-dăng,

Người nào hay khách chị Hằng đưa tin,

Xét về lời nữ-nhạc của nước ta, xưa nay đã có nhiều lời đặt ra không biết bao nhiêu ca-khúc, không thể thuật ra hết được, và cũng không thể khảo ra cho rõ-ràng hết được, vì sự khảo-cứu là một sự rất khó, mà ở nước ta sách vở lại tan mất đi nhiều, không thể lấy đâu mà tìm ra được, nay lược-thuật ra những ca-khúc thường dùng để các nhà chuyên-môn thạo nghề đính-chính vào thêm cho, may ra sau này mới có thể biết được cội-gốc một đôi chút, cũng là một việc cần trong sự học vậy.

SỞ-CUÔNG



## Mẹ con tôi không mặc được sòng nâu

Chuang đồng-hồ vừa điếm năm giờ, cô Ký-Hạnh đứng ngủ, giặt mình tung chăn trở dậy, mắt gập-ga gập-gáy nhìn lên chiếc đồng-hồ quả lắc treo trên tường, rồi vội đi vào hiên trong giục thẳng bếp làm mau cơm và sai vú già lấy nước rửa mặt. Đoạn cô lấy gương lược để lên bàn rồi ngồi xuống trang-kỷ trải dầu dội khăn để chờ chồng về ăn cơm rồi đi xem hát kéo muện.

Cô Ký-Hạnh năm nay chừng 35 tuổi, con cái cũng đã lớn, mà coi cái dung-nhan cô chẳng khác khi ngày đào-tơ. Bởi vậy những chị em bạn đồng-tuế với cô thường ghen với cô mà nói rằng cô không phải làm ăn vất-vả gì và không phải tu-lự gì lẽ nào cô chẳng trẻ dai. Người cô đã đẹp lại ngày ngày phấn diêm son tô, và ăn mặc theo lối tân-thời, nên coi người cô lại càng thêm xuân-sắc.

Cô vừa đi xong cái khăn thì con Lan là con gái lớn cô đi học đã về. Con Lan vừa đẩy cửa bước vào, chưa kịp đề cặp sách xuống bàn đã nhăn-nhó gọi cô bảo:

— Mợ ơi, hôm nay gánh hát mới diễn tích Lã-Bổ hí Điều-Thuyền, mợ cho con đi xem với nhé!

— Ủ, đi cỡi áo, rửa mặt rồi ra đây chải đầu đi đã.

— Mợ đưa tiền để con đi mua vé trước kéo hết chỗ.

— Chờ cậu mày chốc nữa đem lương về rồi mới có tiền chứ.

Con Lan cỡi áo rửa mặt rồi ra ngồi bên cô vừa soi gương chải đầu vừa nói:

— Mợ ạ, hàng rét đã về rồi đấy! Ban nãy con đi qua Hàng Ngang thấy bày nhiều thứ nhưng mùi đẹp lắm. Con thấy các bà, các cô đương mặc-cả mua, mà ai cũng thích mua thứ nhưng mùi tím-lam.

— Phải, cái nhưng mùi tím-lam bây giờ nhiều người mặc, con có hỏi bao nhiêu tiền một áo không?

— Con hỏi thì họ bảo hạng tốt nhất thì hai-mươi-năm đồng một áo, cả lót cả công may, nhưng năm nay không đến chỉ độ hai chục thôi. Mợ cố may một chiếc và may cho con một chiếc.

— Tao cũng muốn may một chiếc vì năm nay mà hãy còn đánh cái áo nhưng mùi nâu thắm thì què quá, nhưng sợ lương tháng này không đủ may hai chiếc, hay con đợi đến tháng sau hãy may vậy.

— Lương những tám-chục kia mà. Mợ may cho con tiện thể.

— Tám-chục, nhưng còn phải để trả nợ góp còn gì.

Nói đoạn, cô lầm-nhầm tính tiền một lúc rồi lại nói:

— Thôi được, để mợ khất lại để trả lãi vậy, còn thiếu tiền ăn thì sẽ liệu, mai mợ con ta lên may mỗi người một chiếc.

Hai mẹ con cô Ký-Hạnh mãi ngồi nói chuyện sảm mặc với nhau, hết nói đến nhưng lại nói lớt, mãi đến lúc đồng-hồ đánh 6 giờ bảy giờ cô mới giặt mình đứng dậy, vừa đi ra cửa nhìn vừa lầm-bầm nói: « Không biết hôm nay làm sao mà lại về muện thế! Hay lĩnh lương xong lại rủ nhau lên sông rồi! »

Cô đứng cửa nhìn ra phố một lúc rồi quay vào, cau mặt nói: « Đến bây giờ mà chưa buồn về ăn cơm cho xong bữa! Người đi chẳng bực bằng người chực ngồi cơm! »

Cô vừa nói rút lời thì thấy dây cửa bước vào, nét mặt hăm-hăm như có ý tức giận. Cô tưởng thấy nghe thấy tiếng cô ki-kèo mà giận, nên cô dju ngay nét mặt mà tùm-lim cười rồi nói:

— Tưởng cậu hôm nay lĩnh lương rồi đi hát. Tiền lương đâu?

Thầy chẳng rằng chẳng nói, vất cái ô xuống sập, móc túi lấy mấy tạt giấy bạc

ném xuống bàn rồi đi thẳng lên gác, đến bàn giấy, dành diêm thắp đèn lên rồi ngồi phịch xuống ghế lấy giấy bút viết.

Cô Ký cầm lấy mấy tập giấy bạc đếm đủ số rồi, bỏ vào túi, mở tủ lấy chai rượu *Dubonnet* rót ra hai cốc rồi nâng đầu lên gác gọi :

Cậu xuống ăn cơm.

Không thấy thầy thưa, cô lại bảo con Lan lên gọi.

Con Lan lên thấy thầy đang ngồi viết, sẽ đến bên gọi nhưng thầy cứ ngồi yên viết, mãi mới bảo nó rằng :

— Cứ ăn trước đi.

Con Lan lẳng-lặng đi xuống, ngồi lên sập so đũa, ba đứa con bé, trong khi chờ thầy xuống, cứ lấy đũa gõ vào mâm chơi.

Cô Ký chưa thấy thầy xuống bên hỏi con Lan :

— Cậu mày còn làm gì ở trên ấy mà chưa xuống ?

— Thưa mẹ, cậu con còn đang viết gì ấy ạ !

Cô Ký như có ý không bằng lòng, lại nâng đầu lên gọi :

— Cậu viết gì hãy để đấy, xuống ăn cơm cho trẻ nó ăn đi đã ! Khéo khi lắm, đến bữa ăn lại còn đi viết !

Nói rồi cô nâng cốc rượu lên uống.

Thằng bé con hai tay cầm hai cái đũa vừa gõ vào mâm vừa nâng đầu lên gọi :

— Cậu xuống cơm... cậu xuống ăn cơm !

Cô Ký uống hết rượu rồi để cốc xuống mà chưa thấy thầy trả lời thì lại gọi to :

— Cậu xuống ăn cơm, kềnh mãi !

Thầy Ký viết xong cái giấy ném bút xuống bàn, bỏ khăn ra, rồi chẳng kịp cởi áo dài nằm vật xuống giường, vất tay lên trán mà thở dài, chẳng dè ý đến những tiếng con thầy gọi cùng tiếng vợ thầy gút.

Cô Ký gọi mãi mà không thấy thầy xuống, lại sai con Lan lên gọi lần nữa.

Con Lan lên gác, thấy thầy nằm ruỗi sổng-sượt ở trên giường, tưởng thầy bị

cảm hay làm sao, liền sẽ rón-rén đi đến bên gọi :

— Cậu ơi, cậu, cậu xuống coi cơm.

Thầy giờ mình thở dài một cái rồi sẽ thông-thả bảo con Lan :

— Con xuống bảo mẹ con thu gói quần áo lại, còn đồ-dạ thì gọi bán đi rồi về cả nhà quê cây cày mà ăn, đã có mấy mẫu ruộng của ông bà để lại cho cậu đấy.

Thấy thầy nói một cách buồn rầu, con Lan đứng ngẩn người ra một phút, rồi liếc mắt nhìn tờ giấy thầy vừa viết xong để ở trên bàn mà nét mực chưa khô. Nó đương lầm-nhầm đọc thì ở nhà dưới cô Ký lại giục :

— Bảo cậu mày xuống ăn cơm, kềnh mãi ! Thằng bé con cũng bắt chước nói :

— Bảo cậu xuống ăn cơm, kềnh mãi !

Con Lan, vì chưa đọc xong tờ giấy, nên nó cũng chẳng thưa.

Cô Ký lại gọi :

— Gớm sao mà kềnh mãi thế ! Không xuống ăn cơm cho trẻ nó ăn cho xong đi ! Còn giam hãm người ta đến bao giờ nữa.

Thấy mẹ nó gắt lắm, con Lan đọc xong tờ giấy rồi vội chạy xuống. Nó còn đương đi ở cầu thang thì cô đã vội hỏi :

— Cậu mày làm gì mà mãi không xuống thế ?

Con Lan vì không muốn nói to, vội bước từng hai bậc thang đi xuống rồi chạy đến bên cô và sẽ nói :

— Không biết làm sao mà cậu viết giấy xin thôi không đi làm nữa. Cậu bảo con xuống bảo mẹ thu-xếp đồ-dạ vào rồi về cả nhà quê cây cày mà ăn.

Trong khi con Lan nói thì cô cứ trừng-trừng nhìn nó. Khi nó vừa nói rất lời thì cô sừng-sốt hỏi :

— Thế giấy đâu ?

— Giấy cậu để ở trên bàn ấy.

Cô vội vất đũa xuống mâm đánh keng một cái, đứng phắt ngay dậy, chẳng kịp sờ chân vào dép, sổng-sốc chạy lên gác đến bên giường thầy nằm và sừng-sốt hỏi :

— Làm sao mà cậu xin thôi việc ?  
Thầy đương nằm, ngồi nhồm đậy, bó hai tay lên gối và buồn rầu nói :

— Vì bực lắm !

— Nhưng bực làm sao ?

— Công việc của mình làm phải mà bị ức, lại bị tát, tôi nghĩ nhục lắm, không làm nữa.

— Tưởng thế nào chứ mới có thể mà đã phải xin thôi.

Rồi cô chỉ tay vào mặt thầy mà nói :

— Thôi đừng gấp dỡ nữa đi ! mẹ con tôi không mặc được sống nâu mà ra đồng làm cỏ, tát nước được như những con mẹ nhà quệ đầu.

Đoạn cô cầm lấy tờ giấy ở trên bàn mà xé nhỏ ra và nguyệt thầy một cái rồi đi thẳng xuống nhà dưới. Cô sai thẳng bếp sê cái ăn và sói cơm dề phần thầy, rồi cùng các con ăn cơm trước.

Vừa cơm nước xong thì mấy người chị em bạn cô đến rủ đi xem hát. Cô và con Lan soi gương đánh phấn rồi dắt mấy đứa con đi xem hát với bạn.

Sáng sớm hôm sau thầy Kỳ Hạnh trở dậy nét mặt thờ-thẫn, hai vành mắt thâm quầng như người vừa qua một trận ốm nặng mới khỏi, vì suốt đêm hôm qua thầy không sao ngủ được. Thầy mở cửa sổ ra cho thoáng khí, rồi ngồi phịch xuống ghế mà thở dài một cái thật mạnh như muốn tống những nỗi uất-ức ra cho hết. Thầy ngồi chống tay lên má suy nghĩ một lúc rồi bỗng vừa đứng dậy vừa lầm-bầm nói : « Đờ ấy mà về nhà-quê thì cũng chẳng làm ăn gì được, rồi cũng lại đến khổ mình thôi ».

Đoạn thầy đi rửa mặt, dội khăn mặt áo rồi lại cấp ô đi làm.

LÊ-ĐỨC-NHƯỢNG

## KHẢO VỀ LUÂN-LÝ HỌC-SỬ NƯỚC TÀU (1)

### XIII

#### IV. — Các nhà học-giả đời Tiên-Hán

Đời Tiên-Hán ngoài Hoài-Nam-tử, Đồng Trọng-Thư, Dương-Hùng-ra, cũng còn nhiều người là nhà học-giả, như là Thúc-Tôn Thông, Lục Giả, Giả Nghi, Hàn Anh, Triệu Thố, Tư-Mã Thiên, Công-Tôn Khanh, Lưu Hươg, Lưu Hàm, Hoàn Khoan, đều là những người trừ-danh cả. Tuy những ông ấy không có tổ chức ra một thuyết luân-lý gì khác, nhưng cũng hay cống-hiến một cách xứng-đáng cho cõi tư-tướng đời Trung-thế và cũng chiếm một địa-vị ở trên lịch sử, nay xin lược kể như sau này :

*Thúc-Tôn Thông* 叔孫通. — Người đất Tiệt (phía cực nam tỉnh Sơn-dông). Có làm quan bác-sĩ đời nhà Tần, cuối năm đời vua Nhị-thế, ông bỏ nhà Tần đi theo Hạng-Lương, lại làm quan đời Hoài-vương nước Sở. Sau khi Hoài-vương mất rồi lại làm bầy tôi vua Cao-tổ nhà Hán. Sau khi Cao-tổ bình định thiên-hạ, ông có cùng với các học-sinh nước Lỗ sáng-chế ra triều-nghi được vua tin dùng cho làm quan to. Đến đời vua Hiếu-Cảnh ông cũng sáng-chế ra lễ-nghi. Nhưng người đời thấy ông dỗi thờ vua nọ đến vua kia thì chê là kẻ tiều-nhân dua-nịnh. Nhưng ông là

(1) Nguyên-văn của người Nhật Tam-phổ-dăng-tác ; Trương Tôn-Nguyên, Lâm Khoa-Đường dịch ra Hán-văn. Xem N.-P. từ số 168.

người bảo-phụ kinh-luân, muốn cầu cho thực-thiện thì tất phải chọn lấy vua hiền-minh mà thờ, khi gặp Cao-tổ tức là lúc hay làm đạt được mục-dịch. Nền cũng có người bênh ông mà không trách chi cái sự dèi thờ các đời vua. Ông san-dịnh lễ-nghi ở triều-dinh nhà Hán, hay chính được trật-tự quân-thần, cũng nhiều điều hay. Tư-Mã Thiên có khen là bậc nho-tôn đời Hán. Nhưng về thuyết luân-lý thì không có điều gì khá truyền.

**Lục Giả 陸賈.** — Người nước Sở, có tiếng là một tay biện-thuyết. Làm quan đời vua Cao-tổ nhà Hán, bảo vua Cao-tổ thi-hành cái chính-sự nhân-nghĩa, thường đem biện-thuyết để ủng-hộ cho nhà Hán. Có làm ra sách *Tân ngữ*, cứ theo như sách *Hán-thư nghệ-văn-chí* thì sách *Tân-ngữ* có 23 thiên, nay chỉ còn có 12 thiên. Trong sách ấy thuật những ý-kiến từ khi vũ-trụ mới mở-mang cho đến khi xã-hội loài người thành-lập, và những điều đạo-đức chính-trị; lại cho trời là nguồn-gốc của đạo, mà đạo là cái tiêu-chuẩn của đạo-đức chính-trị; cho những điều chính-trị của tiên-vương là bắt-chước tự trời, nếu hay khi b-khuyến điều nhân-nghĩa, tôn-trọng việc lễ-nhạc, thì là hay làm được chính-trị thực-hiện. Những ý-kiến ấy đều hơi giống như phái Đạo-gia, nhưng vẫn rõ ràng là về giọng Nho-học.

**Giả Nghị 賈誼.** — Người đất Lạc-dương đời vua Văn-đế năm thứ hai với cho làm quan bác-sĩ. Khi ấy ông mới 23 tuổi. Vua thường hỏi-han mọi việc, ông cũng trả lời về gi bộn tiền-bạc, cứ việc biện bác thao-thao, được cử làm quan Thái trung đại-phu. Năm thứ sáu đời vua Văn-đế, ông 27 tuổi, có khởi-nghị cải-cách chế-độ, nhưng vua Văn-đế không dùng, duy có dèu định lại luật-lệnh để phòng cho các nước chư-hầu thì là bởi lời của Giả Nghị bàn ra. Bọn Chu Bột, Quán Anh thấy thế ghen

ghét cho làm kẻ thiếu-niên sơ-học mà dám chuyên-quyền làm đĩ việc, gièm với vua Văn-đế. Vua cũng sợ dần, biểm xuống cho làm quan Thái-phó giúp vua Trường-sa, Sau lại làm quan đại-ph: giúp vua Hoài-vương nước Lương. Vua Hoài-vương ngã ngựa chết, Giả Nghị tự thươn: mình không hay giúp được vua, hơn một năm cũng mất, mới có 33 tuổi. Có làm ra sách 53 thiên là những bài nói về thời-vụ, luận về chính-trị kinh-lễ và đạo-đức. Văn-bút rất là lưu-hoạt đẹp để lắm. Bài *Tri-an-sách* của ông cũng với bài *Thiên-nhân-sách* của Đổng Trùng-Thư đều có tiếng ở đời.

Giả Nghị là một bậc đại tài ít đời có, tiếc rằng không có cái ý-tứ tinh-mật, thuần đem khách-khi dụng-sự, tỏ ra cái ý-kiến cấp-tiến, thông-minh như vua Văn-đế cũng không thể dụng được, nên mới uất-ức mà đến chết. Những cái ý-kiến của ông ấy tỏ bày về việc cải-cách, đều không được thi-hành ra, nhưng cái tư-tởng cũng có chỗ đặc-sắc, như là những việc: 10) đổi chính-sắc, 20) chuộng sắc vàng, 30) dùng số ngũ, 40) đổi phục-sắc, 50) định quan-danh, 60) hưng lễ-nhạc. Trong sáu việc ấy, từ việc thứ nhất đến thứ năm là việc cải-cách chế-độ, thứ sáu thì là chấn-hưng việc lễ-nhạc. Đó là Giả Nghị cho rằng cần phải có lễ-nhạc, mà lễ-nhạc là một điều trực-tiếp để thông-trị nhân-tâm. Lễ-nhạc là để phòng khi cửa phát ra, pháp-luật là để phòng khi đã phát rồi. Vậy nên Lễ-nhạc ngang bằng với pháp-luật, chấn-hưng lễ-nhạc, tức là để dẫn-dụ nhân-tâm về điều hay.

Ý-kiến của Giả Nghị bàn về đạo-thuật cũng có điều hay, như bảo rằng: « Đạo là để tiếp-dẫn sự-vật, bản nó vốn là hư mà mặt thì là thuật. Hư là nó tinh-vi, không có thi-thiết ra điều gì. Thuật là để chế-ngự sự-vật như những lúc động-tĩnh, dèu dèu là đạo cả ». (Thiên Đạo-thật).

Gia Nghị cho tính người có ba bậc, tức là bởi cái thuyết của Khổng-tử bảo rằng : « Tính người ta gần giống nhau cả, duy bởi tập-nhiệm mới xa khác nhau ; chỉ có những người thông-trí với bậc hạ-ngu mới không thể đi đời được ».

**Hàn Anh 韓嬰.** — Người nước Yên, đời vua Cảnh-đế làm quan Thái-phó, giúp vua Thương-sơn. Ông là người hăng tợn, xử sự có cơ-mưu nhanh-nhau. Ông thường cùng với Đổng Trọng-Thư tranh cãi ở trước mặt vua Võ-đế, Trọng-Thư cũng không thể biện-nạn được Ông thâm-hiểu kinh Thi, tự suy ý mình ra, làm ra thiên *Nội-ngoại-truyện* đến vài vạn lời nói. Theo như trong *Hàn-chí* thì ông có làm ra sách *Hàn-thi-cổ* : 6 quyển, *Hàn-thi nội-truyện* 4 quyển, *Hàn-thi ngoại-truyện* 6 quyển, *Hàn-thi-thuyết* 41 quyển. Nay chỉ còn có bộ *Hàn-thi ngoại-truyện*, Ý-kiến ông về luân-lý, phần nhiều cũng bởi kinh Thi mà diễn dịch ra, nhưng luận-thuật ra không có lẽ-chức phân-minh.

**Triều Thố 蕭統.** — Là một nhà học-giả pháp-luật về đời Tiền-Hán. Ông ở đời Cảnh-đế có hiến sách xin tước bớt thế-lực các nước chư-hầu để làm cho mạnh thêm nhà Hán, nên mới gây ra cái loạn Ngô Sở bầy nước. Ngô Sở bầy nước mới nổi lên, lấy tiếng là trừ bỏ Triều-Thố mà làm phản nhà Hán. Thố mới bị giết. Thố không những là nhà học-giả về pháp-luật mà lại là một nhà pháp-luật thực-hành ; thường phản-đối phái nhà nho, muốn lấy pháp-luật kinh-doanh thiên-hạ. Nhưng kế-hoạch ông ấy không thích-hợp với thời-thế đời bấy giờ, nên không thể thi-hành về đời ông ấy được.

**Tư-Mã Thiên 司馬遷.** — Tư-Mã Thiên tên tự là Tử-Trường 子長, sinh ở đất Long-môn, du-lịch khắp thiên-hạ, học ở nước Tề nước Lô, làm quan Thái-sử nhà Hán. Ông thường lấy sự

nói học-thống Khổng-tử làm trách-nhiệm mình, có làm ra sách *Sử-ký*, đến nay vẫn xung-tụng. Sách *Sử-ký* không những là chép những sự thực từ đời vua Hoàng-đế họ Hiên-viên, cho đến đời Võ-đế nhà Hán, trong 300 năm, và lại tiếp với kinh *Thư*, sử-bút rất hay, rất chú-trọng về đường luân-lý.

Tư-Mã Thiên chưa từng thuật ra cái thuyết luân-lý, nhưng trong sách *Sử-ký* thường nói đến cái ý-kiến đạo-đức, như những truyện Bá-Di Thúc-Tề tức là tỏ ra những điều trọng-yếu về đường luân-lý để bảo kẻ hậu-học, như nói rằng : « Xem như Bá-Di Thúc-Tề lại không phải là bậc thiện-nhân đấy chẳng, có đức nhân nết-na thanh-khiết như thế kia mà phải chết đời. Lại còn bảy mươi gã học-trò đức Khổng, đức Ki-đồng chỉ khen thầy Nhan là hiếu-học mà phải chết non. Thế thì trời báo-thí cho bậc thiện-nhân như thế ư ? Kẻ trộm là Chích bằng ngày giết người vô-tội, ăn thịt người không tanh, hung-bạo can-rở mà lại được sống lâu. Nếu bảo là đạo trời như thế thì phải hay là trái ? Đó là Tư-Mã Thiên thở dài mà nói ra vậy. Cái câu hỏi về đạo trời phải hay là trái, đời sau giải-thích ra nhiều nghĩa, có kẻ cho là ông ngờ đạo trời mà khinh đạo-đức. Nhưng Tư-Mã Thiên vốn không có cái tư-tưởng hoài-nghĩ và chán đời, ông là người thuần là phụng thờ cái luân-lý về nho-giáo ; lời nói kia chẳng qua là lời than-thở chứ không có hàm ý-nghĩa gì khác.

**Công-Tôn Khanh 公孫卿.** — Là một kẻ học-giả bày ra cái thuyết thần-tiên ở đời Võ-đế. Võ-đế thâm-tín cái thuật thần-tiên, Công-Tôn Khanh mới thừa-cơ bảo Võ-đế rằng : « Nếu hay lấy được đồng ở núi Thủ-sơn, đem đúc đỉnh ở dưới núi Kinh-sơn, thì tất có rồng xuống đón vua lên trời ». Vua tin lời nói ấy mới đúc cái đỉnh ở núi

Kinh-son, rồi đi tuần-hành các nơi, kiến-trúc lâu-đài. Sau mới mới hồi-ngộ, bèn đuổi Cờ-g-Tôn Khanh và các bọn phương-sĩ khác.

*Lưu Hưông* 劉向. — Trước tên là Cảnh-Sinh sau đổi là Hưông, tên tự là Tử-Chính, sinh năm Nguyên-phượng nguyên-niên (trước thiên-chúa 80 năm) đời vua Chiêu-đế, Thời vua Tuyên-đế mới tuyên làm bậc đại-nho làm quan ở nhà Hán. Khi bấy giờ gặp lũ Thạch-Hiền Hoảng-Cung chuyên-quyền giông-rở, tên giam Lưu-Hưông vào ngục. Đời vua Thành-đế, Lưu-Hưông thấy bọn họ Vương chuyên-hoành, mới làm ra sách *Hồng-phạm ngũ-hành truyện* 11 quyển, căn-cứ ở thiên *Hồng-phạm kinh Thư*, chép những điều tưởng-thuy tai-dị tự đời cổ cho đến đời Tần đời Hán, để tỏ ra rằng những điều hành-vi của thiên-tử là có cảm-ứng đến trời. Lưu-Hưông được vua Thành-đế tin-nhiệm, nghe theo lời mà truất bỏ bọn họ Vương. Làm quan nhà Hán hơn 30 năm, năm Nguyên-diên thứ tư (trước Thiên-chúa 9 năm) đời vua Thành-đế, ông thọ 72 tuổi mới mất. Lưu-Hưông là người thiên-tinh chăm học, ban ngày thì xem xét sách vở của thánh-hiền, đêm lại xem xét thiên-văn. Ngoài sách *Hồng-phạm ngũ-hành* ra, ông lại có làm ra sách *Lưu-Hưông thuyết-uyên*, *Lưu-Hưông tân-tự*.

Trong sách của Lưu-Hưông có một điều trắc-kiến là cái ý-kiến bàn về tính, như nói rằng: « Tính người không phải là có thiện-ác, vì cảm về ngoại-tật rồi sau mới động ». Đó là vì ngoại-vật nó tự ngoài kích-thích, rồi sau mới động mà sinh ra thiện hoặc ác. Chứ tính vốn không có thiện ác, chỉ vì ngoại-giới nó kích-thích rồi mới sinh ra thiện hoặc ác. Những phần ở ngoại-giới kích-thích mà có ảnh-hưởng rất lớn thì Lưu-Hưông cho là hệ ở âm-nhạc, như nói rằng: « Bởi cái tính với cái

tính nó cảm-ứng nhau ». Đã bảo rằng tính với tính cảm-ứng nhau, nên không thể cho là thiện hoặc là ác được. Đời Hậu-Hán Tuân-Duyệt có phê-bình cái thuyết tính của họ Mạnh họ Tuân, cho rằng cái thuyết của Lưu-Hưông là rất phải. Vương Sung thì bài-xích cái thuyết ấy, cho rằng chỉ mới nói đến cái lẽ trong ngoài âm-dương của tính-tính chứ chưa nói rõ đến thiện ác của tính.

Lưu-Hưông rất là trọng lễ-nhạc, cho rằng lễ-nhạc để nuôi người, hình-pháp để phạt người, thậm-chí đến giết người nữa. Nếu lễ-nhạc không chế-tác ra mà chỉ sửa-dịnh pháp-luật, thế là chỉ cố sức làm sự giết người mà không cố sức về sự nuôi người. Bởi vậy ông mới khuyên Thành đế dựng nhà học-hiệu, chỉnh-dốn lại lễ-nhạc. Cái ý kiến của ông về âm-nhạc lại càng có cái giá-trị lắm. Cứ theo ý ấy thì âm-nhạc là phản-xạ đến nhân-tâm. Những điều nghĩ điều kính, và những điều thương vui mừng giận ở trong tâm người ta nó cảm-xúc mà tỏ ra thanh-âm ở bề ngoài, thì tức là âm-nhạc. Cái tiếng âm-nhạc cũng với cái trạng-thái trong tâm giống nhau như in. Và cái thuyết âm-nhạc hợp với cái thuyết nhân-tính, thì ông cho rằng tính người vốn không thiện-ác, bởi bề ngoài nó kích-thích mà thành ra thiện ra ác. Những cái bề ngoài nó kích-thích thì phần âm-nhạc có ảnh-hưởng lớn hơn cả; nên mới đoán-dịnh rằng nếu hay được nghe cái âm-nhạc thiện thì tâm tự sinh ra thiện, nếu nghe cái âm-nhạc ác, thì tâm tự sinh ra ác.

Lưu-Hưông tin rằng có tai-dị cũng như các nhà học-giả đời Hán, nhưng không tin có quỷ-thần; cho rằng đầu cầu-dào ở quỷ-thần cũng không làm thế nào được.

*Lưu-Hâm* 劉歆. — Là con út Lưu Hưông, tên tự là Tử-Tuấn, học thông

*Thi Thư* nổi tiếng văn-danh. Làm quan đời nhà Hán, giảng về kinh-học, thảo-dị th luật-lic, muốn cho học vấn phổ-cập, công truyền-bá cũng bằng như cha. Đến khi Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, Hâm làm quốc-sur, kẻ học-giả đời sau rất lấy làm chê. Hâm tuy rằng tài học phi-phàm, nhưng nhân-cách thì lại kém Lưu Hưởng. Lưu Hưởng là người quân-tử chí-trung chí-thành mà tài-đức kiêm bị. Hâm thì về đạo trung-hiếu cũng không khỏi có khiếm-khuyết, nên cái tư-tưởng luân-lý cũng không có lieu gì đáng chếp cả.

*Hoàn Khoan* 桓寬. — Tên tự là Thứ-công, người đất Nhữ-nam. Đời vua Tuyên-đế có làm chức Lang quan. Ông thuần là nhà học-giả về phái nho-gia, đem cái văn-tự lưu-loá, xướng ra cái thuyết chính-trị, theo về đức-trị chủ nghĩa. Trong thuyết chính-trị phát ra làm về lạ-lùng. Có làm ra sách *Diêm-thiết-luận* 60 thiên. Năm Thủy-nguyên thứ 6 đời vua Chiêu-đế, có xuống chiếu cử những kẻ hiền-lương văn học, và hỏi sự tại-khổ chốn nhân-gian. Hoàn Khoan có dâng sớ xin bãi bỏ thuế diêm-thiết, thuế rượu, và chức quan quân-thâu, cùng hợp-nghị với các quan đương-cục. Đến sau có bãi bỏ thuế rượu, còn chức quan thu thuế diêm-thiết vẫn còn đề. Sách *Diêm-thiết-luận* tức là một bài nghị luận của kẻ sĩ hiền-lương văn-học biện-bác với các nhà đương-cục, luận-biện về cái chủ-nghĩa đức-trị với cái chủ-nghĩa pháp-trị, giải bày cái đạo của tiên-trương ra rất kỹ càng.

### TIẾT THỨ III. — Tư-tưởng luân lý đời Hậu-Hán

Đời Hậu-Hán tức là cái thời-kỳ từ vua Quang-Vũ cho đến khi nhà Hán mất. Cái tư-tưởng đời Hậu-Hán cũng giống như đời Tiên-Hán, sẽ lược-thuật như sau,

*Nói về học-phái thịnh suy.* — Đời vua Võ-đế nhà Tiên-Hán muốn mưu cho sự Nho-học phổ-cập, nên lấy Nho-học làm giáo-chính, mà đảo-áp cả các học-phái khác, cái thế-lực đến đời Hậu-Hán vẫn còn thịnh. Cuối đời Tiên-Hán, trong cõi học hủ-bại, nhiều kẻ chỉ xiêm-nịnh Vương Mãng để giữ mình. Quang-Vũ muốn trừ cái tệ-phong ấy, mới hậu-dãi các nhà nho có khí tiết, nên các bậc lão-nho trốn tránh ở bốn phương mới dần-dà hiện ra ở xã-hội. Cái học huấn-bổ thì ấy vẫn còn thịnh-hành giống như đời Tiên-Hán, duy cái học chuyên kinh thì mất tích hẳn. Có khi một người mà kiêm học cả các kinh.

Cái tư-tưởng Lão Trang khi ấy vẫn còn thấm-thía ở nhân tâm. Vua Quang-Vũ với con là Minh-đế vẫn còn sùng-thượng. Xem như Quang-Vũ lấy cách nhu-đạo mà trị thiên-hạ, Minh-đế khi còn làm thái-tử có can vua cha rằng: « Bệ-hạ là bậc thông-minh như Thái-giang Vũ, mà ở sai mất cái đạo dưỡng-tính của họ Hoàng họ Lão ». Xem đó thì biết rõ là còn chịu cái ảnh-hưởng về tư-tưởng Lão Trang.

Thuyết âm-dương ngũ-hành về đời Hậu-Hán vẫn còn thịnh, trong bọn danh-nho cũng còn nhiều người sùng-phụng.

*Ảnh-hưởng về khi Phật-giáo truyền lại.* — Trong cõi tư-tưởng đời Hậu-Hán chịu cái ảnh-hưởng về Phật-giáo truyền lại cũng nhiều. Cứ theo như chính-sử thì Phật-giáo truyền đến Trung-quốc ở về đời Minh-đế nhà Hậu-Hán. Nhưng trước kia ng rời Tần đã có cái trí-thức về phái Phật-học, xem như trong sách *Liệt-tử* và *Trang-tử* thì biết rõ. Về lại cái tư-tưởng Phật-giáo nó cảm-hóa, vẫn thường ăn-nấp ở trong cái ảnh-hưởng xã-hội, từ đời Tiên-Hán đã thấm-thía vào một phần nhân-tà n, đã truyền-bá ra cái tư-tưởng chán đời. Cái sự-tình xã-hội về cuối đời Hán với cái tư-tưởng yếm-thế sẽ kể như sau :

1. — Vương Sung 王充

Kẻ học-giả đời Hậu-Hán đầu là Vương Sung. Sung cùng với Vương Phù, Trọng Trường-Thống là ba kẻ nhân-tài cuối đời Hán, mà Sung là hơn cả. Sung là người đất Thượng-ngu quận Cối-kê, tên tự là Trọng-Nhâm, học ở nhà Thái-học, thờ Ban Bưu làm thầy. Nhà nghèo không có tiền mua sách, ông thường ra hàng sách, mượn xem qua là nhớ ngay. Thông suốt cả các sách Chư-tử bách-gia, hay nghị-luận, ý-kiến lại vượt ra ngoài ý người ta. Cảm-khái về những kẻ tục-nho cứ cố-thủ thói cũ mà thất-chân, ông mới đóng cửa lại tìm-tâm suy-nghĩ, làm ra sách *Luận-hành* 85 thiên, luận về vật-loại dị-đồng, chính những sự hiềm-nghĩ của thế-tục. Vua Minh-đế cho triệu, ông từ cáo là có bệnh. Năm niên-hiệu Vĩnh-nguyên ông thọ hơn 70 tuổi mới mất, ông có làm ra sách *Dưỡng-tinh* 16 thiên.

*Thuyết triết-học.* — Khi ấy những nhà học-giả trừ-danh như là Hoàn Khoan, Trọng Trường-Thống, Từ Cán đều chủ luận về chính-trị; Vương Sung thì muốn giải những điều nghi-hoặc của thế-tục, chuyên bàn về nhân-sinh như những việc cát-hung, họa-phúc, thọ-yếu, hàn-phú, yêu-quái, tương-thụy, sinh-tử, cốt-tương, khí-thọ, lộc-mệnh, táng-tế, đề thuyết-minh cho thông-tục rõ, trong sách *luận-hành* có giải-thuyết về bản-thể và nhân-tính, tức là tỏ ra một mối về thuyết triết-học.

*Luận về bản-thể.* — Vương Sung cho khí nhất-nguyên là bản-thể của vũ-trụ, phạm vạn-vật trong khoảng trời đất, đều do khí nhất-nguyên mà hoạt-động sinh ra. Khí nhất-nguyên phân ra Âm-dương hai khí, cùng giao-cảm nhau mà sinh ra muôn vật. Đó là gốc ở tư-tướng kinh *Dịch*. Muôn vật sinh-thành ra ví như người ta sinh-sản, đó đều bởi cái khí nhất-nguyên mà sinh ra muôn vật, cũng giống như trai

gái mà sinh ra con. Trai gái vốn không phải lấy sinh con làm mục-đích, duy cái khí nó hợp mới tự-nhiên sinh ra con; cái khí nhất-nguyên lúc trước vốn cũng không có cái ý sinh ra muôn vật. Muôn vật là tự-nhiên mà sinh ra vậy. Đó là không như định cái ý-chí của vũ-trụ vậy. Người ta đã do cái khí nhất-nguyên mà sinh ra cũng giống như muôn vật, thế thì người ta với muôn vật cũng không phải là tuyệt-đối, khác hẳn tính-chất, nên ông bảo rằng : « Người cũng là muôn vật. » Người với muôn vật sở-dĩ khác nhau là bởi cái trí-tuệ có hay không, thế thì cái chỗ người với muôn vật khác nhau đây là bởi tự-hiền với ngu khác nhau. Thế thời cái chỗ hiền với ngu khác nhau đó là bởi tại sao? Thì Sung cho rằng người ta chịu cái khí của trời có kẻ nhiều người ít, hậu hay bạc, chính hay thiên, mới thành ra khác nhau, đó là mới khởi-điểm ra cái thuyết khí-chất về phái Tống-nho vậy.

*Luận về tính người.* — Vương Sung phê-bình những lời luận về tính từ xưa đến nay mà tự sáng ra độc-kiến, bảo rằng thầy Mạnh xưng thuyết tính thiện, cái tính đó là trở về cái tính từ bậc trung-nhân trở lên. Tuân-tử xưng ra cái thuyết tính ác, cái tính đó là trở về cái tính từ bậc trung-nhân trở xuống. Dương Hùng bảo rằng tính người ta hỗn-hợp cả thiện ác, đó là trở về cái tính bậc trung-nhân. Tính mà có thiện có ác cũng như mệnh người ta có sang và hèn giàu và nghèo vậy. Lại bảo rằng : « Tính người ta có thiện có ác, cũng như tài người ta có hơn có kém. Bạc cao hơn thì không thể kém xuống được, bạc kém quá thì không thể cao lên được. Mệnh có sang với hèn, tính có thiện với ác. » Còn như cái lý-do tính bởi làm sao mà sinh ra thiện ác, thì Vương-Sung cho là bởi tại khí nhiều hay ít, hậu hay bạc, chính hay thiên, vì người ta bẩm-

thụ cái khí nhất-nguyên mà sinh ra, khi có hậu bạc, nên sinh ra có thiện với ác hiển với ngu khác nhau. Lại bảo rằng: « Kê-tiêu-nhân với người quân-lý vì tâm-tính có khác nhau, vì như loài ngũ-cốc dựng ra không khác gì nhau, mà kỳ thực công-hiệu khác nhau, là bởi tâm-khí có hậu bạc; bởi vậy tính cũng có thiện ác ». Đã cho là tính có thiện có ác, thì nhờ về cách giáo-hóa, kẻ tính ác cũng có thể cảm-hóa làm người thiện được, ví như cái tơ trắng kia, nhuộm vào màu lam thì xanh, nhuộm vào màu dan thì đỏ. Đó là bảo rằng cái công giáo-dục có thể cảm-hóa được, luận về tính như thế rất là giống cái thuyết của các Tống-nho.

*Luận về túc-mệnh.* — Vương-Sung quyết rằng người ta đều bởi số-mệnh đã định sẵn, người ta may hay không may, gặp hay không gặp, tử sinh, thọ yếu, bản phú, qui tiện, đều là bởi túc-mệnh cả. Lời luận về túc-mệnh đó thực là căn-cứ có lẽ; bảo rằng trời đất muốn vật đều bởi khí nhất-nguyên sinh ra, phạm các hiện-tượng trên đời đều được một cái khí nhất-định, thì tất phải có cái hình để duy-trì cái khí ấy. Mệnh của các vật đều định ở trước khi thành hình. Khí với hình với mệnh đều có quan-bệ mà đều nhất-trì cả. Mệnh là bởi hình sinh ra, hình là do khí thành ra. Có hình thì phải có khí với mệnh, ví như có cái hình người, thì tất là có cái khí với mệnh của người; có cái hình trâu ngựa, tất là có cái khí với mệnh của loài trâu ngựa. Nói trái lại đã có cái khí nhất-định thì tất có cái hình ứng theo nhau; có cái hình nhất-định, thì tất có cái mệnh ứng theo nhau. Mệnh sơ-dĩ khác nhau là bởi tại cái khí của hình nó có hậu bạc đó vậy. Sung lại xướng lên cái thuyết cốt-tướng, đều cũng cho là có túc-mệnh; bảo rằng đã có cái khí nhất-định thì

tất có cái hình tương-dương, hình tức là cốt-tướng. Gọi là cốt-tướng không những chỉ xem ở trên nét mặt, mà hàm cả toàn-bộ thân-thể. Cốt-tướng với mệnh vốn có cái quan-bệ mật-thiết phi-thường, mệnh thế nào thì tất bày ra cốt-tướng, xem cốt-tướng thì hay biết được mệnh của người. Ông có nói rằng: « Mệnh người ta bẩm-thụ ở trời nó vốn biểu-lộ ra ở toàn-thể, xét cả toàn thân-thể thì khó biết được mệnh, cũng như là xét xem cái dấu cái học, thì khó biết được cái lượng dung-lịch của nó. Những cái biểu-lộ ra thân-thể tức là cốt-tướng đó ». Sung lại kể đủ cả những cái số mệnh giàu sang nghèo hèn đều có minh-chứng là tỏ ra ở cốt-tướng cả.

*Thuyết luân-lý.* — Thuyết luân-lý của Vương-Sung đều là phát-nguyên ra từ lời bàn về tính, đã bảo rằng tính người có thiện có ác, chỉ bởi cái kết-quả về đường tu-vi lại hay biến cái tính của người ác mà làm thành người thiện. Vương Sung rất chú-trọng về học-vấn, cho rằng đó tức là cái công-phu tu-vi; người ta khó nhờ về học-vấn mà chữa cái tính lại cho thành đức được. Loài thóc gạo làm thành cơm, tức là một thức ăn để vinh-dưỡng không thể thiếu được, nhưng cái thứ thóc gạo không làm thành cơm được, thì lại có hại cho đường mạnh khỏe của thân-thể. Cái người mà không có học-vấn, cũng giống như thứ thóc xấu không thể làm thành cơm được, đó là chú-trọng về đường giáo-hóa để làm cái công-phu tu-dưỡng, lời bàn ấy cũng là trác-kiến lắm. Thuyết luân-lý của Vương Sung cũng giống như thuyết đạo-đức của phái nhà Nho, thế thì ông thực là kẻ học-giả về phái nho-gia. Duy ông chịu phải cái ảnh-hưởng về thời-thế, lại có cái tự-tướng về phái đạo-gia, nên hay tôn-kính Hoàng-dế và Lão-lữ, thường xướng lên cái thuyết tự-nhiên vô-vi.

Lời bàn thêm.— Những điều mê-tin khi bấy giờ, Vương Sung đều công-kích cả, như những thiên *Thu-hư*, *Biển-hư*, *Dị-hư*, *Cảm-hư*, *Phúc-hư*, *Họa-hư*, *Long-hư*, *Lôi-hư*, *Đạo-hư*, đều là lời ông bài-bác về sự mê-tin. Thiên *Thu-hư* là biện-bác những lời vọng-truyền ở trong sách; thiên *Biển-hư* là biện-bác những điều nguy-vọng cho thiên-biến có ứng về việc người; thiên *Dị-hư* là biện-bác những điều nguy-vọng dị-hưong; thiên *Cảm-hư* là biện-bác những điều nguy-vọng trời người cảm ứng, thiên *Họa-phúc-hư* là biện-bác những lời nói về nhân-quả báo-ứng; thiên *Đạo-hư* là biện-bác những điều nguy-vọng về tiên-thuật thăng thiên.

Vương Sung bác cái thuyết nói là trời người quan-hệ, lại bài-xích cả quỷ-thần, nhiều bài nghị-luận rất hay. Dân-tộc nước Tàu từ xưa đến nay đều cho rằng cái khoảng trời với người có cái quan-hệ mật-thiết, bảo rằng trời là chi-phối cả muôn dân, có cái quyền thưởng-phạt, người thiện thì thưởng cho phúc, người ác thì phạt cho họa. Đấng quân - chủ tức là vâng theo mệnh trời mà thống-trị muôn dân, làm được thiện-chính thì trời bày ra tướng-thụy để thưởng, làm nên ác-chính thì trời sinh ra tai-di để răn, răn mà không đổi lỗi thì trời phạt. Vương Sung bài-bác cái lời luận về mệnh trời ấy, cho rằng cái khoảng tự-nhiên với nhân-sinh không có quan-hệ với nhau, như lời xưa đã truyền, thiên-tai địa-biến là những sự biến tự-nhiên nó khởi ra, cũng như người ta phải mắc bệnh, chứ không có ý trời nào cả. Còn như nói rằng đời thánh-vương có con kỳ-lân hiện, con phượng-hoàng ra, song những loài cầm-thú nó không biết nói, thì có lẽ nào nó lại biết được những điều chính-trị hay hay dở mà trời sai nó xuất-hiện ra.

Vương Sung lại rất công-kích những điều mê-tin, như là khi ấy cho loài quỷ là nhân-quang, là bệnh-khí, là tinh của loài vật, là linh-hồn của loài người. Vương Sung cho rằng những tu-tướng ấy thực là ảo-trí; người ta lại còn mê-tin rằng khi người ta chết linh-hồn là thần hay báo-ân báo-oán, những điều mê-hoặc ấy rất không nên tin. Nguyên người ta cùng với muôn vật đều bởi cái khí nhất-nguyên mà sinh ra, chứa từng nghe thấy muôn vật chết mà hóa ra quỷ, thế thì loài người đã cùng một tinh-chất như muôn vật thì quyết không lẽ nào khi chết lại thành quỷ được. Chết đi cũng như là lửa tắt đi, không còn tri-thức gì cả, không còn ở trong khoảng trời đất mà là quỷ nữa. Quỷ-thần không phải là linh-hồn của người ta, chỉ bởi tu-niệm mà thành ra. Những khi dương tu-niệm thì thường trông thấy cái vật vốn không có; quỷ-thần không phải thực là có, chẳng qua nghĩ-ngợi mà tưởng-tượng thấy hiện ra đó thôi. Đó là Vương Sung cho quỷ-thần là cái ảo-ảnh bởi cái tác-dụng của thần-kinh nó tưởng-tượng mà sinh ra.

## II. — Các nhà học-giả đời Hậu-Hán

Các nhà học-giả đời Hậu-Hán ngoài Vương Sung ra lại còn có Ban Bưu, Ban Cố, Vương Phù, Mã Dung, Trịnh Huyền, Tuấn Duyệt, Trọng Trường-Thống, Từ Cán, nay tóm thuật lược-truyện và học-thuyết của các nhà ấy như sau :

*Ban-Bưu* 班彪.— Là một kẻ học-giả về đời Vương Mãng tiếm loạn. Khi hai mươi tuổi có làm bài *Vương-mệnh-luận* đề răn bảo Ngõi Ngao; bài luận ấy đại-ý cho rằng nhà Hán nối về giòng vua Nghiêu là giòng-giỏi vương-giả, mà không hay đem kế-sách ra để định yếu thiên-hạ. Đó là cũng theo cái thuyết định-mệnh xưa nay vẫn có ở nước

Tàu mà đem ra suy tính về cuộc thịnh-suy của quốc-gia vậy. Sau Bru lại từ Ngõi Ngao đi làm quan với Đậu Dung. Đến khi Dung thần-phục về vua Quang Vũ nhà Hán, Bru cũng được Quang Vũ tin dùng. Sau cáo bệnh từ chức, chuyên công về việc nghiên-cứu lịch-sử, bắt-chước Tư-Mã Thiên làm ra *Sử-ký*, có biên-tập sách *Tiền-Hán-thư*. Năm Kiến-võ thứ 30 (kỷ nguyên 54) ông thọ 52 tuổi mới mất, tư-tưởng luân-lý của ông không có điều gì đáng truyền.

**Ban-Cổ** 班固. — Là con Ban Bru. Vua Chương-đế nghe là người có tài học, mới dùng cho làm chức Hiệu-thư-lang. Ông có tài giỏi về nghề thơ phú, có làm ra bài phú *Lưỡng-đó* thực là bài kiệt-tác. Lại rông-rã trong hơn hai mươi năm mới biên-tập thành sách *Hán-thư*. Những sách của ông làm ra mà đời lấy làm khen nhất là sách *Bạch-hồ-thông*. Sách *Bạch-hồ-thông* là tự vua Chương-đế hội chư-nho ở quán Bạch-hồ, bàn-bạc về ngũ-hành, mà Ban Cổ đứng làm giám-đốc, mới ghi chép những lời nghị-luận của chư-nho làm ra sách *Bạch-hồ-thông*. Nên sách ấy cũng không hẳn là cái tư-tưởng của Ban Cổ, chẳng qua là một cái tư-tưởng chung cả ở đời Hậu-Hán mà thôi. Sau Ban Cổ mắc việc phải giam, đến năm Vĩnh-nguyên thứ 2 (kỷ-nguyên 90), ông 61 tuổi mới mất.

Đời nhà Châu thì người ta cho ngũ-hành là một cái hiện-tượng đứng về mặt khách-quan, đến đời Hán thì người ta lại cho ngũ-hành đã gần hợp với đạo-đức loài người. Đến đời Ban-Cổ người ta gọi ngũ-hành là năm khí, mà cho năm khí ấy đều là một cái cơ-quan đặc-biệt ở trong thân-thể người ta, và lại lấy sáu ống luật cho làm sáu khí. Ban Cổ chịu cái ảnh-hưởng tư-tưởng về lời ấy, mới chia tách tách với tình người ta, cho tinh là sinh tự

khí dương, mà tinh là sinh tự khí âm. Cái tinh mà sinh tự khí dương là nhân, lại hàm cả những tinh nhân, nghĩa, lễ, trí, tín; cái tinh mà sinh tự khí âm là tham, lại hàm cả những tinh mừng, giận, yêu, ghét, thương, vui. Lại cho rằng năm đức của tinh là thành tự khí của năm hành; sáu mối của tinh là bởi tự khí của sáu luật. Nói tiến lên bậc nữa thì những ngũ-tạng lục-phủ của tinh với tinh hoạt-động, đều sinh thành tự cái khí ngũ-hành với lục-luật cả.

**Vương-Phù** 王符. — Tên tự là Tiết-Tin, người đất Lâm-bình quận An-định. Là người bạn thiết của bọn Mã Dung, Trương Hành, (tinh người hiếu-học) lại trọng tiết-nghĩa, không ưa với tục, suốt đời không làm quan, làm ra bài *Tiền-phu-luận* hơn 30 thiên đề thuật chỉ mình. Sách ấy cốt là bài-bác những tệ-chính cuối đời Hán, nhưng cũng thường phát ra cái ý-kiến về đạo-đức. Cái tư-tưởng ông rất là bác-tạp, không có tô-chức ra thống-hệ nào cả, đại-khải chỉ thừa-nhận rằng trong vũ-tru nhất-nguyên-khí này, trời đất người, đều bởi khí nhất-nguyên liên-thông với nhau cả, sức người có thể cảm-động được cả thiên-hạ. Lại theo cái tư-tưởng lạy trời của Nho-giáo, cho rằng trời rất yêu nhân-dân; khéo trị dân, thì lòng trời yêu mà ngũ-cốc được mùa; nếu để cho dân oán-giận thì trời cũng giận mà giáng cho mất mùa. Bởi vậy nên đáng thiên-tử là thay trời hành-chính và các quan-ai cai-trị, nếu không lựa theo cái lòng mừng giận của dân để thi-hành thiện-chính thì không được.

**Mã Dung** 馬融. — Người đất Phù-phong, sinh về năm Kiến-sơ thứ ba (kỷ-nguyên 78) đời vua Chương-đế. Học ở ông Chí-Tuân, năm Vĩnh-sơ thứ tư (110), ông làm chức Hiệu-thư lang-trung. Khi ấy là Đặng Thái-hậu chuyên

quyền, việc binh-bị bỏ trẻ-nãi cả, giặc-giã tung-hoàn các nơi. Mã Dung có dâng thư lên can-ngữ, bị tội phải giam cầm ở làng cũ. Đến khi vua An-đế đi đông-tuần, ông có dâng bài *Bông-tuần-phủ*, lại được tri-ngộ làm quan Lang-trung, về sau lúc ra làm quan, lúc lại cáo về. Ông Dung không ngờ là người bác-học đa-văn, tinh thông cả các học, lại kiêm thông cả đàn-sáo về nghệ-a-nhạc. Có mở trường dạy học, học-trò đến hàng nghìn người. Những lũ Lưu Thực, Trịnh Huyền đều là học-trò cả. Năm Diên-hỉ thứ chín (166) đời vua Hoàn-đế ông thọ 89 tuổi mới mất. Ông có làm ra sách chú thích, phú, ký cũng nhiều, sách về luận-lý ông có làm ra quyển *Trung-kinh*. Duy tên sách ấy không thấy ở bản truyện Mã Dung, mà những sách *Tùy-thư kinh-tích chí*, *Đường-thư nghệ-văn-chí* cũng không chép tên sách ấy. Duy ở *Sùng-văn tổng-mục* đời Tống mới thấy chép tên sách ấy. Vậy nên người ta cho là người đời sau làm ra. Sách *Trung-kinh* phỏng theo sách *Hiếu-kinh*, nói về cái đạo bày tỏi thờ vua 18 chương, nói kỹ về nghĩa chữ trung, không sách nào ban trước hơn sách ấy. Sách *Trung-kinh* lại định cái ý-nghĩa chữ « trung 忠 », cho rằng về phần ông vua hay nhất được cái tâm mình là trung. Lại bảo rằng chữ trung tùy theo cảnh-ngộ có khác nhau: quan Tể-tướng có cái trung quan Tể-tướng trăm quan có cái trung trăm quan, mà cái tinh-thần nhất-tâm với vua đều giống nhau cả. Sách *Trung-kinh* rất trọng chữ trung, cho là cái căn-bản để trị yên thiên-hạ; và lại thuật rõ rằng trung biểu vốn là nhất-bản, không những là trung với hiếu còn-bản nhất-chí, mà đã là người trung thì không khi nào mà chẳng hiếu.

*Trịnh Huyền* 鄭玄.—Tự là Khanh. Thành, người đất Cao-mật quận Bắc-hải. Sinh năm Vĩnh-kiến thứ 2 (127) đời vua Thuận-đế. Là học-trò Mã Dung, khi

học-nghiệp đã thành cáo-từ về làng, Mã Dung đoái bảo học-trò ngài vậy nói rằng: « Trịnh-sinh nay cáo về, đạo học ta lại truyền đến bên đông vậy ». Khi Trịnh-Huyền về đến làng, thiết-trường giảng học, theo học đến vài trăm người. Năm Kiến-an thứ 5 (200) đời vua Hiến-đế, ông thọ 74 tuổi mới mất. Ông có làm ra sách chú thích rất nhiều đến hơn vài trăm vạn lời nói, cách học huấn-hỗ có phần hơn Mã Dung. Tuy rằng ông chưa có độc-sáng ra một tân-thuyết gì, nhưng chuyên công chú-tích sách thánh-hiền, và phư-diễn những thuyết luận-lý của phái nhà Nho, thì công ông rất lớn.

*Tuân Duyệt* 荀悅.—Tên tự là Trọng-Dự, người đất Đĩnh-xuyên. Sinh năm Kiến-nòa thứ 2 (148) đời vua Hoàn-đế. Ông thiên-tiên niều-học, làm quan đời vua Hiến-đế, thường vào hầu trong cấm-diện giảng sách, có dâng thư luận về chính-trị. Năm Kiến-an thứ 14 (209), ông thọ 62 tuổi mới mất. Có làm ra những sách: *Thần-giám*, *Hán-kỷ*, *Sùng-đức chính-luận*, bàn về chính-trị lúc ấy rất nhiều. Đời sau gọi là *Tiêu Tuân tử*.

Tuân-Duyệt có phê-bình những lời luận về nhân-tính của các bậc tiên-nho, cho rằng cái thuyết của Lưu Hươg rất quái, và nói rằng: « Tính có ba bậc, bậc thượng với bậc hạ tại không di-lich, còn bậc trung thì bởi ở việc người. Nếu mệnh phú cho gần giống nhau, mà việc tập khác xa nhau, thì lành dữ mới sinh ra khác nhau. Vậy nên bảo rằng phải cùng-lý mà khuyến-sung cho hết bản-tính thì mới hợp với mệnh trời. »

*Trọng Trường-Thống* 仲長統.—Tên tự là Công-Lý, người đất Cao-bình huyện Sơn-dương. Cuối năm vua Hiến-đế, ông 41 tuổi hi mất, cùng với Vương Sung, Vương Phủ đều kêu là ba kẻ tại cuối đời Hán.

Ông mang cái tu-tướng chán đời về cuộc nhân-sinh, mộ những bậc cao-sĩ tiêu-dao trần-gioại, bảo rằng những người đi theo các bậc vua chúa, dầu muốn đề-lập-thân-dương-danh, nhưng danh không còn mãi được, mà đời người dễ diệt, thì thà rằng ưu-du nghiệp-giữa đề-tư-vui. Mỗi khi bàn đến việc cò-kim và thời-tục, thường phất-phấn thổ-than. Có làm ra sách *Lạc-chí-luận* và *Sương-ngôn*, cũng có nhiều lời nghị-luận thiết-thời.

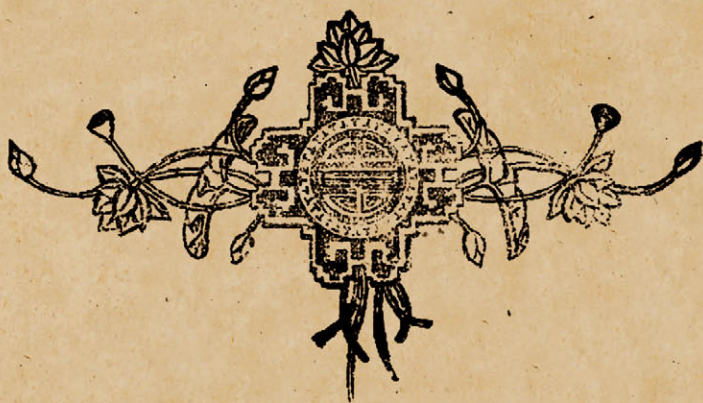
*Từ Cán* 徐幹.— Tên tự là *Vĩ-Trường*, người đất *Kịch* quận *Bắc-bái*. Sinh năm *Kiến-ninh* thứ tư (171) đời vua *Linh-đế*. Ông khinh cả danh-dự, rẻ cả quan-lộc. Năm *Kiến-an* thứ 23 (218) đời vua *Hiển-đế*, ông thọ 48 tuổi thì mất. Có làm ra sách *Trung-luận*, đời sau vẫn lấy làm khen.

*Từ Cán* trọng tri-thức hơn chữ không trọng đức-hạnh, có nói rằng : « Nết

người ta không gì lớn hơn nết hiếu, mà cũng không gì hiền hơn nết thanh. Nết hiếu của thầy *Tăng-Sâm*, dầu ông *Đại-Thuần* cũng không đời được ; nết thanh của *Nguyêu-Hiến*, dầu ông *Bá-Di* cũng không hơn được. Thế mà hai ông ấy không được cùng với *Tử-Du* *Tử-Hạ* cùng đứng trone hàng *tứ-khoa*, là vì tài không bằng các người kia vậy. *Từ Cán* lại xướng lên cái thuyết *pháp-tượng*, nói rằng người quân-lử cần phải có uy-nghi dung-mạo mà rằng : « *Pháp-tượng* đứng-dẫn thì mới ra người quân-tử. *Pháp-tượng* là phải chính dung-mạo, nghiêm uy-nghi. Bởi vậy tiên-vương chế lễ ra, đặt ra áo mũ về vàng để tiêu-biểu, bày ra bội-ngọc hóa-nhã để khoan-thu, là muốn cho đáng-bộ người được tôn-nghiêm, chứ không nên trẻ-nải ».

(Còn nữa)

HỒNG-CHÀU biên-dịch



# BÈO RẠT

---



---

# HOA TRỜI

Đề-từ

*Bầy nổi ba chìm với nước non,  
Thương thay mà phần ngậm bồ-hồn :  
Phũ-phàng chi mấy trời xanh hồi !  
Đề đóa hoa xuân phải héo-hon.*

TÙNG-TOÀN

Lúc ấy, trên mặt bèo mới mờ-mờ sáng. Những đợt sóng cuộn-cuộn từ ngoài xa xô vào bờ, vỗ lên thành tiếng lạnh-lùng buồn-bã. Phút chốc mặt trời từ phương đông như tắm ở dưới bèo nhỏ lên, rồi thì một góc trời đỏ ối. Màu xanh của mặt bèo với màu đỏ của da trời ánh với nhau, vẽ thành một bức tranh thiên-nhiên rực-rỡ. Vài ba con chim bèo ría lông trên bãi cát, thỉnh-thoảng lại kêu lên một hồi như mừng rỡ đón chào cái quang-cảnh khả-ái lúc rạng đông.

Chợt dăng xa có tiếng giầy đi lại, mỗi lúc một gần, làm cho đàn chim kinh sợ bay tan-tác. Một người con gái tha-thướt đi lên, sắc mặt tuy có vẻ buồn, nhưng cũng không che được cái đẹp của đóa hoa giải-ngũ mới có 18 cái thanh-xuân. Nàng vừa đi vừa vẫy đàn chim mà nói rằng: "Lũ chim kia ơi! chúng mày đừng sợ, ta không làm hại mày đâu. Rồi đây ta sẽ là bạn với chúng mày ở nơi bãi bèo quanh-hiu này!" Nói xong, nàng ngậm-ngùi thồn-thức, nghẹn-ngào chẳng nói nên lời, như xúc-động đến tận lòng chan-chứa trăm nghìn sự đắng cay đau-dớn. Tuy vậy, đàn chim vô-tri kia dường như không nghe thấy, lại còn sợ rằng tránh chừa được xa, lại càng vỗ cánh bay xa hơn nữa.

Ngoài khơi, chiếc thuyền đánh cá dang bơi trên mặt sóng. Nàng trông thấy vọi-vàng giơ tay lên gọi:

— Cứu tôi với! Thuyền ai đó cứu tôi với!

Nhưng thuyền xa, tiếng gọi lại bị sóng đánh lấp đi, thành ra chiếc thuyền kia không nghe thấy. Nàng lại giơ khăn tay lên vẫy, cố hết sức gọi mãi, chiếc thuyền mới thấy từ-từ tiến vào bờ.

— Ông ơi! Ông có thể chở tôi đến Ôn-châu được không? Ông làm ơn cho tôi, tôi xin hậu-tạ ông một số tiền lớn.

Người lái thuyền lắc đầu:

— Không được, thuyền tôi là thuyền đánh cá chứ không phải thuyền chở khách.

Nàng khóc:

— Tôi bị người ta bỏ đến đây, may được gặp ông, xin ông rủ lòng thương cứu vớt, cái ơn tái-sinh ấy không bao giờ dám quên, nếu không, đành chết ở chốn này.

Người đàn bà ngồi trong mũi nghe thấy, nhớ đầu ra nói rằng:

— Thương thay cho cô em, cô em làm sao lại một mình bơ-vơ ở chỗ vắng-vẻ này? Có em có thể nói cho tôi biết được không?

Nàng đáp:

— Nếu bà chở tôi được đến Ôn-châu, tôi đâu dám giấu bà mà chẳng nói.

— Ôn-châu cách đây xa lắm, thuyền của tôi không đi đến đấy, nhưng nếu vì có em thì cũng có thể đi được.

— Nếu vậy tôi rất cảm ơn bà.

Người đàn ông bèn một tay cầm sào dẩy thuyền ghé vào bờ, một tay kéo nạng lên. Người đàn bà ở trong khoang chạy ra đón, theo sau một người con gái, tuổi độ trăng tròn. Người đàn bà vỗ-về yên-đội nạng, lời nói rất là ân-cần êm-ái, rồi lại chỉ người con gái đứng ở sau lưng giới-thiệu :

Con này là con gái tôi, tên nó là Át-Hồng. Vì má nó lúc nào cũng đỏ hồng-hồng như ráng buổi sớm mai, nên tôi đặt cho nó cái tên ấy.

Nàng gượng cười :

— Nếu vậy tên tôi là Tiểu-Thúy, Thúy với Hồng chẳng là đối với nhau ư?

Người đàn bà nói :

— Cô dạy quá lời, con nhà thuyền chài có đâu được bằng cô là bậc tiểu-thư khuê các. Nhưng làm sao cô lại đến chỗ hoang-lương tịch mịch này? Vừa rồi cô nói bị người ta bỏ đến đây, vậy người ấy là ai? duyên cớ tại sao? cô nói cho tôi biết.

Thúy bị khêu gợi đến nổi lòng, buồn rầu đáp :

— Thương thay cho tôi mệnh bạc, mới ba tuổi đầu đã bị mẹ bỏ mà về chốn âm-cung, rồi chẳng may gặp phải mẹ ghẻ là người cay-nghiệt đủ điều. Ấy ngày nay tôi sở-dĩ phải bơ-vợ ở đây, cũng là vì mẹ ghẻ tôi vậy.

— Thế cô là người ở đâu? Ông thân-sinh cô làm nghề gì?

— Tôi họ Phương, quê ở Ôn-châu, nhưng cha tôi buôn bán ở Phúc-châu, nên làm nhà ở đấy. Từ khi mẹ tôi mất, việc buôn bán kém dần, cha tôi lại đắm đuối về rượu nên chẳng săn-sóc gì đến việc nhà. Được hai năm thì cha tôi lấy kế-thất. Người mẹ ghẻ tôi đây vốn là con nhà hèn-hạ, trước vì thấy

cha tôi có tiền nên nịnh-nọt để được lòng yêu, kịp khi cưới về biết rằng nhà tôi nửa với sa-sút, bèn sinh ra kiêu-dăng, huy-hoặc tiền-tai vô-độ. Nhà tôi vì thế lại càng nghèo. Cha tôi có mấy cái nhà phải bán cả, rồi về Ôn-châu sửa-sang lại nếp nhà cũ để ở. Trước kia, lúc nhà tôi còn thịnh, cha tôi cho tôi vào học ở trường nghệ-thuật con gái, học vẽ, học thêu, lại học cả chữ Anh nữa, được ba năm thì tốt-nghiệp. Lúc cha tôi về Ôn-châu là lúc tôi đang làm giáo-viên một trường nữ-học kia. Một hôm ở trường về, người mẹ ghẻ tôi đưa cho một bức điện-tin, tôi cầm lấy xem thì là của cha tôi gửi đến, bảo rằng cha tôi yếu phải về ngay...

Thúy nói đến đấy vừa ngừng lên nhìn người đàn bà, vừa lấy tay vuốt mái tóc, rồi hỏi rằng :

— Nhận được bức điện-tin ấy, bà bảo tôi nên xử-tri thế nào?

— Phải về chứ!

— Vâng, lẽ tất-nhiên là phải thế. Mẹ ghẻ tôi tức thì giục tôi đi sắm sửa hành-trang để về Ôn-châu ngay lập-tức. Thế rồi chúng tôi thuê một chiếc thuyền, từ-biệt Phúc-châu ngay đêm hôm ấy. Sáng hôm sau vừa mới cầm thuyền để làm cơm sáng, chợt có người láng giềng của tôi chạy đến đưa cho tôi một phong thư, nói là ở Ôn-châu đưa đến. Không ngờ mẹ ghẻ tôi giắt ngay lấy có ý không vui, lằng-lặng chẳng nói một lời. Tôi đòi xem nhất-dịnh không đưa, chỉ bảo thư không nói gì đâu, chỉ giục về đấy thôi. Bà tính thế có tức không? Tôi nghĩ bụng mẹ ghẻ tôi không biết chữ mà lại giữ thư không cho tôi xem thật là đáng ngờ lắm, nhưng tôi cũng không dám cưỡng.

Tiểu-Thúy nói đến đấy cầm chén nước nhấp giọng, rồi lại nói tiếp :

— Thế rồi thuyền đi, bà ạ, đi mãi. Một buổi chiều kia đậu ở một chỗ bờ hồ quanh-hiu. Tối đến tôi ngủ say, đến lúc tỉnh dậy thì ra tôi nằm ở trên bãi cát. Lúc ấy đang nửa đêm, trăng mờ sao nhạt, thuyền không biết ở chốn nào, mà mẹ ghê tôi cũng không biết đi đâu? Tôi biết là tôi mắc lừa! Trời ơi! Thương thay! Đến sáng tôi cứ theo bãi cát mà đi đến bảy tám dặm chẳng hề thấy vết chân người, nếu chẳng gặp được bà, thì còn gì là thân này nữa, mà lan sóng bạc kia sẽ hời đợt cát vàng vùi nông cho nằm xương tàn của khách hồng-nhan!

Nói đến đây, nàng bưng mặt khóc nức-nổ. Người đàn bà từ nãy đến giờ vẫn chăm-chú ngồi nghe, vừa giận vừa buồn, lúc bấy giờ cũng phải sa hàng lệ, rồi vỗ vào vai nàng mà yên-ủi:

— Tình-cảnh cô thực đáng thương, nhưng sắp đến Ôn-châu rồi, cái thời-kỳ được gặp ông thân-sinh của cô cũng không còn xa mấy, cô đừng buồn.

Nàng gạt nước mắt:

— Xin cảm ơn bà, tôi mà được thấy cha tôi là ơn của bà vậy.

Át-Hồng ngồi bên cạnh cũng lấy lời dịu-dàng mà yên-ủi. Thúy rất lấy làm yêu, nghĩ bụng sao con nhà thuyền-chài mà lại có cái phong-tư nhân-nhã như thế, không có một chút gì là tục-khí cả, thế mà sinh-trưởng ở nơi chài lưới, thực đáng tiếc thay! Rồi nàng lại nghĩ: Át-Hồng sinh ra ở chốn hèn hạ, vô-tri vô-thức, chẳng biết trên đời có những sự đau lòng, vì với ta sinh-trưởng chốn danh-môn, lại phải vùi thân ở trong vực sâu hồ thẳm, hai cái khổ sướng khác nhau xa.

Thuyền rất nhỏ, người đàn bà và Thúy ngồi ở trong khoang, Hồng vẫn không rời. Thúy một bước. Người đàn ông ngồi ở cuối thuyền, một tay cầm bánh lái, một tay cầm mái chèo,

từ từ rẽ nước. Chiều đi đến một nơi có cây cối, loang-ithoảng mười nóc nhà của cư-dân miền duyên-hải, bèn cắm thuyền ở đấy. Người đàn bà mò cá làm cơm, cơm hầm cá tanh, Thúy không ăn được mấy. Cơm xong thì vừa tối. Trên thuyền không đèn không đóm, mấy người ngồi quây-quần ở trong khoang, rồi chẳng mấy lúc ba người kia đều ngủ kỹ. Thúy một mình không ngủ, ngồi nghe tiếng sóng bi-bồn vỗ vào mạn thuyền, thử tiếng buồn-bã, như vì ai than-thở nỗi điều-linh. Chợt Hằng đàn đà lộ mặt ở khoảng không, trời xanh thắm-thắm, mặt bể bao-la, đổi cái cảnh ấy, nàng như tỉnh như mê, bất-giác mơ-màng thấy thân mình đi đến một nơi cổ-miếu. Trong bóng tối, nàng thấy có bóng người nằm bên cửa miếu, kinh-ngạc lùi lại, nghĩ bụng sao ở chỗ hoang-lương đêm vắng lại có người ngủ ở đây. Dưới bóng trăng mờ, nàng trông rõ-ràng là người bạn đồng-học thủa nhỏ, người ý-trung-nhân của nàng: Cam-Thu, Cam-Thu! Sao lại ở đây? Nàng nửa tin nửa ngờ, cúi xuống nhìn thì rõ-ràng là khuôn mặt trắng-trẻo mà gầy, cặp mắt sâu mà đẹp, quả-nhiên là Cam-Thu. Nàng sẽ gọi:

— Cam-sinh! Cam-sinh! Có phải Cam-sinh đấy không?

Người kia giật mình ngồi dậy, chăm-chú nhìn nàng:

— Kia! Tiểu-Thủy! Sao nàng lại phụ-bạc ta mà trốn đi như thế?

Lời nói dọm về oán hờn, sắc mặt có chiều tức giận. Thúy vội-vàng ngắt lời:

— Trời ơi! Chàng cũng cho là tôi trốn chàng mà đi ư?

Mới nói đến đây, đôi hàng lệ đã tuôn xuống như mưa, nghẹn-ngào không nói được nữa. Trong lòng nàng chứa-chất muôn nghìn tâm-sự, chỉ muốn nói ra cho hả, mà cứ đến cổ

họng đã bị tiếng khóc ức đi, một lời cũng không đặt được ra đến đầu lưỡi, trong lòng uất-ức, dường như đến nỗi vỡ tim gan.

Thu nói :

— Nàng nếu không phụ tôi sao lại cùng mẹ ghê trốn đi ?

Thúy khóc :

— Trời ơi ! Chàng có biết cho tôi không ?

Rồi nàng nhất-nhất đem nông-nổ thuật cho Thu nghe, Thu rất ái-ngại cho cảnh-ngộ nàng, và rất cảm-động về tấm lòng nàng

Rồi chàng nói :

— Từ khi nàng đi, tôi mất ăn mất ngủ, tuy cũng biết rằng nàng không khi nào phụ tôi, nhưng nàng vụt đi đi mãi, không để lại cho một lời, khiến tôi nghĩ mãi mà không hiểu tại làm sao. Song le, túng-nhiên nàng có phụ tôi chăng nữa, tôi cũng quyết chẳng phụ nàng. Tôi thề rằng đi khắp thế-gian để tìm nàng, một là để hỏi xem nàng có phụ tôi không, hai là để tỏ cho nàng biết rằng tôi không khi nào phụ nàng. Không ngờ ngày nay quả nhiên hai ta được gặp nhau, há chẳng phải là trời giúp ta ư ?

Thúy nghe nói lại càng xúc-động, khóc ròng.

— Thôi, chúng ta đi thôi !

Thu vừa nói vừa lấy tay vỗ vào vai nàng kéo đi, khiến nàng giật mình thức dậy, thì ra thân vẫn ngồi ở trong thuyền, cuộc bi hoan vừa rồi đều là ảo-cảnh, mà ngoài thuyền vẫn lạnh-lùng trăng dãi nước trời, nghe tiếng sóng vỗ bi-bõm, nàng còn tưởng chừng như tiếng nói của Cam-Thu. Nàng buồn quá.

Một lúc trời hửng sáng. Vợ chồng người thuyền chài đã dậy, ăn-cần hỏi nàng đêm qua ngủ có yên không, sơ dậy sớm thế ? Nàng cảm ơn, nói rằng cũng ngủ được đôi chút. Hồng lúc bấy giờ cũng đã dậy, đem con mắt mòng-

lung ngái ngủ nhìn nàng một cách âu-yếm mà mỉm cười. Thúy chợt nghĩ đến giấc mộng đêm qua, bất-giác trên khốe thu-ba, đôi hàng châu lỏng-lánh, muốn cầm cho không rơi xuống cũng không được. Người đàn bà lại hết lời khuyên-giải, Thúy tuy miễn-cưỡng nuốt nước mắt mà trong lòng vẫn không sao vui.

Đi như thế đến vài ngày. Một buổi tối kia cầm thuyền lại nghỉ, rồi cũng như mọi khi, com chiều xong, hai vợ chồng người thuyền chài đều nằm xuống ván thuyền mà ngủ. Thúy cũng dựa vào chiếc mái chèo thiu-thiu, chợt nghe đặng cuối thuyền tiếng Hồng khóc tí-tê rất là não-nùng ai-oán. Nàng lấy làm lạ, toan lên tiếng đề hỏi thì có tiếng người đàn ông ho khúc-khắc, tiếng khóc liền im. Nàng lại càng ngờ, bèn rón-rén đi xuống cuối thuyền, Hồng trông thấy vội-vàng giơ tay lên xua như có ý bảo rằng đừng nói, rồi ghé vào tai mà nói thầm :

— Hai người kia có phải là cha mẹ tôi đâu, giặc bề đấy !

Thúy nghe nói hồn-phách rụng-rời. Hồng trở một lảng đá dăng sau thuyền, kéo áo Thúy bảo nhẩy sang đấy để trốn. Thúy đành liều nhẩy sang, không ngờ đá trơn, trượt chân ngã xuống nước, may Hồng hết sức lôi được lên.

Thúy hỏi :

— Bây giờ làm thế nào ?

Hồng đáp :

— Họ định đem bán chị cho hồng-lâu, nay có cơ-hội nếu chẳng trốn đi thì còn gì là thân-thể. Tôi với chị cùng là bạn bên trời lảng-đăng, cùng một cánh bèo rạt hoa trôi, nên giúp đỡ lẫn nhau để thoát khỏi nơi hang hùm nọc rắn.

Lúc bấy giờ đang mùa thu, gió bẽ như dao cắt, hai người đều hàm răng lập-cấp, rét buốt tận xương.

Hồng cố nhin rét nói run-run :

— Bây giờ ta nên nấp vào đám lau sậy cho thuyền giặc đi xa đã, rồi hãy đi.

Thúy nói :

— Thế thì bị nó bắt mất, chẳng bằng chạy đi là hơn.

Nói rồi dắt tay nhau chạy qua một bãi cát, thấy đằng trước mặt độ hơn một dặm có cánh rừng rậm-rạp um-tùm, bèn hết sức chạy đến đấy. Thì ra đó là một cánh rừng thông đến hàng nghìn vạn gốc mọc liền nhau, một người đi qua cũng không lọt. Những dây mây gai-góc rườm-rà như móc vào áo người ta mà kéo lại. Hai người đến đấy, sức đã mỏi không sao đi được nữa, bèn ngồi cả xuống dưới gốc thông, lấy những dây leo cây sậy phủ lên mình. Gió thổi, lá rung sột-sạt, hai người tưởng chừng như tiếng giầy của giặc bề, mặt những muốn tan. Trên đầu lại có tiếng xào-xạc, ngẩng lên thì ra tiếng chim rừng. Hồi lâu mỏi quá, hai người đều tựa vào cây mà ngủ. Tỉnh dậy thì trời đã sáng bạch. Những lá cây đượm sương chịu khí nóng của mặt trời bốc lên thành khói như sấm, cảnh-trí rất là u-sắng. Hai người nhìn nhau, sương bám vào áo lấm-tấm như bụi, lấy tay phủ đi, lại thành ra một vệt máu tươi, thì ra tay hai người đều bị gai mây đâm. Vẫn ở dưới đám lau sậy, hai người đều không dám thò đầu ra ngoài.

Hồng nói :

— Nếu giặc không lại, chúng ta may ra mừng được tái-sinh.

Thúy gật đầu, nhân hỏi Hồng cái nguyên-nhân truy-lạc vào tay giặc và sao lại gọi giặc là mẹ với cha. Hồng đáp :

— Tôi người Phúc-châu theo cha đi Hồng-sơn, không ngờ bị giặc bề cướp hết tiền của, rồi bắt tôi hiến cho thẳng đầu đảng tức là gã thuyền chài đó. Tôi vào tay nó rồi, nghĩ rằng không thể lấy

sức mà đổi lại được, mới giả nhận nó là cha mà chịu làm con nuôi để đợi cơ-hội rồi trốn, nhẩn-nhục đã mấy năm nay. Đêm vừa rồi tôi nghe hai vợ chồng bàn với nhau đến một tỉnh kia sẽ đem bán chị cho lâu hồng, tôi nữ nào biết mà trông chị sa vào nơi lửa đỏ. Vả lại chị bị bán đi còn một mình tôi cũng khó lòng trốn được...

Nói đến đây Thúy chợt nghe tiếng lá động như có người đi vào, vội-vàng bấm Hồng nói thầm :

— Chị thử nghe mà xem, có lẽ giặc đến !

Rồi chợt thấy bóng người thoảng qua ngoài rừng trúc, tiếng chân giẫm lên lá khô có vẻ vội-vàng mạnh-mẽ, mỗi lúc một gần, thối đích là giặc rồi. Thúy toát mồ-hôi, ghi chặt lấy Hồng không cho cựa-cậy, lấy những tàu lá to che lên mặt, chân vùi vào trong đám cỏ. Nhìn đến Hồng sắc mặt đã tái mét và chết điếng đi không còn biết gì nữa. Nàng nhòm qua khe lá thấy một đầu người sừng-sỏ đi qua, hai con mắt lồi ra có vẻ giận-dữ như biết rằng có người nấp đầu đó, chực sẵn đến mà lôi ra. Thúy sợ quá, cũng rú lên một tiếng rồi ngất đi. . . .

Hồi lâu nàng hơi tỉnh, trong tâm định-ninh rằng thời đành lại sa vào lưới của giặc bề rồi, ruột đau như cắt. Nàng mở mắt ra thấy mình vẫn nằm ở giữa rừng, bên cạnh lại có một người ngồi, không phải là giặc bề mà lại là một người con trai. Nhìn kỹ thì ra đứa ở người láng giềng nàng ở Phúc-châu. Nàng mừng lắm. Ất-Hồng lúc bấy giờ cũng đã tỉnh.

— Thọ-Ân ! Vì cơ gì mà anh lại ở chỗ này ?

Thúy hỏi người con trai ấy rồi kể cho nghe sự gặp nạn của mình. Thọ-Ân nghe nói có vẻ tức-giận, thống-mạ người mẹ ghẻ độc-ác kia một hồi, rồi nói :

— Cô ơi! Cái thư ngày nọ tôi đem đưa cô có phải là ở Ôn-châu đâu, của cậu Cam-Thư đấy. Sở dĩ nói thác ra ở Ôn-châu là muốn tránh sự hiềm-nghi của bà mẹ ghê cô.

Thúy nghe nói khóc òa lên :

— Vây ư? Nào ta có được xem đâu! Trời ơi, độc-ác thay là mẹ ghê của ta!

Ấn nói tiếp :

— Chủ tôi mất tiền nghi cho tôi lấy cắp bèn đuổi tôi đi. Từ đấy tôi nay đây mai đó, lưu-lạc đến đây làm đũa chân lợn cho người lấy bát cơm để hồ-khẩu. Hôm nay vì chó sói bắt mất lợn nên tôi đi đuổi mà vào trong rừng sâu này, không ngờ nay được gặp cô.

Thúy nói :

— Thọ-Ấn ơi! Hôm nay được gặp anh thật là nhờ trời, hai chúng ta may được khỏi chết. Nhưng này, cậu Cam-Thư bây giờ thế nào?

Ấn đáp :

— Tôi mang thư đưa cho cô về thì cậu đã đi Toàn-châu. Sau tôi bị đuổi nên không biết cận trạng cậu ra thế nào.

Thúy ngậm-ngùi, Thọ-Ấn lại nói tiếp :

— Nhưng các cô ở lâu chỗ này thế nào được. Nhà chủ tôi cách đây không xa, xin mời hai cô về ở tạm đây vài ngày rồi tình đường về sau.

Hai người tỏ ý hân-hạnh, bèn theo Thọ-Ấn vạch cây rẽ cỏ mà đi. Độ nửa dặm đến một con đường nhỏ ruột dê khui-khúc. Mặt trời đã lên đến đỉnh đầu. Hai người đối lăm lăm bảo với Thọ-Ấn, Ấn nói :

— Ở giữa rừng này thì lấy gì mà ăn được? Ặ! Có một thứ quả rừng bây giờ đang chín, vị hơi chua-chua ngòn-ngọt có thể ăn được, để tôi đi hái.

Nói rồi chạy đi. Một lúc dùm về một vạt áo dây, tay cầm một quả ăn dở, vừa nhai vừa nói :

— Ngon lắm, hai cô ạ.

Thúy và Hồng đối quả, mỗi người

ăn đến mười quả, rồi lại theo con đường nhỏ mà đi. Đường ngoắt-ngoéo quanh-co, hai bên đều là cây cao cỏ rậm. Thỉnh-thoảng qua cái cầu nhỏ bắc bằng cây, giẫm lên rung-rinh như muốn gãy. Một lúc đến một khoảng đất rộng, bốn bên vườn đều trồng dương-liều cỏ ngắn như nệm xanh. Ấn lấy tay trở :

— Đây là bãi chăn súc-vật của chủ tôi.

Đi qua bãi, vén những cành liễu rủ đi ra, liền thấy phen trúc nhà tranh, chậu hoa cây cảnh. Thọ-Ấn đứng lại bảo hai người :

— Hai cô hãy đứng đây, để tôi vào nói trước với chủ tôi đã.

Một lúc ông cụ già độ sáu bảy-mươi, đầu tóc bạc phơ chạy ra đón, theo sau một bà già vào khoảng ngoài năm-mươi, đầu hoa dâm, áo nâu sồng. Trông thấy hai người, ông bà đều cười nói vui vẻ :

— Ôi Hai cô tiên ở đâu giáng-trần thế này?

Thúy và Hồng đều nói :

— Chúng tôi là kẻ lỡ đường đến xin ông bà cứu giúp, chúng tôi được cảm-tạ vô-cùng

— Lão rất vui lòng, mời hai cô vào.

Ông già vừa nói vừa giơ hai tay đón hai người một cách ân-cần vui-vẻ. Ông tuy là điện-gia nhưng cũng hơi phong-phú. Nhà tuy có-lậu mà sạch-sẽ phong-quang. Hồng và Thúy lần-lượt kể cái cảnh-ngộ điều-linh của mình, hai ông bà đều chau mày ughien-răng, rồi cũng lấy lời yên-ủi :

-- Nhà chúng tôi đây quê mùa, được hai cô quang-cổ thực lấy làm hân-hạnh. Xin mời hai cô yên-nghỉ ở đây ít lâu, rồi lão sẽ sai Thọ-Ấn đưa hai cô về.

Lúc bấy giờ Thọ-Ấn bưng nước lên, bà già sai đi sửa-sang sẵn một căn phòng sạch-sẽ để hai nàng đi nghỉ. Ngồi nói chuyện ít lâu, người nhà lên báo

cơm chiều đã xong, bà già mời hai nàng sang ăn cơm ở gian bên cạnh. Mâm cơm sơ-sài, phần nhiều là rau dưa lấy ở vườn cá.

Bà già nói :

— Hai cô đều là bậc khuê-các, lưng cơm bạc-bèo này thực chẳng xứng chút nào, đáng lẽ già phải làm con gà mới phải, nhưng vì đã quá chiều, hai cô đã có lòng yêu cũng lượng-thứ cho.

Hai nàng khiêm-tốn cảm-tạ, ngồi vào ăn thực-thà rất là ngon miệng, vì lúc bấy giờ đã đói lắm. Tối đến hai nàng ngủ ở phòng bên cạnh, chân gối chỉnh-tề, trên ghế có ngọn đèn dầu le-lói. Hai nàng mệt lắm, vui người vào đồng chăn là ngủ liền. Tuy châu vãi giường tre, lúc bấy giờ hai nàng coi như giường vàng chăn gấm.

Ở đây mấy hôm, hằng ngày bà già dắt hai nàng đi xem nơi trồng-trọt chỗ chăn nuôi, nói chuyện việc nông-tang, hai người vì thế cũng khuấy khỏa được nỗi buồn.

Một hôm Thúy bảo nhỏ với Hồng :

— Chúng ta ăn nhờ ở đậu ở đây, tuy được yên thân, nhưng không phải là cái kế lâu dài, vậy chúng ta nên tính đường về, chị nghĩ sao ?

— Vâng, tôi cũng định thế. Nay chị em ta cùng về cả Phúc-châu để xem tin-tức tôn-ông thế nào ?

Thúy cho làm phải, vả lại về Phúc-châu may ra nàng lại được gặp Cam-Thu, nên bằng lòng ngay. Hai người bèn ra ngó ý ấy với ông bà già. Hai ông bà đều có ý lưu-luyến, nói rằng :

— Hai cô đã muốn thế già cũng không dám cưỡng, nhưng mà lương-thực lộ-phi đều thiếu-thốn, đi ngay thế nào được, để già trừ cho một ít tiền và sai Thọ-Ân đi hộ-tống.

Hai người đều cảm-phục lòng nghĩa-hiệp của hai ông bà, cúi đầu xuống vái để tạ-án.

Sáng hôm sau cơm nước xong, hai

ông bà sắm-sửa lương-thực hành-trang cho Thúy và Hồng

Thọ-Ân nói :

— Đi đường bộ rất nhieuu-khê, hàng trăm dặm không có một ngọn khói bếp, đêm phải ngủ ở nơi gò đồng hoang-lương, chỉ cho bằng đi đường bề tiện hơn.

Thúy và Hồng vội-và g gạt đi :

— Chớ! chớ! Anh không sợ giặc bề ư? Nguy-hiểm lắm, chúng tôi đã trải rồi.

— Không sợ, tôi chỉ chở một thuyền con giả làm thuyền đánh cá thì giặc bề không ngờ gì nữa. Tôi tuy chèo không giỏi, nhưng cứ từ-từ theo ven bờ mà đi, mãi cũng phải đến, nếu gió êm sóng lặng thì chẳng lo gì.

Hai ông bà đều khen phải, Hồng và Thúy cũng bằng lòng. Ân bèn đi thuê một chiếc thuyền con, hai nàng cải-trang làm thuyền chài, rồi bai-biệt ông bà già ra đi.

Thuyền nhỏ sào, rẽ nước bơi đi; gió thuận dòng xuôi, chiếc thuyền bình bồng như cánh lá tre trôi mặt sóng. Thọ-Ân ngồi chèo ở đằng lái nghêu-ngao hát khúc dò-dừa. Chiều đến lại vo gạo thổi cơm rất là chăm-chỉ, hai người đều cảm-kích tấm lòng trung-thành của hắn.

Một hôm đang giữa trưa, trời trong không có mây, Hồng nằm ngủ ở trên ván, Thúy ngồi ở đầu thuyền ngắm phong-cảnh trên bờ, Ân vừa chèo vừa hát như mọi ngày, chợt một trận cuồng-phong thổi mạnh, mây đen kéo dùn-dùn che kín cả một góc trời, rồi tối sập lại. Sóng hồng-bọt nổi lên cao ngất, tiếng réo ầm-ầm như thiên-bình vạn mã hò-reo tiến đến, làm cho chiếc thuyền đảo-diễn nghiêng-ngửa, những toan lật úp. Thúy và Hồng ôm đầu nằm rạp xuống ván thuyền, mặt mày choáng-váng không sao ngẩng lên

được, liền thanh gọi Thọ-Ân mà không thấy Ân đáp. Rồi mưa như trút nước xuống. Chiếc mui nan không đủ chống với giọt nước phũ-phàng, hai người đều ướt như chuột lột, khí rét thấm đến xương, tưởng chừng ngã xuống bề nằm ở dưới đây rồi. Thúy kêu lên:

— Trời ơi! Ta lại chết ở bề ư?!. . .

Vừa nói đến đây nước đã ộc vào đây mồm, mê-mán không biết gì nữa...

Được ít lâu sóng dẹp dần, gió mưa đều ngớt, thuyền cũng không chòng-chành mấy nữa. Thúy mở mắt ra nhìn lên trời, mây tối đã tan, mưa còn loáng-thoáng, trên mui hồng nước rõ giọt như hạt lệ đũa cô-nhi. Nàng vực Hồng dậy, quần áo đều ướt lướt-thướt như tắm. Quay lại đằng lái không thấy Thọ-Ân đâu nữa Hồng rú lên:

— Ôi thôi! Ân chết rồi, trời ơi!

Hai người chỉ nhìn nhau mà khóc, sự nhớ đến nước ngập lưng thuyền, vội-vàng lấy gầu tát ra. Lúc bấy giờ mưa đã thật tạnh, mặt trời lại chiếu nắng chiều lên mặt bể đỏ loe. Hai người đều không biết chỗ thuyền, đành phó mặc cho trôi theo luồng gió thổi.

Thúy nói:

— Vì khiến thuyền cứ thế này trôi đến Phúc-châu thật là trời giúp chúng ta, mà nếu không thì có chết trong bụng cá cũng còn hơn chết trong tay giặc.

— Đã đành rằng thế, nhưng chỉ thương thay cho Thọ-Ân.

Vừa đứng phoi nắng cho xe quần áo vừa nói chuyện, nhắc đến Thọ-Ân,

hai người đều ngậm-ngùi giọt nước mắt. Thuyền vẫn thuận dòng trôi đi mãi, chẳng biết chỗ nào là chỗ nào, chỉ thấy cách thuyền độ một quãng có một bãi cát mà thôi.

Thúy nói:

— Lênh-dênh trên mặt bể thế này, sao bằng lên cạn tìm một nơi mà ở, bằng không lương cạn thuyền tan, biết làm thế nào?

Hồng cho làm phải, bèn cố hết sức chèo cho thuyền vào bờ, nhưng không biết lái, thành thử sóng lại càng đánh xa ra, đành thất-vọng ngửa mặt lên trời mà than:

— Ôi! Nếu Thọ-Ân chẳng chết thì lúc này có lo gì!

May sao bấy giờ lại có cơn gió nhẹ nổi lên, thổi rạt chiếc thuyền vào ven bờ, hai người đều cho rằng có lẽ âm-hồn Thọ-Ân thiêng-liêng âm-trợ chăng?

Vừa nhẩy lên bờ chưa đứng yên thì gió đã đổi chiều, đánh bạt chiếc thuyền ra ngoài khơi. Hai người đều lấy làm may, lại ngửa mặt lên trời tạ-ân Thượng-đế. Thúy đứng nhìn theo chiếc thuyền mỗi lúc một xa, càng xa càng nhỏ, chẳng mấy lúc chỉ còn là cái chấm đen, rồi biến vào khoảng nước trời, chỉ còn thấy có mây trắng với bể xanh. Nàng chợt biến-sắc, sự nghĩ đến đờ dưng lương-thực còn để cả dưới thuyền chưa kịp mang lên, rồi ra lúc đói lấy gì mà ăn, chẳng chết đắm ở dưới thuyền cũng đến chết đói ở trên cạn mà thôi.

(Còn nữa)

**Tùng-Toàn**

(Thuật theo Hán-văn của Hồ Kỳ-Trần)

## HÁT TUỒNG

## LÂN PHƯỢNG KỶ-DUYÊN (1)

## V

## HỒI THƯ TƯ

Vi vương-chiếu Lý Lương nhập ngục  
Thục phụ-tình Kiều Phượng xuất quan

*Trương Hùng nói :*

Tam-đa phù để chúc ; ngũ phúc hiệp hoàng-trù 三多符帝祝 五福叶皇時  
Tái ngoại vô-qua giáp chi ngu ; hoàn trung hữu quân huyền chi lạc 塞外無戈甲之虞 寰中有管絃之樂  
Chúng-tê lạp đeo ấn nước ; Trương Hùng chín thiệp tên già. Lăm dạ âm tiếng bùa Triệu-gia ; mài lòng sắc lưỡi dao Lý-thị.

*Lại nói :*

Như ta : Thừa chiếu hạ mặt sai hiền-đệ ; nghĩ lại trong lời chiếu, ki ông mặt chi chó lăm, nhưng ta ở nhà khéo tính nó cũng ngót đi cho, ở nhà cũng nhân có lời chiếu mần rứa mới khiến hân : tỵ đồ gian ám sát Lý-Lương. Chứ ai ngờ cái thằng em nhà Tần nó trong lăm, chẳng biết đến nửa đường hân mần rắng cho đến đối : Tảo tri cơ bèn mới thoát chàng ; nhưng mà lại đi mô cho khỏi ở nhà tề chứ, nói, thiệp : tặc tỵ kế rầy loan bại gã. Thôi muốn chết tao cho chết. Quán : Quân-nhân thừa lệnh hạ ; bay đòi : Trương Hồ hậu trưởng-tiền đây.

*Trương-Hồ nói :*

Kim thừa huynh-trưởng lệnh truyền ;  
xin tùy đao đinh giai ứng-hậu.

*Trương Hùng nói :*

Quân Cầm-dôn. Em ngồi, số là từa trước anh phụng chiếu vãng t.uyết Lý Lương, anh tưởng : Gián-nghị xưa đã suy-lão ; nên anh mới khiến thằng Bru lẩn đòi lão đến nửa đường mà tỉnh phát đi cho rồi, ai ngờ là : Lý Lương rầy cũng quật-cường lăm em.

*Trương Hồ nói :*

Cha-chả lại há-đẳng quật cường lăm rứa ?

*Trương Hùng nói :*

Ừ lăm lăm, không phải chơi mô, em à : Kháng vì khen gã thiệp cả gan ; đã mần rứa lại : cứ sát ngấm chàng không nề mặt mới hong cho ch.ừ, ấy bởi rứa anh tính mần rắng, mần rắng có em mới xong cho. Phen này tua gắng sức ; việc ấy cậy em ra tay mới xong cho, ấy nghe anh dặn à, em liệu lăm sao : Khả tróc tha tu-đệ tương lại ; vật sử bị viên-phương thoát khứ.

*Trương Hồ nói :*

Đại-huynh hừ quá lự ; tiêu - đệ nguyện thừa hành. Mà phen rầy nói thiệp : Đã có em ra sức phọc kinh ; lo chi gã quần phượng phục thử. (Cùng hạ).

*Trương Hồ về dinh truyền lệnh :*

Gia-trưởng ơi : Hạ lệnh truyền quân-sĩ ; tức nhật chỉnh qua mầu. Thủ-lộ đao Mai-châu ; duyên đồ truy Lý-lão.

*Quan ban :*

Hiệu - lệnh nghiêm phong - thảo,  
phong-ti ào,

號令嚴風草  
Tinh kỳ tế nhật tinh, nhật tinh ;  
旌旗蔽日星

(1) Xem Nam-Phong từ số 186.

Vọng Lý-gia tiến phát, tiến phát,  
望李家進發  
Chỉ Mai quận bốn hành, bốn hành.  
指梅郡奔行

*Trương Hồ bắc-xương :*

Độc kế toán thừa ngã đại huynh,  
毒計選承我大兄  
Tróc tha Lý-thị tuyệt nha manh.  
捉他李氏絕芽萌

A Lý Lương, ta nói tiết phe này:

Ngư du phủ lý chung nan thoát,  
魚遊釜裡終難脫

Chờ như ta chờ:

Hổ phụ sơn ngưng mạc cảm anh.  
虎負山隅莫敢撓

*Lý Lương nói :*

A: Họạ-nhân hà sinh hà sinh 禍忍  
何生; phúc ta bất hậu bất hậu  
福嗟不厚. Nơi dài-các lão lãnh  
minh su-lâu; thú điền-viên cho khôe  
bước qui-lai. Ai ngờ: Rủi vận già còn  
mắc ba tai; thương thân trẻ đem  
mình nghìn dặm. Cừu lão thao-bỏ mà  
lâm chi chi đây ả, thôi: Chi sá hình-hài  
một nắm; miễn là trung hiếu nặng gông.  
Trương Hùng này, lão cũng biết người, tình  
màu ri là dáo-sách lăm đây, nhưng mà lão  
dự chi: Mặc Trương-gia cư thối gian-  
hùng; về Kinh-quốc thân bề khước-trực.

*Nam-xương :*

Khúc trực xin cho thân lý,  
Gương cứu-trùng chặn nguy thường  
soi.

Hết buồn bỗng hóa nực cười,  
Nợ đời theo lỗ một đời chưa xong.  
Chi bách tòng lăm trông tiết cả,  
Dễ sỡn khi nặng hạ sương đông.

(*Quân Trương Hồ liền đến*)

*Trương Hồ nói :*

Đoái hèn đường chổn thiệt Lý-công;  
(*thúc ngựa tiến lên trước nói*): nhìn  
trên ngựa phải là Trương Hồ không ai?

(*Lý Lương đứng ra bên đường và  
như không biết*).

*Lý-Lương nói :*

Chớ ai mà lại biết lão màu ri; Mắt như  
nhạc xem qua chưa tỏ; ủa quan Tông-  
nhung đây mà; mặt rõ-ràng nhìn lại  
mới tường. Lão xin thất-lễ, ba chả là  
đông, từa Đông-nhung chẳng hay việc chi:  
Đề đại-bình lộ thượng bốn mang;

*Trương Hồ nói :*

Ta đó người biết?

*Lý-Lương nói :*

Ừ ừ nhắm rồi, có khi đã lại; phụng  
minh chiếu quan tiền bình-tiểu.

*Trương Hồ nói :*

Ừ cũng nhắm đó; Vốn thiệt mìn  
phụng chiếu; không sai mô bình-man.

*Lý-Lương nói :*

Ừ ra Đông-nhung cũng phải đi bình-nhung?

*Trương Hồ nói :*

Không.

*Lý-Lương nói :*

Vậy chứ quân tướng đại-dộ nhà mã, đi  
mô mà hay?

*Trương Hồ nói :*

Ừ hồi ta đem binh mã đi mô rùa, ừ như  
ta là: Quyết tới đây tiết-lộ bắt chàng;  
đem về đó dễ-đường trị tội. (*Lý Lương  
nghe nói đứng ngáy ra một lúc*).

*Lý Lương nói :*

Xét mình lão vốn không làm-lỗi;  
nghe lời chàng đường có ngày-ngà.  
(*Nghĩ một hồi rồi nói*): Ừ lão biết rồi,  
như sinh ra có sự này là cũng vì: Trước  
Trương Bru gây việc bất-hòa; rầy Lý-  
lão đến điều thụ-chế. Vậy mà lão thấy  
Tông-nhung đem binh mã hăm-hăm hốt-hốt,  
lão tưởng là binh đông phật bác, phá lũy  
dễ thành nơi mô mà thôi chứ, phải chi lão  
hay đem binh mã đi bắt lão màu ri, lão đã  
trở về rồi, lão trở về dạng cho thể  
thượng người ta biết cái tài ông tướng màu  
rùa đó, mà bắt dạng cái lão già màu ri. Thưa  
Tông-nhung, nào phải bắt lão mà chi,  
không bắt lão cũng đi mà, lão ưng đi lâu,  
lão: Giận lười sống nhiều lần khi-tế;  
nên lão mới lật-đật lão đi màu ri lão cũng  
tinh: Nhờ bóng gương chín lớp biện-

minh. Há nghiên suy còn lại dộn hình;  
dù hung cát cũng đã cam phận.

*Nam xướng :*

Hung cát cũng đã cam phận,  
Tướng sự mình hết giận rồi vui.

*Tán :* Hèn chi cò-nhân có câu rằng :

Hoạn hải ba đào thắm,

宦海波濤甚

Nhân tình băng thán ; ai.

人情冰炭皆

Túng tri bảo danh thoái.

縱知保名退

Vị tất miễn thân tai.

未必免身災

*Lại nam-xướng :*

Phủ tay vừa sạch trần-ai,  
Ngoài tai xào-xạc đã lời thị phi.

Mãng noi dấu thỏ bôn-tri,  
Phút đầu lấy thỏ kinh-sư gần miền.

*Trương Hồ nói :*

Chư-tướng ơi : Chư tướng khả thừa  
truyền ; tư-nha mau kính nhập. (Lời rồi  
giờ tay vẫy một cái, Chư-tướng hiệp  
dẫn Lý Lương tới phủ Trương Hùng.  
Trương Hùng ra thấy Trương Hồ,  
mừng lắm).

*Trương Hùng nói :*

Ừ em đã về đây mà, mời em ngồi, chứ  
việc em đi ra sao ?

*Trương Hồ nói :*

Thưa anh, Từ ngu-dệ vâng lời truy-  
tập ; may đến nửa đường em : gặp Lý  
Lương trải bước bôn-hành. Đã quyết  
lòng phó-khuyết đầu-minh ; bèn hiệp  
gã đề nha hậu-cứu.

*Trương Hùng nói :*

Gia-thần mau chước tửu ; hiền-dệ  
chút tây-trần. Hạ-lệnh giữ quân-nhân ;  
cấp dẫn lai Lý-lão. (Lý Lương ngông-  
ngênh vào không vái chào).

*Trương Hùng nói :*

Ừ anh Gián-nghị ! Cả tiếng chào  
người cố-hữu ; lâu ngày quên chữ

tương-tri. Từ Liễu - dinh khứ bậu  
thường ti; rày Lý hữu biệt lai vô rạng ?

*Lý Lương nghiêm sắc nói :*

Lộ phải kiếm lời khích báng ; vốn  
đá tổ nổi thị-phi. Vì tướng câu vương-  
mệnh bất-vi ; chớ lấy việc tư tình đề  
khởi !

*Trương Hùng nói :*

Ừ người nói rằng, nay người phụng vương-  
mệnh, nên mới đến đây rửa ; ừ biết đó mà,  
ta rồi ; Đã biết điều tuấn-chỉ ; sao đem  
thói lộng-hành ?

*Lý-Lương nói :*

Nào lão có điều chi vu-vớng quân-thượng,  
bài biếm trung-lương, mà Chung-tề quả ép  
ràng lộng-hành, cho nặng lão mặt rửa nào ?

*Trương-Hùng nói :*

Đã lại xoi-xia hoài, như người lộng-hành  
là có chứng mà ; Đành Trương Bưu tích  
nọ phân-minh, nơi tề mà kêu rằng không;  
ấy nhưng mà cũng không thêm chấp mồm  
chi, những cái chuyện quái nữa; hãy thử nói  
việc triều-dinh sở cấp rày mà nghe chứ ;  
hiển Kiêu-phượng lòng kia lạc-nguyên  
chăng tử ?

*Lý Lương nói :*

Thưa quan Chung-tề, lão ngữ là việc chi  
tề chứ, như việc ấy là : Việc trẻ khó bề  
tư-luận ; sự nhà chờ lượng chi-tôn.  
Nhưng mà lão cũng đã tỉnh rồi ; Mai vào  
triều ắt phải trần-ngôn ; rồi thượng  
biểu ngữ chờ minh-đoán.

*Trương Hùng nói :*

Ừ Gián-nghị muốn đạt khi nào lại chẳng  
dặng nào, phải ki.đ. khất với ai làm chi tử ?  
A-ha ra mặt rửa là : Bỉ thành vi ngốc-  
hán ; ngã bất thị đại-thần. Chư người lại  
không biết triều-chính bất luận cự tế, nhất  
thiết quyết vu Chung-tề hay mặt rắng ? Rất  
đối là : Việc quân-cơ tiên tất bầm thân;  
chuyện phụ-nữ việt-hành tấu-thỉnh.  
A Lý Gián-nghị này, người có muốn đạt ở  
mò nữa là, cũng không khởi ở ta mà ;  
Trước mỗ đã phụng-lệnh ; rày min  
lại thừa-hành. Tiếc con nhà tỉnh chẳng

thuận tình ; giữ phép nước mặt không kiêng mặt. (*Lý Lương biết là sự thế chẳng hay, ngo-ngạc hồi lâu*).

*Lý Lương nói :*

Túng bước lão tới lui rất ngặt ; dõ bụng người sâu cạn cũng hay. Thưa Chung-tề, vậy mà lão tưởng là việc tại quốc-quân mà thôi, ai ngờ chúng-tề cũng còn tình-tướng tới cha con lão đó chứ, lão cũng khen cho: Túc-tàng khen mưu đã rất dày; nhưng mà cha con lão, lão có tiếc chi a chúng-tề, lão tiếc cho thực-phụ chi tài an trung phục ngoại, mà lạ : Xử-trí tiếc lượng còn quá hẹp.

*Trương Hùng nói :*

Cha con chú người lại rộng chừng mô lắm bấy ?

*Lý Lương nói :*

Thưa Chung-tề, xưa nay việc chinh-chiến chẳng là binh đao trống đương, thủy lai thô yếm mà thôi, ai đi; Thấy giặc bé hó tay một pháp; làm quan to ra mặt bắt tại.

*Trương Hùng nói :*

Chứ tài-cán người lại chừng mô mà nói lý lắm hẳn rứa.

*Lý Lương nói :*

Lão cũng không có tài dẽ-dao khóa-mã, nhưng mà lão nghe thiện tư diệu bát giả tại trí bất tại dũng, vậy chứ Hán Trương Lương vận trù duy ác chí trung, quyết thắng thiên-lý chi ngoại là hẳn rằng có phải a: Thiện vi mưu điều-khiển phải người; ấy là việc đánh giặc, ai có đánh giặc hẳn rằng: tư hạ-sách phần cầu cho dặng gái, há chẳng hèn cái danh Chung-tề lắm chứ...

*Trương Hùng nói :*

Chà chà cái lão hay nói lý lắm hay, Giản-nghĩ phân như người hẳn rứa: Vậy chẳng ngôn từ thượng khái; chứ như ta: nghĩ rằng sự-thế bất-đồng. Ở người đã dẫn tích, ta cũng dẫn tích cho người nghe: Trương Lương đời Hán xưa dặng trước có Hàn Tín quyết-chiến, dặng sau có Tiêu Hà vận lương, lại còn những Phan Khoai, Quán Anh đều là tay địch nổi muôn người, tướng tá người ta đồng làm vậy, mà chẳng vận trù quyết thắng hẳn rí, chứ như Sở-triều hầy giờ có ai ở

mô. Mạnh chỉ một ta nội tu quốc-chính ngoại tương quốc-vụ, dẫu có tài điều-binh khiên-tướng, nhưng không người ngự-vũ chiết-xung, mà khiến ở ta tài hẳn rằng dặng. Bởi rứa mà ta cũng đã lo lắm; Kiệt ngô tài không chước bình nhưng; nên bất-dắc-dĩ mà đượ quyền là cũng: học tiền-đại tiện phươg thoái tặc.

*Lý Lương nói :*

Chẳng hay đời mô dĩ nữ thoát tặc, mà Chung-tề bắt chước rứa ?

*Trương Hùng nói :*

Người tay nói sách, chứ người lại không nhớ đời Hào Thành-đế bao lâu bị khốn với Hung-nô, thậm-chí phải cho vàng sắt đất cũng chưa vừa lòng, cuối cùng phải đem Chiêu-quân sang cứu, mới nghỉ binh-quả, có phải a, là cũng: Nhờ một gái làm mối hiếu-sắc; cứu muôn dân khỏi đám yên-khu. Hướg chi bây giờ dưng trí vô nhân rồi, lại cho ở ta: Trong trường dù hết sức vận-trù; ra trận cũng không tay đấu-lực.

*Lý Lương nói :*

Giả thoát thành vì quá-sức; tư ngôn vị tất chí công 這話誠爲過飾. 斯言未必至公. Trong thế nhộn việc làm, nên Chung-tề quên đi đó chứ, lão nghĩ lại: Tôi Sở-triều hầy nhiều kẻ anh-bùng; mà nói ở mô cho xa làm chi, ấy đó quan Chung-tề đó, quan Tổng-nhưng đó, lại còn đòi ai nữa, thôi thôi: dòng Trương-thị hiểm mấy người dưng trí. Hay là Chung-tề có ý gì đây chẳng chứ? Ở phải rồi, hay là: Có lộc-vị tính điều thi-vị; bảo gia thân quên chữ tri-thân. Cũng ý mình triều nội đại-thần; không hề mặt khue trung thiếu-nữ.

*Trương Hồ ở bên thấy nói bất-lốn, cả giận nói :*

Nan nhân sĩ nhân sĩ; cảm gia khi gia khi. Một thước gươm đã đến phân thi; ba tấc lưỡi chớ quên múa mô. (*Nói rồi tuốt gươm muốn chém Lý Lương. Trương Hùng vội giật lấy gươm can thối*).

*Trương Hùng nói :*

Khoan đã khoan đã ! Vô cấp nộ, cấp nộ, vật vọng hành, vọng hành. Ô hay chứ, anh đây há chẳng biết hay sao, như : Luận Lý-công đã đến gia hình ; nhưng mà sớm muộn cũng có đó rồi chi, anh không uổng cái lưỡi anh mà thôi. chứ anh đã uổng công cái lưỡi anh, lại có trạnh đi đàng đó, nói thiệt anh : đạt quốc-trưởng ắt là làm hại. Quan ơi ; Khá dẫn chàng giam lại ; xin đừng mổ đạt qua. (*chợt nghe có tiếng sru không ..*) Em chứ đã tối rồi : Rày tua về chốn tư nha, mai sẽ vào nơi công-sở (Hạ) .

*Lý Kiều-Phượng nói :*

Dòng Lý-thị hừn-quan xử nữ ; quận Mai-thôn Kiều-Phượng húy danh. Như tốt là : Phận khuê trung giữ vẹn nề lành ; niềm tất-bạ lo tròn đạo thảo. Từ thân-phụ vắng lời ngọc chiếu ; cùng Trương Bưu về chốn thần-kinh. Giã nhà từ nhẹ gót bôn-hành ; nương cửa lũng đem lòng ru-ái. Trước Chung-tê mưu đồ tặc-hại ; rày Trương-gia thế bất can hừ. Đã hết lời gián trở cô lưu ; nhưng tuân-phụ cũng : đành một lý bôn-su thính hậu. Ngàn dặm tắc lòng soi dễ thấu, ba thu một bữa ước còn dài. Lúc nắng mưa khôn bện chắc giữa vôi, cơn sóng gió đã nghe tìm trước mặt. (*Nói rồi khóc nức nở.* *Ái-Tuyệt khuyên giải*) . . .

*Ái-Tuyệt nói :*

Hừn thân-tức, thân-tức ; thả tu-lương, tu-lương, Thưa cô, có chữ « ni ân-tâm nan trắc », đã hay ; Tuy tắc gang đá biển khôn lường ; huống-chi gia-lão ta cùng Trương-thị chẳng là tổ hữu bất-hòa, nay gia-lão ta lại phụng chiếu lại Kinh, cũng vì chẳng khác như đầu thân hồ huyết, con : e muốn một miệng hùm khó thoát !

*Kiều-Phượng nói :*

Cô cũng sợ nầu rứa đó, nhưng mà vô kế khả-thì, vì chi nại há ; chứ con ?

*Ái-Tuyệt nói :*

Thưa cô chứ phải mần-ri mới dặng : Lẽ cát-hung muốn biết ; đường dao-viên chớ nài. Giã nam-trang tức nhát đầu lai ; tằm gia-lão, liệu phượng cứu xử.

*Lý Kiều-Phượng nói :*

Sảo văn thử ngữ, thậm úy vu hoài. Phen này cô lai kinh mần-răng, mần-răng cô cũng thương-biêu trần-tình, may mà cứu dặng phu-thân nữa ; Hiếu cùng trung đã vẹn chia hai ; sau nữa thừa tiện ta thám-thính Vũ tình-nhân tiêu-tức, như rứa là : Tình mà nghĩa cũng tròn với một. Giã thêm hoa nhẹ gót ; xong nội cô đời chân. Con ơi : Khá cùng ta đổi dạng y cân ; mau tới đó thỏa tình phu-phát.

*Nam-xương :*

Phu-phát cho đánh lòng nộ, Bận những lời báo-bỏ nào khuấy.

*Ái-Tuyệt nam-xương :*

Trải qua dặm cỏ đường mây, Sả tôi mưa gió thương thề tuy t-sương.

*Kiều-Phượng nam-xương :*

Xứt-xứt giọt lệ liền tuôn Dấu tì ân mà biển vô thường đã theo.

*Ái-Tuyệt nam-xương :*

Xốt-xa ruết đứt trăm chiề , Thương người đầu bạc vận ngoèo vẫn mang.

*Kiều-Phượng nam-xương :*

Sự mình riêng những thờ-thần. Non tây sức thấy ác vàng bầu chen. (*Ei lời kinh-sư*)

*Ái-Tuyệt nói :*

Thưa cô: Vốn đây là Kinh-quốc-thành-biên rồi đây.

*Kiều-Phượng nói :*

Vậy nữa ; Vào đó bản ngộ-gia trú xử. (*Tới gần nha-môn coi không thấy ai cả*) nói : Nay : Xem thiệt nơi công-thự ; nghe vắng tiếng nhân-cư. Sử ngã-môn đảo thử trừ-trừ ; khiêu nha dịch tiền lai vấn tẩn.

Ái-Tuyệt tình mệnh gọi nha-dịch ra nói:

A các chú bếp ra hỏi thăm đây.

Nha-dịch nói:

Chứ ai kêu chi?

Ái-Tuyệt nói:

Khuyên các gã lời tna tưng-tận ;  
kéo hai ta luống dạ tu-nghi.

Nha-dịch nói :

Chứ hai người ở đâu, mà hỏi thăm việc chi?

Ái-Tuyệt nói :

Như anh em chúng tôi đây là : Dặm  
trải tù Mai-quận khu-tri; rày trông gặp  
Lý-công tình thị.

Kiều-Phượng nói :

Có biết ông Lý-công ở mô? mách miệng  
cho ta với.

Nha-dịch nói :

Ừ hai người hỏi thăm ông Lý-công rứa,  
chao ôi thôi thôi đi chứ!

Ái-Tuyệt nói:

Ừ hay có biết ở mô, trở cho ta can chi  
mà ngại,

Nha-dịch nói ;

Tưởng là hỏi thăm chuyện chi tề chứ,  
như chuyện đó chao ôi hung lắm hung  
lắm; Tưởng việc nên quá nguy, quá  
nguy; nghe nói hồng thất-kinh thất-kinh.  
Số là: Từ Lý-công tới chốn dịch-đình;  
ý mình tưởng như mọi lần hề các quan  
có về Kinh mần-răng cũng ở đây, ai ngờ  
khi rứa ông ấy: Bị Trương-thị giam nơi  
ngục-thất.

Kiều-Phượng nói :

Chao ôi ra mần-rứa: Ngô sở liệu quả  
nhiên bất xuất; mà thân-phụ tôi là cần-  
tận lắm, ấy mần-răng: Sự chi phòng  
nhược thị lưu sơ. Cho đến đổi mần-rứa.  
Chao ôi! Nào chứ tôi mới tính mần-răng  
đây: Rồi tắc vương chẳng khác vô tơ;  
ôi quỷ thần có hay chăng: trách cao  
rộng đờng như dạ nấp! (Nói rồi gieo  
mình ngã lăn khóc).

Ái-Tuyệt rần rẩy nói ;

Hồi chi hà-cập, hà-cập; sự này: Liền  
xuất t-ừ-thường, ô-thường. Thưa có sự đã  
xảy rồi, khóc cũng chẳng ích gì đâu: Lửa  
cháy mà có ngồi vậ' ch'ng toan; con  
e: chớp lờ mắt biết chạy đâu cho khỏi!

Kiều-Phượng rói :

Này oan-ức đã không phương đòi  
chối; rũi ro vì bởi vận khiến xui.

Ái-Tuyệt nói ;

Thưa thầy thầy phải tính mần-răng ?

Kiều-Phượng rói :

Con rứa: Từ d ch-định dạ lý tiềm-  
lai; đầu ngục-thất mần-tiền tình thám.  
(Nói rồi cùng tới cửa ngục).

Tề-hiền nói :

Đương tr-ều Thái-giám; biểu t-ự  
Tề-Hiền. Như: òi: Quyền trong ngoi  
giữ việc thừa tuyên; phận hóm sớm  
lo bề xuất-rạp. Nghĩ lại như tôi tuy cư  
yêm-hoạn chi chức mà thôi chứ, tôi thấy  
quốc-thể suy-nhược. quyền-thân đặc-chí  
mần-rứa, tôi cũng lo lắm. Thấy chính  
Sở cần về tề-chấp, dòm họ Trương lòng  
muốn l-à-vương, chứ chẳng không. Mà  
tôi nhằm đi nhằm lại Sở-triều bây giờ  
chính-nhân quân-tử bị hấn bài-xích dài  
tận rồi. Trước Vũ-gia thất-lạc chốn  
cương-trường; mà nay Lý-lão lại hãm  
cầm nơi linh-ngữ là cũng tại va đó.  
Nghĩ như tôi cùng anh Lý Giám-nghị  
thần-phí cốt-nhục mà thôi chứ, tôi thấy  
anh nữa cũng người trung-ughĩa, mà vô  
cổ bị chấp mần-rứa, tôi thương lắm, tôi  
cũng đã kiệt-lực tá-hựu cho đã lắm,  
nhưng mà không biết mần-răng dạng cho  
gã: Tưởng hạn ngục khôn người tình-  
tự; chệnh lòng son chi xiết ai-ho-  
i. Ừ mà bữa nay cũng đã lâu đây mà, phải  
phải âu là: Chi ngục-môn khả cấp đầu  
lai. thăm Lý-hữu đường nào động lĩnh  
a.

Lý Lương than nói :

A: Sầu mạc-mạc lệ quyền-quyền;  
thuyết đạo ngộ sinh lối khả liên; dĩ

mịch diên-viên ngu văn tuế. do tương  
 cốc chất ngộ lãn niên 愁漠漠淚涓涓  
 說到吾生最可憐。已覺田園娛晚  
 疾。猶將枿枿誤殘年。

Lại nói :

Kham ta phùng vận đảo diên, khả  
 tiểu thủ thân vinh nhục. Nghĩ lại từ lão  
 tri-sĩ đến nay : Vòng cương tỏa lão ước  
 đã thông-thả gót mà thôi nữa ; nào lão  
 có biết nhân-tâm chi hiểm cho đến đời :  
 dây tiết luy còn lại trời trăng mình !  
 Như sinh ra cái sự này là cũng tại thẳng  
 Trương Hùng hấn hiệp hiểm mưu hại đó  
 mà thôi, chứ lão đây dám : Trách cao  
 xa không lượng thâm mình, hay mẫn-  
 rãng, nhưng bất-hạnh trung chi hạnh, may

có anh Tề Thái-giám cũng người trung-  
 hậu lắm, ấy bởi rửa cho nên : Nhờ hôm  
 mai có lòng chiếu-cổ. Lão nghĩ lại cò-  
 thi có câu rằng « nhân-sinh thất-thập  
 cổ lai hi », chứ như lão bây giờ niên  
 mại bát tuần rồi, lại cho có lẽ chi nữa mà  
 lão cũng đành mà : Thân suy hủ dễ tiếc  
 điều lam thọ, hay mẫn rãng, nhưng mà  
 khôn lão đã phúc bạc vô nam, gốc ngọn  
 có một gài mà thôi, đến nay lại trung  
 đồ tao biển mẫn ri, thế nào cũng tất chỉ  
 lưu-li chứ chẳng không, bởi rửa lão  
 thương lắm, phận yêu-kieu còn cảm  
 nỗi sơ sinh. Tưởng lại già tinh đã ung  
 tinh ; nhắc tới trẻ dạ khôn người dạ.

(Còn nữa)

## Bản-chí khai-sự

1. — Báo Nam-Phong số 193 này để gồm hai tháng **Février-Mars**, vì sự in báo ra chậm mà làm thế chứ không thiệt gì đến người mua. Ngai nào mua năm thì cứ mỗi năm tính lấy đủ 12 số báo, chứ không tính tháng.

2. — Bắt đầu từ số 193 này trở đi, bớt phần Hán-văn đi, mà thêm bài quốc-văn Pháp-văn thế vào.

3. — Bắt đầu từ tháng **Avril** 1934 này trở đi, mỗi tháng xuất-bản hai số, mỗi số độ 60 trang.

Giá báo vẫn như cũ. Mua cả năm 24 số giá 6\$00, nửa năm 12 số giá 3\$00, mua lẻ mỗi số 0\$25.

# VĂN-UYÊN

## Lời hai chị em gái quê

Xong cối lúa đêm khuya ngồi hóng,  
 Hai chị em dưới bóng trăng thanh ;  
 Bóng trăng khéo vẽ nên tranh,  
 Song-song hai mặt chút tình riêng tay.  
 Em nói: « Hỡi chị hay chẳng lá,  
 Ở nhà quê vất-vả quanh năm ;  
 Mà hồng sạm nắng cũng thâm,  
 Bát mồ-hôi đổi bát cơm, nhọc lòng.  
 Mặc toàn những nâu sồng xấu-xi,  
 Ăn có dâu mĩ-vị cao-lương ;  
 Đói khuyển là đủ nữ-trang  
 Quần thường một ống, dép thường ba  
 Chị chẳng thấy ở nơi kẻ-chợ, [quai.  
 Gái tân-thời « mốt » nọ « mốt » kia;  
 Son tô phấn điểm ai bì.  
 Áo quần phớt-phời khác gì Hàng-Nga.  
 Trên mái tóc nước hoa thơm ngát,  
 Quanh mình đeo xan-xát những vàng;  
 Rõ-ràng ra vẻ công-nương,  
 Ca-lâu hí-viên ngày thường tới lui.  
 Em nghĩ đến nước đời mà ngán,  
 Chẳng ra gì cũng bạn hồng nhan ;  
 Người thì vui thú thanh-nhân,  
 Kẻ thì hi hục canh tàn chưa im ».   
 Chị đáp lại: « Thế em không rõ,  
 Mặc người ta đừng có khát khao ;  
 Ở nơi thành-thị xôn-xao,  
 Bề ngoài thiên-hạ trông vào cũng hay.  
 Song phải biết thời này thay đổi.  
 Tiếng « tân-thời » lắm nổi đáng chê ;  
 Lấy trong từ-dĩc mà suy,  
 Nữ-công, nữ-hạnh còn gì vữa dàu !  
 Mặt trắng xóa khác nào vôi tuát,  
 Mội đỏ loe chừng nạt trẻ con ;  
 Tuy rằng điểm phấn tô son,  
 Người đeo mặ nạ ai còn muốn trông !  
 Khàn-quần cũ, tay lồng dây xích,  
 Giầy gót dầm vẹo lệch khó đi ;  
 Áo xanh quần trắng mà chi.  
 Hàng-Nga đâu thế, có thi yêu-tình.  
 Nước hoa lắm, mũi mình thêm dức,

Lắm đồ vàng nhưng thực khó coi ;  
 Cao-lâu rạp hát ăn chơi,  
 Vườn hồng chỉ tỏ làm mỗi chim xanh.  
 Em chớ có tủi mình vất-vả,  
 Người hay làm, nhân-nhã có phen ;  
 Nâu sồng, dưa muôi đã quen,  
 Nhà quê ta cứ vui miền nhà quê.  
 Quần một ống ai chê mặc kẻ,  
 Dép ba quai cứ thế cũng xong ;  
 Nữ-trang dù có hay không,  
 Phải là mới để dắt chồng hay sao !  
 Ta chớ có sớm dáo lỏi man,  
 Lo làm ăn hàn-gần là hơn ;  
 Tốt gỗ hơn tô nước sơn,  
 Đẹp người xấu nết ai vờn làm chi ».

## Cái nạn kinh-tê chỗ nhà quê

Nhân khi nhân hạ về chơi nhà,  
 Dở vui cuộc rượu còn chưa ra ;  
 Rượu xong vui miệng đang trò chuyện,  
 Láng điếng dàu dền một ống giã.  
 Khách nghe thấy ta nói chuyện tỉnh :  
 Nào hiệu cao-lâu rạp chớp ảnh ;  
 Đêm đêm nô nức người ăn chơi,  
 Phồn hoa khác hẳn màu quê-kêch.  
 Văn-vơ một lúc lảng-lặng ngồi.  
 Mắt khách nhìn ta, miệng thở dài ;  
 Rằng: « Nay sinh lý thật là quẩn,  
 Sao vẫn lắm nơi tiền vứt hoài !  
 Thế ra ở lĩnh họ thông-thả,  
 Chẳng có mùi gì là vất-vả ;  
 Giai-nhân tài-tử mặc sức chơi,  
 Nào biết nông-nổi chỗ thôn-dã.  
 Khổ thay cái cảnh người nhà quê,  
 Tiện đây xin nói để ông nghe ;  
 Họa may biết được một đôi chút,  
 Kể ra khô-trạng trăm nghìn bề.  
 Cái nghề nhà nông thật khó nhọc,  
 Quanh năm chỉ trông về hội thóc ;  
 Xưa kia gánh thóc bốn năm đồng,  
 Giờ bán một đồng không kể chấu.  
 Nhà quê tiêu-pha tiếng cũng nhiều,  
 Thóc không bán được không tiền tiêu ;

Bao nhiêu công của được nắm thóc,  
Lúc cần phải bán, rẻ như bèo.

Vì thóc rẻ quá tiền không đủ,  
Ăn mặc tằn-tiền thế mà khổ;  
Gi cũng rẻ rúng, hiềm không tiền,  
Ngồi đâu chỉ thấy nói công nợ.

Nhà giàu còn khá nghèo thương thay !  
Nợ không trả được ai cho vay ?  
Mất nhà mất đất đành phải chịu,  
Bó tay ngồi xó hết cách xoay.

Nhà nông đành quần, thương cũng thế,  
Ít kẻ bán mua, hàng họ ế;  
Người không thóc ruộng trông nghề  
Thôi cũng hết cả đường sinh-kế. [buồn,

Lao-động thương thay kẻ bách-công !  
Đồng tiền khó kiếm, ít người dùng;  
Làm không đủ nhá, bán lỗ vốn,  
May ra chỉ được miếng cơm không

Trường làng đến nổi ít trẻ học,  
Cũng vì đồng tiền kiếm khó nhọc;  
Quần áo, sách vở sắm-sửa luôn,  
Động tiêu mấy hào mất nỗi thóc.

Cái ăn rẻ-rúng thế mà lo,  
Gạo tuy không mấy tiền ai cho ?  
Sĩ, nông, công, thương, đành khổ cả !  
Không tiền rồi đến cùng năm co.

Lo ăn đã vậy, còn sưu thuế.  
Đóng góp quanh năm không xiết kể;  
Đói nên ăn vụng, túng làm cần,  
Thiếu đến đồng tiền sinh lăm tẻ.

Nhiều nơi trộm cướp nổi xôn-xao,  
Lầm quăng ngang đường bóc lột nhau;  
Trẻ thơ vô tội cũng cầm bán,  
Than ôi ! cái nạn kinh-lẽ đau ! »

Khách nói ta nghe rất tương-tất,  
Nói đoạn hình như rớt nước mắt;  
Ngồi chơi một lúc khách ra về,  
Tiền khách lòng ta còn phảng-phất.

### Mừng ngày lễ sách-phong Hoàng-hậu

Đời Bảo-dại đầu năm thứ chín,  
Chốn Kinh-đô hí-tín vang lừng;  
Lễ phong Hoàng-hậu vui mừng,

Mừng chung cả nước dăm dăm mấy lời.  
Đức Thánh-thượng thay trời trị nước,  
Những là mong theo bước phú cường;  
Văn-minh muốn chóng lên đường,  
Vậy nên thánh-giá xuất dương học-  
Kể từ lúc thành danh về nước, [hành.  
Thỏa lòng dân ao-ước biết bao;  
Một ngày muốn việc lo-âu,  
Nên nay hoàng-hậu ngôi cao mới ban.  
Bạc khuê-các nhân-gián nan tái,  
Trời để dành sánh với quân-vương;  
Cũng đã du-học Tây-phương,  
Chữ tài chữ sắc hai đường ven hai.  
Trên chín bề duyên hải cầm-sắt,  
Dưới muôn dân khắp mặt âu-ca;  
Rồng mây cả nước duyên ưa,  
Nghìn năm một hội từ xưa chưa từng.  
Dân một nước cả vùng Trung, Bắc,  
Vẫn một lòng qui hoặc hướng-dương;  
Chúc mừng Thánh-thọ vô-cương,  
Đời đời núi Ngự sông Hương vững bền.

### Tặng bốn một ông đồ cổ

Thời thế nhìn chơi cuộc chuyển xoay,  
Nghiêm-nhiên cứ chiếm một ông thầy;  
Ngâm câu thơ phú âu đành thạo,  
Ngó chữ A B chẳng chịu rầy;  
Mở miệng nói ra trò cửa Khổng,  
Ủ tai nghe những truyện phương Tây;  
Giá ai cũng cứ như ông nhỉ,  
Mới mẻ làm chi có lúc này.

### Bốn một cô phẫn-chi đi tu

(Ở làng Phù-xá tỉnh Phúc-yên, năm  
nọ có một cô con gái nhà quan đến  
xin xuất-gia, bỏ đồ trang-sức, ăn mặc  
nâu sòng. Được mười hôm, người nhà  
tìm đến đón về).

Lạc lối Đào-nguyên mới tới đây,  
Đem thân bỏ liễu gửi am mây;  
Nâu sòng quyết đổi màu son phấn,  
Trai-giới nào hay nổi đặng cay;  
Khuê-các dễ hơn duyên phận hẳn,  
Thiền-môn sao mến nước non này ?  
Con người nhan-sắc tu sao đặng ?  
Thành nước còn nghiêng, bụi cũng rầy !

**Cười ông sư đi ăn cướp bị bắt**

(Ngày trong năm, ở chùa Yên-bay  
có ông sư đem đi ăn cướp, linh khố-  
xanh đến vây bắt được).

## I

Ngày bạc lán-la chôn cửa chùa,  
Tu sao cho vẹn mới là tu ;  
Nâu sòng đã bén màu thanh-tiền,  
Cướp lóc mần chỉ việc nhỏ to ;  
Phật dễ chỉ hay tra nói dối,  
Quan đã bắt được hẳn đi tù ;  
Mời hay miệng chỉ nam-vô kẻo,  
Bụng chứa dao găm biết mấy bờ.

## II

Bụng chứa dao găm biết mấy bờ !  
Thế mà lên mặt bạc sư-mô ;  
Giết người âu cũng từ-bi nhĩ ?  
Lấy của hay là lễ-độ cho ?  
Trước vẫn tưởng rằng môn Phật-giáo,  
Rày xem mới thực lũ hung-đồ ;  
Nhà pha ra khỏi dành ăn mặn,  
Trai-giới làm chi khéo về trò !

**Kén vợ**

Lấy vợ không nên kén chỗ giàu,  
Giàu là của vợ, của mình đâu ?  
Một đời phú-quí nhờ ơn vợ,  
Hồ cả râu mày tiếng dễ sau.  
Lấy vợ không nên kén chỗ sang,  
Hai bên môn-hộ cốt tương-đang ;  
Càng nhà sang lắm càng lên trịch,  
Nào mấy người hay nghĩa xấu chàng.  
Không nên kén lấy vợ đa-tinh,  
Tình lắm nhiều khi mất chữ trinh ;  
Cầm đã bén dây khôn nữ dít,  
Một duyên hai nợ lỗ người khinh.  
Không nên kén lấy vợ tán-thời,  
Tán lắm theo đòi đủ ngón chơi ;  
Hai chữ tự do đầu ngọn lười,  
Giang sơn gánh vác dễ bằng ai.

**THƠ NGŨ-NGÔN****Hai bà lão đi xe lửa**

Chuyến xe lửa mùa đông lắm khách,  
Trong toa xe chật nhích những người ;  
Xe đông nhưng khách lạng ngời,

Chỉ hai bà lão lăm lờn cãi nhau.

Một bà bảo : « Cửa đầu đóng hết,  
Kẻo trời này rét chết người ta. »

— Bà kia rằng : « Mở hết ra,  
Đông người chết ngạt ai mà chẳng ghê. »  
Hai bà cứ hăm-hè nhau mãi,  
Lời nọ kia tranh cãi hồi lâu ;  
Trong xe ai cũng dừc đầu,  
Chẳng ai buồn nói một câu đỡ lời.  
Sau bỗng có một người diễn thuyết,  
« Đóng cửa cho ngạt chết một bà ;  
Hồi thì ta lại mở ra,  
Bà kia rét chết thế là được im ;  
Ta muốn tỉnh phải tìm kế đó,  
Kẻo nhao-nhao biết thuở nào thôi. »  
Hai bà từ đấy nín hơi,  
Xe đi vùn vụt, khách ngồi thanh-thôi.  
Ngày những lúc ở nơi công-chúng,  
Ta không nên cử-động tự-do ;  
Ồn ào rúc lác nói to,  
Những điều bất-liện phải lo giữ-gìn.

**Cái lọ cổ**

Có một bác thích chơi lọ cổ,  
Hễ đi đâu thấy có là mua ;  
Tim-tòi chẳng quản công-phu,  
Tiền trăm cũng chuốc quí hồ được thôi.  
Bác một bữa đến chơi nhà nọ,  
Thấy bày ra đôi lọ độc long ;  
Đồ này thật cổ chẳng không,  
Men mờ da đá ai trông cũng rành.  
Khách hỏi chủ phân-minh giá bán,  
Chủ nói ra chán vạn đồng tiền ;  
Rằng : « Đồi lọ giá nửa nghìn,  
Bằng không đủ số dám xin chớ nài ».  
Của hiếm có nào ai chẳng quý,  
Giá năm trăm vừa ý muốn dùng ;  
Tiếc thay chiếc lọ độc-long,  
Vết đâu ở cạnh con rồng dáng chề.  
Cổ đã vết thời thì mất giá,  
Khách sành chơi thôi chả mặn-mà ;  
Bấy giờ nói chuyện lảng ra,  
Lọ thì mặc lọ chàng ta chẳng màng.  
Thân gái đẹp người đang ao-ước,  
Lọ cổ kia có khác đâu nào ;  
Tiếng tăm chớ đã mắc vào,  
Người mà có vết ai cầu làm chi.

## Con chó và con dê

Chủ Dê nọ một hôm thông-thả,  
 Vào trong sân bả-lả với Xồm ;  
 Xồm kia tinh vốn lắm mồm,  
 Thoắt trông thấy đã vội chồm ngay ra.  
 Rằng : « Bác muốn lán-la chi đấy ?  
 Đã đến đây, xin hãy tạm nghe ;  
 Những trông thấy bác mà ghê.  
 Đói ta khéc giống bạn-bè được chăng ?  
 Bác phải biết bác thường ăn cỏ,  
 Như tôi đây ăn rõ cơm ngon ;  
 Ăn no nằm sạch béo tròn,  
 Chẳng hơn như bác ngoài vườn lè-la ?  
 Mùi hôi-hám ngửi mà rít mũi.  
 Trông bộ râu lắm nổi tức cười ;  
 Be-be diếc cả tai người,  
 Tiếng kêu khó chịu nào ai được lòng. »  
 Dê nghe nói đúng-đúng nổi giận :  
 « Đồ khốn kia ! lán-thần hời mảy !  
 Nói thì ra đúng lắm thay,  
 Than ôi ! cái sừng của mày vứt đi !  
 Ta thử hỏi cái gì ở cổ ?  
 Vong kia là ông chủ bau khen ?  
 Cơm thừa canh cặn chỉ quen,  
 Cái xương rơi vãi thấy liền nhặt ngay.  
 Cắn gấu-gấu tiếng máy hay nhi !  
 Cũng hôi tanh, cũng thè loài m. ông ;  
 Đói ta thó cũng một phường »  
 Xồm nghe câu ấy tìm đường thoái-lui.  
 Đòi lắm kẻ chân mình mê-mết,  
 Cứ bôi lông tìm vết mọi người ;  
 Truyện này thử lấy mà coi,  
 Minh còn méo miệng ché ai lệch mồm.

Tương-giang-thị NGUYỄN TIẾN

Mừng gia-thúc Kiêm-Thiện-  
 ông thất-thập thọ

Trải bao xuống bãi lại lên đồi,  
 Tuổi hạc ngày nay mới bảy mươi ;  
 Tranh-cạnh mặc dầu năm cõi đất,  
 Tiêu-pha sẵn đó một kho trời ;  
 Dầu không giàu đấy không sang đấy,  
 Song chẳng phiền ai chẳng lụy ai ;

Ngất-ngượng đầu non ba chén tuýt,  
 Bồng-lai àu cũng thế này thôi.

## Câu đối

Cần chi danh-lợi, bon-chen đồ nước  
 mắt bỏ-hỏi, vui thú sơn-trang. thân-thế  
 được nhân càng hưởng thọ.

Trải mấy phong-trần, lán-lĩa đến  
 da mồi-tóc bạc, dâng bầu tiên-tử, tuổi  
 trời mừng chú cũng như cha.

## Hát ả đào

(Bắc phần

Giang san vẫn đất nước nhà,  
 Một ông đầu bạc một tòa non xanh.  
 Cuộc đời đang buổi lợi-danh  
 Sao ông núp bóng ần hình chi đây ?  
 Lợi-danh là miếng chửa cay,  
 Giếng đào ông uống ruộng cây ông ăn.

Nói

Thiên-hạ đại-tôn nhất niết sĩ,  
 Chẳng công-danh phú-quí cũng hơn  
 người ;  
 Hưởng trời cho được đến bảy mươi,  
 Tuổi-tác ấy trong đời àu cũng hiếm.  
 Riêng một cõi thái bình biệt-chiến,  
 Bước tiên dao khi cụ địa, lúc thầy lang.  
 Mặc ai giàu, ai có, ai trọng, ai sang,  
 Nên thọ-khảo sẵn bạc thang ông cứ bước.  
 Nào biết đầu non Bồng nước Nhược,  
 Chữ thanh-nhàn ai chiếm được ấy là  
 Nghiêng bầu báic chúc thọ diên. [tiên ;

TẠI-UYÊN

## Hựu thề

Mưỡu

Nhà hương cao cuốn bức là,  
 Ngày xuân lại mở tiệc hca vui vầy.  
 Một nhà xum-hạp trúc-mai.  
 Mừng nào lại quá mừng này nữa chẳng ?

Nói

Gia-dinh lạc sự,  
 Vui gì hơn thú-vị đoàn-viên ;

Tuổi trời cho thọ khảo lại song-luyện,  
Cảnh vui ấy tiệc xuân-diên này phải có.  
Thất dật ngô huynh kim thượng thọ,

七 衰 吾 兄 今 上 壽  
Lục tuần chư đệ diệc thành ông ;

六 旬 諸 弟 亦 成 翁  
Cảnh phương-viên dào lý ngắm mà  
trông,

Này những lúc chén chú chén anh vui  
Vùng Lô Tần đi về lối cũ, [lắm chữ !  
Tuổi ông nay còn thọ với non sông ;  
Ngày xuân còn lắm rượu nồng.

TUẤN-ĐĂNG

\* \*

### Mừng xuân

Xuân đi xuân lại lại,  
Khách chơi xuân những khắc-khoảnh vì  
xuân ;

Sương che tuyết điểm biết bao lần,  
Nay lại gặp đông-quán là bạn cũ ;  
Ngon gió giục hoa trời rục-rỡ,  
Giọt mưa nhuần cỏ đất thơm tho ;  
Xinh-xinh thuy con tạo khéo bày trò,  
Cảnh-trí ấy đủ non người khoáng-đạt ;  
Xách bầu rượu nghe con oanh hát,  
Giục lòng người những kho-khát vì  
Kia-kia ngọn đuốc cò-nhân. [xuân ;

GI. TH.

\* \*

### Mừng Thiệu-bảo Hoàng tướng- công thăng Võ-hiền

Mưỡu

Thanh-phiên hoàng các gồm hai,  
Triều-ban cực phẩm tuổi trời cũng cao ;  
Bề đồng dang buổi phong-trào,  
Quốc-gia trụ-hạch trông vào đấy thôi.

Nói

Quan Hà Đốc nay thăng Võ-hiền,  
Chức tể-thần mà tinh-tiết địa-phương ;  
Đã bao lâu sự-biểu chốn quan-trưởng,  
Tài ứng-thể kim-cương bách luyện.  
Nào quốc-lễ, nào bang-giao, nào thời-  
gian dân-nguyện,

Trong một tay văn-chuyên dễ như chơi ;  
Trời sinh ra để gánh việc đời,  
Dành phong-hội thử xem tài tuấn-kiệt.  
Kề gia-thê tướng-món phiệt-duyet,  
Nếp thanh-danh sự-nghiệp vẫn từ xưa ;  
Còn nhiều ơn thánh móc mưa.

### Mừng Vi-khanh Nguyễn tướng-công

Mưỡu

Bấy lâu vui thú điền-viên,  
Mà ơn vũ-lộ tới miền non xanh ;  
Xưa nay những bậc đại-danh,  
Tuổi già chưa dễ làm thình với đời.

Nói

Vọng trọng thân nan thoái,  
Tuổi qui-nhân mà ưu-ái vẫn như xưa ;  
Này Long-chương, này Hiệp-lá, này Cổ-  
vấn Thương-thư,  
Thần quan-hệ muốn mãn nợ sao được.  
Vị vọng thế sự sơn trung tướng,  
未 忘 世 事 山 中 相  
Hưởng hữn hồng danh hải ngoại văn ;  
况 有 鴻 名 海 外 聞  
Giang-hồ lang-miểu lấm thân,  
Dù tóc bạc da nhăn lòng vẫn đỏ.  
Cũng có lúc Đông-sơn tim nhũ thũ,  
Mà thương-sinh nào đã phụ chi ai ;  
Giang-sơn duyên-ngộ còn dài.

### Đánh Tỏ-tóm

Mưỡu

Ngồi buồn nói chuyện tỏ-tóm,  
Nhân vui miệng nói mà ôm bụng cười.  
Chẳng qua một cuộc trò chơi,  
Chi-chỉ nhưng cũng duyên trời chi đây.

Nói

Mới lên bài trông ra trắng toát,  
Chỉ trừ ra đôi bát-vạn tro ;  
Quyết phá đi tình nước ăn chớ,  
Tử-văn gá bài vừa gặp nước.  
Lẻ tam lục hàng văn tỉnh ngược,  
Ngũ vận lên sẽ được xuyên ba ;  
Looy-hoay bốc phải ông già,

Chờ không đổi thành ra đánh xen.  
 Xem các điểm bài minh chờ sớm,  
 Quán à lên chèo-chớp phồng tay trên;  
 Xương rắng kính cụ mà xuyến.

**Bê ảnh cô đào ĐÀM MỘNG-HOÀN**

Nghi-ngợi chi mà tựa án đây,  
 Chẳng cười chẳng nói điệu như ngây;  
 Ngâm cơ thế-sự vòng xoay mãi,  
 Vì chữ tình-chung mộng vẫn say;  
 Thân phận liễu-bồ tờ giấy mỏng,  
 Nếp nhà băng tuyết kiếp tu dày;  
 Này trăng đây nước hoa trong kính,  
 Thường đến linh-thần dễ mấy tay.

Mơ hồ

Giả danh Quần-ngọc Dao-dôi  
 Bồng đầu mà lại lạc-loài lời đây;  
 Phán-minh cục quạh mai gậy,  
 Thoát trông thấy bóng đã say lòng  
 người.

Nói

Bóng ai đây nhỉ?  
 Trông dường như ngắm nghi nởi xa-  
 Can chi mà chẳng nói chẳng cười, [xôi;  
 Những cuốn-mác với sự đời trong giấc  
 Thân phận liễu-bồ tờ giấy mỏng, [mộng].  
 Nếp nhà băng tuyết kiếp tu dày;  
 Trăm-mặc thay mà cũng lảng-lơ thay,  
 Khách thanh-nhơn muốn đừng say sao  
 được;  
 Này hoa nở trong gương trăng in đây  
 nước,  
 Thường tình-thần dễ được mấy ai;  
 Đẽ hồng phàm lục mà chơi.

**Tặng cô đào Ngân**

Mơ hồ

Chẳng vàng nhưng cũng chẳng than,  
 Tiếng ai trong trẻo ra màu thanh-tân;  
 Cảm người vì một tiếng ngân,  
 Say người vì bóng thanh-xuân đang  
 tròn.

Nói

Ước gì ta trở lại,  
 Cừ mười-lăm mười-lăm mãi mà chơi;

Áng trắng hoa chi kè tuổi trời,  
 Gặp tri-kỷ vẫn vui cười như độ trẻ.  
 Từng-trải phong sương mình vẫn khỏe,  
 Còn nhiều duyên phận đây đang tươi;  
 Đời thiếu-niên ta cũng trẻ với đời,  
 Vòng ăn-đi ai ai chùng cũng rữa.  
 Thử tình rộng độ ba-mươi năm nữa,  
 Ngót năm-mươi ngoài bảy chục lứa đời  
 ta;

Đấy hoa-dâm mà đây hạt-sương pha,  
 Hôi mái tóc bạn già sơ-sần cả.  
 Trong khoảng ấy tháng ngày thông-thả,  
 Ngâm cơ-duyên ai đã với già đâu;  
 Gặp đây ta hãy yêu nhau.

Năm-mươi chưa hẳn ai già,  
 Mười-lăm chưa hẳn ai là thơ-ngây.  
 Thử đem đời tuổi đời thay,  
 Ngược lên lộn xuống tuổi này hợp nhan.

Nông-sơn Nguyễn Cam-Nông

**Tặng thầy Nguyễn Thành-Giáo**

Xuân khắp đất Hiền Kỳ, đào quế hờ  
 hồng hoa quả đẹp;  
 Vần đầy trời Pháp Việt, phù thơ  
 kinh sử bút nghiên xinh.

**Đưa thầy Nguyễn Văn-Kiểm**

Sâm-sửa bác về lễ-nhất chơi,  
 Tinh trong bê-ban một đời lời;  
 Bưng êm, gió đầy tầng xe chóng,  
 Cảnh cũ, người nhìn nét mặt tươi;  
 Mai trúc Gò-công còn gặp gỡ,  
 Thung-huyền Tân-trụ sẽ vui cười;  
 Tới nhà, hãy nhớ thay tôi nhé!  
 Mừng tuổi ông bà đừng thánh-thoi.

**Gửi các bạn văn-chương**

Xuân năm Giáp-tuất mới về,  
 Năm châu dầm-ấm, ba kỳ lối-tươi;  
 Bút hoa đem tả lấy lời,  
 Làm quà chơi tết, tặng người bạn văn.  
 Tương vấn thụy khí,  
 祥雲瑞氣  
 Cửa kiên-khôn vừa hé thấy màn xanh;  
 Ẽn oanh gáo hót ở chung quanh.

Thợ Tào khéo vẽ tranh vui mắt khách.  
Đông-hoàng vũ lộ lân phu trạch,

東皇雨露麟敷澤  
Nam-quốc văn chương cựu hữu thính ;  
南國文章舊有聲

Ráp trời cầu ca-tụng buổi quang-minh.  
Tiếng nước chữ nhà minh thêm rực rỡ.  
Vườn Trí-Đức cỏ cây chen sắc nở,  
Đất Việt-Nam màu mỡ biết là bao !  
Xuân ban phúc-lộc đời-dào !

NGUYỄN HUỖNG-MAI

### Mừng xuân

Trong đạo âm-dương khéo chuyển-vần.  
Mùa đông tan giá, bước sang xuân ;  
Gió quang mây tạnh trời không âm,  
Hoa mùa chim reo đất có tuần ;  
Mưa tươi vui lòng dân quỳn-mẫu,  
Sấm vang phỉ chi khách long vân ;  
Khi hòa tâm cõi hieu-hieu mát,  
Tàng cúc vườn tu cũng đượm nhuần.

### Muốn đi chơi theo dấu người xưa

Cánh nhạn nhờ cơn gió tới vời,  
Buồm lan vượt bể lúc ra khơi ;  
Con thuyền ngang dọc xoay vòng đất,  
Tay lái cầm buồm lựa mây trời ;  
Son-sắt hẹn hò người nước cũ,  
Giang-hồ nối dõi khách làng chơi ;  
Hòa-bình vạn quốc cầu thiên địa,  
Bề lặng sông trong ngắm cuộc đời.

### Tự trào

I

Học-thức như mình cũng dở-dương,  
Bắc nam lũng-túng ngã đôi đường ;

Vân-chương ai chuộng ông nghề xác,  
Thơ-thần đời cười bác tú xương ;  
Nuôi miệng có thừa lương tri-sĩ,  
Chung lưng không đủ luật thông-  
Ước gì bỏ bán châu lang nhĩ, [thương ;  
Tớ sẽ thầy khôn lủ mán mường.

II

Ưn trời cho tớ khối văn-chương,  
Giáp bước hơn anh lỗ độ đường ;  
Sắt đá chêm chề xe một lối,  
Tây nam vọc vạch chữ đời phượng ;  
Lịch xem nghìn-chín-trăm niên-hiệu,  
Truyện góp ba mươi-sáu nỡn-nương ;  
Họ đến nhờ xem cơ bi-thái,  
Tớ còn đương học tỉnh âm-dương

III

Trong cõi trăm năm quá nửa đời,  
Cảnh già đùng-đỉnh bước lên chơi ;  
Tuần lời thành dạy không sai phép,  
Được tiếng trời cho có vẻ người ;  
Ngoài nghĩa chi lan thơ xướng nhất,  
Trong tình chẵn gối chén quỳnh đôi ;  
Ngắm mình không nhục là vinh đó,  
Gốc quế vườn xuân sắp nảy chồi.

IV

Ơn vua lộc nước buổi lưu-nhàn,  
Thơ-thần ngắm-nga đá giọng gàn ;  
Quần-thánh có đạo đưa đoán thế,  
Khâm-thiền cậu ăm đón che tàn ;  
Nghe tin tử-trận toi nhiều khách,  
Được tiếng sinh-tử này lắm quan ;  
Làng nước xuân thu kỷ lễ-tự,  
Theo hàng các cụ chiếu bài-ban.

Ta. V. Q.



# THỜI-ĐÀM

## Tin nước Pháp

### VỤ STAVISKY

#### Công-ước điều-tra

STAVISKY chết dem theo bao nhiêu điều bí-mật về vụ gian-lậu *Bayonne*, khiến cho cuộc điều-tra phải trải bao nhiêu sự khó-khăn rắc-rối.

Hiện ban ủy-viên điều-tra của nghị-viện đã cử một số mật-thám đã tìm thấy những cuống ngân-phiếu của STAVISKY có đến hơn nghìn cái. Mỗi cuống ngân-phiếu này đều ghi rõ tên họ những người đã lĩnh tiền. Đó là một cái tài-liệu rất tốt cho quan bồi-thẩm biết rõ được những ai là người đã nhận tiền của STAVISKY. Quan dự-thẩm ORDONNEAU đã xem xét những cuống ngân-phiếu ấy. Ngài có đòi ông DÉPARDON đến hỏi về những ngân-phiếu đề tên ông ta, số tiền ở những ngân-phiếu ấy tổng-cộng đến ngót 20 triệu.

Tại ủy-ban điều-tra của nghị-viện đã đem tuyên đọc bản danh-sách 400 người trong số 814 người có tên trong tập ngân-phiếu do STAVISKY ký. Trong bản danh-sách này có tên các ông EDMOND BOYER nguyên nghị-viên hạt *Maine et Loire* 800.000 quan; BONNAURE nghị-viên *Paris* 400.000 quan; GUIBOUS RIBAUD luật-sư, 700.000 quan; GUÉBIN 400.000 quan và một cái ngân-phiếu 1 triệu đề tên hãng bảo-hiêm *La Confiance*; ROMAGINO 7 triệu đề phân-phát di; TRIBOUT chủ nhà đua ngựa nhận tiền hàng tháng, tổng-cộng vài triệu; DESBROSSSES chủ ngân-hàng thành-phố *Orléans* 4 triệu; PAUL LEVY 300.000 quan; ALBERT DUBARRY chủ-nhiệm báo *La Volonté* 200.000 quan; VOIX từ 25.000 đến 50.000 quan; nhà băng *Amar* 8 triệu; CAMILLE AYMARD

50.000 quan; bác-sĩ VACHET người đã cho chứng-chỉ rằng STAVISKY bệnh-tinh nặng quá không ra tòa được, nhậu của hắn 25.000 quan; PAUL LÉON 25.000 quan; JOSEPH KESSEL nhà báo 70.000 quan; SARTORI 10.000 quan, SUZANNE BLUM luật-sư 10.000 quan; ANQUETIL 4.000 quan; HAYOTTE mấy triệu; DÉPARDON thư-ký của STAVISKY 20 triệu; PIERRE CURAT 50.000 quan; DELGADO nhiều lần, nhưng chưa rõ là bao nhiêu; JEAN LUCHAIRE 1500 quan; riêng STAVISKY cũng tới 40 triệu để phân-phát cho mọi nơi. Lại còn vô-số những người lạ không có tên tuổi danh-vọng gì trong xã-hội.

Vợ STAVISKY bị khép vào tội đồng-dăng lừa-dào đã phải tổng-giam. Trước ủy-ban người này đã khai ra nhiều điều quan-trọng. Mà cũng nhờ lời khai ấy ủy-ban lại biết thêm nhiều nhân-vật lớn bấy lâu chẳng ai nghi-hoặc gì mà té ra cũng có dính-dáng đến việc này.

Quan bồi-thẩm ORDONNEAU đã hỏi cung ROMAGINO là người thân-tín của STAVISKY. Ông DEMON đã hỏi cung VIGÉON biệt-hiệu là CHATTERCOUR. Tại nhà người này sở mật-thám tìm ra được 50 chiếc cuống ngân-phiếu. Hai bị cáo-nhân là ông COHEN hồ-giá viên, và TISSIER quản-lý ngân-hàng *Bayonne* đã phải giải đến tòa. Quan bồi-thẩm *Bayonne* lại đòi ông GUÉMIN chủ hãng *Confiance foncière* ra hỏi sao lại đem hết tiền của hãng ấy ra mua trái-phiếu *Bayonne*. Quan dự-thẩm d'HUALT đã truy-tố ông DIGOIN nguyên kiểm-sát viên nhà ngân-hàng *Bayonne* về tội tàng-dăng lừa-dào, và ông FERMEND DESGROUPE, đệ-nhất hồ-giá-viên nhà ngân-hàng *Bayonne* sau khi hỏi ông về cách tổ-chức của nhà ngân-hàng ấy. Lại theo trát quan

dự-thăm, sở mật-thăm đã bắt hai ông FARAUULT và MAIGROUD hồ-giá-viên và quản-dốc nhà ngân-hàng thành-phố Orleans, Võ-sĩ NIEMEN, một người thân-tin của STAVISKY, THIBOLT, chủ một sòng bạc ở phố Gramont. Các người này đều bị truy-tố về tội đồng-dăng lừa-đảo và oa-trữ.

Ông cựu nghị-viên BOYER cũng bị khệp vào tội oa-trữ vì chính ông đã lĩnh của STAVISKY bằng ngân-phiếu. Ông DURAND nguyên Tổng-trưởng bộ Thương-mại và ông BONNET nguyên Tổng-trưởng bộ Tài-chính bị truy-tố vì vợ STAVISKY khai là hai ông này có ngồi bàn chung và ăn uống với STAVISKY. Ông CHAUMETemps nguyên Thủ-tướng cũng bị truy-tố vì ông DUBARRY là chủ tờ báo *la Volonté* đã bị giam có khai với ban ủy-viên điều-tra rằng ông ta được biết STAVISKY là nhờ có ông CHAUMETemps giới-thiệu.

Viên Giám-dốc sở canh-nông hạt *Seine et Oise* xét ra có can-dự vào việc lừa-đảo này nên đã bị huỷ-n chức.

Ông PRESSARD biện-lý ở Paris cũng bị huỷ-n chức về tội không sốt-sắng với phận-sự mà làm trở-ngại pháp-luật đối với vụ STAVISKY.

Trạng-sư hào-chữa cho TISSIER có gửi một bức thư cho quan Thượng-thư bộ Hình xin cáo ông DALIMIER về việc trong khi ông làm thượng-thư bộ Lao-đồng có khuyến các hãng bảo-hiêm mua cò-phào của sở cầm-đỡ *Bayonne*.

Theo như tin của báo *Figaro* thì tòa án lại truy-tố bảy ông Hạ-nghị-viên nữa. Tờ báo *Populaire* của đảng xã-hội quả-quyết rằng chính ông TARDIEU đã từng nhận tiền của STAVISKY giúp. Hữu-dảng rất lấy làm khó ngẫm về lời tố-cáo của tờ báo này.

Quan dự-thăm D'HUALT đã ủy-quyền khám xét nhiều nơi, nhất là khám tú sát một nhà băng ở vùng *Marseille* để tìm nhiều giấy má quan-trọng. Sở mật-thăm có đến khám xét nhà *Credit du Nord* là

nơi STAVISKY có gửi tiền, nhưng va đội lên là BOUTEL.

Theo ủy-quyền của quan dự-thăm Paris, sở cảnh-sát ở *Geneve* đã đến tịch-biên nhà ngân-hàng tỉnh ấy số tiền gửi về công việc giao-thiệp với nhà băng *Bela Hoffmann* ở *Budapest* và giao-thiệp với STAVISKY. Công việc giao-dịch ấy toàn về thứ trái-phiếu Huog-gia-lý cả và trị-giá tới 30 triệu quan tiền Pháp.

Tòa án *Bayonne* từ nay không phải xét việc lừa-đảo này nữa mà đã giao cả về tòa-án hạt *Seine*.

### Stavisky có tự-sát thật không ?

Trong tờ biên-bản về cái chết của STAVISKY nói rằng STAVISKY tự-sát, nhưng phần lớn các báo không tin mà ngờ rằng STAVISKY bị giết, nên ủy-ban lại khai-quật tử-thi STAVISKY lên mổ khám-nghiệm lần nữa. Chưa biết kết-quả của cuộc khám-nghiệm này thế nào.

### Một quan phó Chương-lý chức tự-sát

Ngày 5 mars, quan Giám-quốc đã chuẩn theo lời quan Tổng-trưởng bộ Tư-pháp ký sắc-lệnh cách chức quan phó Chương-lý tòa thượng-thẩm Paris là ông HURLAUX, vì ông là người rất thân của STAVISKY, đã từng nhiều lần vận-dộng che-chở cho hắn.

Khi nghe tin bị cách-chức này và nghe tin đã tìm ra những cuống trái phiếu thì ông uống thuốc độc tự-sát, nhưng người ta đã cứu được.

Trong tờ phúc-hàm của quan chánh-án LESGOUVÉ về việc STAVISKY thì ông HURLAUX là người đứng đầu trong bản danh-sách những người can-thiệp đến việc này.

### Một ông luật sư nữa cũng chức tự-sát

Luật-sư RAYMOND HUBERT là người cũ cho ROMAGINO khi ở sở mật-thăm ra cũng nhảy qua lan-can cầu *Solferino*

xuống sông Seine để tự-sát. Nhưng có mấy người thuyền-chài cứu ngay lên được.

Người ta đoán rằng có lẽ số mặt-thán đã nằm được những giấy má chứng rõ luật-sư HUBERT có dính-dáng đến việc STAVISKY nên luật-sư quá sợ mà liều mình như thế.

#### Lại thêm ông Blanchard tự-sát

Trên kia đã nói ông BLANCHARD là chánh sở Canh-nông hạt Seine et Oise bị huyền-chức và bị quan dự-thăm đòi hỏi truy-tố về tội lừa-đảo, nên mới đây ông có viết một bức thư về cho vợ báo tin rằng ông định tự-sát để tránh cái nhục này. Quả-nhiên một bọn lính thấy ông nằm trong rừng Fontainebleau mà cổ có vết dao rạch. Ông lại uống củ thuốc độc nữa, nên ông đã từ-trần.

#### Quan tòa Prince bị giết

Cũng vì việc STAVISKY mà ông PRINCE, tham-nghị tòa thượng-thẩm Paris bị giết. Người ta thấy thi-thể ông cụt mất đầu và toạc cả mặt ở trên đường xe lửa gần Dijon.

Xét ra ông PRINCE không phải là bị nạn xe lửa mà chính là bị ám-sát rồi để lên đường sắt cho xe lửa nghiền sau.

Người ta ngờ rằng có lẽ tại ông PRINCE biết nhiều điều bí-mật, có nhiều giấy má quan-hệ, và ông lại có cái trách-nhiệm thảo một tờ trình về việc STAVISKY để đem trình ủy-ban điều-tra của viện, nên bị đồng-dăng của STAVISKY giết chẳng?

Chính-phủ đã treo giải thưởng 10.000 quan cho người nào tìm ra được manh-mối vụ ám-sát này, nhưng vẫn chẳng tìm ra được điều gì mới cả

Người ta đã khai-quật tử-thi ông PRINCE để đưa về Paris mổ xét. Cứ như cuộc mổ xét này thì ông PRINCE bị thuốc mê trước rồi mới bị đặt lên đường xe lửa.

Hiện vẫn chưa biết hung-thủ là ai và vẫn chưa biết rõ cái nguyên-nhân vụ ám-sát này. Công-cuộc điều-tra đang tiến-hành, mà cái màn bí-mật ấy vẫn chưa lộ lấy được một tia sáng.

## THỜI-CỤC NƯỚC TÀU

### Tình-hình chính-phủ trung-ương

*Bản dự-án lập hiến.* — Viện Hành-chính đã bố-cáo bản dự-án lập-hiến vừa thảo xong, để trưng-cầu thêm ý-kiến của quốc-dân. Bản dự-án này có 10 chương và 16) khoản, đầu tiên nói nước Tàu có 30 tỉnh kể cả Mãn châu, Nhiệt-hà và Tây-tạng. Theo bản lập-hiến ấy thì dân Tàu được bình-dẳng trước pháp-luật, còn đất cát cũng là những sản-vật dưới đất thì là của chung tất cả quốc-dân. Dân-chúng được học-hành một cách rất dễ-dàng, tiền phi-tồn về việc học sẽ trích 15% ngân-sách toàn-quốc và 30% ngân-sách các tỉnh. Quốc-gia hội nghị sẽ có chủ-quyền bầu và bãi chức các viên chủ-tịch, viên phó-chủ-tịch và các viên viện-trưởng 5 viên. Còn quyền-thể thì phân ra các tỉnh, nhưng quyền-thể của chính-phủ trung-trương vẫn coi hơn. Các tỉnh sẽ do các quan Tổng-trấn cai-trị, các quan này phải chịu mệnh-lệnh của Nam-kinh. Muốn ra ứng-cử chủ-tịch chính-phủ chỉ phải đủ 45 tuổi. Người ta nói rằng Tưởng Giới-Thạch sẽ được bầu lên chức này.

Tôn Khoa và Khổng Tường-Hi đi Nam-kinh để thương-thuyết với Tưởng Giới-Thạch về các vấn đề hiến-pháp và tài-chính.

Tôn Khoa có tuyên-bố rằng đã cùng Tưởng Giới-Thạch và Khổng Tường-Hi thương-thuyết về các vấn-đề hiến-pháp, các vấn-đề tài-chính nhất là về Hội-nghị Kinh-tế và vấn-đề rút số vay của Mĩ từ 50 triệu xuống 20 triệu. Tôn Khoa lại nói Hồ Hán-Dàn nếu trở về Nam-kinh thì sẽ được rất hoan-ngheh, nhưng điều đó phải tự Hồ định lấy.

Khổng Tường-Hi tài-chính tổng-trưởng đã vay được của nhà ngân-hàng Tàu số tiền 40 triệu đô-la. Tiền

này là khoản tiền trợ-cấp về giặc quyền-phi của phần Ý mà Tổng Tử-Văn điều-định được Ý bỏ lại cho trong khi đi du-lịch Âu-châu vừa rồi.

Các báo Tàu đăng tin ở Nam-kinh nói rằng Trần Tế-Đường và các tướng tỉnh Quảng-đông đã nhận quyền-thế của chính-phủ trung-trong. Mà có lẽ rồi cả các tỉnh Quảng-tây cũng nhận quyền-thế ấy. Có tin Trần Tế-Đường ngổ ý nên lập một tòa Tổng tham-mưu quân-đội miền Nam-hoa đặt dưới quyền Tướng Giới-Thạch để tiêu-trừ giặc-giã mà đội không quân miền Nam-hoa cũng đặt dưới quyền bộ Hải-quân ở Nam-kinh.

Nam-kinh sẽ trả lại ba chiếc tuần-dương-hạm của thủy-quân Thanh-đảo chạy trốn đến Quảng-châu năm ngoài hồi xảy ra việc nội-biến. Đường xe lửa Quảng-châu — Cửu-long và Quảng-châu — Sa-kwan sẽ đặt dưới quyền bộ thiết-lộ ở Nam-kinh.

### Tình-hình miền Hoa-bắc

Bắt đầu từ ngày 10 Février vừa rồi, nước Nhật đã giao trả Sơn-hải-quan. Ngày hôm ấy các đại-biêu Trung-hoa do Đào Thượng-Minh đứng đầu đã làm lễ tiếp-nhận. Quân Quan-đông Nhật đã dời đến Đông-la-thành. Các cửa ải Cổ bắc và Hi-phong, nước Nhật cũng thứ-đệ trả lại. Nhưng xét ra cũng chỉ hữu-danh như việc trả lại Sơn-hải-quan thôi, vì rằng quân Nhật chỉ trả lại tỉnh-thành còn vẫn đóng ở phần lớn địa-hạt này.

Quân Nhật lại tập-trần ở phía nam Thiên-tân bằng một cuộc duyệt-binh rất long-trọng trong tổ-giới Nhật. Các báo vùng này công-kích kịch-liệt về cái thái-độ diêm-nhiên của các quan-chức Tàu và trách người Nhật đã phạm cái chủ-quyền của Tàu, không chịu tuân theo hiệp ước năm 1901.

Gần đây Trương Học-Lương được cử làm phó Tổng-tư-lệnh các đạo quân tiêu-cộng thì tình-bình miền bắc được yên, vì Trương đã hạ lệnh cho những toán quân cũ còn đóng ở miền bắc kéo về. Quân của Trương kéo đi khôì như vậy tránh được sự hiềm-khích với quân Nam-kinh đóng tại miền bắc nước Tàu từ ngày Trương bỏ Bắc-bình đi đến giờ.

### Tình-thế nước Mãn-châu

Nhật-bản từ khi đem Phổ-Nghi ra lập thành nước Mãn-châu là ý muốn lớn Phổ-Nghi lên ngôi Hoàng-đế Mãn-châu-quốc để mượn lấy cái danh-nghĩa khôi-phục giang-sơn nhà Thanh mà xâm-chiếm lấy đất Mông-cổ và miền Hoa-bắc.

Trước định ngày 15 Mars mới làm lễ đăng-quang, nhưng người Nhật muốn làm cho sớm hơn, nên chỉ sáng sớm ngày 1er Mars, Phổ-Nghi đã lên ngôi ở Tân-kinh, gọi là « Mãn-châu-quốc đế-nhật-đại Khang-đức hoàng-đế » (tức là HENRI 1er Empereur de Man-chou-kuo, vì hấy lâu Phổ-Nghi vẫn có cái tên là HENRI POU-YI, nay lấy chữ HENRI đó mà xưng hiệu vua là Khang-đức) Theo như những tin thuật trong báo Tàu thì cuộc diên-lễ này rất là long-trọng, tiền phi-tồn xấp đặt có đến bạc triệu. Tại Tân-kinh có xây cái đài bảy tầng cực-kỳ tráng-lệ, Phổ-Nghi lên đó lễ-cáo trời đất rồi lên ngôi. Lễ này có dùng máy truyền-thanh bằng vô-tuyến-điện loan-báo khắp trong nước và sang Nhật. Nhật-hoàng có điện mừng Phổ-Nghi.

Chính-phủ Nam-kinh có thông-sức cho các viên đại-biêu ở ngoại-quốc thỉnh-câu liệt-quốc chớ nên thừa-nhận chính-phủ Mãn-châu là một chính-phủ do Nhật bày đặt ra. Ông-Tinh-Vệ trưởng viện hành-chính có tuyên-cáo rằng nhiều cường-quốc như Pháp, Anh, Hoa-kỳ, và Nga đều chuẩn

y lời thỉnh-cầu của Trung-hoa xin chớ thừa-nhận Mãn-châu-quốc về dịp Phò-Nghi lên ngôi Hoàng-đế này.

Chính-phủ Nam-kinh đã phát tờ tuyên-cáo tỏ cái thái-độ đối với việc Phò-Nghi xưng đế, đại-ý nói Chính-phủ Trung-ương trước sau vẫn coi cái bọn bô-din ấy không có cái tư-cách độc-lập, vậy không thể coi là một đối-tượng thảo-phạt, chỉ coi là một bọn bạn-ngịch đã làm nguy hại cho Dân-quốc, sẽ chiêu luật trừng-trị mà thôi. Chủ-ý của chính-phủ Nam-kinh là chỉ có nhận Nhật-hản là đối-tượng chứ không kể đến bọn Phò-Nghi và có tuyên-bố rằng những người phò Phò-Nghi sẽ bị truy-tố coi như quân thù-ngịch của chính-phủ.

Tin Thượng-hải rằng có 15 vạn quân Nghĩa-dũng Đông-bắc hôm vừa rồi có thông điện tuyên-thệ như sau này :

1<sup>o</sup> Đối với những cơ-quan xâm-chiếm Đông-bắc của Nhật, nhất-quyết phá-hoại, chỉ dẫn dân-chúng cùng nhau kháng Nhật ;

2<sup>o</sup> Đối với bọn Phò-Nghi Trịnh-Hiến-Tư hơn 490 người nhất định giết chết ;

3<sup>o</sup> Thực-hành việc liên-hợp các nước bạn để kháng Nhật.

Tin Bắc-bình nói quân Nghĩa-dũng bộ-hạ Đặng Thiết-Mai ở một dải Đông-biên gần đây rất hoạt-động, hai quân Nhật Mãn ứng-phó không xuê. Một dải La-lử-câu thuộc huyện Ưông-tbanh gần trấn Diên-cát, quân Nghĩa-dũng bỗng đến đánh và đã chiếm được.

Các báo Triều-tiên có đăng rằng quân Nghĩa-dũng ở một dải Đông-biên, hoạt-động lạ thường, thường cùng hai quân Nhật Mãn đánh nhau, trong một tháng Décembre vừa rồi, quân Nghĩa-dũng đánh úp quân Nhật Mãn ở một dải Đông-biên, trước sau 636 lần, số người dự vào chiến-sự có tới 47.103 người, đủ tư-cách làm thủ-lĩnh 159 người. So với tháng Novembre

đánh nhau nhiều hơn 114 lần, số người bị hại cũng nhiều.

### Nhật và Nga ở Mãn-châu

Nhật và Nga thường xung-đột ở biên-cảnh Mãn-châu. Mới rồi các quan binh Nhật bác lời của chính-phủ Sô-viét không chịu trả những phi-công vi tình-thế bắt buộc mà phải hạ xuống Mãn-châu, bị bắt hôm 13 Mars. Nhật vẫn giữ giam không chịu trả. Về bên Mãn-châu thì ngoại-giao tổng-trưởng cũng có thư phản-kháng Nga về việc máy bay Nga thường bay trên Mãn-châu.

Người ta đương lo về những sự rắc-rối lời-thời ấy mà có khi ngôi lửa Nga Nhật chiến-tranh lại bùng lên chăng ?

### Tình-thế Nhật-bản

Nước Nhật gần đây nội-tình ngoại-thế và cái kế-hoạch xâm-lược bánh-trương như thế nào, tướng nên lục-đăng một bài nói về Nhật-bản sau này để chú-lôn duyệt-giả xét xem cái tình-thế Á-châu cho rõ :

Giáo-sư O' CONROY, người Anh, ở Nhật 15 năm, vừa mới xuất-bản một quyển sách tả nội-tình ngoại-thế của Nhật-bản rất là rõ-ràng. (Sách này bị cấm ở Nhật-bản, và như chính-phủ Nhật cũng đã có ý vận-động cho được cấm ở Anh nữa).

Về chương «Nhân-dân với hiến-pháp», tác-giả kể ra nhiều bài báo nói về nỗi khổn-khở của nông-dân Nhật, mà nói :

« Từ khi những bài báo ấy ra rồi nông-dân lại càng khổn-khở hơn nữa. Phải quân-nhân cho rằng đã đến lúc cần phải có quân - chúng trong tay mà dự-phòng chiến-tranh. Bọn làm trung-gian mua bán ở các thị-thành được một dịp hiếm có để làm lợi : năm 1930, tính có đến 80 triệu yens tiêu về việc bán phá-giá lúa gạo ở Trung-hoa, mà ở trong nước Nhật hàng triệu người đói gần chết và phải trao đổi hàng-hóa với nhau (trac .

Nhưng thế nào nông-dân cũng cần phải có tiền, nên việc bán con gái rất là thịnh-hành.

« Ở Izigo, giá con gái rất đắt. Hiện nông-dân không cầu-nguyện cho đẻ con trai nữa, mà lại cầu-nguyện cho đẻ con gái để bán. Đưa con gái ấy có khi bán trước đẻ nữa ».

Trong một chương khác, O' CONROY nói về việc giáo-dục ở Nhật và trình-độ trí-thức của người Nhật :

« Ở trường Đại-học, các sinh-viên chỉ chú-trọng về việc tuyên-truyền chính-trị nên trở thành những cái não nguy-hiểm.... Từ 1926 đến 1931 bộ Tham-mưu, đảng quốc-gia và sở cảnh-sát đã tìm thấy những cái vết nguy-hiểm ấy và ra sức cào-xóa đi. Đảng quốc gia muốn nước và đồng-bào mình bị vùi dưới biển hơn là dung-nạp cuộc tuyên-truyền những tư-tưởng kia, nên lạm-dụng quyền lực mà bắt người rời khệp vào tội « tư-tưởng nguy-hiểm ». Họ nhất-định tạo cái não quốc-gia đặc-biệt. Tuy chương-trình họ thi-hành có hơi cầu-thả, mà mục-dịch của họ cũng có thể gọi là đạt được rồi. Thật, trong lịch-sử nước Nhật chưa có hồi nào chủ-nghĩa quốc-gia lên cao đến thế? »

Xét tình-hình chính-trị và quân-bị Nhật, O' CONROY kết-luận: « Thế nào rồi Nhật cũng thực-hành được như bản-thuyết-minh-thư của Điền-trung ».

Cách một đôi, tác-giả nói về cuộc xâm-lược Mãn-châu và những nỗi khó-khăn của Nhật-bản. Ông nói rõ về cuộc vận-dộng phản Nhật ở Mãn-châu và Trung-hoa, về nạn tài-chính khủng-hoàng ở Nhật và địa-vị cô-quạnh của nước ấy trên trường quốc-tế.

Đến nội-tình nước Nhật thì O' CONROY nói:

« Chính-trị Nhật hoàn-toàn ở trong tay bộ Tham-mưu (trong tác-giả kể

luôn những đảng bảo-thủ), hội-đồng Cơ-mật và hội-đồng Thượng-thư.

« Trong lịch-sử Nhật-bản, không khi nào hai bên vẫn, võ đồng-y với nhau. Hiện nay thì bộ Tham-mưu cầm quyền tối-cao. Ấy là một điều nguy-hiểm mà toàn-thế-giới phải chú-y.

« Nguyên-soái ARAKI là một tay chủ-mưu trong việc xâm-chiếm Mãn-châu. Ông ta có xướng ra một cái tôn-giáo mới gọi là « Tiếng của Hoàng-đế » (Kodo). Tôn-chỉ của tôn-giáo ấy có thể tóm-lắt trong một câu như thế này: « Nhật-bản, vì giống của mình là giống cao-thượng hơn hết, nên phải cai-trị cả toàn-cầu và dùng võ-lực mà lên cái địa-vị đó. »

« ARAKI có toàn-quốc đề làm hậu-thuần... Trong một thời-gian không lâu, nếu các nước Tây-phương khoanh tay ngồi đó, thì Nhật sẽ chiếm Trung-hoa. Và nếu muốn chiếm toàn Á-châu, nhân-dân họ cũng nghe theo, mà « Tiếng Hoàng-đế » sẽ thành tiếng gọi linh, gọi giặc... Với Mãn-châu, Nhật không phải lo gì việc sắm binh-khí. Nhật đương thêm Xiêm, Thượng-hải, Tinh-chân, Mã-lai, Diên-diện, Ấn-độ, Hương-cảng, Ha-vay (Hawaii), Úc-đại-lợi, và sau cùng . . . toàn Á-châu ».

O' CONROY lại chỉ rõ chương-trình hành-động của bộ Tham-mưu Nhật để chiếm Nam-dương quần-đảo và Úc-đại-lợi.

« Đầu tiên Mãn-châu, thứ đến Úc-đại-lợi, kể cả Tân-tây-lang (Nouvelle Zélande), rồi đến Nga.. Nhật không bao giờ tuyên-chiến, nhưng vẫn xâm-lược không thôi... »

Xem đại-đoạn quyền sách của ông O' CONROY như trên, thì rõ . . .

Các nước Âu Mỹ có quyền-lợi ở Viễn-đông này đã lo phương gì phòng-ngự chưa?

NAM-SƠN

(trích báo Tiếng-Dân)

## Việc trong nước

**Quan Thống-sứ đi khánh-thành cầu LAM-hà.** — Ngày mồng 1 tháng hai 1934, quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã từ Hà-nội xuống chủ lễ khánh-thành cầu LAM-hà, thuộc tỉnh Kiến-an, là cái cầu bắc qua sông Lạch-tray, dài 192 thước. Ở Hải-phòng sang Kiến-an có cầu này thì không phải đi dò qua sông nữa.

**Quan Thống-sứ đi kinh-lý miền Thái-bình.** — Ngày mồng 3 quan Thống-sứ Bắc-kỳ xuống tỉnh Thái-bình để xem việc khơi cống Nhâm-lang gần sông Tiên-hưng, và các cống ở Hến-hiệp gần sông Đan-hội.

**Sửa lại luật Hình xứ Trung-kỳ về tội tuyên-truyền phạm đến chính-quyền.** — Mới rồi chỉ-dụ của đức Bảo-đại sửa đổi điều-lệ 133 trong luật Hình nói về sự trừng-phạt những cuộc tuyên-truyền có phạm đến chính-quyền, đại-lược như sau này :

Điều-lệ 133 trong luật Hình do các Chỉ-dụ của Triều-dình ra ngày 3 tháng 7 năm 1933 thì từ nay bỏ đi mà lấy điều dưới đây thay vào.

**Điều-lệ 133.** — Người nào đem vào trong xứ, hoặc ấn-hành, hoặc chứa-trữ, hoặc trưng bày hay đem rải trong địa-phận xứ Trung-kỳ, những sách-vở báo-chí, cùng các giấy má truyền-đơn gì, những đĩa hát-nói, bất-luận bằng tiếng gì, những hình vẽ, những đồ chạm, những đồ hội-họa, những hình-ảnh, phim chớp bóng, những đồ chiếu sáng được mà đem truyền-bá hay ấn-hành trong địa-phận tay ngoài biên-giới Trung-kỳ mà bị nhà cầm quyền cấm, thì sẽ bị phạt tù từ 2 tháng đến 10 tháng, hay là bị phạt bạc từ 20 đồng đến một trăm đồng.

Những kẻ đồng-khóa cũng bị phạt nhưng nhẹ hơn chính-phạm.

Những khi-cụ về cuộc tuyên-truyền đó sẽ bị thu.

Khi nào những khi-cụ đó lại thuộc về những điều-lệ 104, 125, 126, 128 và 130 trong luật Hình, thì quan Thượng-bộ Lại có thể ra nghị-dịnh cấm được.

Tù ở Trung-kỳ được ân-xá và ân-giảm về dịp tết. — Theo lời yêu-cầu của việc Dân-biểu Trung-kỳ, bộ Tư-pháp đã thương-đồng với tòa Khâm-sứ và tâu xin Hoàng-thượng đã ân-xá và ân-giảm cho các hạng tù về dịp tết năm nay như sau này :

Tù chính-trị :

Được ân-xá 435 người.

Được ân-giảm 491 người.

Cộng 926 người.

Tù thường-phạm :

Được ân-xá 378 người.

Được ân-giảm 421 người.

Cho chuộc tội 49 người.

Cộng 848 người.

Tổng-cộng 1.774 người.

**Đặt tên phố và dựng bia để kỷ-niệm quan Tổng-đốc Nguyễn Bách.**

— Ngày 22 tháng 2 1934, quan Đốc-lý Hà-nội VIRGILI cùng các ông hội-viên thành-phố đã làm lễ khánh-thành một con đường mới (ở trước chùa vua Đế-thích) và dựng một tấm bia, đặt tên đường ấy là phố Tổng-đốc Nguyễn Bách.

**Ông René Robin được bổ làm Toàn-quyền Đông-dương.** — Ngày 26 tháng 2, trong khi Hội-đồng tòa Nội-các Pháp, quan Thuộc-địa Tổng-trưởng PIERRE LAVAL đã đệ-trình quan Giám-quốc LEBRUN đạo Sắc-lệnh bổ ông RENÉ ROBIN làm Toàn-quyền Đông-dương điền-khuyết ông PIERRE PASQUIER đã tạ-thế.

Ông ROBIN sinh ngày 6 tháng 8 năm 1872 tại xứ La Trémouille (Vienne), đỗ Luật-khoa Tiến-sĩ tại trường Đại-học Paris, bổ vào ngạch cai-trị Đông-dương

ngày 10 tháng 3 năm 1900. Thoạt-tiên ngài làm việc ở Cao-miên rồi đến Bắc-kỳ làm Chánh tòa Nam - chính phủ Thống-sứ Hà-nội.

Sau ngài lĩnh-chức Chánh-Văn-phòng quan Toàn-quyền KLOBUKOWSKI, rồi lĩnh chức Tham-biện tỉnh Tân-an Nam-kỳ.

Năm 1918 ngài lĩnh chức Giám-đốc các việc hành - chính tại phủ Toàn-quyền.

Ngày 1 tháng 3 năm 1921, thăng chức Thống-sứ. Ngài lĩnh chức phó Toàn-quyền Đông-dương từ năm 1921 đến năm 1925, rồi thực-thụ Thống-sứ Bắc-kỳ. Lại kiêm-lĩnh chức quyền Toàn-quyền Đông-dương từ năm 1928 đến năm 1930. Năm 1931 ngài về Pháp. Ngài được thưởng-thụ đệ-tam-dẳng Bắc-đầu hội-tinh.

Sau khi Ngài được thực-thụ chức Toàn-quyền, Ngài đã gửi điện-tin sang chào tất cả quan dân ở xứ Đông-dương này một cách rất ân-cần thân-mến.

Lễ thiết-triều thính-chánh tại điện Cẩn-chánh Huế. — Sáng ngày 28 tháng 2, tại điện Cẩn-chánh có thiết-triều thính-chánh, các Hoàng-thần, các quan Thượng-thư và văn võ đường-quan đều đến dự.

Hội-đồng Chính-phủ. Sáng ngày 28, ban Thường-trực hội-đồng Chính-phủ đã họp tại phủ Toàn-quyền Hà-nội, do quan quyền Toàn-quyền GRAFFEUIL chủ-tọa.

Đặt tên các trường học ở Hà-nội. — Quan Đốc-ly cùng Hội-đồng thành-phố Hà-nội đã quyết-định lấy tên mấy ông có công về học-giới đã quá-cổ rồi đem đặt tên cho mấy trường học sau này :

Trường Bờ-sông gọi là trường « Jean Dupuis ».

Trường Yên-phụ gọi là trường « Nordemaun ».

Trường phố Đỗ-Hữu-Vị vẫn gọi là trường « Đỗ-Hữu-Vị ».

Trường phố Jambert gọi là trường « Russier ».

Trường phố Sinh-lữ gọi là trường « Pierre Pasquier ».

Trường Bạch-mai gọi là trường « Trần Văn-Khánh ».

Trường Đường-thành gọi là trường « Bùi Xuân-Phái ».

Đổi tên mấy phố ở Hải-dương. — Quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã cho phép đổi mấy tên phố ở Hải-dương như sau này :

Phố Kho-bạc trước, nay đổi làm phố « Paul Doumer ».

Phố Commerce, nay đổi làm phố « Pierre Pasquier ».

Phố Khách, nay đổi làm « Boulevard Gia-long ».

Phố Đông-kiều (nhà máy rượu), nay đổi làm phố « Khải-dịnh ».

Phố Đông-mĩ (nhà máy nút chai) nay đổi làm phố « Nguyễn Hữu-Độ ».

Phố nhà Thương chính, nay đổi làm phố « Hoàng Cao-Khải ».

Đức Bảo đại làm lễ Đại-hôn và tấn-phong Hoàng-hậu. — Ngày 6 Mars 1934, đức Bảo-đại phụng mệnh ba Tôn-cung và hợp-nghi cùng Lục-bộ, phủ Tôn-nhân, cùng Hoàng-lộc rồi xuống Dự-định làm lễ Đại-hôn và lập Hoàng-hậu như sau này :

Dự số 4 ngày 21 tháng giêng năm Bảo-đại thứ 9

Trẫm theo Ý-chỉ của ba Tôn-cung, Trẫm định lập nội-cung để có người nội-trợ. Nhưng muốn lập một người cho có học-thức hoàn-toàn, sách-lập liền làm Hoàng-hậu, để chánh-vị trong cung, thời ba Tôn-cung đã chuẩn-doãn rồi.

Đổi với văn-minh bây giờ, thì phong-tục đã mở-mang, thế mà còn nạp vào nội-cung cho nhiều người, chia giai-cấp cho

nhieu bậc, tất không thích-hợp với trình-  
độ tiến-hóa ngày nay. Ấy cho nên Trẫm  
định bỏ tục xưa ấy đi.

Vả chẳng Trẫm chọn người làm cô-  
quăng, đã không cầu-nệ người Nam với  
Bắc, thời nay lựa người nội-trợ, chỉ cần  
lấy hiền-đức, chớ cũng không nệ là người  
ở xứ nào

Vậy nên Trẫm lựa một người thiếu-nữ  
quán ở Nam-kỳ, tên là NGUYỄN-HỮU THỊ-  
LAN tức là MARIETTE JEANNE NGUYỄN HỮU-  
HÀO, con một nhà có danh-giá trong Lục-  
tinh.

Nguyễn xứ Nam-kỳ trước đây đã có một  
vị quốc-mẫu đáng-lớn-kính, làm tiêu-biểu  
ở chốn cung-vi, đến bây giờ nhắc đến đức  
Tư-Dụ là đức Nghi-thiên Chương-Hoàng-  
hậu, người trong Hoàng-tộc nhà còn ghi  
nhớ luôn.

Đến Trẫm bây giờ mà nỗi được lẽ xưa,  
dễ tỏ lòng hoài-niệm với nhân-dân trong  
Lục-tinh thời Trẫm lấy làm vui lòng.

Người mà Trẫm sẽ sách-lập làm Hoàng-  
hậu đây, đã từng du-học bên qui Pháp-  
quốc lâu năm cũng như Trẫm vậy, cho  
nên đã dung-hòa được văn-hóa tốt-đẹp của  
Tây-Au và tinh-thần vẻ-vang của Đông-  
Á, mà trở nên một người nhân-cách hoàn-  
toàn. Trẫm đã từng biết rồi. Đức-hạnh  
người ấy đáng làm hiền-phối cho Trẫm,  
và cũng đáng làm khuôn-mẫu ở ngôi  
chánh-vị trong cung. Hễ người ấy vào  
cung, thời Trẫm cho lập liền làm Hoàng-  
hậu.

Đã Hoàng-hậu là người giúp đức cho  
vua và việc lập-hậu là việc quan-hệ, vậy  
Trẫm cho sở-quan sắp đặt sự nghi-thê  
nào cho xứng-đáng và trọng sự-thê.

Khâm-thử

Dụ tại Cung-An-định ngày 21  
tháng giêng năm Bảo-đại thứ 9  
Ngự-tiền Văn-Rhông-cung-lục.

### Ordonnance Royale

Du N<sup>o</sup> 4 du 21e jour du 1er mois de  
la 9e année de Bao-Dai (6 Mars 1934)

Nous conformant aux Volontés exprimées  
par leurs Majestés les Reines Mères et Grand'-  
Mères. Nous avons décidé de Nous marier.

Notre désir approuvé par notre Mère et  
nos Aïeules est de choisir une personne d'une  
éducation parfaite et de l'élever immédiate-  
ment au rang de Reine.

Au contact de la civilisation moderne, les  
mœurs ont en effet évolué. Un gynécée avec  
sa hiérarchie compliquée est un anachro-  
nisme à cette époque de progrès.

Nous avons donc décidé de rompre avec  
ces mœurs du passé.

De même que dans le choix de Nos col-  
laborateurs. Nous ne faisons aucune dis-  
tinction entre le Nord et le Sud, de même  
dans celui de Notre future compagne. Nous  
ne sommes guidé que par les convenances  
et le mérite.

Notre choix s'est ainsi porté sur une jeune  
fille originaire de Cochinchine, Mademoi-  
selle Mariette Jeanne Nguyễn Hữu-Hào dite  
Nguyễn-hữu Thị-Lan, appartenant à une  
famille honorable unanimement estimée  
dans le Lục-Tinh.

Le Nam-kỳ-était déjà, dans un passé récent,  
représenté au Palais par une Reine véné-  
rable dont le souvenir reste encore vivant  
dans la Famille Royale, feu Sa Majesté Tư-  
Dụ, Mère de Sa Majesté Tư-Dức.

Nous sommes heureux de pouvoir, à No-  
tre tour, renouer une tradition qui nous  
permet de montrer Notre sympathie aux po-  
pulations de Lục-Tinh.

La future Reine, élevée comme Nous pen-  
dant plusieurs années en France, résume  
en sa personne les grâces de l'Occident et les  
charmes de l'Orient. Nous avons eu l'occa-  
sion de la connaître et nous croyons qu'elle  
est digne d'être Notre compagne et Notre  
égale. Nous sommes certain que, par sa  
conduite et par son exemple, elle méritera  
pleinement le beau titre de « Première Fem-  
me de l'Empire ».

Nous désirons lui conférer l'investiture  
aussitôt après son entrée au Palais.

Nous ordonnons donc au Ministères com-  
pétents de faire les préparatifs nécessaires  
pour donner à notre mariage qui repré-  
sente un acte important de notre vie, toute  
la signification et la solennité voulues.

**ĐỨC BẢO-ĐẠI GẶP HOÀNG-HẬU  
LẦN THỨ NHẤT**

Hồi tháng giêng năm ngoài (năm Bảo-đại thứ 8) đức Bảo-đại nhân dịp ngự-giá Nam-tuần lần thứ hai, Ngài ngự lên *Dalat*, quan Công-sứ *Da'at* có thiết tiệc, nhân mời cả các thân-hào Tây Nam ở *Dalat* đến dự, tình-cờ Hoàng-hậu đi cùng ông cậu là ông Lê-Phát-An ra chơi *Dalat*, nên cũng mời đến dự tiệc, đức Bảo-đại mới bắt đầu quen biết mà duyên trời cũng bởi tự dấy mà nên.

**GIA-TRẺ HOÀNG-HẬU**

Trong Nam-kỳ ai cũng biết tiếng ông huyện Sĩ xưa là người giàu nhất xứ ấy. Nguyên ông tên là Lê Phát-Đạt sinh ở Chợ-quán tỉnh Gò-công, là người đã giao thiệp với người Pháp khi mới bước chân đến xứ này trước nhất. Ông có công-trang to với các nhà đồn-diền lớn ở Nam-kỳ, vả lại có đức cần-kiệm, cho nên dần dần lên một vị cự-phú-ông ở xứ ấy. Ông theo đạo Thiên-chúa mà là đạo giòng. Sinh-hạ ba người con trai là Lê Phát-An, Lê Phát-Tân, Lê Phát-Thanh và một người con gái là bà Bảy. Bà Bảy lấy ông Nguyễn-Hữu-Hào sinh ra Hoàng-hậu. Vậy thì Hoàng-hậu là lệnh-ái của ông Nguyễn Hữu-Hào và bà Bảy, mà là cháu ngoại ông huyện Sĩ, lại là cháu gọi ông Lê-phát-An (là một nhà triệu-phú hiện-thời ở Nam-kỳ) bằng cậu.

Hoàng-hậu có đủ tài văn-chương, thể-thao, và âm-nhạc, năm nay 21 tuổi, có nhập-tịch dân Pháp, và là người bên giáo, đã xin phép đức Giáo-hoàng bên La-mã cho được kết-duyên với đức Bảo-đại.

**CÁC NGRI-LỄ ĐẠI-ÔN VÀ TÂN-  
PHONG HOÀNG-HẬU**

Ngày mồng một tháng hai  
(15 mars 1934)

Đức Bảo-đại ngự khải vàng áo thụng vàng ngự đến điện Phụng-liên,

có các quan nội-thần đi hầu, để làm lễ kỳ-cáo; rồi lâu với Lương-tôn-cung và Hoàng-thái-hậu về việc làm lễ Đại-hôn.

Ngày 3 tháng 2 (17 mars).

Hoàng-thần Bửu-Liêm cùng Phủ-thiếp và Hoàng-tùng-dệ vào Lang-có đón Hoàng-hậu rước về Kinh-đô. Khi tới cung Trú-tất ở Kinh-đô, Hoàng-hậu trú ở cung ấy suốt ngày mồng 3, 4 và 5 tháng 2 (17, 18 và 19 mars).

Ngày 6 tháng 2 (20 mars)

9 giờ sáng. — Đón Hoàng-hậu vào Đại-nội. Khi ở cung Trú-tất khởi-hành, Hoàng-hậu đội khăn thiên-thanh, mặc áo thụng iêu đồ, có các bà Phủ-thiếp, các công-chúa, các bà mệnh-phụ đều thịnh-phục đến đón Hoàng-hậu vào Đại-nội. Có bốn lọng đỏ, mười là cờ đứng giàn trước cung Trú-tất.

Hoàng-hậu và qui-quyển ngồi trên chiếc ô-tô đi giữa các ô-tô khác.

Quan Đê đốc hộ-thành mặc binh-phục, cưỡi ngựa, có các toán lính đi theo hộ-vệ đám rước từ cung Trú-tất đến cửa Chương-đức.

Mé trong cửa ấy có quan Đô-thống đứng đón, đưa đám rước vào cung Dưỡng-tâm. Suốt hai bên đường từ cửa Chương-đức đến cung Dưỡng-tâm đều có cấm cờ

10 giờ rưỡi. — Đức Bảo-đại ngự khải áo vàng ngự ra điện Cần-chánh, có các quan nội-thần đi hầu. Hoàng-hậu yết-kiến tại điện Cần-thành. Đoạn đức Bảo-đại ngự vào điện Kiến-trung, rồi Hoàng-hậu lui ra cung Dưỡng-tâm.

11 giờ — Các quan đình-liễn các bà mệnh-phụ đều mặc áo gấm đeo huy-chương vào mừng Hoàng-hậu. Các quan thì do quan Lại-bộ Thượng-thư giới-thiệu; các bà mệnh-phụ thì do bà liệp Lại giới-thiệu.

4 giờ chiều — Hoàng-hậu vào châu Lương-tôn-cung và Hoàng-thái-hậu.

Ngày 8 tháng 2 (22 mars)

9 giờ sáng — Hoàng-hậu đến bài-yết miếu Phụng-tiên. Rồi vào châu Lương-tôn-cung và Hoàng-thái-hậu.

Ngày 10 tháng 2 (24 mars)

8 giờ sáng — Các quan Khâm-mệnh làm lễ bài-mệnh tại điện Càn-chánh, lĩnh cờ mao-tiết, có nhạc công rước kim-ấn và kim-thư do cửa Đại-cung-môn tới Thái-bình-lâu.

8 giờ rưỡi — Đám rước tới Thái-bình-lâu, có Hoàng-hậu đã tới đấy, sai các nội-quan ra lĩnh cờ mao-tiết, kim-ấn cùng kim-thư đặt trên bàn phủ vóc vàng để ở giữa điện ấy.

Hoàng-hậu xá ba xá bài-mệnh, các nội-quan dâng kim-ấn và kim-thư, Hoàng-hậu tiếp nhận dâng lên ngang trán xá ba xá để tạ ân.

Hoàng-hậu giữ lấy kim-ấn và kim-thư, còn cờ mao-tiết thì giao cho các quan Khâm-mệnh đem về phục-nghệ tại điện Càn-chánh.

9 giờ — Quan quyền Toàn quyền GRAFFEUIL, quan Khâm-sứ THIBAUDEAU, quan Thống-sứ THOLANCE cùng các quan chức văn-phòng các ngài vào điện Kiết-trung chúc mừng Hoàng-hậu.

3 giờ chiều — Hoàng-hậu mặc mũ áo Hoàng-hậu đến bài-yết tại miếu Phụng-tiên. Đoàn, Hoàng-hậu đến bài-yết Lương-tôn-cung và Hoàng-thái-hậu. Bà Tôn-cung có ban tặng-phẩm và lời huấn-thị.

Đoạn, Hoàng-hậu đến điện Càn-thành, có các quan nội-thần đi theo, làm lễ xá ba xá tạ ân đức Bảo-đại.

Ngày làm lễ tấn-phong Hoàng-hậu này các công-sở của Nam-triều và các trường học đều được nghỉ một ngày. Khắp các công-sở đều treo cờ dấy đèn. Có bày các trò du-hí trước Phu-văn-lâu cho công-chúng xem. Ở Bắc-kỳ quan Thống-sứ cũng hạ-ệnh cho các

công-sở và các trường học đều nghỉ một ngày để tỏ ý kính mừng Hoàng-thượng cùng Hoàng-hậu.

Buổi tối, đức Bảo-đại đặt đại-yến tại cung An-định, có quan quyền Toàn-quyền GRAFFEUIL, Lương-tôn-cung, Hoàng-thái-hậu, quan nguyên Phụ-chánh Thân-thần Tôn-hất HÂN, quan Khâm-sứ Trung-kỳ, quan Thống-sứ Bắc-kỳ, các quan Đại-thần Nam-triều, các viên chức Tây Nam cả thầy chường bầy trăm người dự tiệc.

Ngày 12 tháng 2 (26 mars)

Buổi sáng, tại điện Thái-hòa có đặt lễ Đại-triều-hạ để các quan làm lễ mừng đức Bảo-đại về dịp đại-hôn này. Đến dự có quan quyền Toàn-quyền GRAFFEUIL, quan Khâm-sứ Trung-kỳ, quan Thống-sứ Bắc-kỳ, quan Thống-đốc Nam-kỳ cùng đồng các quan chức Bảo-hộ. Quan quyền Toàn-quyền thay mặt đức Giám-Quốc LEBRUN, quan Tổng-trưởng Thuộc-địa PIERRE LAVAL, quan Toàn-quyền thực-thụ ROBIN cùng tất cả các người Pháp ở Đông-dương tỏ lời chúc mừng đức Bảo-đại. Đức Bảo-đại đứng dậy nói mấy lời cảm ơn.

Đến các quan trong Triều, các quan đại-biểu quan-lại các lĩnh Trung-kỳ cùng Bắc-kỳ dâng các biểu mừng rồi đều xá ba xá.

Về dịp lễ Đại-hôn của đức Bảo-đại này, đức Giám-Quốc Đại-Pháp ALBERT LEBRUN, quan Thượng-thư Thuộc-địa PIERRE LAVAL đều có gửi điện-tin sang chúc mừng đức Bảo-đại và Hoàng-hậu.

ÂN-C. LỄU VỀ DỊP LỄ ĐẠI-HÔN VÀ  
TẤN-PHONG HOÀNG-HẬU ĐÃ THÀNH

Đức Bảo-đại làm lễ Đại-hôn tấn-phong Hoàng-hậu đã thành lễ rồi, Ngài có ban ân-chiếu như sau này:

Chiếu ban ngày 12 tháng 2 năm  
Bảo-đại thứ 9 (26 Mars 1934)

Vâng mệnh Trời, dấy vận nước,  
Hoàng-đế xuống Chiếu rằng :

Giữa vũ-trụ xây nên trời đất, có mặt  
trăng đối chiếu với mặt trời; chốn  
Cung-vi lập đạo cương-thường, ngôi  
Hoàng-hậu sánh vai cùng Hoàng-đế.  
Lễ nên tôn-quí, là lễ thiên-nhiên.

Trẫm tuân theo Ý-chỉ của ba Tôn-  
cung, định lập Nội-cung để có người  
nội-trợ, nhưng muốn lựa một người  
học-thức hoàn-toàn, hiền-đức có tiếng,  
sách lập liên làm Hoàng-hậu, để chính-  
vị trong cung.

Người ấy là NGUYỄN-HỮU THỊ-LAN,  
quản ở Nam-kỳ, con nhà khuê-tú, có  
danh-giá ở trong Lục-tỉnh.

Xứ Nam-kỳ là đất khánh-nguyên  
của các bà Hoàng-hậu tiên-triều, cho  
nên người của Trẫm chọn đây, là một  
người đứng-dẫn, đã từng du-học bên  
quí Pháp-quốc lâu năm, kiến-thức  
rộng-rãi, học-hạnh kiêm-toàn, nên  
dung-hòa được văn-hóa của Âu và Á,  
Trẫm biết chắc người này đáng làm  
hiền-phối cho Trẫm ở ngôi Chánh hậu  
trong cung.

Trẫm đã thỉnh-mạng ba Tôn-cung  
đu-doãn rồi. Ngày 21 tháng giêng đã  
xuống dụ cho biết việc Trẫm lập Hậu;  
ngày mồng 1 tháng này đã ký-cáo Liệt-  
miếu; ngày mồng 6 đưa vào Cung;  
ngày mồng 10, đã phái Mệnh-quan đệ  
kim-sách, kim-bửu tẩn-phong làm  
Hoàng-hậu rồi.

Nay đại-lễ đã thành, hồng-ân ban-  
bổ, có các khoản thi-ân và thích-giảm  
sẽ do các bộ-sở quan thương-thỏa  
công-bổ thi-hành.

Đạo sinh-thành quẻ khôn đối với  
quẻ càn, chữ « qui qui » cũng thế theo  
kinh Dịch; nên phong-hóa việc nhà  
suy ra việc nước, thơ « Quan quan » là  
chép trước kinh Thi. Vậy nên bá-cáo  
mọi người đều hay.

Khâm tai

**Chức phó Toàn-quyền Đông-  
đương và chức Khâm-sứ Trung-kỳ.**  
— Mới có Sắc-lệnh đức Giám-quốc hồ  
quan CHATEL làm phó Toàn-quyền  
Đông-đương, và hồ quan GRAFFEUIL làm  
Khâm-sứ Trung-kỳ.

### Nam-Phong tùng-thư

(Bản ở Đông-kinh ấn-quản, mỗi quyển  
giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mời xuất-bản :

Tường Lôi-xích.

giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

- |                                     |        |
|-------------------------------------|--------|
| 1. — Văn-minh-luận                  | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris               | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp              | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage                | 4 hào. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp :          |        |
| Quyển thứ I                         | 4 hào. |
| Quyển thứ II                        | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiểu-thuyết            | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới               | 4 hào. |
| 8. — Le Paysan Tonkinois            | 4 hào. |
| 9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE | 4 hào. |
| 10. — Phật-giáo đại-quan.           |        |
| (In lần thứ hai).                   | 5 hào. |
| 11. — La Poésie annamite.           | 4 hào. |
| 12. — Tục-ngữ ca-dao.               | 4 hào. |

137  
Lệ mua báo trả tiền trước

Giá bán

Một năm (12 số) 6\$00    Nửa năm (6 số) 3\$00    Mỗi số . . . . 0\$50

Đôi chỗ ở : 0\$20

### Lời rao cần-kíp

Các ngài mua Nam-Phong đến số nào là hết hạn, thì mỗi khi gửi báo đã đề rõ ngoài bìa.

Khi gửi đến tập báo cuối cùng — đến tập ấy là hết hạn — thì ngoài bìa lại có dấu « Hạn báo của ngài số này là hết » và trong tập báo có cài sẵn một tờ « Giấy mua Nam-Phong » để tiện nhắc các ngài mua tiếp hạn khác.

Nếu bản-quản không nhận được mandat hoặc thư về việc mua tiếp hạn mới thì tất là ngài không ưng mua nữa, vậy sẽ thôi gửi.

Mandat hoặc thư, xin gửi về M. Lê Văn-Phúc, 80 Rue du Chanvre, Hanoi.

**AI** muôn in giấy gì,  
muôn mua sách gì,  
hoặc bút, hoặc giấy,  
địa-đồ, lịch, sổ,.....

Xin viết thư cho hiệu :

**LÊ-VĂN-PHÚC**

Imprimerie Tonkinoise

:: 80-82, Phố Hàng Gai ::

===== HANOI =====